

CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT - BIÊN KHẢO
SỐ 41 – MÙA ĐÔNG 2008



CỎ THƠM

ISSN 1089-027

Chủ Nhiệm & Chủ Bút
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Phụ Tá Chủ Bút
HỒ TRƯỜNG AN

Phó Chủ Nhiệm
PHAN KHÂM

Tổng Thư Ký
ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

Tổng Thư Ký Đặc Nhiệm
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN

Phó Tổng Thư Ký
PHAN TUẤN KHANH

Kỹ Thuật Âu Châu
BÌNH HUYỀN

Kỹ Thuật Hoa Kỳ
PHAN ANH DŨNG

Website
PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
www.cothommagazine.com

Cỏ Thơm Bookstore
PHẠM VĂN TUẤN
cothombookstore@yahoo.com

TÒA SOẠN
11623 Chapel Cross Way
Reston, Va 20194, Usa
Tel. (703) 471 1271 - Fax (703) 471 1196
EMAIL: dsenser@yahoo.com

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
HỒNG PHÚC: Dallas, TX
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN: FL
TIỂU THU: Québec, Canada
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
BÌNH HUYỀN: FRANCE
VŨ NAM: GERMANY

BAN CHỦ BIÊN

Hồ Trường An. Quỳnh Anh. Y Anh. Trần Quốc Bảo. Việt Bằng. Hải Bằng H.D.B. Nguyễn Ngọc Bích. Nguyễn Thị Thanh Bình. Nguyễn Thị Ngọc Dung. Phan Anh Dũng. Hoàng Trùng Dương. Ngô Tăng Giao. Vũ Hối. Bình Huyền. Phan Khâm. Vi Khuê. Nguyễn Lân. Nguyễn Phú Long. Vũ Nam. Cao My Nhân. Đăng Nguyên. Trần Bích San. Nguyễn Văn Thành. Tiểu Thu. Trương Anh Thụy. Hồng Thủy. Lê Thương. Bùi Thanh Tiên. Hà Bình Trung. Tạ Quang Trung. Nguyễn Đăng Tuấn. Phạm Văn Tuấn. Nguyễn Tường Vân. Kim Vũ.



Tháng 12 Năm 2008

MỤC LỤC

	TRANG		
ĐINH CƯỜNG. Cà Phê Mùa Đông.	Bìa		
NGUYỄN T. N. DUNG : Lá Thư Tòa soạn.	03		
BIÊN KHẢO			
VĂN BÁ: Bác Sĩ Alexandre Yersin	11		
Người Có Công với Việt Nam			
NGUYỄN VĂN THÀNH : Một Vài	16		
Cảm Nghĩ Về Án Tử Hình.			
NGUYỄN THỊ THANH : Nhớ Về	22		
Nguồn Gốc Văn Hóa Của Dân Tộc VN.			
PHẠM VĂN TUẤN : Jean-Paul Sartre	27		
TÂM MINH NTG : Nhận định <i>Náo Nức</i>	36		
<i>Hội Trăng Rằm</i> của Hồ Trường An.			
TÂM VIỆT : Ra Mắt Sách <i>Nhìn Lại Sử</i>	42		
<i>Việt</i> của Tiến Sĩ Lê Mạnh Hùng.			
LÊ THƯƠNG : Nhà Thơ Hàn Mặc Tử	46		
PHẠM THỊ NHUNG : Bí Quyết	52		
Trường Xuân Qua Tục Ngữ Ca Dao.			
HẢI BĂNG HDB : Những Mảnh Tình	58		
Thơ của Hồ Xuân Hương.			
PHẠM TRỌNG LỆ. Bông Hồng Dù Gọi	66		
Tên Nào: Thiên Tình Sử Romeo và Juliet.			
TRẦN BÍCH SAN. Phê Bình Văn Học	72		
Dưới Chế Độ Cộng Sản.			
THƠ			
VIỆT BĂNG: Trăm Năm Chưa Đủ	14		
Để Yêu Người.			
VÂN NƯỚC LÊ NGỌC CHẤN.	29		
Ngược Vòng Quỹ Đạo.			
HÀ BÌNH TRUNG. Nhấn Hỏi	38		
VƯƠNG ĐỨC LỆ. Bên Dòng Nại Hà.	47		
CAO NGUYỄN. Ngược Vòng Náo Nức	65		
Hội Trăng Rằm.			
TRƯỜNG ANH THỤY. Lưng Chờng.	75		
Một Chân Dung. Ngồi Suông. Lòng Không.			
CAO MỸ NHÂN. Nghe Chuyện Trăm Năm.	82		
QUỲNH ANH. Vãn Gọi Thầm	82		
HỒ CÔNG TÂM. Bếp Lửa Tàn Đông	82		
ĐẶNG NGUYỄN. Điệp Khúc Nó	83		
LÝ HIẾU. Nỗi Lửa	83		
HOÀNG SONG LIÊM. Mai Nay.	83		
HOÀNG BẠCH MAI. Say Men.	85		
HOÀNG TRÙNG DƯƠNG. Tết Ly Hương	86		
KIỀU ANH. Sầu Đông.	86		
MAC PHƯƠNG ĐÌNH. Dòng Thơ Lục Bát	87		
NGUYỄN ĐẶNG TUẤN. Tấm Lòng Tôi	87		
Tuyết Đổ Trắng Phau.			
HOÀNG DUNG. Rát Thu.	88		
TẠ QUANG TRUNG. Mười Lăm Năm	88		
Có Đảng.			
HÀ NGUYỄN DŨNG. Hương Bồ Kết.	105		
PHẠM NHƯ VÂN. Hương Cỏ Lạ.	110		
NGUYỄN T. N. DUNG. Đốt Nén Hương Trầm	119		
PHAN ANH DŨNG. Chiều Thu.	140		
Thư Họa Vũ Hối			
PHAN KHÂM. Khi Nào... Khi Nào	148		
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ. Xuân Lạnh	158		
BÙI THANH TIÊN. Ta Hiểu Rằng Ta	175		
Không Cô Độc.			
NHẠC			
HUY LÃM. Lời Ru Mùa Đông.	84		
THANH TRANG. Tóc Em Vẫn Là	102		
Hương Của Mẹ.			
VĂN			
VĂN QUANG. Tưởng Niệm Họa Sĩ Thái Tuấn	89		
HỒ TRƯỜNG AN. Những Khuôn Mặt Của	93		
Hạnh Phúc			
PHAN ANH DŨNG. Duyên Văn Nghệ Qua	101		
Ca Khúc Tóc Em Vẫn Là Hương Của Mẹ.			
THANH TRANG. Về Bài Hát	104		
Tóc Em Vẫn Là Hương Của Mẹ.			
NGUYỄN LÂN. Bản Luân Vũ Cuối Cùng.	106		
BÌNH HUYỀN. Bức Tường Hoa.	114		
NGUYỄN PHÚ LONG. Ngàn Năm	123		
Một Thuở Sang Tàu.			
VŨ NAM. Mùa Thu Lá Bay.	130		

TIÊN SHA – LÊ LUYẾN. Thầy Tôi Và Tôi	135
DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN. Vạt Nắng Bên Đồi	145
HOÀNG HẢI THỦY. Kỳ Hoa Đất Trích	151
ĐAN HÀ. Như Cánh Hoa Rừng.	156
LÊ VIÊN PHƯƠNG. Cảm Ôn Cự Linh Công	163
TIỂU THU. Mùa Chinh Chiến Cũ.	168

GIAO ĐIỂM

YÊN VI. Love's Everything.	177
KIM VŨ. A Kiss. Một Nụ Hôn.	177
VI KHUÊ. Ở Biển Về Nghe Bản Đồng Ca	178
CHỦ NHỊ ANH. Back from the Beach Hearing a Chorus	178
DIỂM HOA. Votre Ghetto	179
HÌNH ẢNH SINH HOẠT	180
VĂN HÓA, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT	

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

<i>Tiếng Hát Vành Khuyên</i>	180
<i>Hương Thời Gian.</i>	196
<i>Tháng Giêng Biêng Biếc Ngực Em</i>	196

<i>Cười, Một Thiên Thu Với Rộng Tà Áo Bay</i>	196
<i>Quàng Vai Tho Đi Giữa Đồi</i>	196
<i>Bộ Sách Biên Khảo Về Huế,</i>	196
<i>Tiếng Huế Và Người Huế</i>	
<i>Khúc Vô Thanh</i>	196

CƠ SỞ THƯƠNG MẠI

Bìa trước, trong: Hà Nguyễn & Associates	
Bìa sau, trong: Ivan M. Waldman & Associates	
Phòng Mạch Bác Sĩ Nguyễn Thị Kim Dung	197
197. Buddy Photo	197
198. Sovereign Realty, Inc.	198
Phòng Mạch Bác Sĩ Nguyễn Quốc Quân	198
Lạc Việt Gallery	199
Phòng Mạch Bác Sĩ Võ Đạm	199
Westgate Realty Group, Inc.	200
Danh Sách Mạnh Thường Quân	201
Phiếu Tham Dự Cơ Sở Văn Học Cổ Thơm	202
Phiếu Mua Báo	203
Tủ Sách Hội Viên Cổ Thơm	204

LÁ THƯ TÒA SOẠN

Tam Cá Nguyệt San Mùa Thu số 40 vừa qua không có lá thư Tòa Soạn vì Người Cổ Thơm không tham dự sinh hoạt văn học, văn hóa nào đặc biệt trong Mùa Hè để hầu chuyện quý độc giả. Trái lại, trong Mùa Thu vừa qua, chúng tôi có nhiều sinh hoạt đáng kể.

Trước tiên Cơ Sở Cổ Thơm đã hoàn tất và cho phát hành tập bút ký *Non Nước Đá Vàng* của Nguyễn Thị Ngọc Dung, tiếp đến là tập bút khảo *Náo Nức Hội Trăng Rằm* của Hồ Trường An và lo xong Tập San Cổ Thơm Mùa Thu số 40.

Trong thời gian này, Người Cổ Thơm Ngọc Dung cũng khổ công tập dượt một màn

line-dancing Thu Vàng và một màn hợp ca Liên Khúc Thu với 14 cựu nữ sinh Trưng Vương khác để tham dự Đại Hội Trưng Vương Toàn Cầu do Hội Trưng Vương Hoa Thịnh Đốn tổ chức. Ngọc Dung nói khổ công là vì diễn viên nào cũng vẫn giữ năng chức bầm sinh là nội trợ, vú bà trông cháu nội, cháu ngoại. Có người đã về hưu nhưng đa số vẫn đi làm. Không bà nào là vũ công, ca sĩ chuyên nghiệp. Riêng Ngọc Dung và Trúc Mai bị cảnh cáo là hai đầu tẩu trong màn vũ nên đã biết thân biết phận học thêm với bà thầy dạy vũ một giờ nữa trong tuần, không kể ít nhất hai giờ tập vũ, hai giờ tập hát, mấy giờ họp hành

mỗi Chủ Nhật. Rồi các bà bận rộn chọn hàng, đổi hàng may áo, sửa quần sửa áo cho hai màn trình diễn đó nữa. Bà nào cũng xuống năm, mười *pounds* hay xút hai, ba ký nên khi vào những tấm hình của Hội Nhiếp Ảnh Gia Đồ Lệnh Dũng, các bà trông trẻ đẹp hẳn ra.

Ngọc Dung cũng có một bài bút ký, tự đánh máy, trình bày với hình ảnh kỷ niệm từ thuở đệ ngũ với các bạn cùng lớp cho Đặc San Trưng Vương. Chỉ đóng góp bấy nhiêu việc cho đại hội, tôi đã có cảm tưởng bị quay như chong chong, hướng chi bốn bạn trẻ Trúc Mai (ủng hộ viên Cổ Thơm), Kiều Thu, Mai Hương, Phương Nga đứng đầu ban tổ chức, bận rộn đến thế nào. Có bạn thường trực thức đến hai, ba giờ sáng hay muộn hơn nữa. Bà nào cũng được quý vị phu quân bỏ nhỏ dăm lời âu yếm: “Đạo này em ít có mặt ở nhà... Đạo này anh khó mà được chuyện trò với em...” Nhưng các bà đành phải lờ tít thò lò đi để làm trọn phận sự đã nhận lãnh cho đại hội. Xin hoan nghênh các bạn và xin cảm ơn quý vị phu quân đã có lòng rộng mở, hiểu biết, thông cảm với các bà vợ con cháu Hai Bà Trưng bởi vì quý ông cũng là giòng giống Hai Bà mà!

Rồi ngày Đại Hội 20 tháng 10, 2007 tới. Tuy tôi đã học đường từ nhà đến Hyatt Hotel hai lần và yên trí có thể tự lái xe đi sớm về khuya được, Trường Sơn, cậu con trai thứ của tôi vẫn không yên trí. Anh chàng nhất định bay về, lái xe đưa bà mẹ đi dự High School Reunion. Được con lái xe và khiêng cả thùng sách nặng, lại làm nhiếp ảnh viên cho thì nhất rồi. Đây là lần thứ hai Trường Sơn đi dự Đại Hội Trưng Vương với bà mẹ.

Tôi nhớ đạo nào tại Brussels, Sonny đã có lần đưa một lúc hai cô bạn học đi dự High School Prom. Vì một cô bạn không có ai mời. Trường Sơn chưa đến tuổi lái xe nên vợ chồng

chúng tôi phải đưa cậu đi đón hai cô bạn. Nhìn lũ trẻ tưng bừng vui vẻ, sừng sính trong lễ phục, tâm hồn cha mẹ cũng cảm thấy trẻ lại và vui lây. Cậu con trai của tôi cũng có vẻ vui lây với niềm vui High School Reunion của bà mẹ hôm ấy.

Hơn 800 quan khách đã tham dự Đại Hội Trưng Vương Thế Giới bắt đầu lúc 5 giờ chiều tại phòng khánh tiết Hyatt Hotel, Alexandria, Virginia. Biểu ngữ vĩ đại của Đại Hội được treo từ trên cao mấy tầng lầu xuống hành lang rộng lớn, nơi Ngọc Dung có công tác phụ trách các bàn triển lãm tác phẩm văn hóa, văn học của gia đình Trưng Vương. Ngoài cậu con trai, cô em gái Song Hà, Hội Trưởng Trưng Vương San Jose, hai bà bạn đồng trường cũ, Kim Bích và Thái Phương đã phụ với tôi xếp đặt bàn trưng bày sách báo.

Cựu nữ sinh Trưng Vương, Luật Sư Thẩm Phán Dương Như Nguyễn cũng có một bàn với tác phẩm và bản dịch nổi tiếng *Người Con Gái Của Sông Hương*. Thực ra tác phẩm nào của Dương Như Nguyễn cũng được nhiều độc giả chú ý và tìm đọc như *Mùi Hương Quế*, *Chín Chữ Của Nàng...*

Tác giả Trưng Vương Trương Anh Thụy cũng đem đến dự Đại Hội tập thơ song ngữ *Gửi Mưa Cho Nắng*, *Trường Ca Lời Mẹ Ru*, tập truyện *Ánh Mắt*, *Trạm Nghỉ Chân* và tác phẩm đồ sộ *Chuyến Mùa*, được giải thưởng văn chương của Hội Y Sĩ Việt Nam Hải Ngoại.

Nguyễn Thị Ngọc Dung đem đến trưng bày tại Đại Hội tất cả các tác phẩm đã xuất bản với những tấm bích chương lớn: hai tập hồi ký *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, *Phương Vãn Ở Bên Trời Hà Nội*, tập truyện ngắn *Một Thoáng Mây Bay*, tập thơ *Điểm Trang Làm*

Dáng Cuộc Đời, tập thơ xướng họa *Hoài Cẩm*, tập bút ký mới xuất bản *Non Nước Đá Vàng*.

Đối diện với những bàn triển lãm trên, bàn đặc san Trưng Vương Hoa Thịnh Đốn ồn ào náo nhiệt kẻ bán người mua. Đặc san rực rỡ bìa màu, dày gần 400 trang, khổ 8.5 x 11”, đầy kỷ niệm, nặng hình ảnh các nữ sinh Trưng Vương xưa và nay. Trong đó tôi có những ảnh cũ chụp với cả lớp từ đệ ngũ, đệ tam, đệ nhị, nhiều bạn đang cuống quýt đòi tôi rửa tặng. Từ từ rồi sẽ có, Ngọc Dung bận lắm các bạn ơi!

Họa sĩ Hồ Nguyễn, anh của Trưng Vương Phương Nga, có hơn 20 bức tranh sơn dầu làm rực rỡ hành lang Khách Sạn Hyatt. Anh Hồ Nguyễn đã vẽ những nét lộng lẫy lên nền áo dài màu vàng, màu cam và xanh lá cây cho ban hát Liên Khúc Thu của chúng tôi.

Trước khi Trưng Vương Hoa Thịnh Đốn trình diễn bài hiệu đoàn ca Trưng Nữ Vương của Giáo Sư Nhạc Sĩ Thẩm Oánh, Ngọc Dung đọc bốn câu thơ thất ngôn tứ tuyệt mới mà Trưng Vương Kiều Thu nhờ viết chiều hôm trước:

Bước Chân Trưng Vương

Anh thư liệt nữ có Hai Bà

Đánh đuổi xâm lăng, dựng nước ta

Công đức Trưng Vương gương sáng rọi

Bước chân con cháu rạng sơn hà.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Hai tiết mục văn nghệ trong Đại Hội của Trưng Vương Hoa Thịnh Đốn, có Nguyễn Thị Ngọc Dung, được công nhận là y phục đẹp, hấp dẫn, có tập dượt công phu và được hoan nghênh tận tình đó là Liên Khúc Thu với những bài ca về thu nổi tiếng: *Trưng Vương Khung Cửa Mùa Thu*, *Anh Đã Quên Mùa Thu*, *Thu Ca*, *Mùa Thu không trở lại*, *Mùa Thu Cho Em*, *Thu Quyến Rũ*. Có thể trước khi trình diễn, các “vũ công” đều lo lắng hồi hộp.

Nhưng khi đã ra sân khấu, nhạc nổi lên, hình như tất cả các bạn và Ngọc Dung đều cảm thấy tự tin, trình diễn trọn vẹn, hài lòng đã cố gắng tới đa làm tròn phận sự tốt nhất của mình. Tôi phải nhờ Chị Quỳnh Anh ngồi cùng bàn, nhắc Trường Sơn sẵn sàng chụp hình khi tiết mục của bà mẹ được giới thiệu vì Sonny không hiểu tiếng Việt nhiều. Từ ngày về Sài Gòn với tôi, cuối năm 2004, Trường Sơn vẫn nghe đĩa dạy tiếng Việt do ông bố tặng!

Gia đình Cổ Thơm có mặt đêm Đại Hội Trưng Vương ngoài Nhà Thơ Quỳnh Anh, còn có Ca Sĩ Trưng Vương Thái Phương, Học Giả Nguyễn Ngọc Bích và phu nhân Giáo Sư Đào Thị Hợi, Nữ Sĩ Trương Anh Thụy và phu quân Nguyễn Huy Long, Văn Thi Sĩ Nguyễn Phú Long và phu nhân Trưng Vương, Nhạc Sĩ Chủ Biên Website Cổ Thơm Phan Anh Dũng và phu nhân Tâm Hảo, Văn Thi Sĩ Giáo Sư Nguyễn Lân và phu nhân Diễm Hoa.

Hôm sau, Ngọc Dung cùng cậu con trai cũng đi du thuyền trên Sông Potomac, Cũng trong chương trình Đại Hội Trưng Vương, chúng tôi được gặp Chủ Nhiệm Báo Việt Nam Mới Houston, Nhà Báo Vũ Văn Hoa, Nhà Thơ Nhất Tuấn tác giả những tập thơ *Chuyện Chúng Mình* từ Tiểu Bang Washington tới và Nhà Thơ Hoàng Song Liêm, Virginia.

Trong phạm vi Lá Thư Tòa Soạn, chúng tôi chỉ ghi lại đây những mục văn học mà Người Cổ Thơm đã tham dự. Đây không phải là bài tường thuật Đại Hội Trưng Vương hay những buổi sinh hoạt văn hóa với đầy đủ chi tiết. Xin cho phép chúng tôi chuyển qua những sinh hoạt khác cũng tương bưng như rưng thu đủ màu sắc vàng cam đỏ vừa qua.

Một tuần sau ngày Đại Hội Trưng Vương, Cơ Sở Cổ Thơm đã tổ chức một buổi ra mắt sách cho Hồ Trường An và Nguyễn Thị Ngọc

Dung. Lúc đầu, Ngọc Dung chỉ có ý định tổ chức một buổi giới thiệu tập bút khảo *Náo Nức Hội Trăng Rằm* của Hồ Trường An tại một hội trường nào đó. Nhưng Văn Thi Sĩ Hồ Trường đọc những bài tường thuật về ngày sinh nhật Cỏ Thơm hằng năm tại nhà hàng với ca nhạc, khiêu vũ sôm tụ, anh cũng muốn có một buổi ra mắt sách như thế. Về phần Nguyễn Thị Ngọc Dung, sau khi tập bút ký *Non Nước Đá Vàng* ra đời, tác giả chỉ muốn ăn mừng đứa con tinh thần tại gia. Ban Chủ Trương Cỏ Thơm lại đề nghị ra mắt cả hai tác phẩm một lần cho vui, đỡ mất công lịch kịch tổ chức hai lần gần nhau. Nhưng một sự việc không may bất ngờ xảy ra. Trước buổi tổ chức hai ngày, chúng tôi được tin Hãng Hàng Không Air France đình công. Anh Hồ Trường An kẹt không sang kịp ngày 28 tháng 10.

Ngọc Dung như rớt từ trên trời xuống. Bây giờ phải làm sao? Chắc độc giả quan khách không khiển trách sự việc ngoài ý muốn của ban tổ chức. Nhưng Anh Hồ Trường An lại là diễn giả giới thiệu tập bút ký *Non Nước Đá Vàng* của Nguyễn Thị Ngọc Dung? Hay là bỏ cái mục đó đi. Tôi bàn với các anh chị trong ban quản trị thì được đề nghị mời văn thi kịch sĩ Nguyễn Lân là diễn giả cho tác phẩm mới ra lò này của Ngọc Dung. Anh Nguyễn Lân đã có lần giới thiệu rất hấp dẫn tập bút khảo *Giai Thoại Văn Chương* của Hồ Trường An. Nhưng lẽ dĩ nhiên là Anh Nguyễn Lân từ chối vì quá gấp và chưa có trong tay quyển *Non Nước Đá Vàng*. Tôi gọi cho Học Giả Trần Bích San, đại diện Cơ Sở Cỏ Thơm tại New Orleans. Tôi đã gửi tặng anh tác phẩm của tôi cùng với tập *Náo Nức Hội Trăng Rằm*.

“Dễ thôi mà. Tôi sẽ giới thiệu sách cho Ngọc Dung. Cứ yên trí, người đẹp.” Anh Trần Bích San trả lời một cách thản nhiên như vậy.

Tôi có cảm tưởng như vừa được ngã lưng xuống một cái võng trong một khuôn viên có bóng cây rợp mát nào đó sau một ngày làm việc điên đầu. Biên Khảo Gia Trần Bích San là một trong những nhân vật luôn luôn khuyến khích Ngọc Dung can đảm, gánh vác Tam cá Nguyệt San Cỏ Thơm.

Thứ bảy 27 tháng 10, chị Trương Anh Thụy có một buổi tiếp tân khoảng 30 người tại tư gia để chào mừng hai nhân vật từ Âu Châu tới. Nhưng chỉ có Nhà Văn Vũ Nam từ Đức Quốc sang. Anh là tác giả của tập truyện *Sau Ngày Tang, Bên Dòng Sông Danau, Bên Này Bức Tường Bá Linh, Một Đêm Ở Genève, Câu chuyện Từ Con Tàu Anamur* và truyện dài *Nơi Cuối Dòng Sông*. Hồ Trường An rủ Vũ Nam cùng đi Virginia rồi sang San Jose tham dự buổi ra mắt sách *Quê Nam Một Cõi*, một quyển bút khảo khác của Hồ Trường An viết về Vũ Nam và hơn 10 tác giả Miền Nam khác.

Tôi rất mừng diễn giả Trần Bích San cho tập bút ký của tôi cũng có mặt tại buổi tiếp tân trên. Thật hứ vớ! Ngoài ra còn có sự hiện diện của các văn thi họa sĩ, báo chí, học giả khác như Trương Thị Thịnh, Nguyễn Xuân Hoàng, Dương Nguyệt Ánh, Hải Phương, Vi Khuê, Hà Bình Trung, Quỳnh Anh, Trương Vũ, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Ngọc Bích, Đinh Thị Hợi, Uyên Thao, Đặng Đình Khiết, Ngô Vương Toại, Phan Khâm, và lẽ dĩ nhiên Nguyễn Thị Ngọc Dung cũng có mặt.

Cùng chiều đó, sau khi mãn tiệc tại nhà Anh Long, Chị Thụy, tất cả quan khách lại kéo nhau đến xem triển lãm tranh của Học Sĩ

Trương Thị Thịnh, Họa Sĩ Trương Vũ và nghe giới thiệu tập thơ *Cảm Ôn Tháng Giêng Biên Biếc Ngực Em Cười* của nhà thơ Hải Phượng. Nhà Anh Chị Trương Vũ có một phòng rộng lớn, thật lý tưởng để triển lãm tranh và giới thiệu văn chương trong vòng thân mật. Tôi may mắn được thưởng lãm hơn 30 bức tranh chân dung sơn dầu rực rỡ và thần tình của Họa Sĩ Trương Thị Thịnh. Tôi cũng rất thích mấy bức tranh trừu tượng, màu sắc hài hòa của Họa Sĩ Trương Vũ.

Chiều hôm sau tại Nhà Hàng Harvest Moon đã có khoảng 150 quan khách ưa chuộng văn học tới tham dự buổi ra mắt sách của Cơ Sở Cổ Thơm. Thời buổi các sinh hoạt chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, văn hóa diễn ra hằng tuần. Người ta phải ủng hộ mua vé liên miên nên buổi ra mắt sách có được con số đó coi như thành công.

Không bảo nhau, hôm đó MC Thái Phượng mặc áo kiểu Lemur màu xanh hồ thủy. Bạch Mai mặc áo lụa nội hóa màu vàng cam và đội khăn tiếp màu của cô gái quê Bắc Kỳ những ngày lễ hội. Ngọc Dung mặc áo Lemur màu tím hoa sim quần *satin* trắng, kiềng, khuyên và vòng tay bằng bạc. Cả ba mặc y phục làm *show* thời trang tiền chiến trong một tiệc Cổ Thơm mấy năm về trước. Nhắc nhở tới y phục, thời trang là giữ văn hóa đi đôi với văn chương. Phải không quý vị?

Nhà thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao là diễn giả của tập bút khảo *Náo Nức Hội Trăng Rằm*, trong đó tác giả Hồ Trường An đã có nhận định văn chương, tư tưởng, nhân sinh quan trong tác phẩm *Dưới Mái Trăng Non* của Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội; *Tổng Quan Văn Chương* về nhiều tác phẩm của Bình Nguyên Lộc; *Những Ngày ở Virginia* của Vi Khuê;

Truyện dài *Chuyển Mùa* của Trương Anh Thụy; Truyện dài *Khung Rêu* của Nguyễn Thị Thụy Vũ; Tập *Văn Khảo* của Trần Bích San; và, bút ký *Non Nước Đá Vàng* của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Xin xem bài giới thiệu của Tâm Minh Ngô Tằng Giao trang 36 của Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm số 41 này.

Nhà Biên Khảo Trần Bích San giới thiệu *Non Nước Đá Vàng* trong hồi hộp của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Nhưng anh đã giới thiệu đầy đủ những ý chính và chi tiết đặc biệt nhất trong tác phẩm. Vì số trang báo giới hạn, bài giới thiệu của diễn giả Trần Bích San sẽ được đăng trong Cổ Thơm số 41. Sau đây chỉ xin sơ lược vài dòng:

«Nguyễn Thị Ngọc Dung có cái diễm phúc thực hiện được điều mong ước ngày mới lớn. Cô nữ sinh ngày nào trong Cư Xá Công Chức trên Đường Võ Tánh, Phú Nhuận đã làm những chuyến du lịch thật tuyệt vời bên người chồng, cũng là người tình, các danh lam thắng cảnh của nước Mỹ bao la, hùng vĩ. Cái đặc sắc trong *Non Nước Đá Vàng* là nhà văn không chỉ cảm nhận cảnh thiên nhiên bằng sự rung cảm của một nghệ sĩ hiến mình cho thi văn hội họa, mà còn ghi nhận bằng nhận xét tinh tế, khắc sâu ấn tượng cái đẹp vào tâm khảm người đọc.

Hoàng hôn cuộc đời thường buồn tẻ và cô đơn, nhưng với tác giả *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* khoảng *thời-gian-serenate* lại thật đẹp, đẹp hơn cả những thắng cảnh mà nhà văn đã để lại dấu chân. Nguyễn Thị Ngọc Dung có cuộc sống thật hạnh phúc và ý nghĩa. Không những có con cháu nội ngoại xung quanh, có các bạn cũ *Trung-Vương-áo-xanh-khung-cửa-mùa-Thu*, có bạn văn và Cổ Thơm, nhà văn còn có *tình-yêu-không-tuổi* của người chồng trong buổi chiều tà cuộc đời nữa. Tựa

đề tác phẩm *Non Nước Đá Vàng* mang ý nghĩa tình vợ chồng muôn thuở của tác giả.»

Thành thực cảm ơn Diễn Giả đã nói trúng ý của Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Phần phụ diễn văn nghệ thật đặc sắc như thường lệ với các nghệ sĩ Cổ Thơm: Bạch Mai, Thái Phượng, Anh Dũng, Tâm Hảo, Cung Fa, Hoàng Tiếp, Đàm Xuân Linh, Vũ An Thanh, Đèo Văn Sách. Nhà Văn Vũ Nam lên nói cảm tưởng và gửi lời chào từ các văn thi hữu bên trời Đức Quốc tới các tác giả bên trời Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Buổi giới thiệu sách kết thúc với dạ tiệc ngon miệng.

Nhà Văn Hồ Trường An, hựt tối buổi Ra Mắt Sách 10/28/2007 của Cơ Sở Cổ Thơm, nhưng ngày Thứ Ba 6 tháng 11, anh trở lại Virginia. Hồ Trường An ở nhà Anh Chị Nguyễn Huy Long - Trương Anh Thụy. Hôm sau tôi được dịp mời anh dùng cơm tối, với ông bà chủ nhà anh ở tại quán ăn Hương Quê. Hiện diện tối đó có Nữ Sĩ Vi Khuê và cô con gái rượu Chử Nhất Anh, Nghệ Sĩ Mạch Mai, Nhà Thơ Phan Khâm, Học Giả Nguyễn Ngọc Bích, Giáo Sư Đào Thị Hợi, Nhà Thơ Tâm Minh Ngô Tăng Giao và phu nhân, Anh Phó Hồng Hà và Thúy Diễm. Anh Hồ Trường An đạo này ốm đi, da dẻ hồng hào, mịn màng như phụ nữ trung niên. Anh ký sách tặng tất cả thân hữu có mặt trong đó có Vi Khuê, Trương Anh Thụy và Nguyễn Thị Ngọc Dung là các nhân vật trong tập bút khảo *Náo Nức Hội Trăng Rằm* của anh.

Trưa hôm sau, tôi đến nhà Chị Trương Anh Thụy đưa Hồ Trường An đến một nhà hàng *all you can eat*, để hội ngộ mấy nhân vật không gặp anh tối hôm trước: Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung, Nhà Văn Phạm Văn Tuấn (đầu tầu mời chúng tôi), cụ Huỳnh Thành Hưng,

cặp uyên ương Nguyễn Văn Đặng - Kiều Nga. Kiều Nga là ca sĩ địa phương thường xuyên giúp vui văn nghệ cho Cơ Sở Cổ Thơm. Không lợi lộc gì cho người như Ngọc Dung đi ăn ở “Tiệm Ăn Bằng Thích” như thế. Vì chỉ sau cái đùi gà với da gà nóng ròn, Ngọc Dung đã ứ hự mất rồi...

Ăn ít nên chóng đói. Đưa Hồ Trường An về nhà Chị Trương Anh Thụy, Ngọc Dung lại cảm thấy kiến bò bụng ngay khi nhìn thấy đĩa bánh đúc nhân thịt nấm hương, cà cuống của chị Thụy còn nóng hổi, không thể bỏ qua được. Ngọc Dung chén tì tì và xực luôn một mảng bánh đúc cháy ròn tan chấm tương gừng. Khi no thì chẳng muốn nấu nướng gì cả. Về đến nhà Ngọc Dung chỉ hâm đồ nấu sẵn từ hôm trước cho ông xã ngồi ăn một mình, rồi vội vàng bắt tay vào việc sửa soạn hành lý cho ngày mai lên đường đi San Jose. Chương trình của Ngọc Dung mùa thu qua tất bật như thế đó.

Hội Hồn Việt của anh Ngô Nghĩa và Maria Hoài bên San Jose đã mời tôi tham dự Đêm Văn Nghệ Thính Phòng có chủ đề *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, theo tiêu đề một tập hồi ký của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Để cảm tạ tấm thịnh tình của Anh Nghĩa và Maria Hoài, tôi đề nghị đem theo sách, cả mới và cũ, để bán trong đêm văn nghệ. Tiền thu được sẽ đóng góp tất cả vào quỹ cứu trợ Dân Oan trong nước. Có lẽ vì thế, nhiều vị hiểu lầm Nguyễn Thị Ngọc Dung lại sang San Jose ra mắt sách.

Từ phi trường Dulles gần nhà, tôi bay thẳng tới San Francisco Airport và được vợ chồng cô em gái Phước, Hà đón về nhà. Hôm sau, hai người đưa tôi đến đón bà chị Minh Tâm đi ăn phở Kông Lý. Chưa bao giờ tôi được ăn một tô phở ngon như nấu ở nhà vậy. Miếng thịt thái nhỏ, mềm, đậm đà như được ướp và nấu trong

nước mắt ngon trước khi thái. Nước phở thật ngọt, chẳng cần cho thêm nước mắm. Bánh phở tươi thơm. Tôi không hề quen biết chủ tiệm phở, nên không làm dịch vụ quảng cáo đâu nhé. Sau đó ba chị em chúng tôi vừa đi *shopping* vừa tâm sự vun cho đến chiều.

Sáng hôm sau, 11 tháng 11, nghe lời cô em, tôi đi làm *massage* mặt và chân tay. Chiều đó, Ngọc Dung lên khung bộ áo dài hàng voan hoa xanh điểm kim tuyến trên nền xanh, tím nhạt, lót màu phơn phớt hồng. Quần tiếp một màu xanh da trời trên áo. Hàng áo là do Maria Hoài gửi tặng. Tôi đeo cái kiềng và đôi bông tai giả bạc, nạm pha lê xanh, trắng. Soi gương, tôi hài lòng với nhan dáng chiều tà của mình mà còn làm tăng được vẻ đẹp của bộ quần áo dài, nhưng lòng vẫn hồi hộp như trước bất cứ một buổi tổ chức mà tôi phải đóng một vai trò nào đó.

Chị em chúng tôi đến Nhà Hàng Kobé với một thùng sách của Nguyễn Thị Ngọc Dung để ban tổ chức tùy nghi sử dụng. Tuy nhiên tôi cũng lấy vài quyển ký tặng mấy nhà báo và truyền thông. Tôi chỉ đem theo năm tập báo Cỏ Thơm số Mùa Thu cho vài nhân vật đặc biệt vì không còn nhiều. Đi tới đâu chúng tôi cũng được nghe lời khen ngợi về Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Có người nói đã đọc không bỏ một chữ. Đó là phần thưởng lớn lao cho ban chủ trương và biên tập chúng tôi.

Phòng ăn bày biện khang trang. Quan khách dần dần đầy kín. Đêm văn nghệ khai mạc với MC Mạnh Hùng chào mừng và nói lý do của đêm văn nghệ. Một danh sách nghệ sĩ hùng hậu được lần lượt giới thiệu: Bích Huyền, Duy Tuấn, Trúc Mai, Y Thức, Xuân Khang, Phương Anh, Bích Phương, Hạ Vân, Vũ Thiên Kim, Mạnh Hùng, Nguyễn Mai, Thu Nga, Nam Long, Huy Sinh, Lê Hằng, Kevin

Khoa, Nguyễn Lý, Olivia Tú Trâm, Sedney, Trọng Minh... Các ca sĩ lên sân khấu trình bày những bản nhạc cũ, mới được ưa chuộng, đã cho quan khách và Ngọc Dung một sự ngạc nhiên lớn với giọng ca điêu luyện như chuyên nghiệp và diễn tả thật truyền cảm những bài ca với tất cả tâm hồn. Nghệ sĩ nào cũng được hoan nghênh nhiệt liệt.

Tôi được ban tổ chức chỉ định lên sân khấu tặng quà cho hai ca sĩ hát bản nhạc phổ thơ của Nguyễn Thị Ngọc Dung: Ca sĩ Bác sĩ Ý Thức đã trình bày rất tới bản *Mùa Thu Xưa*, do Hoàng Cung Fa (con trai Nhạc Sĩ Hoàng Trọng) phổ nhạc. Anh Ý Thức có giọng êm nhẹ và rất cao. Bích Phương ca bản *Sài Gòn Nắng Nhớ Mùa Thương* do cố Nhạc Sĩ Nhật Bằng phổ nhạc. Ca sĩ mới hát một lần bản nhạc mà tôi tưởng đã hát hết, nên lên sân khấu tặng quà. Keyboard Cao Trâm dạo nhạc tiếp, Ngọc Dung nổi hứng đứng lại và hát chung với Bích Phương đến hết bản nhạc. Tuy nhiên, ca sĩ, nhạc sĩ và quan khách cũng hoan nghênh và tha thứ cái tội leo chèo của Ngọc Dung. Khi tôi tới bàn nghệ sĩ chào hỏi, Sedney, một ca sĩ Người Mỹ đã hỏi tôi:

“Giọng bà tốt lắm, bà có là ca sĩ không?”

“Tôi là *home singer* thôi. Chỉ hát đồng ca, hợp ca. Chưa hát đơn ca trên sân khấu bao giờ.” Tôi trả lời.

Tôi cũng được mấy tờ báo và đài truyền hình phỏng vấn, xin lỗi, không nhớ tên. Trong đêm văn nghệ *Sài Gòn Nắng Nhớ Mùa Thương* tôi được gặp lại các văn thi hữu: Trường Giang, Huệ Thu, Ngọc Bích, Hoàng Ngọc Văn, Ngọc Thủy, Việt Bằng, Kim Vũ, Phạm Nguyên Khôi... Ngoài bà chị Minh Tâm và cô em Song Hà của tôi, còn một số chị em bạn Trưng Vương như: Nguyễn Thị Trinh, Phạm Vân Phụng, Lê Minh Chúc, Lê Diễm, Nguyễn

Thị Khanh, Ngô Ngọc Khanh, Trần Thị Đình Hợi, Nguyễn Bích Huyền, Phạm Diệu Linh, Nam Thị Hồng Vân, Mai Lệ Hạnh, Tạ Bích Hà. Cho Ngọc Dung xin lỗi vì có tới 30 chị Trưng Vương tham dự đêm ấy mà Ngọc Dung chỉ nhớ được từng đó tên. Nhiều chị có các vị phu quân thấp tùng.

Một số bạn nhà xa không lái xe ban đêm. Sáng hôm sau, Song Hà đưa tôi đến Nhà Hàng Hanoi's Corner gặp các bạn học cùng lớp cũ như: Tố Lan, Lệ Dung, Bảo Quỳnh, Trần Thị Ngọc Dung, Vũ Thị Hiến. Lệ Dung và Bảo Quỳnh vừa về thăm Việt Nam, cho chúng tôi xem nhiều hình ảnh cũ mới của các bạn ở lại Hà Nội từ năm 1954. Kim Thanh đã gửi theo Lệ Dung, tặng tôi một tấm ảnh bọc nhựa, khổ 4x6" của tôi chụp từ thuở mới vào Đệ Thất Trưng Vương Hà Nội. Tôi lặng người xúc động lặng người, ngắm cô bé trong ảnh mặc áo lam đồng phục, tóc dài dợn sóng ngang vai, miệng chúm chím cười. Đôi mắt láy đen hạt huyền của cô bé đâu ngờ sẽ thân nhận biết bao nhiêu buồn vui trên bước đường đời. Vật đổi sao rời, thời thế xoay vần, dâu bể đổi thay! Những người bạn hơn nửa thế kỷ vẫn còn nhớ tới nhau! Chúc các bạn yêu quý của Ngọc Dung, được may mắn, bình yên những năm còn lại trên thế gian này.

Ngọc Dung trở lại Virginia vào tối thứ ba sau một chuyến máy bay dài hơn bốn giờ, và sớm hôm sau đã phóng xe tới nhà con, trông cháu nội. Trong khi cháu nội ngủ, Ngọc Dung vào computer và rất mừng nhận được bài gửi cho Cỏ Thơm từ Anh Chị Bình Huyền bên Paris, Vũ Nam bên Đức, Việt Bằng San Jose, Dư Thị Diễm Buồn Sacramento, Nguyễn Đăng Tuấn Florida, Hoàng Hải Thủy, Phạm Văn

Tuấn tại Virginia. Nhiều anh chị đã gửi bài từ trước khi Ngọc Dung đi San Jose. Ba tháng xoay tròn, Ngọc Dung lại bắt tay vào làm báo để mong Cỏ Thơm đến tay quý vị vào đúng đầu mùa đông trên đất Mỹ.

Tối qua Thứ Sáu 16 tháng 11, Ngọc Dung với cái giọng khản đặc vì nói chuyện nhiều lại cùng ông xã tham dự dạ tiệc gây quỹ cứu trợ của Ủy Ban Bảo Vệ Lao Động Việt Nam tại Hoa Kỳ. Người Cỏ Thơm không quên đóng góp vào công cuộc xã hội của cộng đồng. Trong bàn Cỏ Thơm đêm qua có cả quý văn thi sĩ: Nguyễn Văn Thành và phu nhân, Phạm Văn Tuấn, Quỳnh Anh, Đăng Nguyễn, Nguyễn Lâm và Diễm Hoa. Nhà văn Trương Anh Thụy trong ban tổ chức.

Sinh hoạt văn học, văn hóa của một cây viết nữ, chủ nhiệm, chủ bút vẫn không ra khỏi vòng nội trợ, vú bà... như Nguyễn Thị Ngọc Dung đã trả lời một cuộc phỏng vấn tại San Jose. Nên rất tiếc, Ngọc Dung đã không sáng tác được nhiều như độc giả thương mến, mong mỗi.

Thư đã dài, xin báo cáo tiếp các sinh hoạt văn học khác của Cỏ Thơm với quý vị ở số báo sau. Chúc quý vị một MÙA GIÁNG SINH và NĂM MỚI 2008 nhiều sức khỏe, hạnh phúc. Cầu mong Nước Việt Nam hết nghèo khổ, thế giới hết chiến tranh, tang tóc...

Vì Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm số 42 không được phát hành cho đến cuối tháng 3 năm 2008, nên chúng tôi xin chúc quý đồng bào hải ngoại và quê nhà một cái TẾT vui vẻ, NĂM MẬU TÍ, bình an, thịnh vượng.

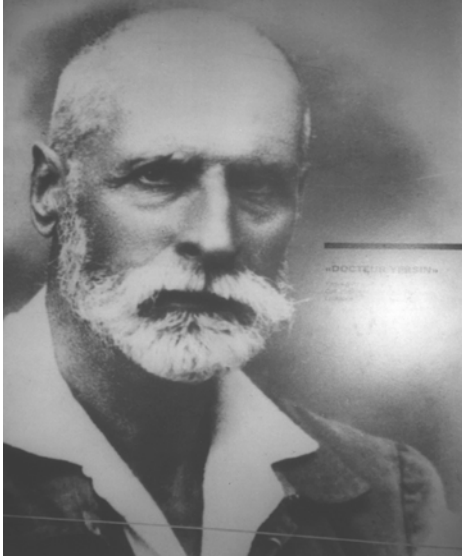
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

BÁC SĨ ALEXANDRE YERSIN

Người có công với Việt Nam

(Tiếp theo và hết)

VĂN BẢ



Bác sĩ Alexandre YERSIN (1863 - 1943)

Hình chụp năm ông 73 tuổi. Triển lãm tại Bảo Tàng Viện Yersin ở Nha Trang.

Yersin dưới mắt người đồng thời

Các đồng nghiệp của ông Yersin tại viện Pasteur Paris và những người Pháp tại Đông Dương thấy ông phân tán trí thức lấy

làm gai mắt, cho ông là một người kỳ dị. Càng gai mắt hơn nữa là ông thành công trên nhiều lãnh vực.

Luôn luôn tiên phong trong những lãnh vực mới, những phát minh tối tân, ông là một tư nhân đầu tiên có được:

- Máy phát thu bằng chữ morse để liên lạc Nha Trang, Suối Dầu, Hòn Bà;
- Máy thu thanh tân tiến, bắt được các đài bên Pháp;
- Kính thiên văn;

Năm 1910, ông lại muốn tậu một chiếc phi cơ, nhưng vì Đông Dương không có sân bay, ông đành bỏ dự định này.

Trong khi công sứ tại Nha Trang chưa có xe nhà thì Yersin đã gởi mua tại Pháp chiếc Serpollet năm mã lực, chiếc xe Clément và một thuyền máy.

Hai năm sau, ông bán lại chiếc Serpollet năm mã lực cho ông công sứ Nha Trang, rồi sang Paris tậu chiếc xe Serpollet sáu mã lực đem ra Hà Nội làm lác mắt chẳng những dân cư Hà Nội mà cả chánh quyền. Viên tướng chỉ huy quân đội Pháp còn nhờ ông đưa xe đi diễn binh qua cầu Long Biên.

Tháng Giêng năm 1905, Yersin bán chiếc Serpollet sáu mã lực, tậu chiếc Serpollet mười một mã lực. Năm 1907, ông mua một chiếc Alcyon. Năm 1912, ông mua chiếc Clément Bayard mười lăm mã lực, nhưng khi chiếc xe này không chạy được nữa, ông trở lại dùng xe đạp.

Đến năm 1925 vì cần phương tiện liên lạc giữa Nha Trang, Hòn Bà, Dran, Djiring, ông lại tậu chiếc Zèbre vừa mau vừa êm. Nhưng một hôm về ngang Phan Rang, ông suýt đụng một em bé, nên ông bán chiếc Zèbre, và từ đấy ông dùng lại xe đạp.

Năm 1943, vì phổi yếu, ông dùng xích-lô. Nhắc đến Yersin, ai cũng hình dung một ông cụ già khiếm tốn ăn mặc xuềnh xoàng đi chiếc xe đạp cũ kỹ, quên rằng Alexandre Yersin đã làm bực mình các giới chính quyền bấy giờ với những chiếc ô-tô tối tân.

Luôn luôn tiên phong trong những lãnh vực mới, năm 1932, khi chuyến bay đầu tiên của hàng không Pháp nối liền Sài Gòn - Paris thì ông dùng máy bay để vận chuyển. Tháng 3 năm 1940, Yersin bảy mươi bảy tuổi, lấy máy bay về Pháp để dự buổi họp hằng năm của viện Pasteur Paris. Một cuộc hành trình rất gay go. Ngày 30 tháng 5 năm 1940, chuyến máy bay cuối cùng đưa ông về Việt Nam, trước khi quân đội Đức vào Paris.

Nơi cư trú của Yersin

Yersin thích sống chung với người dân nghèo chài lưới và đã chọn cái lô-cốt hai tầng lầu bỏ hoang gần xóm Cồn và cửa sông cái. Theo Đại Nam Nhất Thống Chí quyển XI về Khánh Hoà, đó là một đồn biên phòng rất lâu đời.

Từ năm 1895, Yersin đã tạo lập cho mình chỗ ở tuyệt vời để hằng ngày quan sát và hoà nhập với thiên nhiên.

Lô-cốt mỗi bề khoảng 7m50. Mỗi tầng có hành lang rộng bao bọc. Có thể đi dọc hành lang để quan sát. Ông bố trí tầng trệt là phòng ăn, tầng một là phòng làm việc và tầng hai là phòng ngủ. Về sau, nóc nhà làm thêm một vòng tròn để dựng kính thiên văn.

Nhà bác học vị tha

Đó là một người không chạy theo danh vọng, quyền lợi cho riêng mình.

Ông đầu tư ngay số tiền kèm theo các giải thưởng vào các công trình đang thực hiện. Huân chương Bắc Đẩu Bội Tinh đem lại cho ông 250 quan Pháp mỗi năm. Giải Audiffret của Hàn lâm viện Tâm lý và Chính trị có kèm theo 15000 quan Pháp. Ông dùng số tiền này tiếp trợ cho nền tài chánh Suối Dầu. Giải thưởng Lassen đem lại cho ông 8000 quan Pháp. Ông dùng ngay tiền đó vào việc mở đường mòn nối liền Suối Dầu - Hòn Bà.

Tháng 12 năm 1927, khi nhận giải thưởng Leconte của viện Hàn lâm Khoa học, ông tuyên bố : "Giải thưởng này là vinh dự cho viện Pasteur và số tiền nhận được sẽ giúp cho các cuộc thí nghiệm trồng cây *quinquina*".

Ông không hãnh diện, không phô trương huy chương. Đây là một đoạn thư ông viết cho mẹ năm 1890 khi ông hai mươi bảy tuổi : " Mẹ hãy tưởng tượng xem ông Pasteur đã xin được cho con huân chương của Hàn lâm viện. Các thành viên của viện đại học Pháp rất mong muốn có được tấm huân chương màu tím này, song bản thân con lại không hề thấy mình xứng đáng được nhận".

Khi Vua Bảo Đại trao tặng bội tinh Kim Khánh cho ông, vì phép lịch sự ông buộc lòng phải cho Vua Bảo Đại đeo Kim Khánh vào cổ mình, nhưng khi vừa bước xuống, ông đã e lệ dùng chiếc mũ ép lên ngực che hết chiếc huân chương Kim Khánh. Năm 1938, trường trung học Đà Lạt muốn có một bức tượng bán thân của Yersin, ông cương quyết từ chối làm mẫu.

Khi Toàn Quyền Decoux muốn biết tên những người quyền quý, danh tiếng, mà Yersin đã gặp, ông trả lời : "Ở Đông Dương tôi ít giao thiệp với những hạng người ấy."

Thật ra Yersin đã có lần gặp nhiều người danh tiếng. Năm 1896, Thống Chế Lyantey (lúc bấy giờ là thiếu tá) đến Nha Trang có ghi vào sổ tay : "Vị bác sĩ trẻ này tận tụy với vi trùng học, nghiên cứu, chế tạo "vắc-xe" với một niềm tin tưởng, ý chí đam mê của một nhạc sĩ cao siêu. Những giờ thăm viện của ông làm phấn khởi tinh thần, mặc dầu viện còn thô sơ."

Người con hiếu thảo

Xa nhà, đầu ở Pháp, Việt Nam hay Trung Quốc, hầu như tuần lễ nào ông cũng viết thư cho mẹ. Tính đến khi mẹ ông mất, năm 1905, ông đã gửi ngót 1000 bức thư, cho bà biết sức khỏe và công việc hằng ngày của mình.

Khi mẹ mất rồi, Yersin tiếp tục gửi thư cho chị là bà Emilie.

Trong thư nhiều khi đầy vẻ hài hước, như khi ông ở Hồng Kông viết cho mẹ: "Con còn nhiều điều nữa muốn thưa với mẹ, nhưng có hai xác chết đang chờ con. Họ muốn ra nghĩa địa cho sớm. Tạm biệt mẹ thân yêu. Mẹ rửa tay sau khi đọc thư này kẻo bị lây dịch hạch, mẹ nhé."

Yersin nhà nhân ái

Noel Bernard viết về A. Yersin có câu: "Ít có người không vụ lợi như Yersin. Khiêm tốn, giản dị, lịch sự".

Ông ăn mặc xoàng xĩnh bộ đồ *kaki* bạc màu cũ kỹ, áo khoác bốn khuy ba túi, áo sơ mi vải trắng hở cổ, quần *kaki* trên rộng dưới hẹp giặt sạch mà không bao giờ ủi. Giày vải bố. Trong túi ngực bên trái đựng một cái đồng hồ trái quít đeo bằng một sợi dây gai đỏ. Phải nói rằng Yersin không thiếu đồng hồ. Năm 1945, người ta tìm thấy trong tủ sắt của viện Pasteur Nha Trang rất nhiều đồng hồ trái quít chế tạo tại Thụy Sĩ, phần lớn bằng vàng, dây

đeo cũng bằng vàng, bên trong cái nắp đều có dòng chữ: Chế tạo riêng cho Bác Sĩ Yersin.

Ngày 22 tháng 11 năm 1920, ông đáp tàu Paul Lecat đi Marseille. Một phục vụ viên trẻ của tàu không biết ông, cương quyết không cho ông vào phòng ăn. Nội qui của tàu bắt buộc phải thắt *cravate* khi bước vào phòng khách. Yersin trở về *cabine*. Sau đó, ông quay lại phòng ăn nói với phục vụ viên: "Chiếc *cravate* này cậu có chấp nhận không?" Vừa nói ông vừa chỉ tay vào chỗ hở ở cổ áo nơi ông vừa đút tấm huân chương "Bắc Đẩu Bội Tinh" vào.

Năm 1925, một buổi sáng ông đến hãng xe gặp một người khách sang trọng từ Pháp mới tới. Tên này thấy ông ăn mặc xoàng xĩnh buột miệng kêu lên: "Tên bụi đời lang thang này làm gì ở đây?"

Bữa ăn của ông thường đạm bạc. Món ăn ông ưa thích thường ngày chỉ là món xúp rau cải ăn với bánh mì hoặc *biscotte*. Trong thời gian chiến tranh ông phải ăn bánh trắng thay cho bánh mì. Ông thích ăn cá hơn là thịt. Các loại cá được ông ưa chung là cá thu, cá mú.

Món rượu khai vị của ông thường chỉ là thứ nước có bột *quinquina* do ông tự chế. Nước uống đôi khi ông dùng nước lá sả mà ông bảo rằng dễ tiêu hoá. Có lần đi thám hiểm vùng cao nguyên, ông chỉ ăn cơm không trong hai tháng.

Vì Nha Trang thường có bão táp, Yersin nghiên cứu về khí tượng, thời tiết để giúp ngư dân.

Ông cho làm hai cái bồ to, có đường kính một mét, trên sơn màu đen. Khi có bão, hai cái bồ được kéo lên hai cây cột bằng phi lao trên núi Sinh Trung để báo hiệu.

Tháng 11 năm 1939, đoán biết rằng một cơn bão lớn sẽ đổ vào bờ biển Nha Trang, Yersin vi tập trung tất cả ngư dân xóm Cồn vào trong nhà mình. Cơn bão biển dữ dội đêm

TRĂM NĂM CHƯA ĐỦ ĐỂ YÊU NGƯỜI

Em - một đóa hồng tươi mát,
giữa hồn anh sa mạc.
Như một cơn mưa,
em đến bất ngờ,
với ánh mắt,
nụ cười,
anh khao khát.
tự bao giờ.

Những bước chân em trên cát nóng,
trên đường xưa in bóng
với Tình Yêu là điệp khúc dỗ dành nhau
và từ em, Địa Ngục lún sâu Thiên Đường!

Có những đêm tối
song song với chiều dài kỷ niệm
anh vẫn tìm em qua dung nhan kiều diễm.
vẫn tìm em
nghe run rẩy nụ hôn mềm.

Em vẫn là cô gái hai mươi,
đến giảng đường xưa chọn một chỗ ngồi.
Và anh vẫn là người sinh viên thủa trước,
trong hành lang đại học,
không muốn rời nhau nửa bước.

Dù se sắt nữa, tim ơi!
Trăm năm chưa đủ
để yêu người.

San Francisco, 02 – 23 – 2005

VIỆT BẰNG

ấy đã cuốn trôi nhiều nhà cửa xóm Cồn, nhưng bà con vẫn an toàn.

Từ hôm ấy, Yersin được nhiều người dân xóm Cồn tặng cho biệt hiệu "người đã trị con sông thần".

Viết về Yersin, và viện Pasteur Nha Trang, Henri Jacotot đã có những lời ca ngợi tốt đẹp :

"Trong những thời điểm quan trọng, Yersin luôn luôn sống trong tình trạng báo động thường trực cả ngày lẫn đêm." (Yersin et son temps, H. Jacotot-1937)

Chẳng những lo bảo vệ dân chúng tránh tai nạn bão lụt, Yersin còn luôn luôn tỏ ra nhân ái đối với người dân ở Nha Trang, nên ông được người Việt yêu chuộng và kính phục. Ông tự coi mình như một người dân trong làng, một người có phần may mắn hơn người khác, vì vậy ông thấy có bổn phận an ủi và giúp đỡ thuốc men.

Một hôm đi xe đạp từ nhà đến sở, ông bị một tài xế bất cẩn đụng ngã. Không nói một lời nào, ông vội vã dựng xe đạp lên, rồi đi đến viện để băng bó, không đá động gì đến người tài xế có lỗi.

Lần khác ông gặp người nông phu nằm ngủ trong xe bò dưới gốc cây bàng. Mặt trời lên cao, bóng mát thay chiếu, ông bảo những người phụ tá đẩy xe bò vào chỗ mát.

Ông rất thương yêu trẻ con xóm Cồn, thường chiếu phim cho chúng xem. Trẻ con cũng thích ông chia kẹo hăng ngày cho chúng. Một hôm, chúng đánh vỡ chậu hoa, ông bảo người giúp việc: "Đừng rầy đánh, người ta sợ."

Ông thường đọc báo chí Việt ngữ. Một hôm đến viện ông trao cho ông Bùi Quang Phương, người cộng sự từ năm 1897, bài thơ *Năm Cụ Ông* chép trong báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng nói về năm bộ trưởng đương kim bị cách chức và thay thế bằng năm người khác do Pháp chỉ định. Bài thơ khó hiểu vì có nhiều nghĩa bóng.

Yersin rất nhẫn nại tử tế với những người cộng sự bản xứ, không bao giờ to tiếng, không bao giờ thị oai.

Ông Năm

Người dân Nha Trang gọi ông là Ông Năm vì theo ngạch nhà binh ông là Y sĩ Đại tá. Một tác giả Pháp Elisabeth Duclosel ghi ông là Nam, bác sĩ Annam, là sai.

Ông sống thanh đạm độc thân, tiết chế xa hoa nhục dục.

Elisabeth Duclosel thù ghét cho ông một quan hệ tình ái giữa ông và một công chúa của bộ lạc Rhadé, thật đáng buồn cười.

Yersin đến với người Việt Nam bằng một tấm lòng chân thật. Đó là chìa khoá kỳ diệu đã mở cửa cho ông đi vào tình cảm của người Việt Nam.

Ông ra đi rất thanh thản, ngày 01 tháng 03 năm 1943 vào lúc 01 giờ sáng, vừa đúng tám mươi tuổi.

Một ngày trước khi từ giã cõi đời, ông còn ngồi trên ghế xích-đu dùng ống đom đo mực thủy triều.

Mặc dầu có lời cản dặn của ông trong di chúc muốn được an táng đơn giản, đám táng của ông to lớn chưa từng thấy ở Việt Nam. Ngoài đại diện của chánh quyền còn vô số người Việt, người Pháp, người Chà, người Hoa, người Thượng. Dân chúng bày hương án hai bên đường từ Nha Trang lên tận Suối Dầu nơi an táng ông.

Trong năm mươi bảy năm hoạt động khoa học (1886 - 1943) Yersin đã công bố năm mươi lăm công trình và bốn mươi tác phẩm về y học, trong đó có mười ba đề tài chuyên cứu về dịch hạch, và mười lăm đề tài chuyên về nông nghiệp trồng cây *quinquina* và *hévéa*.

Người dân Việt Nam vẫn tiếp tục tôn thờ Yersin. Hà Nội, Sài Gòn, Nha Trang, vẫn còn giữ nguyên đường Yersin.

Bên cạnh mộ Yersin có xây một cái miếu nhỏ đặt ảnh ông và hương án. Tại chùa Linh Sơn và Long Tuyên có bàn thờ ông bên cạnh bàn thờ Phật, mặc dầu lúc sanh thời, người dân Nha Trang không hề thấy Yersin bước chân vào chùa hoặc nhà thờ.

Mỗi năm đến ngày 01.03 người dân Nha Trang đến đốt hương và nghiêng mình trước mộ Yersin.

Yersin mãi mãi đi vào lòng của người Việt Nam. Đó là đền Panthéon của Ông Năm và ông còn sống mãi mãi, vì đại văn hào Lỗ Tấn có nói :

"Người chết chỉ thật là chết, khi không còn tồn tại trong lòng người sống nữa."

" Người quá khứ mà hình ảnh còn tồn tại trong lòng người sống, thì chưa hẳn là chết."

Di chúc

của Bác Sĩ Alexandre Yersin

*****Tôi muốn được chôn ở Suối Dầu. Yêu cầu ông Bùi Quang Phương giữ tôi lại tại Nha Trang, đừng cho ai đem tôi đi nơi khác. Mọi tài sản còn lại xin tặng hết cho viện Pasteur Nha Trang, và những người cộng sự lâu năm.**

Đám táng làm giản dị, không huy hoàng không điệu văn.***

Những kỷ vật của ông còn lại, viện Pasteur Nha Trang đã trân trọng giữ gìn. Chiếc giường, ghế xích-đu, bàn làm việc, ghế ngồi, tủ sách, kính hiển vi, kính viễn vọng, đều được trưng bày trong viện Bảo Tàng Nha Trang.

Văn Thi sĩ Kịch tác gia

VĂN BÁ

(tức Bác sĩ NGUYỄN VĂN BA, Paris)

NGUYỄN VĂN THÀNH

MỘT VÀI CẢM NGHĨ VỀ ÁN TỬ HÌNH

(Tiếp theo Cỏ Thơm số 40)

TRIANON HAY BÀN TAY ĐỊNH MỆNH



Thôn nhỏ với cảnh trí giống như quê hương của Hoàng Hậu Antoinette.

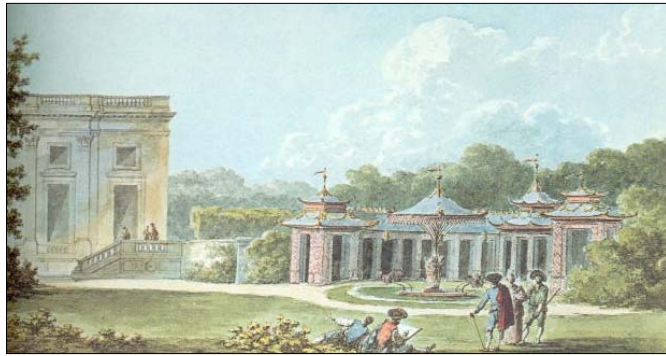
Thu thập kế hoạch xây dựng Trianon và vinh danh Kiến Trúc Sư Pháp Richard Mique hàng đầu của Vua Louis 16 đã tạo lập một thôn nhỏ cho Hoàng Hậu Marie Antoinette và các công trình xây cất thêm tại Trianon.



Khu Vườn theo kiểu mẫu của Anh trước Phòng Âm Nhạc, nơi Antoinette thường chơi đàn Spinnet hòa nhạc cùng Antonio Salieri, Gluck và Mozart.



Đền Thần Vệ Nữ (Thần Ái Tình)



Trianon đi ra Tòa Nhà Trưng Bày các tác phẩm nghệ thuật và trò chơi “jeu de baguette”.

Theo sử gia Richard Covington viết một bài đặc biệt kỷ niệm ngày Hoàng Hậu Marie Antoinette bị kết án chém đầu năm 1793 cho Bảo Tàng Viện Smithsonian tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, ấn hành tháng 11 năm 2006, công trình xây cất bổ túc tại Trianon kể cả Thôn nhỏ ở vùng quê làm tốn cho công quỹ hơn 2 triệu quan, vào thời đó, nay trị giá hơn sáu triệu quan. Đó là chưa kể ngân khoản đài thọ việc thiết kế và trang trí phòng ăn, phòng họp, tiếp khách những buổi hòa nhạc, diễn kịch, dạ vũ ngoài trời với những hệ thống đèn treo, đèn và củi đốt ở đường hào thường được tổ chức đón tiếp khoảng 300 khách mời đến tham dự các cuộc vui tại Trianon.



Muốn thực hiện kế hoạch xây cất và trang trí trên, Hoàng hậu Antoinette phải xin phép Tổng Trưởng Tài Chánh và Kiến Thiết chấp thuận rồi sau đó được nhà Vua phê chuẩn mới đưa ra thực hiện, ví dụ như Xóm nhỏ trong ngôi làng kiểu mẫu phải chờ 5 năm mới được phép khởi công xây cất. Tất cả công trình kiến trúc cũ cũng như mới tại Trianon đều thuộc Cơ Quan Quản Trị Tài Sản của Hoàng Cung.

Những sự chi tiêu riêng không dính dáng gì tới công quỹ cả, nếu có, Hoàng Hậu phải bỏ tiền túi ra trả. Chẳng hạn vào tháng 4 năm 1775, Hoàng Hậu Antoinette mua một đôi vòng hột xoàn đeo cổ tay trị giá 300,000 bảng Anh (đơn vị tiền tệ Anh, *livre sterling*, hay *livre*) dư sức

mua một dinh thự sang trọng nhất ở khu đất tiền nhất tại Kinh Thành Ba Lê. Tiếp đến năm 1776, Hoàng Hậu lại mua đôi bông tai hạt xoàn với giá 460,000 bảng Anh, phải trả góp hơn 6 năm. Số nợ này được khấu trừ vào tiền trợ cấp hàng năm dành cho Hoàng Hậu theo đúng sự qui định của thủ tục tài chính.

TAI TIẾNG LAN TRUYỀN

Trong cuộc hành trình qua Pháp từ năm 1770 đến ngày lìa cõi trần 16 tháng 10 năm 1793, Hoàng Hậu Antoinette ngự ở Điện Versailles 10 năm, 7 năm ở Trianon và 6 năm trị vì tức được 23 năm. Thực ra Antoinette không ở thường xuyên ở Trianon, lúc ở Versailles, khi ở Trianon, nhưng dành rất nhiều thì giờ trong các trò vui chơi không lành mạnh với đám nịnh thần, trong đó có điệp viên, tại Trianon vào thời gian từ năm 1774 đến 1780.

Kết hôn được 7 năm, Antoinette không có con nên cảm thấy nhớ nhà và chán nản kinh khủng. Viết thư cho người bạn thân vào tháng 4 năm 1775, Antoinette tâm sự “ Sở thích của tôi không giống nhà Vua chỉ ham đi săn bắn và mày mò làm thủ công bằng kim khí hay vật liệu nhẹ.”

Quả vậy, trong khi Louis do dự, tiết kiệm và nghiêm nghị, Antoinette hoang phí quá đáng và nông nổi. Nhà vua thích sống một mình với thú vui tìm tòi làm thủ công, Hoàng Hậu đắm mình vào hội hè huy hoàng làm quay cuồng xã hội.

Khi nhà Vua đi ngủ vào lúc 11 giờ đêm, Antoinette còn say đắm với yến tiệc và dạ vũ tung bừng thâu đêm. Antoinette thức dậy vào 11 giờ trưa, Louis đã dậy rất sớm. Đôi khi Antoinette quá buồn chán như muốn dấy lên sự chống đối nghi lễ tẻ nhạt trong Cung Điện, đã trốn ra ngoài trong dạ vũ hóa trang với đám cận thần phóng đảng đến coi nhạc kịch, nhà hát và đánh bài.

Trò chơi phiêu lưu và bất xứng trên xui khiến Antoinette gặp Bá Tước Thụy Điển Axel Fersen vào tháng Giêng năm 1774, lúc đó Fersen 18 tuổi với cặp mắt xanh lãng mạng như người hùng trong tác phẩm nổi tiếng nào đó, con một nhà quý tộc Thụy Điển, trước đây đã từng cộng tác với Triều Đình dưới thời Vua Louis 15, đang đi du lịch vòng quanh nước Pháp. Hoàng Hậu có cảm tình ngay với Fersen và mời Fersen đến dự khiêu vũ nhiều lần tại Điện Versailles, nhưng không bao lâu Fersen rời Pháp sang Anh Quốc theo khóa học quân sự tại một Quân Trường nổi tiếng. Bốn năm sau, Fersen trở về Cung Đình Pháp như một sĩ quan trẻ và, theo Bá Tước Francois Emmanuel de Saint Prist, Tổng Trưởng Nội Vụ trong chính quyền Louis 16, viên sĩ quan trẻ này đã “ chiếm được trái tim của Hoàng Hậu”

Fersen trở nên một người khách quý đến Trianon nhiều nhất. Hoàng Hậu đi xa hơn, đã trang trí căn phòng ở lầu 2, trên phòng của Hoàng Hậu cho Fersen. Hai người bắt đầu bí mật trao đổi thư từ, một trong những bức thư của Antoinette được ghi vào nhật ký của Fersen, có đoạn như sau “ Em có thể nói với anh rằng em yêu Anh”. Một người đáng tin cậy trong Triều Đình tiết lộ, Antoinette ngày càng yêu say đắm Fersen và, có lẽ được sự chấp thuận ngầm của nhà Vua, chỉ một người: Tùy Viên Quân Sự Bá Tước Axel Fersen.

Tưởng cũng cần đề cập thêm suốt thời gian từ năm 1774 cho đến ngày Hoàng Hậu giã từ Trianon, Vua Louis 16 chưa hề ngủ một đêm nào tại Trianon dù rằng Hoàng Hậu ân cần mời mọc nhiều lần đều bị nhà Vua từ chối khéo léo không làm mất lòng Hoàng Hậu.

TIN XẤU ĐẾN THÀNH VIENNE

Bị mê hoặc bởi nhóm cận thân trục lợi và hoang đường tìm cách bịt mắt che đậy không cho nhìn thấy thực trạng của đất nước, Antoinette lao vào cuộc sống xa hoa trụy lạc, tại Trianon, đã lãng quên bổn phận của người vợ và Hoàng Hậu. Ngoảnh mặt làm ngơ trước sự chỉ trích của người dân, Antoinette chẳng những mất dần sự tín nhiệm và ngưỡng mộ của quần chúng mà còn ngày càng gây thêm bất mãn. Giờ đây, Antoinette không còn nghe lời khuyên bảo của ai nữa, ngay cả thầy dạy học Vermond lẫn Đại Sứ Áo Mercy d'Argenteau, người tâm phúc và nhân viên tình báo của Mẫu Hậu. Nếu bị Mẫu Hậu quở trách về lối sống phóng đãng và hoang phí phi lý được tường thuật trên báo chí và đặc biệt loại sách nhỏ (*pamphlet*) chuyên đưa tin ly kỳ, hấp dẫn xảy ra tại Trianon ở mục “Tin Tức Triều Đình”, Antoinette trình báo Mẫu Hậu đó là toàn chuyện bịa đặt phóng đại.

Không một bài bình luận nào trên báo chí cùng loại sách nhỏ vu cáo, phỉ báng Antoinette đủ điều kiện có thể thiếu trong Bộ Tham Mưu của Mẫu Hậu Theresa. Vào thời đó loại sách nhỏ pamphlet đóng một vai trò truyền thông rất quan trọng. Đó là phương tiện tuyên truyền rất tinh vi và hữu hiệu của phe đối lập phổ biến rộng rãi từ hang cùng ngõ hẻm đến làng mạc hẻo lánh xa xôi về sự đấu tranh lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế kéo dài một ngàn năm không còn được người dân ủng hộ nữa. Loại sách nhỏ này đáp ứng thị hiếu và sự quan tâm của đại đa số quần chúng thuộc thành phần nông dân, công nhân, tư chức, tiểu thương cùng những người nghèo yếu thế đủ mọi mặt so với giới tu sĩ và giới quyền cao chức trọng được hưởng nhiều đặc ân của triều đình. Vào thời đó chưa có Viện thăm dò ý dân như ngày nay, nhưng nếu muốn biết ý kiến người dân, chính quyền phải sử dụng sách pamphlet, ví dụ như qua cuộc thăm dò vụ xét xử Vua Louis 16 cho thấy tuyệt đại đa số dân chúng không muốn kết án chém đầu Vua Louis 16 mà chỉ nên áp dụng hình phạt lưu đày mà thôi.

Bất hạnh thay, Antoinette nhận địa phận riêng Trianon lại rơi vào chu kỳ kinh tế suy thoái đúng lúc dân quê bị mất mùa liên tiếp mấy năm. Giá sinh hoạt tăng vùn vụt, người dân nghèo không còn khả năng mua bánh mì theo nhu cầu chứ nói chi đến nhu yếu phẩm khác. Xã hội trở nên bất ổn, nạn đói đe dọa và có nơi bị đói. Nhà Vua được hai cố vấn kiệt xuất Turgot và Necker đưa ra nhiều kế hoạch để giải quyết cuộc khủng hoảng tài chính nhưng đều thất bại. Trong khi đó, Antoinette không cần trọng xài phung phí của công lại nói một câu vô ý thức “Nếu không có bánh mì, cho họ ăn bánh ngọt”. Thực ra Antoinette không hề nói câu đó mà là câu nói của một nhân vật nổi tiếng khác đã gán ghép cho Antoinette vì mục đích chính trị. Sau này, các nhà viết sách pamphlet thay đổi chiến thuật không gán ghép nữa mà dựa chút ít sự thật để thêu dệt tai tiếng cho hấp dẫn lôi cuốn người đọc khiến hư thực lẫn lộn dễ gây ra sự ngộ nhận.

Vì lý do trên, một số sử gia đọc những sách pamphlets với những lời tục tĩu và phỉ báng thường dựa vào nghe người này nói, người kia đồn đại, thiếu bằng chứng nên đưa ra sự nhận xét: Antoinette là nạn nhân của các loại sách đó.

Phân tích những sách pamphlets và những biến động chính trị dồn dập xảy ra như bão táp tại Pháp trước cuộc Cách Mạng, Mẫu Hậu Theresa nổi tiếng là người nhìn xa trông rộng, đã sớm đưa ra nhận định: Trianon sẽ làm tiêu tan hy vọng củng cố Liên Minh Pháp-Áo-Trianon sẽ hủy hoại cuộc đời của Antoinette.

Nhưng có một nhà soạn nhạc M. de Boufflers, lừng danh về nhạc kịch trường (*Opera buffa* hay *Opera bouffe*), lại nhận xét cá tính của Antoinette nhìn dưới góc độ khác. Vào năm 1779. Hoàng Hậu yêu cầu Boufflers đặt bài hát “ kể ra hết mọi lỗi lầm của Hoàng Hậu bị chê trách được phổ biến trong các sách báo phỉ báng”. Hiệp sĩ Boufflers đồng ý và vẽ chân dung của Hoàng Hậu dưới tên bà chúa Thémire qua bài hát mang tựa đề Theo điệu “Phyllis đòi xem chân dung”

Đây là bài hát duy nhất được chọn đăng trong tác phẩm nổi tiếng “Hoàng Hậu nước Pháp” (*Queen of France by André Castelot*). Lời ca thật “học búa” rất khó dịch mang tính cách hài hước nhẹ nhàng nhưng chứa đựng nội dung hết sức sâu sắc. Kính mời quý vị độc giả theo dõi bản dịch khá đặc biệt bài hát Theo điệu “Phyllis đòi xem chân dung” của Soạn giả và Dịch giả Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích:

Air: “Phyllis asks for her portrait”

Are you concerned to hear
What’s said about Thémire?
At moments, it is said,
You’d think she’d lost her head.
It that really so?
Yes, but you must know
She can so fashion it
That her strange lack of wit
Would even captivate
A mind of Cato’s weight.

Too much good sense, it’s said
Has never plagued her head,
But incense, so they say,
Enchants her all the day.
Is that really so?
Yes, but you must know
So full of skill is she
That every deity
Would come down to adore her
And burn incense before her.

If she has promised you
A private rendezvous
Or business talk, they say,
She soon forgets the day.
Is that really so?
Yes, but you must know

“Theo điệu “Phyllis đòi xem chân dung”

Này, bạn có muốn nghe
Câu chuyện bà chúa Tê-mia?
Đôi khi tưởng bả dật dờ
Nào ngờ bà chỉ giả vờ thế thôi.
Thật thế sao?
A nhưng bạn cũng phải biết
Là bà ấy có thể
Biến chuyện trông tưởng khật khờ
Lại thành cho kẻ thông minh bê bê
Vẫn bị mê hoặc, hớp hồn luôn.

Thông minh quá, người ta bảo,
Chưa bao giờ là đặc điểm của bà
Nhưng ngải trầm thì ô hô lại khác,
Suốt ngày bả có thể thử, so.
Thật thế sao?
A nhưng bạn cũng phải biết
Bà ta khéo léo nhất đời
Nên thần thánh
Cũng phải bay xuống mà sùng bái
Đốt hương ngải để thờ bà.

Bả thường hứa, người ta kể,
Hẹn gặp riêng với bạn
Hay gặp bàn chuyện lớn
Xong quên khuấy đi ngày tháng.
Thật thế sao?
A nhưng bạn cũng phải biết

That when you meet once more
Her faults fly through the door,
And time itself will fly
Only too quickly by.

Self-centredness supreme--
That is her guiding theme.
She loves herself, they say,
As dearly as she may.
Is that really so?
Yes, but you must know
She must be left her creed.
Can she be blamed, indeed,
For loving as she does
What everybody loves?

Bạn mà có dịp gặp lại
Thì bao nhiêu lỗi kia biến mất
Trong khi thời gian bay
Bay quá mau đi là khác.

Ta duy ngã độc tôn—
Đó chằm ngôn của bà.
Bả yêu bà, người ta nói,
Còn hơn tất cả ai yêu.
Thật thế sao?
A nhưng bạn cũng phải biết
Phải để cho bả tin đi.
Làm sao trách được bà cho nổi
Khi bả chỉ biết yêu
Điều mà ai cũng khoái?

(NNB dịch, Đông Xuân, 18/X/2007)

Nghe xong bản nhạc, Hoàng Hậu Antoinette không tức giận. Với trí thông minh linh lợi khác thường, Hoàng Hậu coi bài hát đó chẳng qua chỉ là truyền thuyết kính tìn (*a pious legend*) mà thôi.

Mãi về sau này, khi Hoàng Hậu mở mắt ra và thấu hiểu bài hát thì quá muộn, lúc đó đang ở nhà giam và đao phủ trói quặt hai tay ra sau lưng đưa đi hành quyết.

Stefan Zweig, nhà viết tiểu sử lấy trường hợp của Marie Antoinette coi như một ví dụ rất đáng được chú ý trong lịch sử “có lẽ đôi khi định mệnh kéo một người không ai biết đến từ trong bóng tối và, với bàn tay huyền diệu điều khiển buộc người đó, nam giới hay nữ giới, phải vượt ra khỏi ranh giới của sự tầm thường”. Lịch sử Pháp cho thấy hai trường hợp hi hữu: Đó là Napoleon, người Corse sanh tại Ajaccio, hành trình qua Pháp được hoan nghênh nhiệt liệt như một thiên tài quân sự của nhân loại và, không có một người nào lại ám ảnh lịch sử Pháp Quốc như Công Chúa Hapsburg.

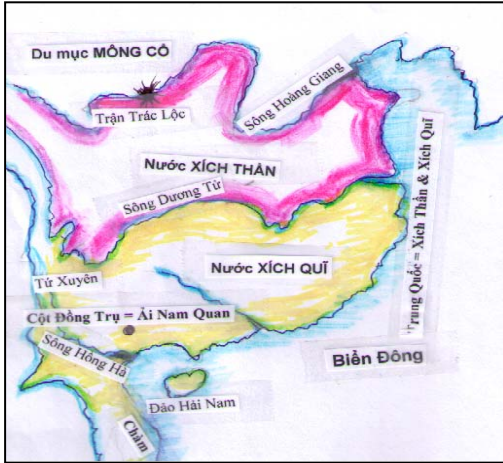
(còn tiếp)

NGUYỄN VĂN THÀNH

Arlington, Virginia, USA
Đông 2007

NHỚ VỀ NGUỒN GỐC VĂN HOÁ CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

BS. TS. Nguyễn Thị Thanh
MD. PHD. (BMT 1972)



I- MIÊU TỘC (VIÊM VIỆT*) VỚI NƯỚC XÍCH THÂN VÀ XÍCH QUỶ TRÊN HAI BỜ SÔNG TRƯỜNG GIANG:

Trường giang sóng nước chập chùng,
Động Đình Văn hóa* hai vùng Bắc Nam.
Đế Minh * chia cắt giang san,
Hai con hai mẹ hai phần quân phân.
Đế Nghi lãnh nước Xích Thân*,
Giữa hai sông lớn Sông Hoàng Sông Dương*.
Phần em Lộc Tục* đắm đưng,
Từ Sông Dương Tử* theo đường lập quốc.
Tên Kinh Dương Vương ấy gốc
Quốc hiệu Xích Quỷ ấy mốc* thời gian.

Long Nữ con Động Đình Quân,
Cùng vậy duyên thắm cùng chàng Dương
Vương

Sinh ra Sùng Lãm khác thường*,
Tài văn tài võ mọi đường tiến thân
Lãm xứng là Lạc Long Quân.
Hai nước vật chất tinh thần liên minh*.
Anh em đoàn kết tử sinh,
Đồng chung ý chí nghĩa tình nước non,
Đế Nghi truyền lại cho con*.
Đế Lai nối nghiệp xứng con của trời*,
Thiên Tử* là hiệu của người,
Sinh ra con gái rạng ngời Âu Cơ*,
Vừa tài vừa đẹp anh thư*,
Vì thân nên gả Âu Cơ trọn tình.
Lạc Long cưới được vợ xinh,
Lòng càng thêm mặn cái tình nghĩa huynh.
Hai nhà chí kết liên minh,
Hầu mong giữ đất ông mình* phân hai.
Xích Quỷ chính nghĩa là tài*,
Xích Thân mang nặng hình hài thần linh*,
Hai đàng kết nghĩa nhân sinh*,
Cùng chung vui sống nghĩa tình bà con.

II- MÔNG CỔ HÁN TỘC XÂM LĂNG

Rủi đầu tràn xuống giặc Mông*,
Đế Lai run sợ quyết lòng liên minh*.
Cùng nhau liên kết* quân binh,
Long Quân* cùng hợp chiến chinh chống thù.
Liên minh Xích Quỷ đặc thù*,
Mặt thời trôi đỏ từ từ tiến lên.

Âu Cơ hăng hái đánh liền,
 Ra quân cứu nước miền quê hương nàng,
 Long Quân cất vó rẽ ràng,
 Rừng gươm núi giáo hai hàng hiệp nhau.
 Đế Lai chỉ huy trận đầu,
 Cùng quân Mông đánh thần sâu quỷ run.
 Quân Mông sức mạnh ung dung,
 Là dân du mục quen dùng chiến chinh.
 Một trận TRÁC LỘC* thiên kinh,
 Hoàng Giang máu thắm, sinh linh nhuộm màu,
 Liên Minh Xích Quỷ thua mau,
 Đế Lai tử trận Xích Thần mất toi.
 Long Quân kéo chạy ôi thôi !
 Chạy ra miền biển rồi trôi theo dòng...
 Ra khơi thuyền tới biển đông*,
 Mất tích chẳng biết chàng đông lối nào...
 Âu cơ nước mắt tuôn trào!!
 Mẹ con phân nửa* trở vào nước xưa*.
 Một mình dựng nước sớm trưa,
 Cùng bầy con cháu cho vừa lòng dân.
 Nàng Âu mới thật Tổ Tông*,
 Sinh ra Bách Việt rạng đông truyền dân .
 Tự xưng là họ Hồng Bàng*,
 Chia con cai quản xóm làng làm vua.
 Các con xưng hiệu Hùng Vương,
 Bao quanh vương nữ Âu Cơ an toàn.
 Đặt tên là nước Văn Lang*,
 Phương tây giáp Thục*,
 phương nam giáp Chàm,
 Phía bắc là Dương Tử Giang,
 Phương đông ấy biển gọi rằng Biển Đông.
 Văn Lang phong thổ huy hoàng,
 Vốn dòng Bách Việt Hồng Bàng nguyên niên.
 Âu Cơ làm chúa 'Không Tên',
 Không người tưởng đến công thiêng của nàng,
 Không người thờ cúng đàn hoàng,
 Không người nhớ tới công nàng lập quốc.
 Một tay dựng nước làm gốc,
 Một tay gìn giữ thức đốc vua Hùng,

Một tay chống chọi giặc Mông,
 Mới sinh nước Việt oai hùng ngày nay.
 Cớ sao dân Việt chua cay!
 Theo Mông* chê nữ thầy lay thấp hèn*
 Chẳng thờ Vương Nữ linh thiêng*
 Bỏ quên Tổ Mẫu mẹ hiền nước Nam.
 Bao đời chỉ nhớ phái nam*,
 Hùng vương dựng nước Hiến văn bốn ngàn*.
 Mỗi năm có lễ đàn hoàng,
 Khấu đầu lay tạ công vàng nước non,
 Chỉ vì kỳ thị nữ 'không'*,
 Quên ơn nghĩa Mẹ, quên công đầu nguồn*.
 Người người chỉ nhớ Hùng Vương,
 Năm năm đầy đủ đèn hương cúng thường.
 Nhớ chẳng ai lập vua Hùng ?
 Ấy công Tổ Mẫu nữ hùng Âu Cơ.
 Một tay gây dựng cơ đồ,
 Làng làng chia tở quanh đô thành miền,
 Đặt con lãnh tụ liền liền,
 Vua Hùng cai quản các miền Mẹ giao.
 Mười tám dòng* có chí cao,
 Được người xưng tụng, người nào quên ân.
 Kéo dài cho đến vạn năm* ?

III- NHÀ THỤC VỚI HÁN MÔNG BÊN TÀU VÀO THỜI ĐÔNG CHU LIỆT QUỐC

Thế rồi Thục Phán* tiến lên xưng thần,
 Phía này vốn thuộc Văn Lang,
 Bị Thủy Hoàng chiếm dựng nên nhà Tần.
 Tứ Xuyên Bách Việt mọi đàn,
 Cùng từ Xích Quỷ dần dần chia nhau.
 Vua Tần thế lực thần sâu.
 Mạnh lên Thục Phán mau mau đánh liền,
 Mưu cao* chiếm nhẹ trước tiên,
 Thu nhanh gọn chiếm kéo phiến Tần luôn.
 Lập nên nhà Thục vương tròn,
 Lấy tên Âu Lạc, An Dương* quốc thành,
 Văn Lang từ đó biến nhanh.
 Thục vương kiến thiết, xây thành Cổ Loa,

Trùng tu cho nước non nhà,
Hầu mong chống đỡ quan qua khó lòng.

IV- NGUỒN GỐC MÔNG CỔ CỦA TÀU

Kể từ Mông Cổ làm vua,
Tự xưng Hoàng Đế trên bờ Hoàng Giang,
Từ nay sinh nước Trung Nguyên,
Vốn dòng du mục bắc nguyên* tràn vào.
Dân du mục tướng dáng cao,
Người cao ngựa mạnh lập trào đình riêng.
Đến nay giặc già liên miên,
Suốt bao thế kỷ gọi liền Liệt Quốc
Đông Chu ấy thật gian truân,
Khiến đất Âu Lạc mất dần đất đai.
Vẫn còn chín quận an bài*.
Quân ta chống với quân Tần kém chi,
Ra sức giết được Đồ Thư*,
Giết quân xâm lược đặng từ* vinh quang.
Nhà Tần không được thịnh an*,
Bị Lưu Bang chiếm cho an dân tình,
Lập nên nhà Hán Tây Kinh,
Rồi sai tướng giỏi với binh lính Tàu
Đưa quân xâm lược cho mau.
Nhà Triệu mất nước bị Tàu hộ đô.
Coi dân ta là Nam Nô,
Khiến dân ta trở thành lệ nô dân Tàu.

V- NAM VIỆT NHÀ TRIỆU CHÍNH HIỆU BÁCH VIỆT TÊN TỔ VIỆT NAM

Trở lại nhà Triệu lên ngôi,
Cũng nguồn Bách Việt, chẳng ô nhiễm Tàu.
Thay Thục, Triệu dựng nước giàu,
Đặt tên Nam Việt ấy giòng Việt Bách.
An hòa tính chuyện quốc sách,
Vũ Vương tước Hán* theo cách an lành.
Nam Việt nhà Triệu lo canh,
Đất đai chính quận thái bình cũng tan:

Tính từ Đạm Nhĩ, Cửu Chân,
Nhật Nam, Giao Chỉ, Uất Lâm, Câu nhài,
Quế Châu, Hợp Phố, Nam Hai*,
Kể luôn Tượng Quận thẳng dài Thương Ngô.

VI- TÀU ĐÔ HỘ VIỆT NAM LẦN THỨ NHẤT

Lần đầu Bách Việt nhục ô,
Hán Mông cai trị ác ôn kinh hoàng!
Dân ta đau khổ lắm than,
Anh hùng yêu nước, tham tàn giết đi,
Đánh tan dẹp hết một khi.
Tài nguyên chiếm hết, gian thì lấu lách,
Bao nhiêu văn hóa Việt Bách,
Bao nhiêu thợ giỏi cấp nách về Tàu.
Bao nhiêu lý thuyết cao sâu*,
Các Ngài Tiên Sử Việt*, Tàu mê ly:
Thần Nông, Oa Nữ, Phục Hy...
Tàu thì chiếm lấy làm tiên sư mình.
Bao nhiêu người đẹp tiết trinh,
Chúng ôi trọn gói phỉ tình trêu người.
Dân ta không được mở lời,
Tổ tiên để lại, khôn đời nào phai.
Bao công trình bao của cải,
Từ nông nghiệp học miệt mài nghìn năm,
Từ luân lý đến hôn nhân,
Nhân quyền nam nữ đến nhân cách người,
Chúng đều đánh phá tới bờ.
Để rồi Khổng tử đem dời vào sách,
Phát thành văn hóa Trung Quốc*.
Để đem dạy lại dân mình nhân văn* !?
Dạy thêm nông nghiệp lần khân*,
Cho rằng Bách Việt ngu đần xưa nay,
Có Hán Mông là thầy hay* !
Làm nên những việc khi thầy chưa
sinh*!!!?

VII- TRUNG TRẮC, ĐỆ NHẤT ANH HÙNG VIỆT NAM

Thời ấy tại huyện Mê Linh
 Có quan Lạc tướng hiển vinh anh hùng,
 Một mình hùng cứ một phương,
 Vốn là con cháu vua Hùng tự xưa.
 Vợ là Man Thiện* say sưa,
 Cùng hai con gái* sớm trưa luyện tài.
 Tài văn tài võ bền dai,
 Mưu lòng đánh lấy thẳng dài núi sông.
 Sức còn yếu, lý chưa thông,
 Rủi thay Lạc tướng bệnh thâm âu sâu.
 Man Thiện đành phải mưu sâu,
 Tìm người cùng hội để cầu liên minh.
 Gặp ngay dòng giới Sơn Tinh,
 Thi Sách họ Đặng vốn tình xưa nay*,
 Bền đem gái chị gả ngay,
 Hầu mong kết nghĩa chống ngay quân thù.
 Trưng Trắc là gái anh thư,
 Nên duyên họ Đặng, như cờ gặp phong.
 Man Thiện truyền lại cho con,
 Phong làm nữ tướng ra công liên hoàn,
 Thi Sách quân đội rõ ràng,
 Cùng Trưng Trắc kết hai đoàn quân trang,
 Tiến lên chiếm lấy giang san,
 Hầu mong đuổi thẳng tham quan Hán thù.
 Chẳng may Thi Sách mắc mưu,
 Sa trường thân ngã quân thù giết đi.
 Trưng Trắc kế hoạch tức thì,
 Chiêu hiền chín quận* chủ trì hợp quân.
 Tướng nam tướng nữ chia phân,
 Binh nam binh nữ ước gần mấy muôn.
 Trưng Trắc vừa mới khai quân,
 Giết ngay Tô Định lập nên công đầu,
 Bốn phương đem hết sức cầu,
 Nàng lên tướng soái giặc sâu tan bình.
 Nhiều năm mãi miết chiến chinh,
 Trăm sáu hai tướng* kết tình kết tài,
 Gồm sáu phương đông phương đoài*,
 Sáu mươi thành cũ* đoạt tài một khi.
 Mời Man Thiện đứng chủ trì*,

Làm quyền cai quản chuẩn chi nước nhà.
 Ít năm Man Thiện đưa ra,
 Ý tâm từ già ép mà cho Trưng*,
 Tướng tướng đồng ý tôn vương
 Trưng Nhị làm Soái, Trưng Vương vua Bà*.
 Trưng Trắc phong tước cho cha,
 Phong khanh phong tướng, câu ca khả hoàn.

VIII- VĂN HÓA THỜI NHÀ TRUNG

Sửa sang nước trị dân an,
 Phát triển kinh tế* đầy tràn nơi nơi.
 Làm đường* làm giấy* sáng tươi,
 Đúc đồng làm trống* quyết khôi phục nhà*.
 Trồng rau trồng lúa trồng trà*,
 Là bao di sản mẹ cha đã làm*.
 Đặt tên là nước Lĩnh Nam*,
 Lập nên luật pháp* bình an nước nhà.
 Lập nên một cõi kiêu sa*,
 Luật nước là luật dân ta bình quyền*.
 Từ học hỏi đến thợ thuyền,
 Từ chia ruộng nước đến quyền công dân,
 Ai tài thì cứ dẫn thân*.
 Không theo lối sống Hán Mông* hại người.
 Cố sức hành hạ nữ* thôi,
 Cố bắt giới nữ làm người ‘phụ’ nhân,
 Không cho học*, cấm tiến thân*,
 Chỉ làm hàng ngũ ngu dân* cúi đầu.
 Với bao công khó dài lâu,
 Trưng Vương tìm cách cất đầu cho dân*.
 Thế mà sử liệu lẫn khôn*!!
 Theo Tàu mà nói lằng nhằng vua Nam*.
 Rằng ba năm* Trưng Vương tàn.
 Một đất nước mới huy hoàng dựng xây :
 Ai làm nên được như vậy*,
 Phát luật có đủ, dựng xây nên đời,
 Nông nghiệp kinh tế* hơn người,
 Làm sao cho nổi, ngôi trời ba năm.
 Chính gian Hán tộc manh tâm,
 Cố xuyên tạc bậy, khiến dân mình lầm.

IX- TÀU XUYÊN TẠC LỊCH SỬ NHÀ TRƯNG

Ngàn năm đô hộ đâm mẫm,
Khiến cho dân Việt quên dần công ai :
Đã ra tay đuổi lang sài,
Dựng nên nghiệp lớn danh hoài năm châu.
Sử ta chỉ nói vài câu !!?
Coi ra thật nhẹ công đầu Trưng Vương !?
Lòng ta thật quá buồn thương!!
Đệ nhất truy tặng Trưng Vương anh hùng.
Cầu mong dân Việt tỉnh bùng,
Mở mắt xem lại công trình Trưng Vương.
Sử sách chép lại làm gương,
Chứng từ đầy đủ*, chớ đừng viết sai*.
Nghe quân thù ghét nữ tài*,
Là quân Mông Hán ganh tài nữ lưu*.
Sử ta phải sử chính ưu*,
Kẻo hoài tâm tiếng nữ lưu anh hào*.
Trưng Vương đánh thắng giặc Tàu,
Trên đất Việt tổ* đứng đầu sử xanh*.
Suốt ngàn năm giặc nhe nanh*,
Nuốt lần* đất tổ hiền lành trời cho.

X- DÀNH LẠI VĂN HOÁ NHU THUẬN CHUNG (ĐẠO VIỆT = VIỆT NHU = VIỆT NHO) CỦA TỔ TIÊN BÁCH VIỆT CHUNG (VIỆT CỔ)

Đất còn chữ S phát phơ*!
Nhưng văn hoá cổ* vẫn chờ đợi ta.
Chớ để mất văn hoá* nhà,
Tổ tiên Siêu Việt nước ta khởi đầu*.
Tiến lên dành lại với Tầu*.
Tiến lên dành lại kéo sầu lòng nhau.
Văn hoá tiền sử khắc sâu*,
Tổ tiên Việt Tộc gối đầu dạy con*:
Dạy cho hậu duệ vương trồn,
Năm cương lĩnh cũ, một lòng thuận nhu.
Làm nên Tộc Việt tối ưu,

Để cho tiên tổ khỏi ưu sầu lòng;
Kéo công tiên tổ cầu mong ??!!
Bốn ngàn văn hiến đầu lòng lẫm quên.
Phải thực thi, ngay nhần tiên,
Đạo trời nhu thuận, của tiền nhân cho.
Ấy chính là đạo VIỆT NHO*;
Hán Mông cướp lấy, bỏ kho trưng bày*,
Rằng riêng ta : ‘Văn Hoá đây,
Hán Nho lành mạnh, nghĩa tày trời cao*!?’
Dừng đứng ghéech mặt tự hào*!
Mà rồi chúng chẳng ngày nào thực thi*.

XI- XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRUNG HOA CƯỚP HẢI THỔ VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA*

Lại còn đánh cướp tiếp thân* :
Hoàng Trường Sa đảo*, khắc sâu thương
lòng*.
Lại còn ức hiếp tử vong*,
Một Đài Hải Thổ* Tổ tông của mình*.
Lời ta lời nói phân minh*,
Biết điều trả lại, kéo sinh bất bình*.
Trung Hoa quả thật lớn xinh*,
Tham chi thước đất* bạn tình* ốm teo,
Để cho thế giới cười nhèo!,
Rằng ‘thiên tử’ cướp con heo thặng Bờm*.

*cứ liệu khoa học về tiền sử, về sự nghiệp
Nhà Trưng và đưa ra bản đồ nước Xích Quỷ
và Lĩnh Nam vv.*

Kỳ sau : Các dấu [] sẽ được chú thích và
đưa ra. Xin mời quý bạn đón xem.*

Brossard Québec Canada 10/4/2006

**TS. BS. Thiên Thanh
Nguyễn Thị Thanh**

JEAN-PAUL SARTRE

(1905 – 1980)

Nhà triết học Hiện Sinh, nhà viết kịch, tiểu thuyết
và phê bình người Pháp.

Phạm Văn Tuấn

Jean Paul Sartre tên thực là Jean-Paul Charles Aymard Sartre, sinh ngày 21

tháng 6 năm 1905 tại thành phố Paris, nước Pháp, là con của ông Jean-Baptiste Sartre, một vị sĩ quan Hải Quân, và bà Anne-Marie Schweitzer. Bà Anne là người gốc Đức miền Alsace, là bà con của Bác Sĩ Pháp Albert Schweitzer (1875-1965), đây là nhân vật lãnh Giải Thưởng Nobel Hòa Bình năm 1952.

1/ Thời thanh niên của Jean Paul Sartre.

Khi Jean Paul Sartre được 15 tháng, do người cha qua đời vì bệnh sốt, bà Anne-Marie đã nuôi dạy cậu con trai này cùng với sự dạy bảo của ông ngoại là cụ Charles Schweitzer, một vị giáo sư trung học, dạy môn tiếng Đức. Vì vậy, vào thuở thiếu thời, Sartre đã được ông ngoại dạy cho toán học và hướng dẫn về nền văn chương cổ điển.



Tại tỉnh Meudon từ năm 1906 tới năm 1911, Sartre là một đứa trẻ không cảm thấy hạnh phúc bởi vì sinh sống trong một gia đình trưởng giả kiểu mẫu, cậu bé này đã phải tuân theo kỷ luật một cách nghiêm ngặt, không có

các bạn bè cùng lứa tuổi, mỗi người trong gia đình có một vai trò riêng và hoàn cảnh rất "nhân tạo" này khiến cho cậu bé giỏi "đóng kịch", tức là hành động không tự nhiên. Kết quả của lối sống gia đình nghiêm khắc là cậu Sartre đắm mình trong công việc đọc sách, cậu đọc tất cả những gì tìm thấy nhưng cậu ưa thích nhất là các cuốn tiểu thuyết và các truyện ngắn. Về sau, ông ngoại đã khám phá ra thứ lỗi lầm này của

đứa cháu bởi vì đối với ông cụ "văn chương không làm cho người ta no bụng".

Cậu Sartre còn gặp vài điều không hạnh phúc: mắt của cậu bị lác (lé)(cross-eyed) và vóc người nhỏ bé, ngoài ra còn phải luôn luôn phấn đấu với bệnh tật, nhiều lần cậu tưởng rằng mình đã qua đời, kể cả lúc mới sinh.

Năm 1911, bà Anne Marie mang cậu Sartre về sinh sống tại thành phố Paris, họ ở trên lầu thứ 5 của tòa nhà số 1, đường Le-Goff, rồi hai năm sau cậu Sartre ghi tên theo học trường trung học Montaigne và vào các năm này, cậu đã đam mê đọc sách và viết văn nhưng dù là một học sinh xuất sắc, cậu Sartre lại rất kém về đánh vần, vì vậy đã bị ông ngoại bắt thôi học, trở về theo một trường công tại Arcachon.

Tháng 7 năm 1914, Thế Chiến Thứ Nhất bùng nổ, tình trạng chiến tranh khiến cho cậu không có sách đọc. Năm sau, ông ngoại đã cho phép cậu theo học trường trung học Henry IV và tại nơi này, cậu quen thân với Paul Nizan.

Vào năm 1917, bà Anne Marie tái giá với ông Joseph Mancy, một kỹ sư và về sau được cử làm giám đốc xưởng hải quân tại La Rochelle. Cậu Jean Paul Sartre đã lớn lên trong một khung cảnh tư sản thành thị, không hề cảm thấy hạnh phúc khi theo học tại trường trung học La Rochelle và luôn cảm thấy cô độc. Về sau trong cuốn tự thuật, J.P. Sartre đã viết: "Tôi lớn lên trong cảnh tối tăm, tôi trở thành một người lớn cô đơn, không cha và không mẹ, không nhà và không cả trái tim, và hầu như không có cả tên gọi" và "cái hệ thống này đã làm tôi kinh hoàng".

Năm 1920, J.P. Sartre trở về trường trung học Henri IV và gặp lại người bạn cũ Paul Nizan rồi hai năm sau, tốt nghiệp bằng Tú Tài (baccalaureat). Trong 2 năm từ 1922 tới 1924, Sartre đã đậu vào trường Louis-Le-Grand rồi sau đó đã theo học trường đại học danh tiếng Ecole Normale Supérieure (trường Đại Học Sư Phạm), đây là cơ sở giáo dục đã từng đào tạo các nhà tư tưởng và các nhà trí thức ưu tú của nước Pháp. Tại trường Đại Học Sư Phạm này, J.P. Sartre đã gặp các người bạn cùng lớp như

Simone Weil, Maurice Merleau-Ponty, Jean Hippolyte và Claude Levi-Strauss.

Vào thập niên 1920 và trong thời gian còn là thiếu niên, Sartre đã ham thích môn Triết Học do đọc cuốn sách của Henri Bergson: "Khảo luận về các dữ kiện tức thời của ý thức" (Essay on the Immediate Data of Consciousness). Tại trường Đại Học Sư Phạm, Jean Paul Sartre đã học hỏi rất nhiều về môn Triết Học Tây Phương (Western philosophy), đã thấm nhuần các tư tưởng của Immanuel Kant, Georg Wilhelm Friedrich Hegel và Martin Heidegger.

Qua năm 1929, J. P. Sartre đã gặp một cô bạn cùng lớp: Simone de Beauvoir, người mà sau này cũng trở nên một nhà tư tưởng danh tiếng, một nhà văn và một phụ nữ vận động cho phong trào nam nữ bình quyền, sau này tác phẩm nổi tiếng nhất của bà Beauvoir là cuốn "Giới Tính Thứ Hai" (The Second Sex). Sartre và Beauvoir là đôi bạn thân, đôi tình nhân, trao đổi các mối tình lãng mạn và cả hai đều không là "những người một vợ một chồng". Cả hai đều coi thường các quy ước văn hóa và xã hội, họ coi đây là những điều thừa nhận mang tính tư sản (bourgeois), theo cả về tư tưởng lẫn lối sống.

Cũng trong năm 1929, J.P. Sartre tốt nghiệp trường Đại Học Sư Phạm với văn bằng Tiến Sĩ Triết Học (Doctorate in Philosophy) rồi sau đó, dạy Triết Học tại các trường trung học thuộc các thành phố Le Havre, Laon và Paris. Chính tại Le Havre, J.P. Sartre bắt đầu viết tác phẩm "Buồn Nôn". Từ năm 1929 tới năm 1931, J.P. Sartre thi hành quân dịch trong quân đội Pháp.

Vào năm 1933, J.P. Sartre được một học bổng để theo học tại Viện Pháp Quốc (The French Institute) tại thành phố Berlin, nước

NGƯỢC VÒNG QUỶ ĐẠO

Mặt trời vừa rụng mái nhà ai
Nuối tiếc còn vương chút nắng cài
Mây điểm tô thêm màu tím đỏ
Phương tây riêng một cõi thiên thai.

Chung quanh màu xạm loang cùng khắp
Hoa cỏ thu mình lịm giác say
Ríu rít gọi nhau về tổ ấm
Nường theo cánh gió lũ chim bay.

Còn tôi đứng tựa bên song cửa
Nhìn ánh chiều loang đỉnh núi xa
Lòng bỗng mơ về khung cảnh cũ
Bóng hoàng hôn tưởng bóng hoàng hoa!

Trăng thượng tuần lơ lửng phía đông
Quê hương tiếng gọi vắng tầng không
Con người ngơ ngác tìm quanh quẩn...
Quỷ đạo trời ơi! Cứ ngược vòng.

VÂN NƯƠNG LÊ NGỌC CHẤN

Đức, nơi đây, nhờ sự giúp đỡ của người bạn tên là Raymond Aron, J.P. Sartre đã tìm hiểu "Hiện Tượng Luận" (phenomenology) của nhà triết học danh tiếng Edmund Husserl, đây là nhà tư tưởng đã đóng góp rất nhiều vào công cuộc

tổng hợp lý thuyết triết học của chính Sartre. Cũng trong thời gian sinh sống tại Berlin, J.P. Sartre đã đọc các công trình và quen biết cá nhân ông Martin Heidegger, một nhân vật dẫn đầu nền triết học của thế kỷ 20 và cũng là người đã ảnh hưởng tới Sartre rất nhiều.

J.P. Sartre từ năm 1935 bắt đầu chuyển thành một nhà tư tưởng chính trị (a political thinker). Ngày 14/7/1935, ông đã tham gia vào cuộc biểu tình của Mặt Trận Bình Dân (the Popular Front) diễn hành từ Ngục Bastille tới Porte de Vincennes. Trong năm 1936, Sartre định kết hợp cô Beauvoir và cô Olga Kosakiewicz thành một tổ ấm tay ba nhưng liên lạc tình cảm với cô Olga không thành, rồi trong khi tiếng xấu về văn chương (literary notoriety) của ông được mọi người biết tới, thì Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ, ông bị động viên vào ngày 2/9/1939, phục vụ trong Sư Đoàn 70 đóng tại Nancy, rồi bị chuyển tới Brumath và Morsbronn. Trong thời gian ở trong quân ngũ, J.P. Sartre bắt đầu viết cuốn "Thực Thể và Hư Vô" (L'Être et le Néant).

Khi làm giáo sư phụ giảng tại trường trung học Du Havre (Lycée du Havre), J.P. Sartre cho xuất bản vào năm 1938 cuốn tiểu thuyết triết học "Buồn Nôn" (La Nausée = Nausea) bên trong chứa nhiều ý tưởng và chủ đề của lý thuyết triết học của Husserl. Nhiều người đã coi tác phẩm này là bản "Tuyên Ngôn" của chủ nghĩa Hiện Sinh" (a manifesto of the Existentialism) và đây cũng là một trong các cuốn sách danh tiếng nhất của tác giả. Tác giả J.P. Sartre tin tưởng rằng các ý tưởng của chúng ta là sản phẩm của các kinh nghiệm mang lại do các hoàn cảnh trong đời sống thực và các cuốn tiểu thuyết, các vở kịch... đã mô tả các kinh nghiệm căn bản này nên cũng có giá

trị giống như các bài luận đề (essays) nói lan man để giải thích các lý thuyết triết học.

J.P. Sartre đã dùng phương pháp hiện tượng học (phenomenological method) để chứng minh rằng đời sống của con người thì không có mục đích. Nhân vật chính trong tác phẩm "Buồn Nôn" là Antoine Roquentin đã khám phá ra sự quá nhiều ghê tởm (obscene overabundance) của thế giới chung quanh. Anh ta và sự cô đơn của anh đã dẫn tới nhiều kinh nghiệm về buồn nôn tâm lý (psychological nausea). Dần dần anh ta nhận thức được rằng con người là một hiện thực ngẫu nhiên, không có ý nghĩa và giá trị gì cả, không cần thiết và không có cả lý do tồn tại. Như vậy con người là gì? Ý thức là gì? Con người phải sống trung thực, phải sống "trong suốt" với chính mình, với các người khác, với đời...

Cuốn tiểu thuyết kết thúc với hình ảnh Roquentin nghe một đoạn nhạc và bỗng nhiên hiểu rằng "nghệ thuật" là điều tất yếu duy nhất của con người. Như vậy con người đã phải đối diện một cách cô đơn giữa ý thức cá nhân và thân phận làm người, và lối thoát để làm cho thân phận này có giá trị là "làm nghệ thuật".

2/ Jean Paul Sartre vào thời kỳ Thế Chiến Thứ Hai.

Khi Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ, J.P. Sartre lại bị động viên vào quân đội. Ông là một nhân viên khí tượng (meteorologist), bị quân Đức Quốc Xã bắt vào tháng 6 năm 1940 tại Padoux và bị giữ làm tù binh trong 9 tháng. Trong khi ở tù, J.P. Sartre đã đọc lại Heidegger, đã viết và đạo diễn vở kịch "Bariona" bên trong trại tù. Tới tháng 4 năm 1941, ông được thả ra vì mắt kém và sức khỏe suy nhược. Được trở về đời sống dân sự, J.P. Sartre xin dạy học tại trường trung học Pasteur ở ngoại ô thành phố Paris, rồi được chuyển về

trường trung học Condorcet để thay thế một giáo sư bị cấm dạy học vì gốc Do Thái. Khi trở về Paris vào tháng 5 năm 1941, J.P. Sartre đã tham gia vào việc thành lập nhóm kháng chiến có tên là "Chủ Nghĩa Xã Hội và Tự Do" (Socialisme et Liberté), cùng với các nhà văn khác như Simone de Beauvoir, Merleau Ponty, Jean-Toussaint và Dominique Desanti, Jean Kanapa và các cựu sinh viên trường Đại Học Sư Phạm.

Vào tháng 8 năm 1941, J.P. Sartre và Simone de Beauvoir đã đi tới vùng Riviera để gặp André Gide và André Malraux, mong được sự ủng hộ của họ về nhóm kháng chiến nhưng cả hai nhân vật kể trên đã không quyết định, vì vậy có lẽ đây là niềm thất vọng và bất mãn của J.P. Sartre.

Nhóm "Chủ Nghĩa Xã Hội và Tự Do" vì thế không thành hình và J.P. Sartre quyết định viết văn thay vì hoạt động kháng chiến tích cực. Kết quả là 3 cuốn sách ra đời: "Thực Thể và Hư Vô", "Các Con Ruồi" (Les Mouches = The Flies) và vở kịch "Xử Kín" (Huis-clos = No Exit). Các tác phẩm này đã không bị quân Đức Quốc Xã kiểm duyệt.

Trước kia, J.P. Sartre đã thảo luận kỹ càng với Simone de Beauvoir về các điều thừa nhận (assumptions) văn hóa và xã hội, các mong đợi của cách giáo dục và huấn luyện của họ, những điều này đã bị cả hai coi là có tính tư sản (bourgeois) cả về tư tưởng lẫn lối sống. Sự xung khắc giữa trạng thái đích thực của thực thể (being) với các tuân thủ xã hội vừa mang tính áp chế, vừa phá hỏng tính thần và trạng thái "đích thực của thực thể" (authentic state of being), tất cả đã trở thành chủ đề chính của công trình văn chương và triết học của J.P. Sartre và chủ đề này đã thể hiện trong tác phẩm triết học chính của tác giả với tên là

"Thực Thể và Hư Vô" (L' Etre et le Néant = Being and Nothingness, 1943). Được xuất bản vào năm 1943, tác phẩm này đã khiến cho nền triết học của J.P. Sartre được đưa lên hàng đầu của các cuộc thảo luận trí thức sau Thế Chiến Thứ Hai.

Trong tác phẩm triết học ban đầu này, J.P. Sartre đã coi con người là các thực thể, họ tạo nên thế giới của riêng họ bằng cách nổi loạn chống lại giới quyền lực (authority) và chấp nhận các trách nhiệm cá nhân vì các hành động của họ, mà không cần sự giúp đỡ của xã hội, của niềm tin tôn giáo hay đạo đức cổ truyền. Tác giả cũng cho rằng sự hiện hữu của con người (human existence) mang đặc tính hư vô (nothingness) do khả năng chối bỏ và nổi loạn. Các tiểu thuyết và các vở kịch của J.P. Sartre đã diễn tả niềm tin theo tác giả, rằng tự do và nhận trách nhiệm cá nhân là các giá trị chính trong đời sống và các cá nhân phải trông vào các khả năng sáng tạo của chính mình hơn là nhờ cậy các chính quyền, xã hội hay tôn giáo.

Vở kịch đầu tiên của Sartre, "Các Con Ruồi" (Les Mouches = The Flies, 1943) đã cứu xét các chủ đề về cam kết (commitment) và trách nhiệm (responsibility). Tác giả đã dùng truyền thuyết cổ Hy Lạp trong đó Orestes đã giết chết các thủ phạm sát hại Agamemnon và như vậy đã giải phóng các người dân của thành phố khỏi gánh nặng tội phạm. Theo quan điểm hiện sinh của Sartre, chỉ người nào chọn trách nhiệm hành động trong một hoàn cảnh đặc biệt như của Orestes, là người đã xử dụng hữu hiệu nền tự do của chính mình.

Trong vở kịch thứ hai, "Xử Kín" (Huis-clos = No Exit, 1944), một người đàn ông chỉ yêu mình (a man loves only himself), một người đàn bà đồng tính luyến ái (a lesbian), một người đàn bà bị chứng cuồng dâm (a

nymphomaniac), tất cả sẽ phải bắt buộc sống trong một căn phòng nhỏ sau khi chết, và vào cuối vở kịch, họ còn là các kẻ nô lệ cho các đam mê của họ sau khi nhận thức được rằng "Địa Ngục là các kẻ khác" (L' Enfer, c' est les autres = Hell is other people). Vở kịch này đã được quay thành phim vào năm 1954, thủ vai do các tài tử Michèle Morgan và Gérard Philipe, đạo diễn là Yves Allégret.

J.P. Sartre cũng tham gia vào các tạp chí văn chương hợp pháp và bất hợp pháp rồi sau khi thành phố Paris được giải phóng, ông là một nhà văn đóng góp tích cực cho tờ báo "Chiến Đấu" (Combat). Đây là một tạp chí bất đầu trong bóng tối để chống lại quân xâm lăng Đức Quốc Xã, do nhà triết học Albert Camus là người có cùng niềm tin như J.P. Sartre. Sartre và Beauvoir đã là bạn thân với Camus cho tới khi Camus ly khai khỏi chủ nghĩa cộng Sản và xuất bản cuốn truyện "Kẻ Nổi Loạn" (The Rebel).

Sau này, một số tác giả đã coi J.P. Sartre là một nhân vật kháng chiến, một triết gia, nhưng nhà kháng chiến Vladimir Jankelevitch đã chỉ trích J.P. Sartre là thiếu sự tham gia tích cực trong thời kỳ quân đội Quốc Xã chiếm đóng và đã coi các hoạt động nỗ lực vì tự do sau này của Sartre là một cách chuộc lỗi.

Thế Chiến Thứ Hai chấm dứt, J.P. Sartre sáng lập một nguyệt san văn chương và chính trị có tên là "Thời Đại Mới" (Les Temps Modernes = Modern Times). Ông đã viết rất nhiều bài quan điểm và cũng tham gia các hoạt động chính trị khác. Các kinh nghiệm chiến tranh của ông được mô tả trong bộ tiểu thuyết ba tập (trilogy of novels) có tên là "Các Con Đường dẫn tới Tự Do" (Les Chemins de la Liberté = The Roads to Freedom, 1945-49). Tác phẩm này là một tiếp cận ít lý thuyết và

nhiều thực tế hơn, giúp cho nhiều người hiểu rõ chủ nghĩa hiện sinh. Chủ nghĩa Hiện Sinh đã thảo luận các chủ đề như sự vô lý thấy rõ (the apparent absurdity), tính phù phiếm của đời người (the futility of life), tính vô tâm của vũ trụ (the indifference of the universe) và sự cần thiết phải dẫn thân (engagement) vì một lý do chính đáng.

Trong các năm từ năm 1946 tới năm 1954, J.P. Sartre viết nhiều sách khảo cứu về tiểu sử, trong đó cuốn quan trọng nhất liên quan tới người bạn Jean Genet (1910-1986), một tội phạm và cũng là một nhà văn, đó là cuốn "Thánh Gênet: kịch sĩ và kẻ chết vì đạo" (Saint Genet, comédien et martyr = Saint Genet: Actor and Martyr, 1952).

Từ năm 1964, J.P. Sartre đứng đầu Tổ Chức bảo vệ các Tù Nhân Chính Trị người Iran (Organization to Defend Iranian Political Prisoners), kéo dài tới ngày thành công của cuộc Cách Mạng Hồi Giáo (the Islamic Revolution).

3/ Jean Paul Sartre và Chủ Nghĩa Cộng Sản.

Trong cuộc Chiến Tranh Lạnh, trong khi các bạn bè và nhất là Albert Camus, đứng về lập trường ủng hộ Hoa Kỳ và các nước phương tây thì J.P. Sartre lại là một con người tận tụy với xã hội chủ nghĩa và bên vực Liên Xô. Dù vậy, ông cũng lên án các hành động toàn trị của chủ nghĩa Xô Viết, đặc biệt là cách độc tài và đế quốc và ông tin tưởng rằng giới công nhân dù sao cũng tốt đẹp tại Liên Xô hơn là tại các nước tư bản của phương tây.

J.P. Sartre được mời làm Phó Chủ Tịch của Hội Thân Hữu Pháp-Liên Xô (the France-USSR Association)

Sau khi nhà độc tài Stalin qua đời, J.P. Sartre đã chỉ trích hệ thống cai trị Xô Viết, tố

cáo và lên án các trại tập trung cải tạo dù cho ông vẫn còn ủng hộ nước Liên Xô. Năm sau, ông đi thăm Liên Xô và đã phải nằm bệnh viện trong 10 ngày vì kiệt sức. Ông cũng đã liên hệ yêu đương với cô thông dịch người Nga tên là Lena Zonina.

Qua năm 1956, khi quân đội Liên Xô tràn vào xứ Hungary để đè bẹp các cuộc biểu tình chống cộng tại đây, J.P. Sartre đã lên án cuộc xâm lăng này và bên vực quyền tự do của xứ sở Hungary. Ông đã từ chức khỏi Hội Thân Hữu Pháp-Liên Xô, rồi qua năm 1968, cũng kết án Khối Warsaw đã xâm lăng xứ Tiệp Khắc, vì vậy tại Liên Xô, ông J.P. Sartre đã bị Thủ Tướng Nikita Khrushchev chỉ trích.

J.P. Sartre đã tìm cách liên kết các niềm tin triết học và chính trị. Ông tin tưởng rằng bên trong văn chương và triết học vốn đã có chính trị, theo chức năng, nếu không phải là theo nội dung. Ông mang niềm tin rằng một tác gia hay một nghệ sĩ phải tạo nên hy vọng làm thay đổi trật tự xã hội, vì vậy ông đã dẫn thân, viết nhiều để bên vực cho các cuộc tranh đấu, nhất là chống lại chế độ thuộc địa của nước Pháp tại châu Phi. Trong các thập niên về sau, có lẽ J.P. Sartre nổi danh không phải vì nền triết học "hiện sinh", mà vì niềm tin chính trị khuynh tả nhưng người ta coi ông là một nhà "xã hội chủ nghĩa" độc lập (an independent Socialist).

Khi tham gia vào các hoạt động trí thức và chính trị, J.P. Sartre cho ra đời tác phẩm "Các Bàn Tay Dơ Bẩn" (Les Mains Sales = Dirty Hands, 1948). Vào thời gian này, ông đã ôm ấp chủ nghĩa Cộng Sản nhưng lại không là một đảng viên, không tham gia vào một đảng cộng sản của một nước nào. Ông hoạt động tích cực chống lại chế độ thuộc địa của nước Pháp tại xứ Algeria và là người ủng hộ danh tiếng nhất

của cuộc Chiến Tranh Giải Phóng Algeria (the Algerian war of liberation).

Tại nước Pháp, Tổ Chức Đạo Quân Bí Mật O.A.S (Organization de l' Armée Secrete) thường thi hành các hoạt động khủng bố chống lại nền độc lập của xứ Algeria, họ đã cho nổ một trái bom vào năm 1961 tại căn phòng cư ngụ của ông J.P. Sartre trên con đường Bonaparte, rồi năm sau cũng vậy, vì thế ông Sartre đã phải dọn nhà về Bến Louis-Blériot, đối diện với Tháp Eiffel.

J.P. Sartre cũng chống "Chiến Tranh Việt Nam" và vào năm 1967, cùng với nhà văn, nhà tư tưởng Bertrand Russell và với vài danh nhân khác, đã tổ chức "Tòa Án Russell", đây là một pháp đình có ý định phơi bày và xét xử các tội ác chiến tranh (war crimes) của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

J.P. Sartre cũng bỏ ra nhiều thời giờ để làm dung hòa các ý tưởng hiện sinh đối với quyền tự quyết, dung hòa với các nguyên tắc cộng sản và tác phẩm chính trong thời kỳ trước năm 1960 là cuốn "Phê Bình Lý Trí Biện Chứng" (Critique de la raison dialectique = Critique of Dialectical Reason, 1960). Theo Sartre, con người được tự do nhưng phải chịu trách nhiệm về các chọn lựa do mình, chịu trách nhiệm về các đời sống tình cảm. Các điều nhấn mạnh của Sartre về các giá trị nhân bản (humanist values) trong các tác phẩm đầu của Karl Marx đã khiến cho các nhà trí thức Pháp đã phải tranh luận với ông trong thập niên 1960. Nhưng dù cho là một nhà nói chuyện xuất sắc (a superb conversationalist), ông J.P. Sartre đã thua trong một cuộc tranh luận với nhà triết học Louis Althusser, ông Althusser này đã tham gia vào đảng Cộng Sản Pháp từ năm 1948 rồi trong hai thập niên 1960 và 1970, được coi là một tiếng nói có ảnh

hưởng nhất của chủ nghĩa Mác Xít Phương Tây (Western Marxism).

Vào năm 1970, J.P. Sartre đã bị nhà cầm quyền Pháp bắt giữ vì bán trên đường phố một tài liệu Mao-ít bị cấm đoán, có tên là "Lý Do của dân tộc" (La cause du peuple). J.P. Sartre rất hiểu rõ các tư tưởng của Mao Trạch Đông. Ông đã từng qua Trung Hoa với Simone de Beauvoir vào năm 1955 và bà này đã quyết định viết một cuốn sách dày về nước này. Tuy nhiên, vào đầu thập niên 1960, cuộc cách mạng kinh tế và xã hội tại xứ Cuba đã ám ảnh ông J.P. Sartre nhiều hơn. Ông đã từng gặp ông Fidel Castro nhưng về sau đoạn giao với nhà độc tài này.

4/ Jean Paul Sartre và Văn Chương.

Nhiều người cho rằng trong các thập niên 1940 và 1950, các tư tưởng của Sartre vẫn còn mơ hồ và chủ nghĩa Hiện Sinh (Existentialism) đã trở nên một thứ triết lý của thế hệ "Beatnik". Đây là nhóm người trẻ của thập niên 1950 đã phản đối xã hội bằng các y phục và hành động không theo các quy ước thông thường. Các cuốn tiểu thuyết và các vở kịch rất biểu tượng trong giai đoạn này đã chuyên chở đường lối triết học của ông và trong vở kịch nổi danh nhất "Xử Kín" (Huis-clos = No Exit), đã có một câu nói danh tiếng nhất, đó là câu "Địa Ngục là các kẻ khác" (L' enfer, c' est les autres = Hell is other people). Năm 1948, Nhà thờ Cơ Đốc (the Catholic Church) đã xếp tất cả các tác phẩm của J.P. Sartre vào danh sách các sách bị cấm đọc vì ông được coi là một triết gia "vô thần" và các tác phẩm của ông là những cuốn sách khuynh tả.

Vào năm 1964, J.P. Sartre cho xuất bản cuốn "Ngôn Từ" (Les Mots = Words), đồng thời được trao tặng Giải Thưởng Nobel Văn Chương,

nhưng ông đã từ chối giải thưởng danh tiếng nhất trên thế giới này, và xác định rằng ông luôn luôn không lãnh nhận các danh dự chính thức, không muốn tự xếp mình vào các định chế (institutions) và cho rằng các giải thưởng giống như Giải Thưởng Nobel đã cứu xét quá nặng về mặt ảnh hưởng của người viết văn.

Trong thập niên 1960, J.P. Sartre đã trở nên một nhân vật nổi danh trên thế giới và đã tạo nên các danh từ mà mọi người đều nói tới, chẳng hạn như hai từ "hiện sinh". Dù thế, ông vẫn là một con người đơn giản, chẳng giàu có, thường tận tâm tranh đấu cho tới cuối đời, chẳng hạn như trong dịp các sinh viên biểu tình và đình công tại Paris vào mùa hè năm 1968.

Sức khỏe của J.P. Sartre suy kém dần. Ông bị hai lần đau tim vào năm 1971 rồi một lần khác 2 năm sau, vì thế ông đã dọn nhà tới Đại Lộ Edgar-Quinet. Về thị giác, ông bị chảy máu mắt nên ở trong tình trạng nửa mù (semi-blind). Để giúp đỡ ông làm việc, J.P. Sartre đã nhờ tới ông Pierre Victor là người đã gặp vào năm 1970 và đã thảo luận với ông về các vấn đề đạo đức học. Ông Victor này thường đọc các sách và các bài viết mà J.P. Sartre muốn nghe.

Năm 1975, khi được hỏi rằng ông muốn người đời tưởng nhớ tới ông như thế nào thì J.P. Sartre cho biết: "Tôi ước muốn được mọi người nhớ tới các tác phẩm "Buồn Nôn", "Xử Kín" và "Con Quỷ và Chúa Tốt Lành" (The Devil and the Good Lord), rồi tới hai tác phẩm triết học của tôi, đặc biệt là cuốn sau: "Phê Phán Lý Trí Biện Chứng" (Critique of Dialectical Reason), sau đó là bài khảo luận của tôi về Genet, Thánh Genet... Nếu những điều này được tưởng nhớ, thì đó đã là một công trình rồi và tôi không còn dám đòi hỏi gì thêm. Là một người, nếu một anh Jean Paul Sartre nào đó được tưởng nhớ, tôi ước muốn rằng người ta sẽ nhớ

các nơi và hoàn cảnh lịch sử mà tôi đã sinh sống, tôi đã sống trong đó như thế nào, và các khát vọng (aspirations) mà tôi cố gắng thu lượm trong chính tôi".

Tình trạng sức khỏe của J.P. Sartre suy kém dần, một phần cũng vì ông đã bỏ quá nhiều công sức để viết cuốn "Phê Phán" (The Critique) và một dự án cuối cùng trong đời của ông, đó là cuốn tiểu sử phân tích của Gustave Flaubert: "Kẻ ngu đần của gia đình" (L' idiot de la famille = The Family Idiot), cả hai tác phẩm này đều chưa hoàn thành.

Ngay từ thuở nhỏ, J.P. Sartre đã ưa thích các tác phẩm của Gustave Flaubert cho nên khi về già, ông đã nghiên cứu về Văn Hào này để viết ra một bộ sách 4 cuốn, có tên là "Kẻ ngu đần của gia đình" (L' idiot de la famille = The Family Idiot, 1971-72). Đây là tác phẩm lớn nhất của J. P. Sartre. Khi viết cuốn tiểu sử của Gustave Flaubert này, J.P. Sartre đã dùng tới các cách diễn tả theo Freud (Freudian interpretations) và các yếu tố xã hội và lịch sử theo Mác Xít. J.P. Sartre đã cho thấy Flaubert trở nên một con người do gia đình và xã hội tạo ra và các chọn lựa của Flaubert là từ hoàn cảnh lịch sử của giai cấp của ông ta.

Nhà triết học Jean Paul Sartre qua đời vào ngày 15/4/1980 tại Paris vì phổi bị phù (edema of the lung) và được chôn cất trong Nghĩa Trang Montparnasse thuộc thành phố Paris. Đám tang của ông có hơn 50,000 người tham dự. Sau khi J.P. Sartre qua đời, người nhận di sản văn chương của ông không phải là bà Simone de Beauvoir, mà là cô Arlette Elkaim, cô người tình của tác giả.

Cuộc đời của triết gia Jean Paul Sartre cũng như các giá trị tư tưởng của ông thì đầy nghịch lý, nhưng ông vẫn là một nhân vật có cảm tình với những người bị đàn áp trên thế

giới. Giống như Ernest Hemingway và F. Scott Fitzgerald sau Thế Chiến Thứ Nhất, Jean Paul Sartre là nhà trí thức Pháp rất danh tiếng sau Thế Chiến Thứ Hai và ông cũng là nhân vật dẫn đầu đã diễn đạt các quan điểm của thế hệ sau cuộc đại chiến này.

5/ Các tác phẩm văn chương và triết học của Jean Paul Sartre.

- Trí Tưởng Tượng (L' imagination = Imagination, 1936), một phê bình tâm lý học.
- Siêu Việt của Bản Ngã (La transcendance de l' égo = The Transcendence of the Ego, 1937).
- Buồn Nôn (La nausée = Nausea, 1938)
- Bức Tường (Le mur = The Wall, 1939).
- Phác thảo về một lý thuyết của cảm xúc (Esquisse d' une théorie des émotions = Sketch for a Theory of the Emotions, 1939).
- Tưởng Tượng (L' imaginaire = The Imaginary, 1940).
- Các Con Ruồi (Les mouches = The Flies, 1943).
- Thực Thể và Hư Vô (L' être et le néant = Being and Nothingness, 1943).
- Suy nghĩ về vấn đề Do Thái (Réflexions sur la question juive = Reflections on the Jewish Question, 1943)
- Xử Kín (Huis-clos = No Exit, 1944).
- Các con đường dẫn tới tự do (Les Chemins de la liberté = The Roads to Freedom), gồm 3 cuốn: - a) Thời đại lý trí (L' âge de raison = The Age of Reason, 1945)
- b) Án Treo (Le sursis = The Reprieve, 1947)
- c) Cảnh chết trong tâm hồn (La mort dans l' Âme = Iron in the Soul, 1949).
- Chết không đất chôn (Morts sans sépulture = Deaths without burial = The Victors, 1946).

- Chủ nghĩa hiện sinh là một chủ nghĩa nhân bản (L' Existentialisme est un humanisme = Existentialism is a Humanism, 1946).
- Con Đĩ đáng kính (La putain respectueuse = The Respectful Prostitute, 1946).
- Văn Chương là gì (Qu' est ce que la littérature? = What is literature? 1947).
- Baudelaire, 1947.
- Các hoàn cảnh (Situations, 1947-65).
- Các bàn tay dơ bẩn (Les mains sales = Dirty hands, 1948).
- Orpheus đen (Orphée Noir = Black Orpheus, 1948).
- Con Quỷ và Chúa tốt lành (Le diable et le bon dieu = The Devil and the Good Lord, 1951).
- Các ván bài đã xong (Les jeux sont faits = The Game is Up, 1952).
- Thánh Genet, kịch sĩ và người chết vì đạo (Saint Genet, comédien et martyr = Saint Genet, Actor and Martyr, 1952).
- Chủ nghĩa hiện sinh và các cảm xúc của con người (Existentialism and Human Emotions, 1957).
- Các kẻ bị kết tội tại Altona (Les séquestrés d' Altona = The Condemned of Altona, 1959).
- Phê bình lý trí biện chứng (Critique de la raison dialectique = Critique of Dialectical Reason, 1960).
- Ngôn Từ (Les mots = The Words, 1964).
- Kẻ ngu đần của gia đình (L' idiot de la famille = The Family Idiot, 1971-72).

Phạm Văn Tuấn

ĐỌC TẬP BÚT KHẢO “NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẪM” của HỒ TRƯỜNG AN

TÂM-MINH NGÔ TẶNG GIAO

Tập bút khảo NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẪM của bút giả Hồ Trường An đề cập tới bảy cây viết. Đó là Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Trương Anh Thụy, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trần Bích San và Nguyễn Thị Ngọc Dung. Nội dung các tác phẩm của bảy cây viết này đã được bút giả phân tích kỹ càng, chỉ xin ghi lại ở đây một số ý kiến của bút giả với văn chương của bảy người này mà thôi.

Người thứ nhất là MỘNG TUYẾT THẤT TIỂU MUỘI với quyển tùy bút “DƯỚI MÁI TRĂNG NON”. Lần đầu xuất bản năm 1969 tác phẩm này chỉ đăng những bài văn xuôi. Khi tái bản năm 1996 sách đã thêm thơ và thêm nhiều bài tùy bút khác.

Bút giả Hồ Trường An cho rằng thơ văn của tác giả: “điệu đà, thêu hoa dệt gấm rất diêm dúa và sặc sỡ” và xếp vào loại “đường lối văn chương theo phái Duy Mỹ”.

Riêng về những bài tùy bút thời “Óc quan sát của bà thật tinh nhuệ, thật bén nhạy và thật mãnh liệt. Những sự vật tâm thường dưới ngòi bút của bà trở nên linh động dị thường”. Và “cách diễn tả uốn lượn uyển chuyển”. Hơn nữa

bà: “dùng ngôn từ thi ca để viết tùy bút. Cho nên mỗi bài tùy bút của bà là một bài thơ bằng văn xuôi đúng hơn”.

Bút giả đưa ra nhận xét là: “Văn phong như thế này dù có uốn ẹo thật đấy, nhưng chẳng những nó không dơ dáy đại hình mà còn có nét đẹp riêng, song song với cái đẹp cổ kính của lụa vẽ nhưng thêu xen lẫn cái đẹp của trời nước, của trăng sao, của hoa đồng cỏ nội trong các bài tùy bút khác”.

Bút giả còn đưa thêm ý kiến là văn chương của tác giả Mộng Tuyết: “uyển chuyển, bay bướm, tuy hơi lập dị đôi chút, nhưng thuần túy hiền lành, chứ không giả vờ ngoạn mục, chứ không giả bộ đôn hậu” và bà “viết văn bằng một tấm lòng trước nhất, sau đó mới trang điểm thêm hoa hòe hoa sởi”.

Về thơ thời tác giả đã: “xử dụng ngôn ngữ dù đơn giản nhưng rất thơ, rất đượm đà tính chất sáng tạo. Tuy nhiên, bà dùng một vài hình ảnh, một vài điển tích và cái khí hậu thơ Đường Tống trong văn chương Trung Hoa. Cho nên đôi khi nó đứng ngơ ngàng bên lề cảm nhận của độc giả và xa cách niềm xúc động của họ một khoảng khá xa”.

Bút giả kết luận: “Bà Mộng Tuyết xuất thân từ lò Nam Phong Tạp Chí nên bút pháp bà vẫn vướng vít vài nét cổ kính, câu văn bà đôi lúc không tránh khỏi thói biến ngẫu réo rất nhàm tai. Cho nên văn thơ của bà có thể đã không

còn ai hưởng ứng, chiêm ngưỡng nữa. Không một nhà văn nữ nào chịu nổi gót theo bà”.

Người thứ nhì là BÌNH NGUYỄN LỘC. Nhà văn này được đề cập tới trong một bài viết của Hồ Trường An mang tựa đề “BÌNH NGUYỄN LỘC, TỔNG QUAN VĂN CHƯƠNG VÙNG ĐẤT ĐỒNG NAI”.

Bút giả nhận định về văn chương của tác giả Bình Nguyễn Lộc như sau: “*hào hứng tuyệt vời, vạm vỡ sức sống của tiền nhân trong cuộc khai hoang lập ấp và bồng bồng khí phách và anh linh của dân tộc thời xa xưa*”. Bút giả cho rằng tác giả đã: “*nắm vững nghệ thuật viết văn*” và “*viết lưu loát, ngon ơ, tuôn tuột, trơn như mỡ, láng như dầu, nhưng vẫn giữ phong thái của một nhà văn thuần túy.*”

Văn phong của tác giả thời: “*dí dỏm, tương đối khá Nam Kỳ (thứ ngôn ngữ Nam Kỳ ở đô thị).*” Tinh ý thời “*trong sáng, ít có dấu vết khách sáo qua nét thêu thùa chạm khắc*” nên luôn luôn “*xuê xòa, bộc trực*” và “*được diễn tả bằng thứ ngôn ngữ tượng thanh lẫn tượng hình*”. Tác giả đã viết văn: “*bằng cái trong sáng của thiên lương*” và “*không làm dáng trong bút pháp và văn phong nhiều*”.

Về phần truyện ngắn, bút giả đưa ra nhận định rằng đây là những tác phẩm: “*chất lọc cái tinh hoa quý giá của thần trí sáng tạo*”, “*văn chương trong đó nồng nàn tình yêu quê cha đất mẹ. Đôi khi cái nồng nàn đó lên tới mức độ sôi nổi*” nên tác giả đã “*không làm chủ được ngòi bút của mình*” và do đó văn chương ấy trở nên “*bộc tuếch, trống trải, cường điệu, bộc lộ cá tính Nam Kỳ*”. Và tác giả đã “*để mặc cho tâm sự mình phơi bày hờ hang, trần truồng, không nguy trang, không úp mở*”.

Về phần truyện dài thời hết 99 phần trăm đều đăng theo thể thức từng kỳ trên báo trước

khí in thành sách nên: “*không tránh khỏi theo thói viết đối thoại cù nhày cù nhằng*”. Tức là: “*kéo dài lời ông qua và lời bà lại một cách thừa thãi và vô bổ*”. Khi được in thành sách thời tuy đã: “*cắt xén bớt những câu đối thoại vô thưởng vô phạt lẫn những câu nhì nhằng*” nhưng quyển sách: “*vẫn không sạch sẽ gọn gàng, vẫn như mảnh đất hầy còn những bụi hoang đầy cành lá rườm rà, những cỏ dại bụi gai*”.

Bút giả đưa thêm nhận định là Bình Nguyễn Lộc đã viết truyện dài: “*với tất cả ý thức của một nhà văn chân chính song song với việc nuông chiều thị hiếu của quần chúng*”. Và đó là: “*điều khó khăn nhất cho người cầm bút*”.

Nói chung thời: “*Trong bán thập niên cuối của thập niên 50 và trong suốt thập niên 60 Bình Nguyễn Lộc là một nhà văn ‘populaire’ (phổ thông) nhất*”. Các truyện của tác giả “*không kén độc giả bao giờ*”. Tác giả đã: “*thành công về truyện ngắn hơn là truyện dài*”. Chính ở truyện ngắn mà tác giả “*có thể biểu dương văn tài*” của mình.

Người thứ ba là VI KHUÊ với tập truyện “NHỮNG NGÀY Ở VIRGINIA”. Truyện xuất hiện vào năm đầu của thập niên 90 và gồm 15 truyện ngắn.

Đây là quyển truyện thứ hai nên bút giả Hồ Trường An đưa ra nhận xét như sau: “*Quyển đầu vừa lười xa như bóng trăng rằm treo trên đỉnh ngọc vòm trời, thì quyển sau là một luồng ánh nắng gay gắt soi rọi thẳm cảnh bên quê nhà và những cảnh huống cười ra nước mắt trong các cộng đồng kiều bào đang định cư bên Hợp Chúng Quốc.*”

Bút giả cho rằng tác giả Vi Khuê đã: “*rất mãn cảm với thời sự và thời cuộc trong đất Nước Việt Nam và ở những nước sa vào vòng tranh chấp giữa hai khối Quốc Gia và Cộng Sản.*” Và

NHÃN HỎI

Mùa đông vừa chợt đến hay sao
Mà nắng theo mưa đổ dạt dào?
Thấy tuyết sắp về mây chạy trốn
Tình người đã giảm bớt chiều cao.

Em có nghe chẳng? Đêm vắng lặng!
Mộng tàn, thao thức trọn canh ba.
Trông đêm đen tối thành đêm trắng
Hình bóng ai gần cũng thấy xa!
Giường đệm tỏa lạnh trên chăn gối
Nhìn giấc chiêm bao nối tiếp dài
Em mất, em còn, em giận đối,
Lời yêu ta biết ngỏ cùng ai?

Tuy tiết vào đông, gió vẫn im
Bóng đêm buồn bã tỏa rơi chìm
Ta nghe tiếng thở dài đâu đó,
Tiếng của ta buồn, hay của em?

Ta biết tuần qua tiết lập đông
Rừng hoang còn lại mấy hàng thông!
Trời mây đen xám. Ta không biết
Em có còn tim trẻ nữa không?

HÀ BÌNH TRUNG

đầu óc của tác giả: “*như luôn có sẵn một cái máy mâu nhiệm. Hễ gặp một máy động nhỏ nhặt nào ở Nước Việt Nam đang còn bị bủa vây bởi bức màn tre hay ở đất nước nào có hai khối*

Quốc Cộng xung đột” là lập tức nó vẽ cho tác giả: “*một hoạt cảnh, một vận sự*” để từ đó tác giả: “*hình thành một truyện ngắn.*”

Bút giả xếp loại tác giả Vi Khuê: “*là nhà văn hiện thực*”. Đôi lúc tác giả: “*điều khắc và theo thừa thêm vài nhân sinh quan, vài tư tưởng tâm linh, vài tra vấn siêu hình để biến cái bản chất hiện thực thành tâm hiện thực.*”

Rồi khẳng định thêm rằng chỉ có loại văn chương hiện thực mới giúp cho tác giả: “*tham dự và chia sẻ vết thương của tổ quốc, cái bất hạnh ngổn ngang suốt chiều dài của lịch sử qua hai cuộc chiến thảm khốc (chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh cùng cuộc nội chiến giữa hai phe Quốc Cộng).*”

Bút giả cho rằng con đường văn chương của tác giả Vi Khuê đã định hướng sẵn rồi. Tác giả: “*không viết tiểu thuyết dã sử*” mà chỉ: “*chuyên viết về xã hội*” và “*lấy cái đau chung của dân tộc làm cái đau riêng của chính mình.*” Rồi nhấn mạnh rằng: “*Vi Khuê làm văn chương bằng tấm lòng nhân đạo và bằng sự hồn nhiên.*”

Người thứ tư là NGUYỄN THỊ THỤY VŨ với tập truyện dài “KHUNG RÊU”. Tác phẩm đã đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc vào năm 1971.

Bút giả Hồ Trường An đưa nhận định là tác phẩm này: “*chỉ ở lưng chừng giữa hai lần mức hiện thực và tâm hiện thực mà thôi*” và vì “*không có tác giả hiện diện trong tác phẩm. Cho nên chúng ta không thể gọi đây là một quyển tiểu thuyết tự truyện*”.

Còn về tác giả Nguyễn Thị Thụy Vũ thời: “*là một nhà văn tả chân*” và “*lối mô tả cùng*

nghệ thuật diễn tả tình ý các nhân vật” dưới ngòi bút của tác giả “*đượm đà một chút hương vị thái thừa của văn phong bút pháp các nhà văn tiền chiến, nhất là các nhà văn trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn*”. Trong một đoạn khác bút giả nói thêm: “*Bằng một bút pháp bình dị và trong sáng, bằng sự diễn tả lạnh lùng và khách quan*” tác giả “*vẫn đưa chúng ta vào nỗi buồn sâu hun hút, kéo dài cơn bàng hoàng ngày ngất...*”

Bút giả cho rằng: “*dù viết chuyện cường dân hay vụ thông dân, tác giả không cố tình khiêu dân, mà nhằm tạo cái đầu mối, cái then chốt của tấn thảm kịch mà tác nhân lẫn nạn nhân đều phải kê vai gánh vác cái hậu quả bi đát và cái hệ lụy oan trái sau này*”. Bút giả nhấn mạnh: “*táo tợn thì có mà khiêu dân thời không bao giờ. Càng viết táo bạo, tác giả càng khai thác cái bản năng thú tính của con người, càng chất chồng hệ lụy vào tấn thảm kịch gồm các nhân vật then chốt trong truyện. Cho nên dù áp dụng văn phong trong văn chương tiền chiến, nhưng tác giả đưa đẩy hành trình cây bút của mình vào những cuộc phanh phui tàn nhẫn hơn*”.

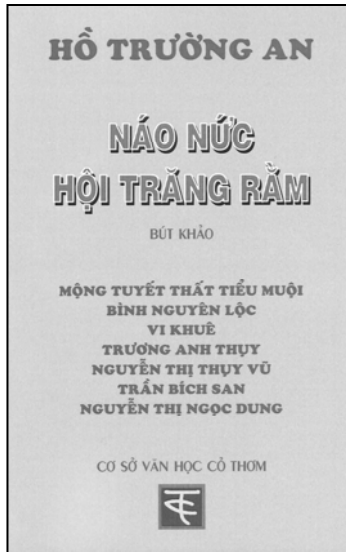
Bút giả kết luận: “*Đây là một cây bút phụ nữ viết văn với một ý thức sáng trưng: mở rộng một chân trời bao la cho văn chương phụ nữ, tránh cái riêng tư lẻ tẻ nhỏ nhoi để lao vào cái lớn lao nằm trong phạm vi thời đại, xã hội, lịch sử và đất nước*”.

Người thứ năm là TRƯƠNG ANH THỤY với tác phẩm “*CHUYỂN MÙA*”, đây gần 800 trang, ra đời vào giữa thu 2004. Chia làm 3 tập: “*Trạm Nghỉ Chân, Ma Lộ và Chuyển Mùa*.”

Bút giả Hồ Trường An cho rằng tác giả là “*một cây bút can đảm*”. Can đảm: “*ở chỗ dám tung ra cái thông điệp lạ lẫm về chính kiến, cái nhìn đặc thù về xung đột giữa hai phe Quốc Cộng cho kiều bào ở khắp bốn phương trời hải ngoại suy ngẫm*.” Theo bút giả thời: “*Chính trị, chủ nghĩa là một vấn đề phức tạp*.” Và tác phẩm đã: “*đặt ra nhiều vấn đề lớn lao cho độc giả mà mọi sự phô diễn, giải bày, tư duy nếu không sâu sắc và tinh tế thì trong lần tơ kẽ tóc sẽ gây nhiều ngộ nhận cho những độc giả cuồng tín, quá khích và nông nổi*”. Theo bút giả tác phẩm này: “*thuộc loại tiểu thuyết luận đề về chính kiến*”.

Bút giả cho rằng tập “*Ma Lộ*” dài nhất vì: “*có nhiều sự việc để tác giả khai thác. Từng biến cố trong và ngoài nước cuống quít xảy ra. Từng vận chuyển thời cuộc nườm nượp kéo tới*”. Qua tập này ngòi bút của tác giả tỏ ra: “*có vẻ thành thạo đối với báo giới và các ngành truyền thông khác, một đặc điểm xươg sống trong sinh hoạt của các cộng đồng người Việt ở rải rác khắp bốn phương trời hải ngoại*”.

Nhiều chi tiết trong các truyện ngắn được “*miêu tả chi ly tỉ mỉ*” nên văn chương “*rạng ngời nét tạo hình linh động và sống thực*”. Tác giả có “*nghệ thuật dựng truyện tinh vi*”, đã tạo ra nhân vật trong tác phẩm để: “*có dịp gửi một thông điệp xây dựng ưu ái cho các độc giả trẻ tuổi. Đó là cái thông điệp chứa đựng biết bao ký thác và niềm tin cậy của tác giả cho các bạn trẻ tuổi về tương lai đất nước của chúng ta*”.



Theo bút giả thời tác giả Trương Anh Thụy: “không phải là nhà viết tiểu thuyết diễm tình” mà là: “một cây bút xông xáo vào địa hạt tâm linh để phóng chiếu cái tâm mức cao vọi vọi của nó vào mọi lãnh vực khoa học nhân văn và vào mọi góc cạnh của xã hội phồn tạp trên quê hương tổ quốc của chúng ta.”

Bút giả quan niệm rằng: “Trong lãnh vực văn chương, thâm thúy nhất là ở chỗ tả cảnh ngụ tình.” Và kể đó đưa ra nhận xét là tác giả: “vốn là người ưu tư trước vận nước đang hồi ngửa nghiêng, trước dân tâm ly tán” nên “muốn có sự hòa hợp giữa dân mình với dân mình” và gán cái ước vọng đó cho nhân vật trong truyện, không sợ bản thân mình “phải đi dưới hai lần đạn”, không sợ bị “người bên này phao vu là đi hàng hai để tuyên truyền cho Cộng Sản”. Từ đó bút giả ca ngợi: “phép ẩn dụ trong nghệ thuật văn chương của Trương Anh Thụy thật kỳ diệu.”

Để đưa ra một kết luận bút giả cho rằng Trương Anh Thụy: “tỏ ra nhạy cảm với từng cái máy động của thời cuộc, từng chặng biến chuyển của hai khối Quốc gia và Cộng sản quốc tế cũng như quốc nội”. Chuyển Mùa được viết “bằng khối óc hơn là bằng con tim.” Nhưng đọc kỹ, chúng ta nhận ngay người viết dùng khối óc: “để vun quén mảnh đất tình người, khơi mở mạch suối yêu thương, thấp sáng tinh thần xả kỷ” cho nên chính con tim cũng đã góp phần tạo nên dòng văn chương của tác giả: “Chị vẫn là cây bút đặt tình thương yêu trên mọi điều trong cuộc bút trình của chị như tự xưa giờ.” Bút giả đánh giá Chuyển Mùa là: “một tác phẩm lớn.” Và cho rằng nhà văn khi sáng tác một tác phẩm thường ôm một hoài bão hay một giấc mơ nào đó. Riêng giấc mơ của tác giả là: “phó thác cho các thế hệ trẻ đứng lên để hoàn thành trách nhiệm của kẻ đi trước đang bỏ dở dang.”

Người thứ sáu là TRẦN BÍCH SAN với tập “VĂN KHẢO” trình làng vào năm 2000.

Nhận định đầu tiên của bút giả Hồ Trường An là: “mười ba chương biên khảo văn học chỉ được thu nhỏ vào trong 160 trang sách” nên đây là “một tác phẩm cô đọng”. Tác giả đã “chắt mót gạn lọc cái tinh hoa trong đồng sách tham khảo cao ngệu” để sau đó đưa vào tác phẩm của mình hầu “truyền đạt đến người đọc một cách thống khoái”. Cộng thêm với sự diễn tả “rất gọn gàng và trong sáng, sự sắp xếp mọi tình tiết rất minh bạch và ngắn nấp nên người đọc cảm thấy thoải mái...”

Bút giả nhận định rằng: “Văn Khảo là một quyển biên khảo văn học đa dạng”. Và rằng: “... công trình biên khảo dù ngắn gọn nhưng vẫn biểu dương cách làm việc công phu của học giả Trần Bích San. Cách làm việc ấy tỉ mỉ như của một nghệ nhân kim hoàn khi chạm trở hay khảm nạm trên châu, ngọc thạch, kim cương vào các món bội hoàn tinh xảo”. Có nhiều trường hợp tác giả đã: “gạn lọc lấy cái tinh hoa trong đồng tài liệu để đúc kết thành một nhận định mới, chính xác hơn và đáng tin cậy hơn”. Có nhiều trường hợp “từ một vận sự nhỏ nhoi” mà tác giả đã “phóng đại nó ra để nêu rõ vấn đề hơn”.

Bút giả ngợi ca rằng tác phẩm trên đã giúp cho tác giả Trần Bích San: “tham dự vào hàng ngũ các nhà phê bình biên khảo văn chương nổi tiếng ở hải ngoại”

Người thứ bảy là NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG với tác phẩm “NON NƯỚC ĐÁ VÀNG” do Cơ Sở Văn Học Cổ Thơm xuất bản năm 2007. Đây là một tập bút ký gồm 6 chương.

Ba chương “Non Nước Đá Vàng, Lạc Vào Khung Tranh và Theo Dấu Chân Ấn Tượng” trong đó tác giả Ngọc Dung thuật lại các cuộc đi

du lịch với chồng mình thời được bút giả Hồ Trường An đưa ra nhận định là những đồng bút ký đó đã: “*vẽ lên trong tâm tưởng độc giả cuộc ngoạn cảnh cùng cuộc thưởng lãm cái hay cái đẹp của xứ Hoa Kỳ của đôi vợ chồng vào tuổi thứ 3 trong cuộc sống. Nó hé lộ một chút bóng dáng cuộc sống hạnh phúc lứa đôi của tác giả*”.

Ba chương “Ngàn Dặm Du Ca, Thư Gửi Bạn Quê Nhà và Những Ngọn Cỏ Thơm” trong đó tác giả ghi lại những sinh hoạt của mình với các bạn học Trưng Vương cũ, với các bạn văn, bạn thơ trong cuộc sống hiện tại thời được bút giả trầm trồ khen ngợi là: “*buổi hoàng hôn cuộc đời của tác giả đẹp biết ngần nào*”

Nói chung thời bút giả đánh giá là tác giả Ngọc Dung đã: “*viết nên một thiên bút ký làm độc giả phải ao ước thêm thuồng*”. Thường thì người đi du lịch chỉ viếng cảnh, chụp hình, quay phim mua bưu ảnh hoặc vài món thổ sản làm kỷ niệm, nhưng tác giả thời khác vì đã: “*thâu nhận những gì hiện trong vùng nhân giới của mình bằng óc quan sát tinh nhuệ, bằng niềm rung cảm tuyệt vời của một nghệ sĩ hiến mình trọn vẹn cho 3 bộ môn nghệ thuật là thi văn, nhiếp ảnh và hội họa*”.

Bút giả nói thêm là tác giả Ngọc Dung đã có “*tinh thần hiếu học của một cây bút phụ nữ*” và “*không phải ngoạn cảnh suông trơn mà cốt mở rộng tâm kiến thức của mình*”. Rồi bút giả kết luận rằng: “*ngoài kiến thức chuyên biệt về văn chương, tác giả còn có cái kiến thức tổng quát phong phú gồm lịch sử, địa dư, thẩm mỹ, hội họa. Đó là cái lợi khủ cho một nhà văn viết du ký*”.

Bút giả Hồ Trường An nêu rõ lý do vì sao mình viết cuốn “NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM” như sau: “*Độc sách đối với tôi là một nhu cầu thường nhật không thể thiếu*” và nhấn mạnh rằng: “*cuộc sống của tôi đã bị những*

sợi dây oan nghiệt trói buộc vào công việc viết lách từ gần nửa cuộc đời, không thể vất bỏ được”.

Và đây là lý do tại sao bút giả lại tuyển chọn bảy cây viết trong tập bút khảo này: “*ngoài tài năng của họ, tôi viết về văn chương họ qua mối thiện cảm sâu xa*”. Bút giả nói thêm: “*Đó là những khuôn mặt của kỷ niệm, của một quá khứ xa xôi hay gần gũi, nhưng tạo cho tôi một nguồn cảm hứng phong phú ...*”

Thật ra trong khi viết về văn chương của bảy cây viết trên Hồ Trường An nhân đó đã chỉ dẫn cho người đọc được biết thêm nhiều chi tiết vừa ích lợi, vừa kỳ thú về vô số các vấn đề khác: như về các tạp chí Nam Phong, Bách Khoa v.v... về thi đoàn như Quỳnh Dao, về Tự Lực Văn Đoàn v.v... Và nhất là về các cây viết khác (kể cả Việt Nam lẫn quốc tế, kể cả xưa và nay). Quốc tế như George Sand, Georges Simenon, Emile Zola, Françoise Sagan, Léon Tolstoi, Dostoievski, Gustave Flaubert, Lâm Ngữ Đường, Tào Tuyết Cần v.v... Nước Việt như Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài, Huy Cận, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính, Đông Hồ, Nhất Linh, Thạch Lam, Vũ Bằng, Nguyễn Hiến Lê, Doãn Quốc Sĩ, Mai Thảo, Sơn Nam, Lê Xuyên, Hồ Biểu Chánh, bà Tùng Long, Nhật Tiến, Lê Tất Điều v.v... và còn nhiều nữa, kể ra không hết.

Virginia, USA, tháng 8 năm 2007
Tâm Minh NGÔ TẶNG GIAO

Ra Mắt Sách
“NHÌN LẠI SỬ VIỆT”
của Tiến-Sĩ
LÊ MẠNH HÙNG

TÂM VIỆT

Được thông-báo và tổ-chức trong một thời-gian kỷ-lục, buổi ra mắt sách *Nhìn Lại Sử Việt* của Tiến-sĩ Sử-học Lê Mạnh Hùng hôm Chủ-nhật vừa qua, 11 tháng 11, tại Mason District Government Center trên đường Columbia Pike cũng đã thu hút được gần 100 người đến dự, hầu hết là những thức-giả hằng quan-tâm đến đời sống văn-hoà của người Việt hải-ngoại ở trong vùng.

Sở dĩ ta có thể nói được là kỷ-lục bởi Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, theo nữ-sĩ Trương Anh Thụy, một nhân-vật chủ chốt trong nhà xuất bản, “chúng tôi được biết quyết-định của tác-giả Lê Mạnh Hùng gần như trong chớp nhoáng khi ông có một cơ-hội sang Mỹ từ Luân-đôn.”

Mở đầu buổi ra mắt, ông Nguyễn Ngọc Bích đã trình bày đây chỉ là một cuộc trao đổi thân-tình giữa một số bạn đọc-giả và tác-giả nhân dịp ông đi qua vùng Thủ-đô trên đường đi Cali. Dù sách mới chỉ in xong gần đây song không ít bạn đọc đã có dịp xem qua một số bài trong loạt bài “Tản mạn lịch sử” của Tiến-sĩ Lê Mạnh Hùng trên mặt báo Việt Tide trong mấy năm qua, giờ đây được gom lại và đúc lại để cho liền lạc và thành một tác-phẩm thống nhất. Cuốn sách mới, *Nhìn Lại Sử Việt*, còn có tiêu-tựa là “Từ tiền-sử đến tự-chủ,” còn cho ta thấy đây mới chỉ là tập đầu trong một bộ sử nhiều tập do Tổ Hợp

XBMD nhằm tung ra để khi hoàn-tất có thể thành một bộ thông-sử tiêu-chuẩn cho thế-hệ ngày nay.

Quan-diểm Tổ Hợp

Sau khi giới-thiệu tiểu-sử tác-giả ông Bích đã trình bày những lý-do vì sao Tổ Hợp XBMD, một nhà xuất bản nhỏ đã hoạt-động từ năm 1985, đã chọn in bộ sử này. Ông cũng nhân cơ-hội này hé cho ta thấy vai trò của một nhà xuất bản là có thể nâng giá-trị của tác-phẩm bằng cách trình bày, sắp xếp các “headers” (dòng lược-đẫn nội-dung nơi đầu trang) hoặc thêm vào những phụ-trương có ý nghĩa (như bản-đồ, phụ-trương hình ảnh, v.v.).

“Viết sử là một công-trình không dễ thực-hiện,” ông nói. “Viết sử về một quốc gia có lịch-sử lâu đời trải dài trên nhiều nghìn năm lại càng khó khăn hơn nữa. Vì sao? Vì nhiều lý-do: Tài-liệu, sử-liệu thiếu sót hoặc mâu thuẫn; người xưa có những lối sống, tập-tục, quan-niệm rất khác chúng ta ngày nay; các triều-đại lên xuống thường đưa ra những cách nhìn, cách đọc lịch-sử lợi cho chính mình khi thắng thế (‘được làm vua, thua làm giặc’); rồi những tranh-chấp mà ngày nay ta không nhất thiết đã chia xẻ với người xưa (tỷ như giữa nhà Lê và nhà Mạc, giữa nhà Trịnh với nhà Nguyễn, giữa nhà Nguyễn Tây-son và nhà Nguyễn Gia Miêu, giữa cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Châu Trinh, chẳng hạn) chứ nói gì đến những tranh-chấp thời cận-hiện-

dại. Thành thử viết sử có thể là một bãi mìn mà ít người dám có can đảm bước vào.

“Có lẽ cũng vì thế mà chuyện viết sử trong thời vua chúa ngày xưa phần lớn là một việc làm tập-thể. Các triều-dại phong kiến ở nước ta thường có Quốc-sử-quán để: thứ nhất, dùng được tài-năng và hiểu biết của nhiều người, phần lớn là những bộ óc lớn đương-thời, vào công việc khó khăn này; phần nữa là để cuối cùng Nhà nước có thể kiểm-soát được sản-phẩm mà Quốc-sử-quán đưa ra. Ta biết Lê Văn Hưu dưới đời nhà Trần có bộ *Đại Việt Sử Ký*, bộ sử 30 quyển, bộ sử đầu tiên của nước ta nhưng nay đã mất, chỉ còn tồn tại trong những phần nào mà sử về sau chép lại của ông. Sang đến đời Lê, kéo dài hơn 350 năm, chúng ta có độc-nhất một bộ chính-sử, bộ *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, do Ngô Sĩ Liên khởi thảo và hoàn-tất dựa vào Lê Văn Hưu và Phan Phù Tiên (tác-giả bộ *Đại Việt Sử Ký tục biên*), sau được nhiều người viết tiếp và tăng bổ, và phải sang đến đời nhà Nguyễn chúng ta mới lại có một bộ sử để đời, bộ *Khâm định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, mà người tổng-tài là Phan Thanh Giản, 47 quyển. Công việc viết sử dưới đời nhà Nguyễn được tiếp-tục sang đến đầu thế-kỷ XX với những vị tổng-tài uyên bác như Trương Đăng Quế, Trương Quốc Dụng và Cao Xuân Dục, ngay cả sau khi Pháp đã chiếm nước ta.

“Song chính-sử cũng sẽ rất khô khan và thiếu sót nếu không có những tác-phẩm, tuy không phải là của Quốc-sử-quán song cũng rất cần để bổ túc vào đó. Thử tưởng tượng nếu bàn về nguồn gốc dân-tộc hay thời tiền-sử mà lại không có *Lĩnh Nam chích quái* hoặc về giai-đoạn Trịnh Nguyễn phân tranh mà lại không có *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, thời Tây-sơn mà không có tiểu-thuyết lịch-sử *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô-gia văn-phái, hoặc ngay lịch-sử nhà Nguyễn mà lại

thiếu *Đại Nam thực lục tiền biên* và *chính biên* (560 quyển) hay *Đại Nam liệt truyện* (85 quyển) thì câu chuyện đất nước ta sẽ tẻ nhạt như thế nào! Rồi một bộ như *Lịch triều hiến chương loại chí* (1821) của Phan Huy Chú thì phải coi là một bộ bách khoa từ điển về đất nước chúng ta trước thời nhà Nguyễn. Đó là chưa nói đến những hợp-tuyển văn-học của Phan Phu Tiên, Lê Quý Đôn, Bùi Huy Bích, hay những sách về địa-lý, pháp-luật, xã-hội, tín ngưỡng v.v.

“Nêu ra một cách rất sơ sài những sách trên, tôi chỉ có ý cho ta thấy phải liêu lĩnh lắm mới dám ngồi xuống viết một bộ thông-sử VN như tác-giả Lê Mạnh Hùng đã và đang cố gắng làm qua bộ *Nhìn Lại Sử Việt* mà Tô Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ vừa in ra tập đầu, ‘Từ Tiền sử đến Tự chủ.’

*

* *

“Nhưng can đảm hay ‘liêu lĩnh’ thì ông Lê Mạnh Hùng, bạn của tôi, có thừa. Sản-phẩm của những trường như Chu Văn An Sài Gòn và MIT ở Mỹ, ông lại còn có nhiều kinh-nghiệm trong ngành kinh tế, tài-chánh, kế-hoạch của VNCH trong thời-gian ông về phục-vụ ở trong nước (1965-1975) trước khi ‘được’ Việt Cộng ‘rước’ đi học tập cải tạo nhiều năm ở Hàm Tân. Một con người luôn luôn tích-cực, theo nghĩa là không bao giờ bỏ cuộc, ông đã lợi-dụng ngay thời-gian trong lao tù để học chữ Hán, không khác gì cha ông của chúng ta ngày xưa, khi đi Côn-đảo thì quay ra học nguyên quyển từ-điển Larousse, cho nên giờ đây ông rất giỏi chữ Hán đọc được báo và sách Tàu như chúng ta đọc chữ quốc-ngữ vậy. Riêng khả-năng này đã mở rộng cho ông tất cả kho tàng thư-tịch Trung-hoa và của Việt-nam xưa để thành một trong những sử-gia hiếm hoi ngày nay rất ung dung khi cần phải tham-khảo sách cũ. Ông còn có cái may mắn là ở gần British

Library, một trong những kho chứa sách Trung-hoa đầy đủ nhất của nhân-loại, để có thể vào tìm đọc bất cứ lúc nào. Cá-nhân tôi đã có dịp đi tìm bộ tuồng cổ của VN (trong sưu-tập Landes) ở British Library, vào xin xem một cách rất dễ dàng (khác hẳn những thủ-tục rườm rà và khó khăn của Bibliothèque Nationale ở Pháp) và người ta đẩy ra cho tôi một cái tựa như ‘shopping cart’ chất đầy khoảng 30 văn-bản tuồng Nôm chép từ thế-kỷ XIX.

“Trong thời-gian ông ở lại quê nhà, nghĩa là cho đến năm 1990, vì được chính-quyền mới trung dụng làm việc trong chương-trình phát triển đồng bằng sông Cửu Long và phụ-trách lập mô-hình kinh tế bán-đảo Cà-mâu và khu tứ giác Long-xuyên, ông cũng đã có dịp hiểu biết thêm rất nhiều trên thực-địa về miền này. Rồi VN sang định cư ở Úc, ông đã dạy thông-dịch và phiên-dịch tại trường đại-học Victoria College ở Melbourne cho đến năm 1992 thì ông đã cùng gia-đình sang nhận việc ở BBC, Anh-quốc. Thời-gian ở đây, ông đã ghi danh theo học lịch-sử tại SOAS (tắt cho School of Oriental and African Studies, tức Trường Đông-phương và Phi-châu-học) thuộc VDH Luân-đôn. Tại đây, ông đã lấy xong bằng Tiến-sĩ Sử-học năm 2000 với luận-án ‘Kinh tế VN trong Thế-chiến II.’ Năm sau, ông sang công-tác ở Đài Á Châu Tự Do, nơi đây tôi có dịp làm việc trực-tiếp với ông trong hơn hai năm, cho đến khi tôi về hưu vào tháng 7/2003, và ông cũng rời đài ít lâu sau đó để về với gia-đình ở Luân-đôn.

“Chính nhờ nghỉ hẳn việc hàng ngày nên ông đã có thời giờ tập trung vào việc viết loạt bài ‘Tàn mạn lịch-sử’ được khá nhiều người theo dõi trên báo Việt Tide hàng tuần. Mặc dầu đây đó cũng đã có một hai dư-luận không nhất thiết đồng-ý với đôi ba nhận xét của ông, đặc-biệt khi ông viết về thời cận-

hiện-đại, nhưng ông không lấy đó làm buồn mà còn coi đó là những nhận xét thẳng thắn giúp ông có thể sửa sang khi duyệt lại và cho in thành sách.

*
* *

“Cuốn sách ra mắt hôm nay, *NHÌN LẠI SỬ VIỆT: Từ Tiền-sử đến Tự-chủ*, là sản-phẩm của một lối làm việc khá cẩn trọng như vậy. Công-bố những tìm tòi, khám phá, suy nghĩ của mình sau nhiều năm nghiên ngẫm nhưng không nhất thiết cho là mình độc-quyền sở-hữu sự thật. Đây là một lối viết sử khá mờ vì từ giữa những bài ‘Tàn mạn’ đến khi in thành sách vẫn còn một khoảng thời-gian để nhận phản-hồi từ độc-giả và sửa chữa cho chính-xác hơn, khi cần.

“Phần đóng góp của Tổ Hợp, trong giai-đoạn duyệt bản (chúng tôi dùng chữ này thay cho chữ “biên-tập” quen thuộc hơn ở trong nước), là góp làm sao cho cuốn sách dễ dùng, dễ theo dõi, với những phụ-bản làm tăng thêm giá trị của cuốn sách. Có tất cả ba phụ-chương trong đó:

“Một là 8 tấm bản-đồ ít thấy trong sách sử nước ta, cho người đọc nhận ra rõ ràng các vị-trị được nhắc đến trong sách, dù là bản-đồ khảo-cổ-học ở miền Bắc và miền Thanh Nghệ Quảng hay là những bản-đồ của nước ta dưới thời nhà Hán, nhà Đường, hay những ngày ta lấy lại được một phần độc-lập, như nước ta khi có tên là Vạn Xuân hoặc nước ta dưới thời Ngô Quyền.

“Hai là 18 bức tranh màu về các loại đồ dùng của cha ông chúng ta cách đây trên dưới 2000 năm, khi chúng ta chủ-yếu còn là giống Lạc, chưa thành Việt. Những bức tranh này (người ta nói một bức tranh bằng 10.000 chữ) cho thấy một trình-độ văn-minh văn-hoá vật-chất khá tiến-bộ từ cách đây cả 20 thế-kỷ hay hơn. Điều đó, nếu làm cho chúng ta hãnh diện, thì cũng lại buộc chúng

ta phải suy nghĩ là tại sao sau đó, chúng ta lại không theo kịp được đà văn-minh tiên-hoá của nhân-loại—tóm lại, một câu hỏi rất “thời-sự.”

“Ba là một phần mà chúng tôi xin gọi là ‘Lịch-sử trong ký-ức đời sau’ để thấy trong tiến-trình Hán-hoá của chúng ta, từ khi đất Giao-chí Giao-châu chỉ là một quận của Trung-hoa dưới thời mà ta gọi là Bắc-thuộc cho đến sau này, ngay dưới thời các vua phong kiến ở nước ta, đã làm cho chúng ta hiểu lầm rất nhiều lịch-sử nước nhà. Tỳ-dụ, trong một số sách sau này, chúng tôi thấy là các vua Hùng đều có miêu-hiệu bằng tiếng Hán. Chuyện này thật quá là vô lý khi theo tác-giả Lê Mạnh Hùng, đây chỉ là những tên truy-phong mới có từ thế-kỷ XVIII dưới đời nhà Lê.

“Chính vì những sự hiểu lầm như thế này mà vấn-đề nguồn gốc dân-tộc Việt-nam đã rơi vào trong một tình-trạng hoả mù mà trừ phi ta nghiên cứu thật cận kẽ và nghiêm túc, có khi ta không còn biết đâu mà mò. Việc làm sáng tỏ những vấn-nạn này trong lịch-sử là một trong những thành-tựu lớn của tác-giả Lê Mạnh Hùng trong cuốn *NHÌN LẠI SỰ VIỆT: Từ Tiên-sử đến Tự-chủ*, ra mắt trong ngày hôm nay.”

Quan-niệm những “bước ngoặt” của tác-giả

Đến phần tác-giả lên diễn-đàn, Tiên-sĩ Lê Mạnh Hùng kể về một vài người đã có công chỉ cho ông về chữ Hán và Hán-học (ngay cả trong thời-gian ông ở tù CS), rồi ông đưa ra quan-niệm của ông khi ông viết lịch-sử.

Ông cho rằng lịch-sử của mỗi dân-tộc đều có những “bước ngoặt” của nó, quyết-định cái vận mệnh cuối cùng của dân-tộc đó. Những “bước ngoặt” này, theo ông, không thể biết trước được vì đôi khi chúng như những tai-nạn xảy ra trong đời chúng ta. Làm sao ta biết được là đi ra đường, ta có thể bị đụng xe? Nhưng nếu chuyện đụng xe xảy ra thì ta có thể

bị què cụt, và què cụt ta phải sinh-hoạt khác hẳn người thường. Những chuyện như thế này sẽ ảnh-hưởng ta suốt cuộc đời mà ta không thể làm gì để đổi thay được.

Lịch-sử cũng thế. Chính vì thế mà ông cho rằng khi hoàn-tất, bộ *NHÌN LẠI SỰ VIỆT* của ông sẽ có 5 tập: Từ tiên-sử đến tự-chủ (quyển đầu), rồi thời Lý-Trần (đến hết nhà Hồ), nghĩa là giai-đoạn phong kiến trong lịch-sử nước ta, rồi từ nhà Lê đến nhà Nguyễn, thời Pháp-thuộc, và cuối cùng là từ 1945 đến 1975. Ông cho biết ông đã hoàn-tất hai tập đầu và còn đang viết những tập còn lại.

Sau phần trình bày của ông Hùng, nhiều khán-thính-giả đã đặt ra nhiều câu hỏi, đôi khi rất lý thú và sâu sắc, về vấn-đề viết sử (về vấn-đề nguồn gốc dân-tộc VN, về các ý-nghĩa của chữ “Lạc,” về tương-lai của cộng-đồng VN hải-ngoại dựa trên sự nghiên cứu của ông, v.v.) và ông Hùng đã tìm cách trả lời khá cận kẽ, có thể nói là thỏa mãn được hầu hết các vị đặt ra câu hỏi cho ông.

Tương cũng cần nhắc là hôm Chủ-nhật vừa rồi còn có sự hiện diện của ông Huỳnh Văn Hiệp, phó-hội-trưởng ngoại-vụ của Giáo-hội PG Hoà Hảo (hải-ngoại), đến một phần để nghe và một phần cũng để trao đổi với sử-giả Lê Mạnh Hùng về một vài điều mà các tín-đồ Hoà Hảo cho là ông Hùng đã viết ra không chính-xác về Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ. Tuy-nhiên, vì cuốn sách ra mắt hôm đó chưa nói đến giai-đoạn cận-hiện-đại nên hai vị đã thu xếp để gặp nhau hôm sau trao đổi về vấn-đề này.

TÂM VIỆT

Nhà Thơ HÀN MẶC TỬ

LÊ THƯƠNG

Theo ông Nguyễn Hiến Lê qua cuốn “Hương Sắc Trong Vườn Văn” thì Hàn Mặc Tử là một trong những nhà thơ lớn của thi đàn Việt Nam. Những mối tình thất vọng và chứng bệnh nan y là chất xúc tác kỳ diệu đã giúp Hàn trở thành một nhà thơ lớn. Và chính chứng bệnh nan y với những mối tình tuyệt vọng này đã dày vò thể xác lẫn tâm hồn của nhà thơ khiến nhà thơ đã thốt lên những lời đau thương thâm thiết:

*Máu đã khô rồi thơ cũng khô,
Tình ta chết yếu tự bao giờ!
Từ nay trong gió, trong mây gió,
Lời thâm thương rền khắp nẻo mơ.*

*Ta còn trù mến biết bao người,
Vẻ đẹp xa hoa của một trời.
Đầy lệ, đầy thương, đầy tuyệt vọng.
Ôi! Giờ hấp hối sắp chia phôi!*

*Ta trút linh hồn giữa lúc đây,
Gió sầu vô hạn thổi trong cây...
Còn em sao chẳng hay gì cả?
Xin để tang anh đến vạn ngày.
(Trút Linh Hồn)*

Hàn tiên sinh tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22-9-1919, quán làng Hương Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Thuở nhỏ học ở Huế, từ năm 1932 đã từng làm thơ ký nhà buôn, trắc lượng viên Sở Địa Chánh và chủ trương tờ Công Luận Văn Chương, ngoài ra còn cộng tác với các tạp chí như Trong Khuê Phòng, Tân Thời. Thi sĩ



đã từng mang các bút hiệu Minh Duệ Thị, Phong Trần, Lê Thanh trước khi có bút hiệu Hàn Mặc Tử. Những thi phẩm đã xuất bản gồm *Gái Quê*, *Xuân Đau Thương*, *Như Ý*, *Thương Thanh Khí*, còn kịch thơ thì đã xuất bản *Duyên Kỳ Ngộ*, *Quần Tiên Hội*. Ngoài ra nhà thơ cũng còn để lại một bản văn xuôi khá nổi tiếng đó là *Chơi Giữa Mùa Trăng*.

Cuối năm 1936, Hàn thi sĩ biết mình mắc chứng bệnh cùi, sau gần hai năm chạy chữa ở nhà nhưng bệnh càng ngày càng tăng, đến mùa hè 1938, Hàn tiên sinh quyết định vào Bó Thí Viện ở Qui Hòa, Qui Nhơn và mất ở đây vào ngày 11-11-1940, lúc đó thi sĩ chỉ mới có 28 tuổi nhưng thơ của thi sĩ đã khá nổi tiếng

BÊN DÒNG NẠI HÀ

Bên kia dòng Nại Hà
Là hồn ma bóng quế
Bên này bờ dâu bể
Là từng lớp phế hưng
Ta thấy mọc trên lưng
Trùng trùng gai thổng khoả,
Ta nhìn ta đáy mộ
Chỉ thấy trời mênh mông
Nghìn năm nghe sóng vỗ
Ôm trái sầu kim coả
Suốt đời cùng long đong
Có tiếng ve kêu giấc hạ buồn
Bàn chân lưu lạc mộng tha hương
Có ta về với sầu châu thổ
Vô tận Em chờ tóc điểm sương.

Em tự nghìn xưa lạc bước về.
Xuân tình lay tỉnh một hôn mê
Vần thơ khép lại thiên tình sử
Trời đất tương tư bóng nguyệt đề.

VƯƠNG ĐỨC LỆ

vào thời ấy. Thật là một thiên tài nhưng mệnh yếu để lại nhiều nuối tiếc cho thi đàn Việt Nam. Khi nói đến sự nghiệp thi ca của Hàn Mặc Tử, chúng ta có thể khẳng định rằng chính chứng bệnh nan y kết hợp với những mối tình vô vọng đã giúp thiên tài Hàn Mặc

Tử giữ địa vị xứng đáng trên thi đàn. Thật vậy, nhìn vào dòng thơ, Hàn thi sĩ khởi đầu sự nghiệp thi ca bằng bài thơ Đường:

*Áp úng không ra được nửa lời,
Tình thu bi thiết lắm thu ơi!
Vội vàng cánh nhạn bay đi trớt,
Hiu hắt hơi may thoảng lại rồi...
Nằm gặng đã không thành mộng được,
Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi.
Ngàn trùng bóng liễu trông xanh ngắt,
Cánh sắp về đông mắt lệ vui.
(Buồn Thu)*

Dĩ nhiên ý thơ đã vượt xa những bài thơ Đường trong nền thi ca cổ điển vào hậu bán thế kỷ 19 đầu thế kỷ thứ 20 nhưng vẫn còn ước lệ, vẫn còn bị đóng khung. Đến khi tập “Gái Quê” ra đời, thi sĩ đã lột xác, giã từ những ý thơ “ước lệ” để theo gót chân năng thơ thanh tân với những dòng thơ trữ tình, lãng mạn:

*Trăng nằm sóng soài trên cành liễu,
Đợi gió đông về để lả lơi.
Hoa lá ngây tình không muốn động,
Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi!*

*Trong khóm vi lau rào rạt mãi...
Tiếng lòng ai nói sao im đi?
Ô kia, bóng nguyệt trần tròng tắm,
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe...*

*Vô tình để gió hôn lên má,
Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm.
Em sợ lang quân em biết được,
Nghĩ ngờ tới cái tiết trinh em.
(Bẽn Lẽn)*

Như đã đề cập ở trên, chính chứng bệnh nan y và những mối tình vô vọng đã tạo nên thiên tài Hàn Mặc Tử nên chúng ta không thể nào không đề cập đến những mối tình của

những người đàn bà đã đi qua cuộc đời của một thi sĩ tài hoa nhưng mang nhiều bất hạnh.

Trong thời gian Hàn Mặc Tử làm việc ở Phan Thiết, người yêu của nhà thơ là Mộng Cầm, tên thật Huỳnh Thị Nghệ. Lâu Ông Hoàng ở đây đã ghi đậm nét yêu đương của hai người và đã đi vào lịch sử âm nhạc Việt Nam. Mộng Cầm yêu chàng tha thiết, nhưng thế rồi cuối năm 1936, nhà thơ biết chắc rằng mình mắc chứng bệnh cùi, chàng quyết định tuyệt giao với tất cả bạn bè và báo cho Mộng Cầm biết để cắt đứt sự ràng buộc về những hứa hẹn trăm năm. Dĩ nhiên nàng đã khóc lóc thảm thiết và một lần nữa lại thê thốt. Nhưng sáu tháng sau Hàn Mặc Tử được tin Mộng Cầm đi lấy chồng. Ở vào hoàn cảnh của nhà thơ, có lẽ phái nam của chúng ta cũng không thoát khỏi tâm trạng đau đớn cùng cực:

*Nghệ hỡi Nghệ muôn năm sâu thắm,
Nhớ thương còn một năm xương thối!
Thân tàn ma dại đi rồi,
Rầu rầu nước mắt bồi bồi ruột gan.
Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió,
Tuông chùng như trong đó có hương,
Của người mình nhớ mình thương...
Nào hay gió tạt chẳng vương vấn gì.
Nhớ lắm lúc như si như dại,
Nhớ làm sao bài hoài tay chân!
Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng,
Mà ngày nào đó vẫn khấn khít nhiều.
Dấu đau đớn vì điều phụ rẫy,
Nhưng mà ta không lấy làm đều.
Trăm năm vẫn một lòng yêu,
Và còn yêu mãi rất nhiều em ơi...
(Muôn Năm Sâu Thắm)*

Nghĩ cũng hơi mâu thuẫn, muốn chấm dứt mối tình nhưng khi hay tin người ta đi lấy chồng lại đau khổ, khóc than thảm thiết nhưng đây là sự mâu thuẫn hợp lý trong dòng tâm trạng yêu đương, nhất là ở lứa tuổi hoa niên muốn chứng tỏ mình cao thượng, không

muốn người yêu đau khổ vì mình. Thế nhưng khi mất người yêu, Hàn than, Hàn tiếc, Hàn kêu gào tên người yêu như điên, như dại như muốn loan báo khắp cả nhân gian rằng “*Người đi một nửa hồn tôi mất. Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ*”.

Trên thi đàn Việt Nam ta có hai chàng thi sĩ thất tình, kêu gào tên người yêu ồn ào náo nhiệt trong thi văn, đó là thi sĩ Vũ Hoàng Chương và nhà thơ Hàn Mặc Tử, Họ Vũ thi: *Tổ của Hoàng ơi, Tổ của anh!
Tổ của Hoàng nay Tổ của ai...*
(*Mười Hai Tháng Sáu – Ngày Mười Hai Tháng Sáu là ngày người yêu của Vũ tiên sinh lên xe hoa*)

Còn Hàn tiên sinh thì:

*Nghệ hỡi Nghệ muôn năm sâu thắm,
Nhớ thương còn một năm xương thối!*

Có một vài giả thuyết cho rằng Hàn Mặc Tử mắc bệnh cùi vì trong một cuộc đi chơi núi với Mộng Cầm, khi băng qua cánh đồng gặp cơn mưa giông hai người lại nhảy qua một ngôi mộ vừa mới chôn... nhưng tại sao một mình Hàn Mặc Tử mắc bệnh thối? Dù sao đây chỉ là giả thuyết, thực tại của nhà thơ là bệnh hoạn và đau khổ. Vì bệnh cho nên bị tình phụ, tình phụ cho nên đau khổ mà càng đau khổ bệnh lại càng tăng vì thế thi ca là con đường nghệ thuật duy nhất để giải tỏa tâm trạng đau thương đó:

*Trời hỡi, bao giờ tôi chết đi?
Bao giờ tôi hết được yêu vì,
Bao giờ mặt nhật tan thành máu,
Và khối lòng tôi cứng tợ si?*

*Họ đã xa rồi khôn níu lại,
Lòng thương chưa đã, mền chưa bưa...
Người đi một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ.*

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu?
Sao bông phượng nở trong màu huyết,
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?
(Những Giọt Lệ)*

Mối tình thứ nhì của Hàn là nàng Kim Chi, cũng trong thời gian làm việc ở Sở Địa Chánh, viên trưởng ty của sở này có người con gái tên Kim Chi, rất đẹp lại thích thơ Hàn Mặc Tử. Hai người quen nhau và thỉnh thoảng hẹn hò hoặc thi sĩ đến nhà thăm Kim Chi. Thế rồi, không biết vì lý do gì mà thân phụ của nàng quyết định cho nàng trở về Huế. Khi hay tin Hàn Mặc Tử lâm trọng bệnh, Kim Chi đã gửi tặng thi sĩ bức ảnh của mình kèm theo lá thơ với lời lẽ của một người yêu và chúc nhà thơ sớm lành bệnh. Chính bức ảnh và lời lẽ trong thơ đã gây nguồn cảm hứng để Hàn tiên sinh làm nên bài:

*Đây Thôn Vĩ Gia
Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc,
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay?*

*Mơ khách đường xa, khách đường xa,
Áo em trắng quá nhìn không ra...
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,
Ai biết tình ai có đậm đà?*

Sau Mộng Cầm và Kim Chi là chuyện tình giữa Hàn Mặc Tử với Mai Đình nữ sĩ. Chuyện tình giữa Hàn và Mai Đình, ta có thể nói, đúng là một thứ tình yêu vì nghệ thuật. Mai Đình tên thật là Lê Mai, nguyên quán ở Thanh Hóa, cũng vì tình duyên dang dở nên

nàng lìa bỏ gia đình để sống cuộc đời hải hồ. Năm 1937, Mai Đình nữ sĩ tới Qui Nhơn, nhiều lần muốn đến thăm Hàn Mặc Tử vì đã nghe danh nhà thơ từ lâu nhưng lại lưỡng lự không đến. Sau có người mách lại cho Hàn Mặc Tử biết, Hàn đã gọi tặng nàng tập thơ “*Gái Quê*”. Cảm kích tâm lòng của Hàn, nàng đã làm bài thơ “*Biết Anh*”:

*Còn anh em đã gặp anh đâu,
Chi cảm vẫn thơ có mấy câu.
Áu yếm say sưa đầy cả mộng,
Xuôi lòng tơ tưởng lúc đêm thâu.*

Làm xong bài thơ trên, Mai Đình đến thăm nhà thơ Quách Tấn ở Nha Trang và đưa cho Quách Tấn xem. Quách Tấn đã trao bài thơ của Mai Đình cho Hàn Mặc Tử. Đọc bài thơ của Mai Đình, quá xúc động nên Hàn Mặc Tử đã làm nên bài “*Lưu Luyến*”:

*Chưa gặp nhau mà đã biệt ly,
Hồn anh theo dõi bóng em đi.
Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió,
Lưu luyến bên em chẳng nói gì.*

*Thơ em cũng giống lòng em vậy,
Là nghĩa thom tho như ánh trăng,
Mềm mại như lời tơ liễu rủ,
Ấm ấm trong áng gió bắn khoả.*

*Anh đã ngâm và anh đã thuộc lâu,
Cả người rung động bởi thương đau,
Bởi vì mê mẩn vì khoan khoái,
Anh cần lời thơ để máu trào...*

*Lời thơ ngâm cứng, không rền rĩ,
Mà máu tim anh vọt láng lai.
Thơ ở trong lòng reo chẳng ngớt,
Tiếng vang tha thiết dội khắp nơi.*

*Em đã nghe qua, em đã hay,
Tình anh sao phải chứng mê say,
Anh điên anh nói như người dại.
Van lạy không gian xóa những ngày...*

*Những ngày đau khổ nhuộm buồn thiu,
Những áng mây lam cuốn dập dều,
Những mảnh nhạc vàng rơi lả tả,
Những niềm run rẩy của đêm yêu.*

*Anh đứng cách xa hàng thế giới,
Lặng nhìn trong mộng miệng em cười.
Em cười anh cũng cười theo nữa,
Để nhẩn hờn em đã tới nơi.*

Đầu năm 1937, hai ba lần Mai Đình tìm cách đến thăm Hàn Mặc Tử nhưng nhà thơ đã từ chối. Nàng vẫn kiên trì và viết thư cho Hàn như sau: *"Nếu anh không mắc bệnh này thì Mai không bao giờ đến thăm đâu, đã tưởng tượng bao nhiêu cái rừng rợn của người đau bệnh ấy rồi nên không sợ. Cứ cho gặp đi! Vì không bởi lẽ gì mà Mai giám bớt tình yêu đâu..."*. Cuối cùng Hàn đã nhượng bộ để cho Mai Đình đến thăm.

Giữa năm 1938, Mai Đình rời Qui Nhơn một thời gian đến cuối năm đó nàng trở lại tặng gia đình Hàn một món tiền và xin phép được vào ở trong nhà để dễ dàng săn sóc cho nhà thơ. Trong thời gian Mai Đình rời Qui Nhơn, có lẽ nàng đã trở về gia đình ở Thanh Hóa để xoay sở, vay mượn tiền hầu trở lại giúp đỡ gia đình Hàn. Trong thời gian gần gũi bên nhau, hai người thường trao đổi những vần thơ ân tình:

*Mai Đình
Còn đâu nữa anh ơi tình duy nhất,
Của tim em hồi còn hãy thơ ngây.
Nay xóa mờ tan tác đám mây bay,
Theo giòng nước hững hờ trôi đi mất.*

*Hàn Mặc Tử
Viết bằng chữ là thơ không kín đáo,
Giơ tay thế mà ai chứng lòng cho.
Anh thương em không cần phải so đo,
Vì trình tiết há bằng hương vạn đơi?*

Mối tình giữa cô gái hải hồ với nhà thơ mang bệnh nan y, ai cũng đoán được là không thể kéo dài mãi mãi vì thế nàng lại lên đường và từ một chân trời xa xăm nào đó, thỉnh thoảng Mai Đình gởi về cho Hàn tiên sinh những vần thơ chứa chan tình cảm, đầy ắp tình yêu trai gái:

*Hỡi hỡi em sợ trắng thanh,
Vắng em anh lại tư tình với trắng.*

Những ngày sống với Mai Đình, có lẽ là thời gian đẹp trong cuộc đời của nhà thơ và có lẽ chàng sẽ giữ mãi những kỷ niệm này cho đến ngày trút hơi thở cuối cùng:

*Ôi khoái quá thắm dần vô thể chết,
Hồn trong xương ảnh hưởng đến mê toi.
Quý như vàng trong như ngọc trên đời,
Mai, Mai, Mai là Nguyệt Nga tái thế.*

Sau Mai Đình là mối tình giữa Hàn Mặc Tử với Thương Thương. Mối tình giữa Hàn tiên sinh và nàng Thương Thương là một mối tình trong mộng. Năm đó, năm 1939, nàng Thương Thương mới có 12 tuổi, cháu của Trần Thanh Địch, bạn của nhà thơ. Nhận thấy bạn của mình đang sống những ngày chờ chết, nghĩa là sống trong tuyệt vọng nên Trần Thanh Địch mới giới thiệu Hàn Mặc Tử với một thiếu nữ có cái tên thật đẹp là Thương Thương. Nàng rất thích thơ Hàn Mặc Tử và vâng lời chú viết thư nói chuyện văn thơ với Hàn nhưng không ngờ cái tên Thương Thương đã tạo cho nhà thơ nguồn cảm xúc vô biên nên ngày 23-1-1940, Hàn đã viết cho nàng: *«Thương Thương, cái tên thi vị quá chừng. Thương Thương là một bài thơ, hơn nữa, một nguồn thơ bất tuyệt. Những hàng chữ đơn sơ của em đã rung cảm được tâm hồn của anh... Ở lòng anh có Thương Thương, nghĩa là có thơ, có nguồn thơ vĩnh viễn đấy.»* Rồi ngày 11-3-1940, Hàn

tiên sinh lại viết: *'Từ nay hình ảnh em sẽ đến với anh mãi trong trí tưởng. Em sẽ là nàng thơ của anh...'*

Thế rồi, không cần biết mặt người, chỉ cần hai chữ Thương Thương cũng đủ tạo cho nhà thơ nguồn cảm hứng vô biên để hình thành những vần thơ chứa chan sóng lòng yêu đương:

*Sầu lên cho tới ngàn khơi,
Ai đâu ráo lệ, chưa lời nói ra.
Chiều nay tàn tạ hồn hoa,
Nhớ Thương Thương quá xót xa tâm bào!
Tiếng buồn đem trộn tiêu tao,
Bóng em chờ chờ trong bao nhiêu màu.
Nghe ai xé lụa mà đau,
Gió than niềm gió biết đâu hẹn hò!
Đừng ai nói để thương cho...
Lỡ ra lạnh nhạt đền bù sao cam...
Chiều nay chẳng có mưa dầm,
Mình sao nước mắt lại đầm đìa tuôn?
Ờ ra lụy ngọc nôn nôn,
Có bao giờ hết nỗi buồn vô duyên!
(Nỗi Buồn Vô Duyên)*

Vào đầu năm 1940, nguồn cảm hứng về người con gái có cái tên thật đẹp, thật thơ đã giúp Hàn Mặc Tử viết nên tập kịch thơ với nhan đề *"Thương Thương"*, về sau được đổi tên là *"Cảm Châu Duyên"*, gồm hai phần. Phần thứ nhất là *Duyên Kỳ Ngộ*, kể lại cuộc hành trình của Hàn Mặc Tử đi tìm tứ thơ đã lạc vào một động tiên và nhà thơ đã gặp một nàng tiên nữ, chính là Thương Thương. Hai người yêu nhau say đắm, nhưng nghĩ đến thân phận tuyệt vọng của mình, chàng phải giả biệt người yêu:

*Bây giờ đây khóc than niềm ly hận,
Hỡi Thương Thương người ngọc của lòng anh!*

Tập thứ hai là *"Quần Tiên Hội"*, nối tiếp tập *"Duyên Kỳ Ngộ"*. Sau thời gian giả biệt

với Thương Thương, tức Quỳnh Tiên, chàng đã không chịu nổi nhớ nhung bèn đi tu tiên, cải trang thành Huyền Tiên để được sống ngưỡng ngày ân ái với Quỳnh Tiên:

*Nương nương ơi biết nhau từ độ ấy,
Tóc xanh thêm và tình đậm đà nhiều...*

Tập *"Quần Tiên Hội"* không có đoạn kết, Hàn Mặc Tử phải bỏ dở nửa chừng vì gia đình nàng Thương Thương không muốn Hàn tiên sinh đem tên con mình ra làm đối tượng thất tình ồn ào, xôn xao cả nước nên yêu cầu Hàn Mặc Tử từ đây đừng nhắc đến Thương Thương trong văn thơ của mình vì lý do gia đình. Chuyện tình giữa Hàn Mặc Tử và nàng Thương Thương, nhiều người cho rằng nàng không chỉ là người yêu của nhà thơ mà thật sự là người tình muôn thuở. (Lời tác giả: *Cách đây mấy năm, trong những dịp mạn đàm văn chương, người viết được bạn bè cho biết bà Thương Thương hiện đang sống tại Pháp và tính đến nay, năm 2007, nếu bà Thương Thương còn sống thì bà đang ở vào tuổi 80).*

Lúc 11 giờ 00 ngày 11-11-1940, câu nói sau cùng của Hàn Mặc Tử: *"Thôi bây giờ nằm nghỉ một chốc, kéo này giờ nói chuyện mệt..."*, nhà thơ nhắm mắt và vĩnh viễn ra đi. Khó đau, thiên tài và tình sử của Hàn thi sĩ cũng chấm dứt từ đó!

Để kết luận, ta có thể nói:

*Bao nhiêu đau khổ của trần gian,
Trời đất dành riêng để tặng chàng!*

LÊ THƯƠNG

Richmond - Virginia - 11-2007

BÍ QUYẾT TRƯỜNG XUÂN QUA TỤC NGŨ CA DAO

GS Phạm Thị Nhung

Người xưa tuổi thọ kém , ai sống tới bảy mươi đã cho là hiếm hoi , nhân sinh thất thập cổ lai hy . Đã vậy , nhiều người suốt đời chỉ hùng hục làm việc , chạy theo bả lợi danh , bo bo giữ của , không biết hưởng đời là gì ; tới khi già yếu , sắp xuôi tay nhắm mắt , tính sổ cuộc đời mới thấy là đại:

- *Một năm là mấy tháng Xuân
Một đời phỏng được mấy lần vinh hoa?
- Chẳng ăn , chẳng mặc , chẳng chơi
Bo bo giữ lấy của trời làm chi ?
Bảy mươi chống gậy ra đi
Than thân rằng thưở đương thì chẳng chơi?*

Từ đó , người xưa rút kinh nghiệm , để lại cho con cháu biết bao là lời khuyên bảo chí lý , không ngoài mục đích khuyến khích chúng ta hãy tận hưởng những hưởng vị của cuộc sống ngay từ thưở thanh niên son trẻ ; cùng cho chúng ta những bí quyết để kéo dài tuổi xuân :

- *Ai ơi chơi lấy kéo già
Mãng mọc có lúta , người ta có thì .
Chơi xuân kéo hết xuân đi
Cái già xông xộc nó thì theo sau .*

- *Mỗi năm , mỗi tuổi , mỗi già
Chẳng lo liệu trước ắt là lụy sau .*

Ngày nay chúng ta đều biết, khoa học tiến bộ vượt bậc đã giúp cho con người rất nhiều phương tiện , để được hưởng một cuộc sống tiện nghi , thoải mái và lý thú hơn xưa . Đồng thời , ngành y dược cũng tiến bộ đáng kể , đã giúp cho con người chữa được lắm bệnh hiểm nghèo , tăng thêm sức khoẻ và kéo dài tuổi thọ . Những kết quả này tuy đã đem lại nhiều phúc lợi cho nhân loại , nhưng vì thiếu tính chất nhân bản nên vẫn không giúp cho con người đạt được chân hạnh phúc . Đây chính là lý do vì sao chúng ta thích đọc lại ca dao , tục ngữ , một loại văn chương bình dân truyền khẩu phong phú của dân tộc , cốt tìm hiểu xem đâu là quan niệm nhân sinh của người xưa ; và qua đó, chúng ta lĩnh hội được những gì về bí quyết trường xuân, để đem lại cho mình một đời sống hạnh phúc trọn vẹn , lâu dài ?

Sau khi nghiên cứu tục ngữ , ca dao , chúng ta hẳn thấy, bí quyết trường xuân của người xưa đã được qui vào những điểm sau đây :

1. Người ta trước hết phải biết sống theo triết lý tri túc, tiện túc, nghĩa là biết đủ ấy là đủ. Chính vì biết sống an phận, không đòi hỏi nhiều nên cuộc sống mới được nhàn nhã, tâm hồn mới được thanh thoi:

- *Ông cả ngồi trên sập vàng
Cả ăn , cả mặc lại càng cả lo .
Ông bếp ngồi trong xó tro ,
Ít ăn , ít mặc , ít lo , ít làm .*

Hưởng chi cuộc đời quá ngắn ngủi, làm nhiều làm chi cho khổ thân :

- *Đời người sống mấy gang tay ,
Hơi đâu cặm cùi cả ngày lẫn đêm .*

2. Phải biết quẳng gánh lo đi mà vui sống .
Sự lo nghĩ , buồn phiền làm cho tâm thần rã rượi ,
mặt mày héo úa , xấu xí , sức khoẻ sa sút . Ông
Nguyễn Gia Thiều trong Cung Oán Ngâm Khúc,
cũng như bà Đoàn Thị Điểm trong Chinh Phụ
Ngâm Khúc đều đã công nhận điều này :

Chiều ủ dột giắc mai trúa sớm

Vẽ bằng khuôn hồng bướm vẫn vợ.

(Cung Oán Ngâm Khúc)

Võ vàng đối khác hình thù

Nỗi khuê ly biết mùi chua đường này!

(Chinh Phụ Ngâm Khúc)

Bởi vậy, ca dao mới khuyên ta chớ nên cả lo
như các bà mẹ xưa, mười chuyện lo cả mười,
chuyện không đáng cũng lo , như thế thì lo cả đời
chưa hết :

- Mẹ già lo bảy , lo ba ,

Lo cau trở muộn , lo già hết duyên .

Và phải biết xem nhẹ, xem thường mọi
chuyện :

- Lo gì mà lo, lo con bò trắng răng

Mua ba đồng thuốc nhuộm răng cho bò.

3. Đồng thời , phải nuôi dưỡng lấy các đức
tính Từ , Bi , Hỉ , Xả . Có biết cảm thông , thương
xót , giúp đỡ và tha thứ cho người , tâm ta mới
không vướng bận ghen ghét , oán thù , mà hằng
giữ được trong sáng , hoan lạc :

- Có câu tích đức tu thân

Hoạn nạn tương cứu, phú bần tương tri (tri)

- Đáng trọng phu đĩnh thù mới đáng

Đáng anh hùng đĩnh oán mới hay .

4. Cái tâm trong sáng , hoan lạc này lại
cần được thể hiện qua nụ cười luôn luôn tươi
nở trên môi . Khi cười , không những các bắp
thịt mặt được thư giãn , vẻ mặt trông tươi mát,
mà lòng ta cũng cảm thấy phấn khởi , hạnh
phúc . Giá trị của nụ cười đã được người xưa
xác nhận qua câu tục ngữ :

Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ.

Ngoài ra , nụ cười tươi còn gây được ảnh
hưởng vui sống cho những người xung quanh :

- Ngó lên lỗ miệng em cười

Như búp hoa nở, như mặt trời mới lên.

- Mình về , mình nhớ ta chẳng

Ta về , ta nhớ hàm răng mình cười .

Trăm quan mua lấy miệng cười

Nghìn quan chẳng tiếc, tiếc nụ cười em xinh .

(Đúng ra là : *Nghìn quan chẳng tiếc, tiếc
người răng đen*)

Giá trị nụ cười không chỉ được người Á Đông
chúng ta đề cao , mà ngay ở Âu Mỹ cũng có
nhiều câu danh ngôn được truyền tụng :

*- Chaque fois qu'un homme sourit, et plus
encore quand il rit, il ajoute quelque chose à ce
brin de vie.* (Mỗi khi một người mỉm cười , và
hơn nữa khi hấn cười, hấn đã thêm một chút gì có
ý nghĩa cho cuộc đời mong manh này .)

*- Le sourire apporte la chaleur à celui qui
reçoit, ne coûte rien à celui qui donne.* (Nụ cười
mang lại sự ấm áp cho người nhận , mà người cho
chẳng mất mát gì.)

5. Phải biết giữ vệ sinh cho thân thể . Con
người , thân thể có sạch sẽ mới khoẻ mạnh được.

Nhan sắc các bà các cô một phần do cái
răng , cái tóc quyết định :

- Cái răng, cái tóc, một góc con người.

Ai muốn có một hàm răng đều đặn , tươi
tắn, bóng bẩy như những câu ca dao vừa dẫn
chúng ở trên, tất phải biết phép giữ vệ sinh và bồi
dưỡng cho răng lợi . Bằng chẳng chịu giữ gìn ,
răng sẽ bị sâu , bị thối , bị sún , bị sút , bị gãy ,
nhan sắc trông chẳng còn đẹp tí nào ; mà khi ăn
lại khó nhai , khó cắn , mất cả ngon . Vậy muốn
sạch miệng , tốt răng, người xưa dạy, phải súc
miệng bằng nước muối , phải ăn trầu và nhuộm
răng đen . Muốn thơm da , mát thịt thì tắm nước
nấu hoa hướng nhu , hoa mùi già hay cánh hoa
ngọc lan . Còn muốn tốt tóc, sạch gàu thì :

- *Tốt tóc thì cổ mãn trâu*
Sạch ghét, sách gâu bỏ kết với chanh.

Người sạch sẽ là người biết tự trọng và dễ gây được thiện cảm với người xung quanh, nhất là người đó lại thuộc phái đẹp :

- *Nước trong ai chẳng rửa chân ,*
Cái má trắng ngần ai chẳng muốn hôn.

6. Bốn phận làm đẹp . Nam hay nữ đều nên làm đẹp . Riêng phái nữ , làm đẹp còn phải kể là một bốn phận để tạo hạnh phúc cho gia đình . Trong Chinh Phụ Ngâm , bà Đoàn Thị Điểm cũng đã chấp nhận như thế :

- Vì chàng, tay chuốc chén vàng
Vì chàng, điểm phấn, đeo hương não nùng.

Người ta làm đẹp qua cách điểm trang và cách ăn mặc . Làm đẹp giúp ta trông trẻ ra , đẹp hơn và có duyên thêm :

- *Trắng da vì bởi phấn giồi*
Đen da vì bởi em ngồi chợ trưa .
- *Có trâu cho miếng đồ môi*
Có rượu cho chén thêm tươi má hồng .
- *Cau già , dao sắc lại non*
Nạ giòng trang điểm lại giòn hơn xưa.
- *Người tốt về lụa*
(Lúa tốt về phân)
Chân tốt về hài
Tai tốt về hoãn.

Và cũng vì trang điểm đẹp thêm nên ta cảm thấy tự tin hơn , yêu đời hơn và cuộc đời cũng vì đó mà lên hương thêm , cao giá thêm :

- *Còn duyên như tượng tô vàng*
Hết duyên như tổ ong tàng ngày mưa .
- *Còn duyên kẻ đón người đưa*
Hết duyên đi sớm về trưa một mình .
- *Còn duyên kén những trai tơ*
Hết duyên ông lão cũng vợ làm chồng.

7. Phải biết ăn uống sao cho bổ và ngon . Tục ngữ có câu Dĩ thực vi tiên . Người xưa xem chuyện ăn uống quan trọng hơn cả , vì hiểu rằng :

- *Ăn vóc, học hay .*
- *Có thực mới vực được đạo.*

và :

- *No nên bụt , đói ra ma .*

Hiển nhiên, có ăn mới khoẻ mạnh nên hình dạng con người đẹp đẽ , cũng như có học mới thành người giỏi , người tài . Sau nữa , có ăn no đủ người ta mới dễ dàng giữ được nhân cách , đạo đức , sống đời từ bi bác ái .

Khi đã xem vấn đề ăn uống là chuyện hàng đầu ở đời , mà chuyện ăn uống lại là chuyện tế nhị , chuyện nghệ thuật , chuyện văn hoá chứ chẳng phải chơi, nên người ta mới cần đến tài nội trợ, bếp núc đảm đang , khéo léo của các bà các cô .

Tất nhiên không kể đến những người quá nghèo, hay đang gặp cơn bĩ cực , không tiền mua gạo, đành phải ăn rau , ăn ráy , ăn khoai độn bụng để sống qua ngày :

- *Đói ăn rau , đau uống thuốc .*

- *Đói thì ăn ráy , ăn khoai*

Chớ thấy lúa trở tháng hai mà mừng.

(trở : bắt đầu ra hoa, chữ dùng riêng cho lúa ngô)

Còn người nội trợ bình thường nào cũng biết “liệu cơm gắp mắm”, nghĩa là biết tùy theo khả năng mà lo cho chồng con được cơm dẻo canh ngọt . Hai bữa ăn chính của dân ta, cơm là căn bản nên phải lo trước tiên . Theo người xưa :

- *Cơm ba bát , áo ba manh*

Đói chẳng xanh , rét chẳng chết.

Cho thấy, con người ta khi cơm đủ no (mỗi bữa ba bát), tất sẽ có đủ sức khoẻ để chống chọi với khí hậu khắc nghiệt . Cơm đủ ăn rồi , người ta mới nghĩ đến cách nấu nướng , chế biến thực phẩm thành những món ăn, làm sao đem lại sự khoái khẩu và tăng thêm chất lượng dinh dưỡng cho cơ thể .

- *Nhiều tiền mua thịt*

Ít tiền mua xương .

Đúng vậy , người nội trợ khôn ngoan , khéo léo thì dù ít tiền vẫn có thể sửa soạn những món ăn ngon cho gia đình :

- *Trời mưa cho ướp lá dứa
Cho tươi luộc cải cho vừa lòng em
Cho em hái đợt rau dền*

Nấu tô canh ngọt dâng lên mẹ già .

- *Bông em đi dạo vườn cà ,
Cà non chấm mắm , cà già làm dưa .
-Râu tôm nấu với ruột bầu*

Chồng chan vợ húp, gật đầu khen ngon.

Nói chung, ở thôn quê Việt Nam xưa , nhà nào có đủ gạo ăn , lại có được cái ao rau muống với hai món tương cà gia bản thì có thể yên tâm , gia đình sẽ được no đủ và gia đạo sẽ được an vui :

- *Nhà em có vại cà đầy
Có ao rau muống , có dầy chĩnh tương.*

*Dầu không mỹ vị cao lương
Trên thờ cha mẹ, dưới nhường anh em.*

Một nhà vui vẻ êm đềm

Đói no tùy cảnh, không thêm lụy ai.

Còn những gia đình khá giả thì người nội trợ thường hay sửa soạn , nấu nướng những món ăn đắt tiền hơn , cầu kỳ hơn , cốt làm tăng thêm khẩu vị cho mọi người . Cũng vì miếng ngon nhớ lâu nên người ta có thể kể lại vanh vách . Đây đây là những món ngon dành cho mẹ già :

- *Tôm rần lột vỏ bỏ đuôi
Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già.*

- *Ba tiền một khúc cá buôi
Cũng mua cho dặng mà nuôi mẹ già.*

Này đây là những món ngon dành cho vợ chồng con cái :

- *Cơm trắng ăn với chả chim
(Chồng đẹp vợ đẹp nhìn nhìn mà no).*

- *Thương chồng nấu cháo le le
Nấu canh bông bí , nấu chè hạt sen.*

- *Bậu câu cá bóng , ngắt đầu kho tiêu*

Kho tiêu , kho mỡ , kho hành

Kho ba lượng thịt để dành cho em ăn.

- *Cơm chín tới, cải vồng non*

(Gái một con) , gà mái ghe.

- *Thú quê rau , cá đã từng*

Gạo thơm cơm trắng chi bằng tám xoan.

.....

+ Các bà nội trợ còn lo sắp xếp thực đơn mỗi ngày , mỗi bữa , món ăn đổi thay cho chồng con ăn không chán , lại thấy lạ và ngon miệng :

- *Sáng ngày bồ dục chấm chanh*

Trưa gọi cá cháy , tối canh cá chầy.

Việc bếp núc cũng lắm công phu , muốn thành công người ta phải nắm được một số bí quyết , như :

+ Mùa nào thức ăn nấy . Như thế vừa rẻ, vừa ngon , vừa tươi lại có nhiều chất bổ dưỡng, giúp phát triển và bảo trì cơ thể lành mạnh :

- *Chim , gà , cá , lợn , càn cau **

Mùa nào thức nấy giữ màu nhà quê.

*bông cau non cũng là một món ăn quý hiếm. Theo tác giả Nguyễn Hương (Dallas) trong bài Nam Phổ... Trèo Cau, Làng Văn số135, cho biết, Món bông cau non xào với tôm thịt , thêm hành, nhiều tỏi, rắc trên một chút mè, xúc ăn với bánh trắng... ngon tuyệt ! Bông cau non xào với ong con còn trong tổ,mùi vị món ăn cũng lạ miệng và thiệt ngon.

+ Biết cách chọn mua thực phẩm sao cho tươi và ngon :

- *Mua thịt thì chọn miếng mỏng*

(Lấy chồng thì chọn con tông nhà nòi)

- *Trông mặt mà bắt hình dong*

Con lợn có béo thì lòng mới ngon .

- *Mua bầu xem cuống*

Mua muống xem lá

Mua cá xem mang

Mua cua xem càng .

+ Món ăn nào phải dùng gia vị này . Ngoài ra làm ăn phải sạch sẽ , giữ cho đồ ăn được tinh khiết , trong lành mới là trọn vẹn :

- Con gà cục tác lá chanh
- Con lợn ủ ủ mua hành cho tôi
- Con chó khóc đứng khóc ngồi
- Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng giềng.
- Thịt dầy xanh không hành không ngon.
- Cái cò , cái vạc , cái nông
- Ba con cùng béo vật lông con nào ?
- Vật lông con vạc cho tao
- Hành, răm, mắm, muối bỏ vào mà thuôn.
- Rau cải nấu với cá rô
- Giùng thêm một lát cho cô đất chông.
- Con lươn có tiếng hôi tanh
- Xào nấu sạch sẽ cũng thành món ngon.

+ Nên biết những đặc sản của mỗi vùng. Khi đã biết , ra chợ dễ mua bán và khi đã mua được trái cây , thực phẩm ngon rồi , người nội trợ chần chẫn để thành công hơn trong việc cơm nước cho gia đình, hay những bữa tiệc tùng cho họ hàng, bạn bè :

- Thí dụ 1 , thổ sản miền Nam :
- Xoài nào ngon bằng xoài Cao Lãnh
 - Vú sữa nào ngọt bằng vú sữa Cần Thơ?
 - Sầu riêng , măng cụt Cái Mơn
 - Bắp thì Chợ Giữa , giồng khoai Mỹ Hoà .
 - Bánh tráng Mỹ Lồng
 - Bánh phồng Sơn Đốc .

- Thí dụ 2 , thổ sản miền Trung :
- Ốc gạo Thanh Hãn
 - Mật rú Bát Phường
 -
 - Thơm rượu Hà Trung
 - Mắm ruốc Cửa Tùng
 - Mắm nêm chợ Sỏi.

- Thí dụ 3 , thổ sản miền Bắc :
- Dưa La, cà Láng, nem Báng, tương Bần
 - Nước mắm Vạn Vân , cá rô Đầm Sét.

+ Biết chọn các món ăn đi cặp với nhau cho tăng khẩu vị :cuối cùng người nội trợ tế nhị, từng trải còn phải biết sắp xếp những món ăn nào đi cặp với nhau khiến ăn vào làm tăng thêm khẩu vị như:

- Mâm cốm kẹo kết mâm hồng
- (Bát bít , mâm đồng kẹo kết một nơi)
- Mâm thịt kẹo với mâm xôi
- Thịt bùi , xôi dẻo kẹo nơi bà già.
- Cùi dứa kẹo kết bánh đa
- Cái đĩa thịt gà kẹo kết lá chanh.
- Nồi cơm kẹo với nồi canh
- Quả bí trên canh kẹo với tôm he.
- Bánh ngọt kẹo với nước chè (trà) ...
- Cơm nắm ăn với thịt dìm
- Vừa bùi vừa dẻo lại thêm mặn mà.

Chính nhờ tài nội trợ cơm nước khéo léo và cách sắp xếp món ăn hợp khẩu vị này mà các bà vợ Việt Nam đã bảo vệ được hạnh phúc gia đình . Người chồng xa nhà , thấy nhớ món ăn ngon của vợ lại muốn mau mau trở về :

- Anh đi, anh nhớ quê nhà
- Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương .

Nấu ăn ngon đã trở thành một trong những bí quyết tạo hạnh phúc và giữ hạnh phúc gia đình . Đây là lý do vì sao không một bà mẹ Việt Nam nào lại không dạy con gái nghệ thuật nấu nướng . Và cô gái nào có tiếng nấu nướng giỏi , có kèm nhan sắc một chút cũng vẫn lấy được chồng ngon lành như thường :

- Có phúc lấy được vợ già
- Vừa sạch cửa nhà, lại ngọt cơm canh.

8. Ăn chơi phải có chừng mực . Ăn uống vừa bổ, vừa ngon miệng tất đem lại cho con người nhiều sức khoẻ . Có đạo đức lại có sức khoẻ , người ta mới mong sinh được những đứa con tốt lành:

- Trứng rồng lại nở ra rồng
- Liu diu lại nở ra dòng liu diu .

Lại nữa, có sức khoẻ, người ta mới mong hưởng thụ được nhiều lạc thú ở đời . Thôi thì đủ ca :

- *Làm trai cho đáng nên trai*
Phú Xuân cũng trai, Đồng Nai cũng từng.
- *Già thì già tóc, già tai*
Già răng, già lợi, đồ chơi không già.
Tuy nhiên chúng ta đều biết, cái gì thái quá cũng không nên :

- *Ăn lắm thì hết miếng ngon*
Nói lắm thì hết lời khôn hoá rồ.

Bởi vậy, nếu người ta cứ mặc sức ăn chơi, hưởng thụ theo cái lối buông thả, chơi cố :

- *Đã sinh tài sắc ở đời*

Chẳng ăn cũng thiệt, chẳng chơi cũng hoài.

Không tự giới hạn, kiềm chế được mình thì rồi trường xuân đâu chưa thấy, tật bệnh đã theo nhau kéo đến. Lúc bấy giờ ăn cũng chẳng được, mà ngủ cũng chẳng yên, người ta mới thấm thía được hết ý nghĩa của câu tục ngữ :

- *Ăn được, ngủ được là tiên*

Không ăn, không ngủ mất tiền thêm lo.

Thêm lo thì đã quá muộn rồi. Vậy muốn được sống trường thọ, kéo dài tuổi xuân thì ăn chơi phải có điều độ, phải biết dè chừng, theo tinh thần tự chế :

- *Tay tiên chuốc chén rượu đào*

Đổ đi dẫu tiệc, uống vào thì say.

(Đúng ra là : Đổ đi thì tiệc, uống vào thì say)

Ngày nay nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI. Sách báo và nhiều người xung quanh ta thường nói tới những vấn đề liên quan đến các phát minh tiến bộ vượt bậc của khoa học, như về các loại máy móc điện tử, về truyền thông vệ tinh... ; cùng các tiến bộ đáng kể của ngành y dược, như đã tìm ra các phương thuốc trị bệnh hiểm nghèo, đã cứu được nhiều sinh mạng bằng phép ghép thận, ghép gan, thay tim v.v... Nhờ vậy con người đã được hưởng một cuộc sống văn minh vật chất tiến bộ đáng kể, và sức khoẻ cũng được bảo vệ tối đa, tuổi thọ vì thế đã gia tăng rất nhiều.

Người xưa năm mươi tuổi đã được liệt vào thọ cách, ai sống đến bảy mươi cho là hi hữu. Người nay tuổi thọ trung bình đã vượt lên từ bảy mươi tới tám mươi tuổi, có nhiều cụ đã sống trên cả trăm tuổi (Cụ bà Jeanne Clément là một trong những người thọ nhất nhì thế giới, báo chí cho hay, cụ đã ăn mừng sinh nhật lần thứ 126 !). Vậy mà giờ đây chúng ta còn giữ lại những câu ca dao, thành ngữ cổ truyền của dân tộc để tìm hiểu, học hỏi thêm về những bí quyết trường xuân của người xưa, không biết như thế có lạc hậu không?

Tôi thiết nghĩ là không. Thực vậy, nếu chúng ta nắm được nghệ thuật sống, nghĩa là biết dung nạp những ưu điểm của hai lối sống kia để bổ khuyết cho nhau. Theo đó, chúng ta vẫn sống đời văn minh tiến bộ của Âu Mỹ để được bảo đảm sức khoẻ cùng những tiện nghi vật chất, nhưng chúng ta sẽ không bắt chước tinh thần Âu Mỹ chạy đua với kim đồng hồ, đua đòi đuổi theo mọi tiện nghi tối tân hiện đại để bị lệ thuộc tiện nghi, khiến lúc nào cũng vội vã, hùng hục làm việc, hùng hục hưởng thụ, để rồi suốt đời phải sống trong cái vòng quẩn quanh này. Đồng thời, chúng ta nên sáng suốt trở về với quan niệm nhân sinh của ông cha ta : sống đời tri túc tiện túc, thanh thản, hoà hợp với thiên nhiên, cùng hưởng về những thú vui tinh thần thanh cao, nhân ái và đạo nghĩa.

Chỉ có quan niệm sống dung hợp như thế chúng ta mới có nhiều cơ may kéo dài tuổi xuân và tâm hồn lúc nào cũng được thoải mái, hạnh phúc. Và chỉ có quan niệm sống dung hợp như thế mới thực sự thích hợp với bản chất và tâm tính con người Việt Nam.

GS Phạm Thị Nhung

(Paris)

HẢI BĂNG.HDB

NHỮNG MẢNH TÌNH THƠ CỦA HỒ XUÂN HƯƠNG

Trước khi bàn về “Những Mảnh Tình Thơ của HXH”, xin hãy cùng nhau nhìn tổng quát xem trong cổ kim, đông tây, tình yêu (TY) đã được quan niệm như thế nào ngõ hầu có thêm ánh sáng soi rọi vào hoàn cảnh của nhà thơ nữ vừa đa tài vừa đa tình như HXH.

Không ai rõ loài người đã biết yêu đương từ bao giờ, nhưng có thể chắc chắn là tình yêu đã nảy nở qua khúc nhạc ái ân trong đó Thần TY Venus chỉ viết tặng cho phần *dạo khúc* (prelude) còn chính đôi tình nhân tự viết lấy lời *ca* (Lyric) cho cuộc đời mình. Có thơ rằng:

Tình Yêu đến từ Vùng Thái Dương
Người yêu ơi đừng lạc bước quên đường
Thuyền ta đợi bến lâu rồi
Cùng lên dạo Khúc Ca Đời

Kèo ngày tháng trôi mau người ơi!
(*Hải Băng, HDB*)

Từ những khúc nhạc ái ân, nhiều đóa hoa TY nảy nở ra và chia thành hai loại chính: *TY bao la và tình yêu hạn hẹp* hay TY vị tha và tình yêu vị kỷ. Nhà thơ Lamartine của Pháp viết:

Aimer pour être aimé, c'est de l'homme
Aimer pour aimer, c'est de l'ange
Thế nhân yêu để được yêu
Thiên thần yêu một tình yêu vô thường

Vâng, thế gian dễ gì có mấy người yêu chỉ để mà yêu? Ngoại trừ một số nhỏ những tu sĩ đã hiến dâng trọn vẹn con tim cho Thiên Chúa hay cho Đức Phật, còn phàm nhân mấy ai thoát khỏi lưới TY?

Trong loại TY bao la có TY thiên nhiên và TY đồng loại. Trong loại TY hạn hẹp có TY quê hương gồm tổ quốc và nòi giống; TY gia đình gồm cha mẹ, vợ chồng, và con cái; TY nghệ thuật gồm văn, thơ, ca nhạc, và hội họa, và điêu khắc.

Nhưng bản chất của TY là gì? Bản chất của TY là sự **say mê**. **Không say mê, không có TY**. Tuy nhiên mức độ say mê tùy thuộc vào trình độ văn hóa và giáo dục của cá nhân. Do đó có dạng *TY thô lỗ* và dạng *TY thơ mộng*. Trong các dạng TY đó, TY lứa đôi (trao gái) có nội dung quan trọng nhất và nhiều màu sắc nhất vì nó tạo những rung cảm tột độ chi phối suốt cả cuộc đời con người:

Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy
Ngàn năm chưa dễ đã ai quên!

Nguyễn Công Trứ (1778- 1858), đồng thời với HXH, đã gần bảy ba tuổi mà vẫn còn cưới nàng hầu và nợ ngân vì tình. Và đây đoạn trích trong một *bài hát nói* của tiên sinh:

Trẻ Tạo Hóa ngân ngơ lăm việc
Già Nguyệt Ông các có trêu nhau
Kìa những người mái tuyết đã phau phau
Run rẩy kẻ đào tơ còn mảnh mảnh
Tân nhân dục vẫn lang niên kỷ
Ngũ thập niên tiền, nhị thập tam
[*Cô dâu muốn hỏi tuổi chàng*
Năm mươi năm trước ràng ràng hăm ba]
Càng tài tử càng nhiều tình trái
Cái sầu kia theo hình ấy tạo ra
Mua sầu lại kẻ hòa hoa

Trong các thế hệ sau đó bắt đầu từ đầu thế kỷ thứ 20, TY càng được các tài tử và giai nhân tỏ lộ nhiều hơn. Một TTKH vẫn không thể quên được Thâm Tâm, người yêu cũ:

Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên

Nhưng điển hình vừa lãng mạn vừa nghĩa khí là thi sĩ bất khuất Vũ Hoàng Chương (VHC, 1915- 1976, Nam Định) là tác giả hai câu thơ biếm sau 30.4.75:

Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý
Đồng Khởi Vùng Lên mất Tự Do

(Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Công Lý, Đồng Khởi, và Tự Do là những tên đường phố Saigon mới và cũ).

Người yêu ban đầu của VHC là Tố Uyên lên xe hoa ngày 12.6.41 về nhà chồng làm quan Tri Huyện. VHC như muốn chết cả đời người và đã làm bài thơ “Mười Hai Tháng Sáu” (1941) có những câu như:

Mười năm thôi thế mộng tan tành
Mười năm trắng cũ ai nguyên ước
Tổ của Hoàng ơi, Tổ của anh!
Tháng Sáu, Mười Hai từ đây nhé
Chung đôi - từ đây nhé lia đôi
Em xa lạ quá đâu còn phải
Tổ của Hoàng xưa, Tổ của tôi!

VHC, chàng thi nhân bị lỡ chuyển đồ tình, đã *tưởng tượng* ra rằng Tố Uyên rất đau khổ vì bị ép duyên và sống không hạnh phúc. Nhưng 31 năm sau, tình cờ VHC được bà GS Phạm Thị Nhung cho biết: Tố Uyên đã không bị ép duyên. GS Nhung nói với VHC: “Bà Tố không phải là người tham đó, bỏ đảng. Bà Tố đã chờ đợi trong hai năm mà gia đình ông không tới hỏi. Hai bên thật sự cũng chưa có hẹn ước gì, bà Tố lấy quyền gì, lấy tư cách gì để mà chờ đợi? Nên sau phải nghe lời cha

mẹ mà lấy chồng ...” (Cỏ Thom số 39, Hè 2007, tr. 56).

Với một số tán luận về tình yêu nêu trên tưởng cũng tạm đủ để soi rọi cho thấy rằng TY trai gái quả là một cái gì thật kỳ diệu, bền bỉ như sức hút của nam châm, nóng bỏng như lửa rừng, mãnh liệt như nguồn thác, và cũng phẳng lặng như mặt nước hồ thu, hay rạn rờ như bình minh mới ló dạng. Và, thật sự chưa một ai có thể đưa ra một định nghĩa hoàn chỉnh về TY nhưng có thể nói rằng: có bao nhiêu trái tim yêu thì có bấy nhiêu định nghĩa của TY và con người sẽ chết nếu không còn tình yêu.

Đời chưa dứt Ngọn Lửa Tình
Ta còn phải viết chuyện mình thâm yêu
Hoa nào không rủ bướm?
Bướm nào chẳng quyến hoa?
Dù mảnh tình thoáng qua
Cũng cho đời hương lạ
Làm ngây ngất hồn ta
Chẳng bao giờ xóa nhòa
(Hải Bằng.HDB: *Hương Yêu*)

Và, không mấy người yêu thơ mà không biết bốn câu sau của nhà thơ tình Xuân Diệu:

Làm sao cất nghĩa được tình yêu?
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu

*

HXH đã giữ hình ảnh của những ai trong trái tim tình của mình?

Trước hết phải nói rằng XH có một tâm hồn lãng mạn với một ý chí vững vàng. Tại sao vậy? - Bởi vì XH đẹp, lại có tâm hồn văn chương, và được giáo dục tốt. Người nào có tâm hồn văn chương mà không lãng mạn cũng như người nào có tâm hồn ăn uống mà lại nhịn ăn? Tưởng cũng nên để ý rằng vào cuối thế kỷ thứ 18, cái không khí lãng mạn

trong thi văn đã tỏ ra từ nhiều tác phẩm thơ Nôm lục bát như *Hoa Tiên* của Nguyễn Huy Tụ (1743- 1790) mô tả truyện tình giữa Lương Sinh và Giao Tiên, cả hai đều xuất thân từ quý tộc, cùng trải qua một cuộc tranh đấu giữa tình cảm và lý trí, giữa tình yêu tự do thoải mái và khuôn khổ lễ giáo khắt khe.

Hay, truyện *Phan Trần*, thơ Nôm lục bát, khuyết danh (hai họ Phan - Trần, đời Tống, thế kỷ 11) mô tả một chuyện tình rất say đắm, ngọt ngào, và tự nguyện yêu nhau của một đôi trai tài, gái sắc diễn ra từ một ngôi chùa. Lời văn viết rất lãng mạn đến nỗi người ta có câu: “Đàn ông chớ kể Phan Trần; đàn bà chớ kể Thúy Vân, Thúy Kiều.” Xin trích dẫn một đoạn đối đáp giữa Ni Cô Diệu Thường (Trần Kiều Liên) và Phan Tất Chính lúc chàng đang khuya lên tìm đến chốn ni cô ngỏ lời van xin tỏ tình với nàng.

Họ Phan van xin:

Người ở trong đó có thương người ở ngoài này chăng? Nhờ có lời thăm hỏi khiến vãn sinh khỏi bệnh [tương tư] nên đánh bạo đến đây tạ lòng. Nàng đã có lòng thương hỉ xả bao dong cho, nữ nào để vãn sinh chịu gió sương lạnh lùng ở ngoài này!

Diệu Thường kinh ngạc đáp:

Ở đây tai vách mạch rừng, lại giữa lúc đêm hôm khuya khoắt, xin người chớ có nhiều lời. Tiêu ni đã quyết giữ trọn một bề rồi, người có lòng thương, tiêu ni cũng đội ơn, mà người có trách thì tiêu ni cũng đành chịu. Rút dây chẳng sợ động rừng hay sao mà người dám làm những chuyện lố lăng như vậy để cho miệng thế cười chê? Thôi, thôi, tiêu ni van lạy người hãy bỏ qua đi và trở về nghỉ ngơi tĩnh dưỡng kéo bệnh tình tái phát thì nguy hiểm biết chừng nào.

Những lời văn ướm át như trên hiện vẫn còn tồn tại trong những vở tuồng cải lương có đệm theo với sáu câu vọng cổ thật là mùi. Cho nên, tâm hồn của XH không thể không

chịu ảnh hưởng của loại văn chương lãng mạn của thời đại và quả XH đã yêu và đã không chỉ yêu có một người, vì mỗi thời điểm, mỗi hoàn cảnh đưa đẩy, XH lại tìm thấy những rung động mới của con tim chưa bị hoàn toàn chiếm hữu bởi một ý trung nhân nào và XH luôn luôn còn tự do để mà giảng mắc, vẫn trong vòng lễ giáo, với những người hiểu nàng, biết giá trị của nàng, và trên hết, thành thực có tình yêu với nàng, ít nhất là về mặt văn bút.

Người yêu thuở ban đầu của XH là ai?

Người đó là Nguyễn Du (ND) tự là Tố Như, mặc dầu lúc đó Nguyễn Du, 25 tuổi, đã có vợ (nghe lời anh lập gia đình vào năm 1786 và về ở bên vợ họ Đoàn ở để có chỗ tạm nương thân, và rồi được đề bạt làm Chánh Thủ Hiệu tại Thái Nguyên, thời Chúa Trịnh) còn XH đang độ xuân-thì phơi phới 18 tuổi xanh. Trong khoảng 1790 – 1793, hai người đã “yêu vì nét, trọng vì tài” và chỉ tỏ tình với nhau qua thơ văn mà thôi.

Chắc vì nhà XH ở ven Hồ Tây và thường ngày XH xuống hái sen, nên ND mới làm bài “Mộng Thấy Hái Sen” kín đáo tỏ tình với XH bằng những câu như: “Hoa sen đẹp xinh xinh” và “Hoa sen ai cũng phải yêu”, “Nàng đến tự bao giờ? Cách hoa chỉ thấy tiếng cười” và “Hái sen chớ đụng ngó. Năm sau hoa chẳng sinh”.

Những lời tán tụng phát xuất từ con tim của chàng như thế làm sao trái tim yêu còn trinh nguyên của nàng không khỏi rung động bồi hồi? Đây là những dấu ấn của tình yêu thật khó phai. Thật là:

Trong cảnh Hồ Tây, trời thơ hôm đó

Đóa sen nào?

Rung cánh trước hơi thở của tình yêu?

(*Hái Bông.HDB*)

Tình yêu ban đầu của XH dành cho Tố Như được nài nỉ thổ lộ trong 14 bài gửi cho ND còn ND gửi cho XH 6 bài (theo biên khảo của TS Phạm Trọng Chánh) và mối tình này có lẽ kéo dài khoảng ba năm (1790-1793). Đây là một vài câu đối đáp giữa Tố Như và Xuân Hương:

ND viết: “Tây Hồ cảnh đã hoang vu”

XH đáp: “Phong cảnh Tây Hồ chẳng khác xưa” (phải chăng XH muốn nói nài nỉ yêu ND?)

Rồi XH xác quyết thêm: “Cây có vàng xanh tỏ tấm lòng” [Ô, thật say sưa quá!]

ND đáp: “Một vàng trắng sáng tỏ tình ta” [Ô, thật mê ly quá!]

Nguyễn Du Tố Như tiên sinh có một bài thơ chữ Hán tựa đề là “Độc Tiểu Thanh Ký Cảm Tác”. Theo lời kể lại của Tịnh Thủy Tôn Thất Tùng lúc qua Hàng Châu, Trung Quốc vào năm 1986, ngoạn cảnh Tây Hồ, ông được một người Tàu gốc Việt tên là Quách Hán cho coi **bức tranh có bài thơ “Độc Tiểu Thanh Ký Cảm Tác”** (ĐTTKCT) của Nguyễn Du làm lúc Nguyễn Du đi sứ năm 1813. Tố Như tiên sinh đã đọc truyện viết về nàng Tiểu Thanh dưới đời Vua Hiến Tông, Nhà Minh (1472). Tiểu Thanh là một người con gái có sắc đẹp lại giỏi văn thơ, nhưng lấy phải một người đã có vợ rất ghen tương. Bà này đối xử với Tiểu Thanh rất tàn tệ khiến nàng phải dọn ra ven Tây Hồ sống trong một túp lều tranh. Một ngày kia, người ta thấy túp lều bốc lửa, Tiểu Thanh bị chết cháy, và trong đồng tro còn một số văn thơ của nàng. Một văn nhân nghe chuyện, bắt lòng thương cảm mà viết thành truyện. Nguyễn Du tìm đọc được cốt truyện đó đem động lòng trắc ẩn mà cảm tác ra bài thơ nói trên được nhà thơ Vũ Tam Tập dịch như sau:

Độc Tiểu Thanh Ký (Cảm Tác)

Hồ Tây cảnh đẹp hóa gò hoang

Thôn thức bên sông mảnh giấy tàn

Son phần có thàn chôn vẫn hận
Văn chương không mệnh đốt còn vương
Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi
Cái án phong lưu khách tự mang
Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa
Người đời ai khóc Tố Như chăng?
(Nguyễn Du, 1813, Hàng Châu, TQ)

Nguyễn Du làm bài này để khóc cho Tiểu Thanh thì là hẳn rồi. Nhưng duyên phận hẩm hiu của Tiểu Thanh thì giống với Xuân Hương. Như vậy, qua hình ảnh của TT, Nguyễn Du có thể làm bài này cũng là để khóc cho cả XH nữa chăng? Tôi nghĩ: là một người vốn nòi tình (như Chu Mạnh Trinh tự thủ rất say mê Thúy Kiều), và vốn rất đậm tình với XH, Nguyễn Du không thể chỉ cảm thương riêng với Tiểu Thanh, hay với Thúy Kiều.

Mặt khác, cũng qua bài “Độc Tiểu Thanh Ký Cảm Tác” này lại nảy sanh thêm một điểm tranh cãi mới do nhà thơ Diệu Tần nêu ra trong bài “Độc Hồ Xuân Hương: Nàng Là Ai” (đăng trong Xuân Thu Hè 2202, tr. 10. thidanlacviet2000@hotmail.co). Theo Tiến Sĩ (Khoa Giáo Dục, Sorbone, Paris) Phạm Trọng Chánh (tiếp nối GS Hoàng Xuân Hãn để hoàn thành cuốn *Hồ Xuân Hương Toàn Tập*) thì hai chữ Tố Như trong bài thơ ĐTTKCT không là tên tự (tên chữ Nho) của Nguyễn Du mà chỉ là một từ ngữ thông thường chỉ một người đẹp và vì thế TS P.T.Chánh đã chỉ viết hai chữ tố như với chữ thường (không hoa). Ngược lại, nhà thơ Diệu Tần thì khẳng định Tố Như là tên tự của Nguyễn Du. Ngoài ra, ông Diệu Tần cũng nêu lên thắc mắc: hai câu trong ĐTTKCT: “Bất tri tam bách dư niên hậu - Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa - và Thiên hạ hà nhân khắp Tố Như - Người đời ai khóc tố như chăng?”, không rõ là hai câu “khẩu chiếm” (nói lúc sắp qua đời) của ND hay là ở trong ĐTTKCT? Theo lời kể của ông Tôn Thất

Tùng vừa nêu trên thì có lẽ thắc mắc này đã được giải quyết. (Xin gõ vào Google: Độc Tiểu Thanh Ký sẽ thấy tài liệu.)

Theo tôi, Tố Như đúng là tên tự của Nguyễn Du. Trong thời Nho Giáo, con trai sinh trong dòng danh gia, vọng tộc (xuất thân văn học) còn ở tuổi vị quan (19 trở xuống) thì chỉ có tên tục hay húy do cha mẹ đặt cho. Khi người con tới tuổi nhược quan, nghĩa là coi như quan (20 tuổi), thì gia đình làm lễ “Gia Quan” tức là lễ đội “Mão” cho cậu ta, coi như từ nay cậu là quan, quan trong nhà, và cậu ta được tự chọn một tên mới gọi là tên tự (chữ Nho) đặt sau tên húy để tỏ tâm chí của mình. Đó là do cái lệ chỉ làm quan mới có mũo vua ban, còn làm lính hay thường dân thì đội nón thới. (Lính thú ngày xưa: Ngang lưng thì thắt bao vàng; đầu đội nón dĩa vai mang súng dài).

Cũng kể từ đó, bạn hữu, gia nhân sẽ không lấy tên tục của cậu ta để gọi nữa mà dùng tên tự. Nhưng, riêng cậu ta lại chỉ dùng tên tục để xưng hô chứ không dùng tên tự. Ngoài ra cậu còn chọn một tên nữa gọi là tên hiệu (bút hiệu) nếu cậu có viết lách. Trong trường hợp này, nhà thơ Diệu Tân cũng nêu một tí dụ về lễ lới giao tiếp ngày xưa là: trong *Tam Quốc Chí*, Lưu Huyền Đức khi xưng hô, chỉ nói “Bị này ...”, vì Bị là húy của ông ta. Nguyễn Du chọn tên hiệu là Thanh Hiên. Tên hiệu đặt trước họ; tên tự đặt sau họ: *Thanh Hiên Nguyễn Tố Như*.

Trở lại với HXH, Nguyễn Tố Như đã có tình thơ văn rất thân mật với nàng. Nhưng rồi mọi sự ở đời đều phải trôi qua, song chắc chắn rằng dù thời gian có phôi phai, những kỷ niệm của Ngày Xanh sẽ chẳng bao giờ xóa nhòa trong tâm trí của đôi kẻ yêu nhau, bởi vì:

Cái thờ ban đầu lưu luyến ấy
Ngàn năm chưa dễ đã ai quên (*Xuân Diệu?*)

Và,
Người yêu thờ ban đầu khó quên
Người yêu đến như vùng Thái Dương
Người yêu ơi đừng lạc bước quên đường
Thuyền em đậu bên lâu rồi
Mời lên dạo khúc ca Đời
Kèo ngày tháng trôi mau người ơi!
(Hải Bằng.HDB: *Hương Yêu*, tr. 41)

*

Người tình thơ thứ nhì của XH là Mai Sơn Phủ trong khoảng 1799 đến 1801.

Sau khi mối tình thơ với ND đã tạm lắng xuống, XH giao duyên thi phú đậm đà với Mai Sơn Phủ, lúc đó còn là một thư sinh chưa có danh phận gì, nhưng nổi tiếng thi văn. Trong Lưu Hương Ký, XH đã lưu lại nhiều bài nhất trao cho chàng họ Mai này. Nhưng, duyên nợ của Hồ - Mai chưa có nên vào khoảng năm 1801, chàng từ biệt XH về thăm quê ở Hoan Châu rồi từ đó tin nhận vắng tanh, khiến XH lòng buồn khôn xiết. Đây là bài XH họa bài thơ của Mai Sơn Phủ trong *Lưu Hương Ký* nhắc lại một chút kỷ niệm đã cùng ngắm hoa và mạn nông bên nhau:

Họa Sơn Phủ Chi Tác

Này đoạn chung tình biết mấy nhau
Tiền đưa ba bước cũng nên câu
Trên tay khép mở tanh chiều nhạt
Trước mặt đi về gấp bóng câu
Nước mắt trên hoa là lới cũ
Mùi hương trong nệm tỏa đêm đầu
Vắng nhau mới biết tình nhau lắm
Này đoạn chung tình biết mấy nhau

*

Và đây là một đoạn trích trong bài “Nói Rõ Ý Trình Bạn Mai Sơn Phủ:

Chàng có lòng
Ta cũng có lòng
Trong hồn mộng quỳn luyến nhau dưới
bóng liễu

Thơ ta cùng ngâm
Trăng ta cùng thưởng
Từ lúc buồn chia tay chàng
Ai là người chỉ ám nửa thân?
Chớ gầy đàn ly biệt mà oán bạn tri âm
Hãy cất chiếc đàn đi
Và hiểu thâm nhau trong lúc cao sơn lưu thủy
Đừng buồn hận mà than cho nỗi xưa nay

Mối tình thứ ba của nàng là mối giao lưu văn bút rất đậm đà với Tôn Phong từ năm 1807.

Đây là giai đoạn Vua Gia Long đã ổn định chủ quyền trên toàn quốc nên có nhiều xuất hiện thêm nhiều nhân vật danh phận, chức tước như Tôn Phong, Trần Quang Tĩnh, Trần Ngọc Quán, và Trần Phúc Hiển lui tới Cổ Nguyệt Đường của XH làm cho Tao Đàn mỗi ngày một thêm nhộn nhịp.

Trường hợp nào Tôn Phong gặp XH? Xin hãy đọc đoạn văn trích trong “Bài Tựa Tập Thơ Lưu Hương Ký” của Tôn Phong:

Mùa Xuân năm Đinh Mão [1807] tôi đến Thành Thăng Long [thi Hương bị rớt]. Nhân cùng bạn là Cư Đình nói chuyện về các tài tử xưa nay, bạn ấy nói cho tôi biết cùng tình với tôi có người phụ nữ là Cổ Nguyệt Đường Xuân Hương, học rộng mà thuần thực, dùng chữ ít mà đầy đủ, từ mới lạ mà đẹp đẽ, thơ đúng phép mà văn hoa, thực là một bậc tài nữ.

Tôi liền tìm tới hỏi thăm. Khi hỏi đến tên họ mới biết cô ta là em một ông lớn họ Hồ, đậu Hoàng Giáp, người làng Hoàn Hậu, Huyện Huỳnh Lưu. Chúng tôi mới tình cờ gặp nhau lần đầu, mà đã thành ra đôi bạn thân thiết. Trong những khi uống rượu ngâm thơ, kẻ xướng người họa, tứ thơ dồi dào, nhưng vẫn tỏ ra vui mà không buồn tuồng, buồn mà không đau thương, khổn mà không lo phiền, cùng mà không bức bách.

Từ đó, có những lúc tôi phải bôn ba vào Nam ra Bắc, không thể cùng nhau sớm hôm xướng họa. Còn Xuân Hương thì cũng vì mẹ già, nhà túng mà ăn ở không yên ổn.

Sang mùa Xuân Giáp Tuất [1814, lại rớt thi Hương] tôi tìm tới chỗ ở cũ của cô, hai bên vừa mừng, vừa tủi. Xuân Hương liền cầm tập *Lưu Hương Ký* đưa cho tôi xem mà bảo tôi rằng: “Đây là tất cả thơ văn trong đời tôi từ trước tới nay, nhờ anh làm cho bài tựa.” Tôi mở tập ấy ra xem thì thấy những bài thơ năm chữ, bảy chữ, những điệu ca, phú và từ chép đầy một quyển. Thoạt đầu tôi hết sức kinh ngạc lạ lùng, rồi dần dần càng đọc càng thấy lòng thư thái mà trở nên vui thích khoái trá...

Sau đó, XH còn giảng mắc tình thơ thân mật với Quan Hiệp Trần Sơn Nam Hạ Trần Quang Tĩnh (1808) và Quan Hiệp Trần Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán (1815). Cả hai mối tình có lẽ đã đến sau mối tình của quan Tham Hiệp Trần Phúc Hiển cưới nàng về làm thiếp vào năm 1816 và đưa XH về ngụ ở vùng Vịnh Hạ Long.

Đây là một trong năm bài thơ vịnh cảnh Hạ Long ghi trong *Lưu Hương Ký*, lời thơ rất trong sáng và trang nhã.

Qua Vùng Hoa Phong

Lá buồm thung thình vượt Hoa Phong
Đá đụn bờ son mọc giữa dòng
Dáng nước lượn theo chân núi chuyển
Mình lên lên để lối duênh thông
Cá rồng ẩn nấp hơi thu nhạt
Âu lộ cùng bay bóng xế hồng
Bấm sáu phòng mây cùng động ngọc
Đâu nào là chốn Thủy Tinh Cung?

(GS Hoàng Xuân Hãn dịch)

Sau khi Trần Phúc Hiển bị xử tử hình thì XH quá sầu đau bỏ lên Chùa Hoa Yên ít lâu cho khuây khỏa rồi lại trở về Cổ Nguyệt

Đường để ôn lại những chuỗi ngày đầy kỷ niệm vui buồn lẫn lộn. Hồi ức cuộc đời mình nhiều buồn tủi thương đau hơn là hạnh phúc đã khiến cho XH sớm từ già cõi đời vào lúc mới 51 tuổi.

Năm 1842, Tùng Thiện Vương Miên Thâm, theo anh là Vua Thiệu Trị ra Thăng Long tiếp sứ Tàu, có làm 14 bài thơ tứ tuyệt liên hoàn lúc viếng cảnh Hồ Tây trong đó có đoạn viết về mộ của HXH như sau:

Đầy hồ rục rở hoa sen
Sai người xuống hái để lên cúng đường
Chớ thờ qua mộ Xuân Hương
Suối vàng còn giặt tơ vương lở làng
Sơn tàn, phấn rữa, mồ hoang
Xuân Hương đã khuất bên hàng cỏ xanh
U hồn say tí làm thính
Gió Xuân mấy độ vô tình không hay
(GS Hoàng Xuân Hãn dịch)

*

HXH sinh ra và lớn lên bên đầm sen ở ven Hồ Tây và thường ra đó hái sen. Khi qua đời, mộ bà được chôn cất cũng bên cạnh đầm sen. Cuộc đời của bà như đã gắn liền với hoa sen. Bà là Đóa Sen Chúa và có một cái gì rất gần gũi với bốn câu ca dao:

Trong đầm gì đẹp bằng sen?
Là xanh, bông trắng lại chen nhụy vàng
Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

*

Tóm Lược Một Bài Viết về Thơ Hồ Xuân Hương

Dưới đây là nguyên văn của Huy Phong và Yến Anh viết trong *Sự Hiện Diện của Dâm Thơ trong Dòng Văn Học Việt Nam*:

Thật ra, nếu cứ gọi hết thấy là văn chương trào phúng đề cập ít nhiều đến cái

“giống” hay chuyện ái ân đều là dâm thư thì có lẽ vấn đề đầu tiên là phải tách bạch phân chia các tác giả dùng nghệ thuật này để chọc cười đọc giả [HP và YA viết “đọc” chứ không phải : “đọc”] làm hai loại khác nhau.

1 . Thứ nhất là những người lấy cái “giống” và khai thác những chuyện chung quanh đó như thứ đề tài tích cực để gây cười trực tiếp, trắng trợn. ...

2 . Thứ hai là những nghệ sĩ mô tả những hình ảnh chung quanh cái “giống” như một thứ cảnh tượng nửa hư nửa thực, nửa rõ nét, nửa chập chờn, nửa sống sượng, nửa băng quơ; một loại màu sắc bóng bẩy; một câu chuyện vui nhẹ nhàng; một đề tài vừa bỡn chọc, vừa xây dựng. ...

Đứng trên phương diện lịch sử văn học mà xét – và nếu có một cuộc trưng cầu ý kiến, hay thăm dò dư luận - để bầu tác giả, thuộc khuynh hướng thứ hai nói trên, có tài chọc cười thiên hạ bằng những bài thơ “tục” một cách thanh tao tài tình nhất, một cách *phong nhã* vui nhộn nhất, chắc chắn người được giải quán quân sẽ không ai khác hơn là Hồ Xuân Hương (? - ?), tác giả chọc cười một cách... **tục** nhứt trong văn học Việt Nam.

Huy Phong và Yến Anh nêu lên hai thắc mắc:

(1) “*Hồ Xuân Hương là thi sĩ hay đó chỉ là tên gọi tập thể, một tên chung của người làm thơ, và trong đó có hơn một người đã làm nên thơ Hồ Xuân Hương nhứt định không phải là ... đàn bà?!*”

(2) “*Thơ Hồ Xuân Hương đã bắt đầu xuất hiện từ thời nào? Nó hiện diện như một thứ ca dao được nhơn gian truyền miệng kể cho nhau nghe từ đời này sang đời khác hay chỉ mới có từ thế kỷ thứ XVIII như một số nhà văn học sử hiện đại đã cử trưng?*”

Rồi Huy Phong và Yên Anh kết: “Nói chung, đề tài chính của các bài thơ ký tên Hồ Xuân Hương là số phận của những người đàn bà sống đời ngoại biên, bị xã hội nông nghiệp cổ truyền bỏ quên, nếu không nói là ruồng rẫy, nên đã không thiếu người để dãi

cho rằng Hồ Xuân Hương là một phụ nữ đa tài, đa tình, và đa ... dâm!”



ĐỘC HỒ XUÂN HƯƠNG CẢM TÁC

Hải Bằng.HDB

NGƯỢC VÒNG NÃO NƯỚC HỘI TRĂNG RẪM

Mến tặng Hồ Trường An và những ánh trăng

náo nức người ơi! náo nức đời
náo nức như thời vượt trùng khơi
náo nức như tuổi chờ xuân tới
vỗ vãn thơ náo nức từng lời

rót đây nhé vào nhau náo nức
những tiếng cười trong mắt long lanh
như chưa từng một lần biết khóc
như chưa từng nghe đời làm than

náo nức người ơi - hội trăng rằm
vội thơ vãn, vội tình thân thương
như thảo nguyên xanh thơm cỏ mới
mỗi ý lời, mỗi độ sắc hương

uống nhé anh em, rượu hồng náo nức
thắm chân tình bút mực thơ vãn
đam mê troả hoa đàm giữa ngực
ngát hương quê vừa lúc trăng về

trăng mọc phương Đông, lặn trời Tây
trăng mọc trời Tây, lặn phương Đông
vẫn mãi sáng ánh hồng trong mắt
chứa yêu thương, chữ nghĩa vô cùng

náo nức người ơi, náo nức say
nghe tình thơ hát giữa tim này
vội trăng, vội cả hồn dân tộc
chuyển mạch từ quá khứ vào mai

tạ ơn đời! tạ ơn lòng trăng
vãn thơ đi qua bao thăng trầm
mỗi lời ý một vầng tỏa sáng
giữa đêm vui *náo nức hội trăng rằm!**

CAO NGUYÊN

(*) *Náo Nức Hội Trăng Rằm, Bút khảo của Hồ Trường An viết về 7 cây bút: Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Trương Anh Thụy, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.*

PHẠM TRỌNG LỆ

sứu khảo và dịch

Bông Hồng Dù Gọi Tên Nào: Thiên Tình Sử Romeo và Juliet

“What’s in a name? That which we call a rose

By any name would smell as sweet.”

(Shakespeare’s **Romeo and Juliet**,

Act II, scene ii)

Bông hồng dù gọi tên nào,

Thì hoa cũng vẫn ngọt ngào thơm tho.

Chắc độc giả đã nhiều lần nghe qua truyện Romeo và Juliet, và có thể đã xem nhiều phim dựa vào cốt truyện, hay đã nghe nhạc Tchaikovsky phần mở đầu Fantasy Overture trong vũ khúc ballet do ban vũ cổ điển Bolshoi của thành phố Moscow hay ban vũ cổ điển Kirov của thành phố St. Petersburg trình diễn, nhưng chắc không biết từ trước đến nay truyện Romeo và Juliet được đưa lên phim mấy lần? Trước khi trả lời câu này ở bên dưới, xin lược truyện. Tiếp theo là phần chuyển dịch sang tiếng Việt hai đoạn đáng nhớ nhất trong vở kịch. Đó là cảnh Romeo nghe Juliet đứng than thở những lời yêu thương ở bao lơn ngoài phòng ngủ của nàng nhìn xuống vườn cây của gia đình Capulet, có biết đâu cũng lúc đó chàng đứng trong lùm cây bên dưới, nghe được tâm sự nàng. Cảnh thứ hai là lúc gần sáng ở phòng Juliet, sau đêm hai người gặp nhau như vợ chồng trước khi chàng đi đây ở Mantua.

Bài viết này chia làm năm phần: I. Lược truyện; II. Kịch đưa lên phim; III. Ngôn ngữ và tính hài hước của Shakespeare; IV. Hai cảnh đáng nhớ: cảnh ở bao lơn và đêm vĩnh biệt; V. Chú thích thêm: Nhạc và vũ cổ điển dựa vào cốt truyện; thăm Verona, và sách tham khảo.

I. Cốt Truyện: Truyện tình Romeo và Juliet gốc từ một bi-kịch của kịch-tác-gia và thi-sĩ người Anh William Shakespeare (1564-1616) viết trong khoảng 1591-1596, khi ông trong khoảng 27-32 tuổi, dựa theo một truyện thơ dài của Arthur Brooke tên là “The Tragical Historye of Romeus and Juliet” (in năm 1562), kể chuyện đôi tình nhân mệnh yếu (star-crossed lovers), nhưng cái chết của họ làm hai họ Capulet và Montague quên hận thù nhau. Ấn bản của vở bi-kịch gọi là Quarto 2 (trang giấy in gấp làm 2 lần, thành 4 tờ, 8 trang) mang tựa “The Most Excellent and Lamentable Tragedie of Romeo and Iuliet” in năm 1599. Ấn bản Quarto 1 mang tựa nguyên văn là “An Excellent conceited Tragedie of Romeo and Iuliet” in ở London, năm 1597. (Đây là ấn bản xưa nhất của vở kịch, theo giáo sư Jill L. Levenson, trang 104, cuốn

Romeo and Juliet, chú dẫn ở phần cuối bài. Thời Shakespeare “J” in là “I”)

Tại tỉnh Verona nước Ý, có hai gia đình danh-giá là Montague và Capulet có thù với nhau từ đời nọ sang đời kia. Romeo là con trai và là người sẽ thừa-kế tài-sản của họ Montague. Romeo mê nàng Rosaline nhưng không được nàng để ý tới. Romeo nghe nói Rosaline sẽ dự tiệc hoá trang ở nhà ông bà Capulet, bèn cùng bạn thân là Mercutio đeo mặt nạ đến dự tiệc, và mong sẽ được thấy dung nhan nàng Rosaline. Nhưng vừa tới buổi tiệc hoá trang, Romeo thoáng thấy nàng Juliet xinh đẹp, con gái ông bà Capulet, thì đem lòng yêu ngay. Trong khi dò hỏi cho biết tên nàng Juliet, Romeo bị Tybalt là cháu bà Capulet nghi ngờ. Tybalt gây sự toan đấu với Romeo, nhưng Ông già Capulet can hai người để tránh đổ máu trong bữa tiệc.

Trong buổi tiệc, sau khi gặp Juliet, Romeo biết nàng là con gái của dòng họ Capulet có thù với dòng họ mình, và Juliet cũng khám phá ra chàng Romeo mà nàng chớm yêu là con trai của gia đình Montague, tử thù của dòng họ nàng. Tối hôm đó, sau khi khách ra về, Romeo lén ở lại. Đứng dưới vườn nhà Juliet, Romeo chợt thấy nàng bước ra bao lơn. Nghe lén thấy nàng than-thở giá người yêu không phải thuộc dòng họ Montague, Romeo bèn xuất đầu lộ diện. Juliet lúc đầu bẽn-lẽn khi thấy Romeo nghe rõ thâm ý của mình, nhưng rồi hai người

trao nhau lời hứa sẽ yêu nhau mãi mãi. Juliet cho Romeo hay nàng sẽ lấy chàng, và bảo chàng sáng hôm sau tìm cách làm phép cưới. Romeo chạy ra tu-viện gặp tu-sĩ Laurence xin giúp làm chủ lễ. Tu-sĩ Laurence cũng mong cuộc tình duyên này sẽ giúp hai họ không thù nhau nữa.

Sáng sớm hôm sau, khi cùng đi với hai người bạn là Benvolio và Mercutio, Romeo gặp bà vú nuôi của Juliet và nhắn với nàng là hãy gặp tu-sĩ Laurence (có bản viết là Lawrence) để làm lễ thành hôn. Cũng ngày hôm đó, Mercutio đang đi ngoài phố thì tên Tybalt đến gây sự trách sao Mercutio lại chơi thân với Romeo là kẻ thù của đồng họ Capulet. Thấy Tybalt hạ nhục Romeo, Mercutio giận, nhận đấu gươm, nhưng bị Tybalt, cũng là một tay gươm giỏi, đâm chết, khi Romeo chen vào



William Shakespeare

can hai người. Để trả thù cho bạn, Romeo đấu gươm với Tybalt và đâm chết tên này, và vì tội giết người, Romeo bị ông Hoàng Escalus của xứ Verona. [Chữ “city” không có nghĩa là “thành phố,” như bây giờ, vì trong thời Phục hưng, nước Ý chia thành nhiều city-states, mỗi “city” có quân đội riêng và có một ông hoàng cai trị như một “xứ nhỏ.”]

Sau khi đâm chết Tybalt, để tránh lính tuần, Romeo lén đến gặp tu-sĩ Laurence xin giúp. Tu-sĩ khuyên Romeo gặp Juliet đêm đó trước nhận đi đây ở vùng Mantua. Vào lúc này, Ông già Capulet muốn gả Juliet cho một vị bá tước có họ với ông Hoàng xứ Verona

tên là Paris, vì ông già không biết gì về chuyện Juliet và Romeo đã được tu-sĩ Laurence làm phép thành hôn với nhau rồi. Nếu Juliet thổ lộ cho cha là đã làm lễ thành hôn với Romeo thì chàng sẽ không toàn mạng vì vừa mang tội giết Tybalt.

Juliet bèn đi tìm tu-sĩ Laurence xin giúp. Vị tu-sĩ hiến một kế là cho nàng một lọ thuốc, bảo cứ uống vào đêm trước hôm phải lấy bá tước Paris. Chất thuốc này sẽ làm nàng chết giả trong 42 tiếng đồng hồ. Như vậy, xác nàng, theo tục lệ thời đó, sẽ được chôn tại hầm mộ gia đình Capulet một hai ngày. Và trong thời gian đó, tu-sĩ Laurence sẽ báo tin cho Romeo lúc đó đang lưu đày ở Mantua đến cứu. Vì theo mưu của vị tu sĩ nhân từ này, Romeo và Juliet có thể cùng trốn khỏi Verona. Bây giờ hãy lo trốn trước, sau này sẽ xin cha mẹ của hai họ tha thứ.

Gia đình Capulet đang tít tít sửa-soạn làm lễ cưới cho Juliet lấy bá tước Paris thì nghe tin Juliet chết. Thế là đám cưới thành đám tang. Gia đình đưa xác nàng ra phần mộ. Trong khi đó, tu-sĩ Laurence viết thư cho Romeo và giao cho một người mang thư đến Mantua báo cho Romeo biết mưu kế của mình và bảo chàng hãy kíp về cứu Juliet khi nàng tỉnh dậy ở hầm mộ. Nhưng thư của tu-sĩ Laurence không đến tay Romeo kịp. Người đưa thư đi qua vùng có bệnh dịch hạch nên bị dân làng, vì sợ lây, đóng cửa giam luôn trong nhà có dịch hạch.

Romeo vẫn không biết gì về kế của tu-sĩ Laurence, chỉ được tên hầu là Balthasar đi ngựa đến báo tin Juliet đã chết. Trước khi lên về Verona thăm mộ Juliet, Romeo gặp một ông già bán thuốc ở Mantua, năn nỉ và mua chuộc ông để ông bán cho một lọ thuốc độc, với ý định sẽ quỳn sinh bên nàng. Tới hầm

mộ Juliet, Romeo gặp Paris lúc đó cũng mang hoa đến mộ Juliet. Romeo tưởng Paris là một tên đào mả lấy trộm nữ trang nên đâm chết Paris. Trước khi chết, Paris xin Romeo đem xác mình đặt gần xác Juliet. Tới chỗ Juliet nằm, Romeo thấy xác nàng, than khóc lời vĩnh biệt rồi uống thuốc độc tự tử. Khi thuốc mê đã già, Juliet tỉnh dậy, thấy Romeo chết, bèn rút chiếc dao găm chàng còn đeo bên mình, đâm ngực tự vẫn.

Hai gia đình nghe tin Paris và Romeo chết, kéo tới hầm mộ. Tu-sĩ Laurence kể cho hai họ Capulet và Montague chuyện của Romeo và Juliet, chỉ mắc tội yêu nhau mà chết oan. Hai gia đình nghe câu chuyện đau thương của đôi trẻ, và trước lệnh của ông Hoàng, thế sẽ không còn thù hận nhau nữa.

II. Kịch đưa lên phim: Từ trước đến nay có ít nhất 6 cuốn phim về truyện tình Romeo và Juliet. Theo Charles Boyce thì có ít nhất 17 lần truyện được đưa lên phim nếu kể cả các phim nói tiếng Pháp, Ả rập và Hindi Ấn độ.

(1) Phim năm 1936, do nữ tài tử Norma Shearer, lúc đó 36 tuổi, đóng vai Juliet; còn vai Romeo thì do Leslie Howard, lúc đó 43 tuổi, đóng. Đạo diễn bởi George Cukor.

(2) Năm 1964, nữ tài tử Susan Shentall và nam tài tử Lawrence Harvey, lúc đó 26 tuổi đóng vai Romeo.

(3) Năm 1961, Nathalie Wood, lúc đó 23 tuổi, và Richard Beymour, 22 tuổi, đóng trong vở nhạc kịch West Side Story, kể chuyện hai bọn băng đảng ở New York, tích truyện dựa vào vở kịch này. Nhạc do L. Bernstein.

(4) Năm 1968, Olivia Hussey, lúc đó 15 tuổi, đóng vai Juliet cùng với Leonard Whiting, 17 tuổi, đóng vai Romeo. Đạo diễn

người Ý Franco Zeffirelli. Có lẽ đây là cuốn phim hay và thành công nhất.

(5) Năm 1996: Vai Juliet do nữ tài tử Angelina Jolie 21 tuổi đóng, và Nathaniel Marston, 20 tuổi, đóng vai Romeo.

(6) Năm 1996: Claire Danes, 16 tuổi, đóng vai Juliet, và Leonardo DiCaprio, lúc đó 21 tuổi, đóng vai Romeo. [Phần này viết theo bài báo của Anita Gates đăng trong **New York Times** ngày 10/27/96, trang H13.]

Theo cốt truyện thì Juliet lúc đó mới 14 tuổi mà trong bộ phim đầu, tài tử đóng vai Romeo là Leslie Howard (người đóng vai chàng Ashley Wilkes, người mà Scarlett O'Hara mê trong phim *Gone with the Wind*, ra mắt năm 1939), lúc đó 43 tuổi, còn nữ tài tử Norman Shearer đóng vai Juliet lúc đó đã 36 tuổi. Vậy mà khán giả thời đó vẫn chấp nhận. Trong mấy bộ phim sau, tài tử trẻ hơn. Olivia Hussey đóng vai Juliet năm 1968 lúc nàng mới 15 tuổi. Phải chăng nhà đạo diễn Ý Franco Zeffirelli muốn phim có tính hiện thực hơn? Hay thành phần khán giả trẻ xem phim ngày nay càng ngày càng đông nên nhà làm phim phải chọn những tài tử trẻ cho hợp với vai trò? Phim mới nhất (1966) có đổi cảnh trong phim, và có súng, như vậy có làm mất không khí của vở kịch thời Shakespeare không? Chỉ có độc giả xem hay đọc xong vở kịch rồi coi cuốn phim, hay xem xong cuốn phim rồi đọc lại vở kịch, mới biết rõ. Điều này, một lần nữa, nêu lên tính cách phổ-cập

và nhân-bản của kịch-tác-gia Shakespeare: văn-chương nếu hay thì mọi thời-đại và mọi nền văn-hoá đều hâm mộ.

III. Ngôn ngữ và tính cách hài hước của Shakespeare

A. Ngôn ngữ: Kịch Romeo và Juliet viết

theo thể thơ blank verse, mỗi câu có 10 âm tiết, nhấn mạnh vào nhịp nhì và không có vần. Tuy nhiên, có vài đoạn trong vở kịch, như đoạn mở đầu, viết theo thể thơ sonnet, có 14 câu, mỗi câu có 10 âm tiết, nhấn vào nhịp nhì, và có vần gieo như sau: ababcdcdefefgg. Đó là thể tình thi sonnet kiểu Shakespeare. Thí dụ như đoạn mở đầu trước khi vở kịch bắt đầu:

“The Prologue”

[Đồng ca]

Two households, both alike in dignity
In fair Verona, where we lay our scene,
From ancient grudge break to new mutiny,
Where civil blood makes civil hands unclean.
From forth the fatal loins of these two foes
A pair of star-crossed lovers take their life;
Whose misadventured piteous overthrows
Doth with their death bury parents' strife
The fearful passage of their death-marked love,
And the continuance of their parents' rage,
Which, but their children's end, naught could remove,
Is now the two hours' traffic of our stage;
The which, if you with patient ears attend,
What here shall miss, our toil shall strive to mend.



Hai gia đình cùng môn đăng hộ đối
 Ở Verona diễm lệ, là nơi vở kịch của chúng
 tôi xảy ra,
 Vì mối thù xưa bùng lên thành loạn;
 Nơi những vụ đổ máu giết nhau làm như
 nhuộm những bàn tay hiễn lành.
 Từ hai gia-đình tử thù này,
 Đôi tình nhân vì định mệnh yêu nhau, rồi kết
 liễu đời mình;
 Nhưng cái chết thảm thương của họ
 Đã chôn theo mối thù khôn gột rửa của cha mẹ.
 Vở bi kịch dài hai giờ sắp tới này sẽ kể câu chuyện
 Về mối tình bi-thảm của họ, và cơn thịnh nộ
 của cha mẹ,
 Mà chỉ có cái chết của đôi trẻ mới chấm dứt.
 Nếu quý khán giả kiên nhẫn lắng nghe,
 Bù cho những khiếm khuyết ở đây, chúng tôi
 cố diễn cho hay.

**B. Buồn mà vui, vang tiếng cười của
 khán giả:** Tuy kịch Romeo và Juliet là một
 bi-kịch, nhưng không phải lúc nào cũng buồn
 thảm, nhờ óc khôi hài và tài chơi chữ của
 Shakespeare.

- **Cách dùng chữ:** Theo Jill L. Levenson
 (chú thích bên dưới bài), phần mở đầu
 (Prologue) cho thấy cách dùng chữ của
 Shakespeare. Như phép dùng tương phản (gọi
 là antithesis), và cân đối (symmetry), như ở
 dòng 3, hai chữ “grudge” (thù ghét) và
 “mutiny” (nổi loạn), và ở dòng 4, hai chữ
 “civil blood” (gây tương tàn) and “civil
 hands” (bàn tay hiễn lành, ngụ ý dân sống
 hiễn lành trong cộng đồng) ở trong cùng một
 câu, chữ nọ làm mạnh nghĩa thêm chữ kia,
 chữ nọ là nguyên nhân gây nên chữ kia là
 hậu quả. Ở dòng 9, chữ “death-marked” ngụ
 hai nghĩa: (a) bị số mệnh bắt phải chết; (b)
 mục tiêu của họ là cái chết. “Take their life”

(dòng 6) có hai nghĩa: (a) từ hai dòng họ tử
 thù sinh ra; (b) kết liễu đời họ.

- **Ốc hài hước:** Trong đoạn đầu vở kịch,
 cảnh hai tên gia nhân Sampson và Gregory
 của dòng họ Capulets đeo khiên nhỏ và
 gươm, bàn nhau nếu gặp gia nhân nhà
 Montagues, chúng cũng không sợ. Chữ “bite
 the thumb,” nghĩa đen là “cắn đầu ngón tay
 cái,” nhưng nghĩa bóng là “ra dấu ngón tay
 chửi ai.” Tương tự, bây giờ có thành ngữ
 “Thumb one’s nose.” Ta hãy nghe hai tên
 gia-nhân gia đình Capulet là Sampson và
 Gregory bàn nhau bằng ngôn từ hơi thô-tục vì
 chúng đóng vai trò của comic relief, làm
 không khí của bi-kịch bớt căng thẳng:

Sampson:

Nay, as they dare. I will bite my thumb at
 them, which is disgrace if they bear it.

[*He bites his thumb.*] Đừng, để xem bọn
 chúng chịu ra sao. Tôi sẽ ra dấu tay chửi để hạ
 nhục chúng. [*Nói rồi cắn đầu ngón cái.*]

Abram: (*gia nhân nhà Montague*)

Do you bite your thumb at us, sir?

[*Có phải Anh hạ nhục bọn tôi, hả?*]

Sampson:

[*aside to Gregory*] Is the law of our side if
 I say “Ay”?

[*Quay lại hỏi Gregory*]-Nếu tôi trả lời
 “Phải” thì chúng ta có đúng luật không?

Gregory: [*aside to Sampson*]

No. [*Nói riêng với Sampson*] Không.

Sampson:

No, sir, I do not bite my thumb at you, sir,
 but I bite my thumb, sir.

[*Thưa không, tôi không cắn ngón cái ra
 dấu chửi anh, nhưng, xin thưa, tôi cắn ngón
 cái của tôi ạ.*]

-Thí dụ 2: Hai nghĩa của chữ
 “Maidenhead”:

Cũng trong đoạn mở đầu:

Sampson: Any dog of that house of Montague moves me. [Bất cứ tên vũ phu nào trong dòng họ Montague cũng làm tớ nổi giận.]

...

Sampson: 'Tis all one. I will show myself a tyrant. When I have fought with the men, I will be civil with the maids—I will cut off their heads.

[Sampson: Mối hận thù của chủ mình cũng là của chúng ta. Tớ sẽ cho chúng biết, tớ là một tay bạo tàn. Khi tớ đánh thắng bọn đàn ông họ Montague, tớ sẽ lịch sự với bọn thiếu nữ—tớ sẽ chặt đầu chúng.]

Gregory: The heads of the maids? [đầu thiếu nữ?]

Sampson: Ay, the heads of the maids, or their maidenheads. Take it in what sense thou wilt. [Phải, đầu thiếu nữ, hay là trinh-tiết của họ. Tùy anh muốn hiểu nghĩa nào thì hiểu.]

Gregory: They must take it in sense that feel it. [Họ sẽ hiểu tùy cảm-giác của họ.]

-Thí dụ 4: [Hồi II, cảnh ii)

ROMEO: O, wilt thou leave me so unsatisfied? [Ôi, sao em để lòng ta còn khao khát thế này?]

JULIET

What satisfaction canst thou have to-night? [Thế chàng muốn thỏa mãn gì đêm nay?]

ROMEO

Th' exchange of thy love's faithful vow for mine. [Cùng em trao đổi lời thề sẽ yêu chung thủy.]

-Thí dụ 5: "Life" có nhiều nghĩa.

Juliet: Then, window, let day in, and let life out.

[Cửa sổ ơi, mở ra cho ánh sáng lùa vào, và cho nguồn sống thoát đi.]

Chữ "life" ở đây có nhiều nghĩa: đối với Juliet, Romeo là "nguồn sống" của nàng; Mạch sống thoát đi, hay từ giờ phút Romeo từ cửa sổ leo xuống ra đi, là đi vào cõi chết. Hai nhân vật Romeo và Juliet chưa biết số phận họ, nhưng khán giả được cho hiểu là điềm báo trước sự vĩnh biệt của họ, vì chàng ra đi lần này là lần cuối hai người còn thấy nhau khi còn sống. Chữ "life" làm khán giả hay độc giả liên tưởng đến chữ phản nghĩa "death," cũng như chữ "day" báo trước chữ phản nghĩa "night" như một cặp chữ: day/life và night/death. Chữ "window," một vật vô tri vô giác được nhân cách hoá, tượng trưng sự ấm cúng của tình yêu hai người. Bây giờ khi Juliet xin cửa sổ mở ra, cửa sổ có quyền định đoạt về số phận Romeo. Trong câu trên, chữ "in" đối với chữ "out": Then window, let day in, and let life out.

Vậy thì, cửa sổ ơi!

Mở ra cho ánh sáng vào,

Để cho mạch sống dạt dào thoát đi!

-Thí dụ 5: Ông già Capulet vị vợ ngăn cản không cho gây sự.

(Hồi I, cảnh 1)

Cảnh lộn xộn ngoài phố.

CAPULET

What noise is this? Give me my long sword, ho!

Chuyện gì lộn xộn vậy? Lấy cho ta thanh gươm dài, bay đâu!

WIFE (vợ ông già Capulet)

Crutch, a crutch! Why call you for a sword?

Đưa ổng cái nạng, cái nạng! Tại sao ông đòi lấy gươm cho ông?

(Còn tiếp kỳ sau)

PHẠM TRỌNG LỆ

(Virginia - USA)

TRẦN BÍCH SAN

PHÊ BÌNH VĂN HỌC DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN

GIAI ĐOẠN 1946 - 1987

Năm 1946 là thời điểm quan trọng, một khúc quanh trong lịch sử Việt Nam cận đại. Tiếp theo vụ Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương ngày 09/03/1945, những biến cố dồn dập kế tiếp xảy ra và sau khi hội nghị Fontainebleau tan rã, đã đưa đến chiến tranh Việt - Pháp kéo dài gần 8 năm từ 19/12/1946 đến khi hiệp định Genève được ký kết ngày 10/07/1954 giữa Pháp và Việt Minh chia đôi đất nước.

Với chính sách chuyên chế, trong thời kỳ chiến tranh 1946 – 1954, giai đoạn 1954 - 1975 ở miền Bắc, và sau khi thống nhất đất nước 1975 - 1987, văn hóa, văn học, văn nghệ, trong đó có ngành phê bình văn học hoàn toàn bị kiểm soát và chỉ đạo bởi đảng CSVN¹. Đây là thời kỳ đen tối nhất trong lịch sử văn học Việt Nam, giai đoạn này được nhà văn Nguyễn Minh Châu mô tả “*như một hành lang hẹp và thấp, xung quanh đầy những nghi ngờ, những lý luận và luật lệ văn học, trong đó nhà văn chỉ làm nhiệm vụ truyền đạt đường lối, chính sách bằng hình tượng, tức là làm văn học mình*

họa... Những ai muốn sáng tạo, tìm tòi cái riêng thì cũng phải rào đón, che chắn, có cảm giác phạm tội. Kẻ làm văn học mình họa đã đánh mất cái đầu và tác phẩm, đánh mất tính tư tưởng mới mẻ, độc đáo hoặc chỉ còn cái đầu và tư tưởng được bao cấp!”² Phê bình văn học trong giai đoạn này chỉ có một bên phê phán, một bên hứng chịu, không có sự hiện diện của tranh luận văn học. Từ 1987 đến nay, do đường lối đổi mới gọi là “*cởi trói văn nghệ*”³, sinh hoạt phê bình văn học được nới lỏng một phần, nhưng ảnh hưởng của “*chính trị hóa văn*

¹ Từ 1951 đến 1975 Đảng CSVN có tên gọi là Đảng Lao Động Việt Nam.

² Chính sách của Đảng CS tạo nên sự hèn nhát và nỗi sợ hãi của nhà văn. Hoài Thanh phải chối bỏ giá trị tác phẩm của mình, xem những bài thơ trong Thi Nhân Việt Nam là “*những vần thơ có tội*” của những kẻ bạc nhược không dám làm người. Nguyễn Minh Châu tả lại về nhà văn Nguyễn Tuân: “*nâng chén rượu lên giữa đám đàn em: “Tao còn sống đến bây giờ là nhờ biết sợ”. Nói rồi ngửa mặt lên trời cười rung giũ, nước mắt tuôn lã chã, giọt đổ xuống đất, giọt đổ vào lòng”*.”

³ Nguyễn Minh Châu (1930 – 1989): *Hãy Đọc Lời Ai Điều Cho Một Giai Đoạn Văn Nghệ Minh Họa*, tạp chí Văn Nghệ của Hội Nhà Văn, tháng 10/1987.

học” vẫn còn sâu đậm, cần một thời gian dài mới có hy vọng tẩy xóa được.

*Đề Cương Văn Hóa*⁴ năm 1943 của Đảng Cộng Sản Đông Dương (Trường Chinh là tác giả), bản tuyên ngôn văn hóa Marxist ở VN, đã xác định quyền lãnh đạo toàn diện đối với văn hóa của đảng CSVN. Trường Chinh, Tố Hữu⁵, Hà Xuân Trường⁶

⁴ *Đề Cương Văn Hóa* xác định văn hóa không thể tách rời với cách mạng giải phóng dân tộc và có nhiệm vụ: 1. Chống các học thuyết Khổng, Mạnh, Descartes, Bergson, Kant, Nietzsche “*làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng*” 2. Chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng, v.v. “*làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng*”. Tuy các tư tưởng này còn rất sơ lược và khiếm khuyết, nhưng là bước khởi đầu đưa chủ nghĩa Marx thành tư tưởng thống trị, Marxist hóa toàn bộ văn hóa Việt Nam.

⁵ *Tố Hữu* (1920 – 2002): tên thật Nguyễn Kim Thành, sinh ngày 04/10/1920 quê làng Phù Lai, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên trong một gia đình nhà Nho nghèo. Học và tập làm thơ từ năm 6, 7 tuổi. Đỗ bằng Thành Chung, lãnh đạo Đoàn Thanh Niên Dân Chủ ở Huế. Tháng 04/1939 bị Pháp bắt, giam ở nhà lao miền Trung và Tây Nguyên. Tháng 03/1942 vượt ngục. 1945 Chủ tịch Ủy Ban Khởi Nghĩa Thừa Thiên – Huế. 1951 Ủy Viên Dự Khuyết Trung Ương Đảng. 1958 – 1980: Ủy Viên Ban Bí Thư. 1976 – 1986: Ủy Viên Bộ Chính Trị. Có lúc giữ chức Phó Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng (Phó Thủ Tướng). Tác phẩm: *Từ Ấy* (thơ, 1946), *Việt Bắc* (thơ, 1954), *Gió Lộng* (thơ, 1961), *Ra Trận* (thơ, 1972),

là những cột trụ lãnh đạo, quản lý văn nghệ từ phía Đảng và Nhà Nước. Việc thành lập Hội Văn Hóa Cứu Quốc (tháng 04/1943), Hội Văn Nghệ Việt Nam (tháng 07/1948), và bài viết của Trường Chinh⁷ với tựa đề:

Máu Và Hoa (thơ, 1977), *Một Tiếng Đờn* (thơ, 1992), *Xây Dựng Một Nền Văn Nghệ Lớn Xứng Đáng Với Nhân Dân Ta, Thời Đại Ta* (tiểu luận, 1973), *Cuộc Sống Cách Mạng và Văn Học Nghệ Thuật* (tiểu luận, 1981).

⁶ *Hà Xuân Trường* (1924 - XXXX): tên thật Hà Nghệ, Thứ Trưởng Bộ Văn Hóa, Tổng Biên Tập tạp chí *Cộng sản*, sát cánh cùng Trường Chinh, Tố Hữu trong việc lãnh đạo, quản lý văn nghệ. Tác phẩm: *Đường Lối Văn Nghệ của Đảng: Vũ Khí, Trí Tuệ, Ánh Sáng* (1974), *Sự Nghiệp Văn Hóa, Văn Nghệ Dưới Ánh Sáng Đại Hội V* (1983), *Trên Một Chặng Đường* (1984), *Văn Học, Cuộc Sống, Thời Đại* (1984).

⁷ *Trường Chinh* (1907 – 1988): tên thật Đặng Xuân Khu, sinh ngày 09/02/1907 tại làng Hành Thiện, huyện Xuân Trường (nay là xã Xuân Hồng, huyện Xuân Thủy) tỉnh Nam Định. 1926 bị đuổi học vì là một trong những học sinh lãnh đạo bãi khóa để truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh tại Nam Định. Lên Hà Nội học trường Cao đẳng Thương Mại. 1927 một trong những người đầu tiên gia nhập Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. 1930 được chỉ định vào ban tuyên truyền cổ động Trung Ương Đảng Cộng Sản Đông Dương, cuối năm bị bắt và kết án 12 năm tù cấm cố, đày đi Sơn La. Cuối 1936 được thả, sau đó tham gia Xứ Ủy Bắc Kỳ. 1940 Ủy Viên Ban Chấp Hành Trung Ương. 1941 Tổng Bí Thư Đảng và chủ bút các báo *Giải Phóng*, *Cờ Giải Phóng*, tạp chí *Cộng Sản*.

*Mấy Nguyên Tắc Lớn Của Cuộc Vận Động Văn Hóa Mới Việt Nam Lúc Nay*⁸ có thể coi là để cụ thể hóa nội dung của bản Đề Cương. Với *Chủ Nghĩa Mác và Văn Hóa Việt Nam*⁹, Trường Chinh trình bày lần đầu tiên hệ thống tư tưởng Marxist và đường lối văn hóa của Đảng Cộng Sản mà học thuyết duy vật biện chứng, duy vật lịch sử được dùng làm gốc về tư tưởng, và chủ nghĩa hiện thực xã hội là nền tảng cho việc sáng tác văn nghệ. Do đó, Việt Minh (giai đoạn 1946 – 1954), và đảng Lao Động Việt Nam (giai đoạn 1954 – 1975), đã kết hợp văn hóa, văn học, văn nghệ thành một mặt trận dưới sự hoạch định và chỉ đạo toàn diện của đảng CSVN nhằm phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Pháp và xâm chiếm miền Nam. Lý luận văn học Marxist và lý luận hiện thực xã hội chủ nghĩa đã được truyền bá và sử dụng nhằm xây dựng một nền phê bình văn học theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ đầu năm 1956 đến 1958 nhóm *Nhân Văn Giai Phẩm* với Nguyễn Hữu Đang, Phùng Cung, Trần Dần, Phùng Quán, Thụy An, Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Hoàng Cầm phản đối đường lối

lãnh đạo chuyên chế của Đảng CSVN, đòi hỏi sự độc lập của văn nghệ, trả lại văn nghệ cho văn nghệ. Kết quả báo bị đóng cửa vĩnh viễn và các thành viên của nhóm bị tù đầy, sa thải, hạ tầng công tác, thuyền chuyển, và phải học tập cải tạo tư tưởng. Từ đó Bộ Chính Trị càng xiết chặt sự kiểm soát hơn nữa với đường lối lãnh đạo văn nghệ gồm 4 điểm¹⁰: văn nghệ sĩ phải thừa nhận rằng nghệ thuật phục tùng chính trị, phục tùng đường lối, chính sách của Đảng; văn nghệ sĩ phải củng cố lòng tin của quần chúng đối với Đảng, bảo vệ chủ nghĩa Marx – Lênine; văn nghệ sĩ phải chống tư tưởng tư sản và tiểu tư sản; và văn nghệ sĩ phải chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác của mình trước Đảng và phải phục tùng tổ chức của Đảng.

Các hoạt động phê bình văn học dưới sự lãnh đạo của Đảng CSVN trong giai đoạn này chỉ có công dụng xác định những thành tựu của văn học vô sản. Một trong những nhiệm vụ chính yếu của phê bình văn học là nâng đỡ, bảo vệ văn học vô sản tức những sáng tác của giới nông, công, binh. Thi ca của bộ đội được ca tụng, còn thi ca tiểu tư sản bị phê phán qua *Nói Chuyện Thơ Kháng Chiến* của Hoài Thanh¹¹ và những

1981 Chủ Tịch Hội Đồng Nhà Nước và Chủ Tịch Hội Đồng Quốc Phòng. 1987 Tổng Bí Thư Đảng CSVN. Chết ngày 30/09/1988. Tác phẩm: *Vấn Đề Dân Cày* (1940), *Đề Cương Văn Hóa* (1943), *Chủ Nghĩa Mác và Văn Hóa Việt Nam* (1948), *Tập Thơ Sông Hồng I & II* (1966).
⁸ Trường Chinh, tạp chí *Tiên Phong*, số 2, 1945.
⁹ Trường Chinh, *Báo Cáo* tại Hội Nghị Văn Hóa lần thứ hai, tháng 07, 1948.

¹⁰ Trường Chinh, *Văn nghệ phải góp phần giải phóng Miền Nam, bảo vệ Miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa, xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội, tiến tới thống nhất nước nhà* (Báo Cáo tại Đại Hội Văn Nghệ Toàn Quốc lần thứ IV, 1968)

¹¹ *Hoài Thanh (1909 – 1982)*: tên thật Nguyễn Đức Nguyên, sinh ngày 15/07/1909, quê ở Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

bài bình *Tiếng Thơ* của Xuân Diệu¹². Đến
đầu thập niên

Học ở Nghệ An, Huế, tốt nghiệp trung học,
dạy học và làm việc ở Huế. Mất ngày
14/03/1982 tại Sài Gòn. Tác phẩm: *Văn Chương*
và *Hành Động* (1936), *Thi Nhân Việt Nam* (hợp
soạn với Hoài Chân 1941), *Có Một Nền Văn*
Hóa Việt Nam (1946), *Nói Chuyện Thơ Kháng*
Chiến (1951), *Nam Bộ Mến Yêu* (1955), *Phê*
Bình & Tiểu Luận (3 tập, 1960, 1965, 1971),
Chuyện Thơ (1978). Hoài Thanh là nhà phê
bình theo phái ấn tượng, sau 1945 đổi sang phê
bình văn học theo quan điểm Marx – Lênine.
Theo *Nói Chuyện Thơ Kháng Chiến* thì Xuân
Diệu là người đầu tiên khởi xướng những tiêu
chuẩn phê bình thơ cách mạng.

¹² *Xuân Diệu (1916 – 1985)*: tên thật Ngô
Xuân Diệu, sinh ngày 02/02/1916 tại Gò Bồi,
xã Tùng Giản, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình
Định, gốc người làng Trảo Nha, huyện Can
Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Đậu bằng Tú Tài, làm sở
Thương Chính, Hà Nội. Kiện tướng của phong
trào Thơ Mới. 1946: thành viên đầu tiên của
Hội Văn Hóa Cứu Quốc. 1946 – 1960: Ủy
Viên Ủy Ban Trung Ương Liên Hiệp Văn
Học Nghệ Thuật. Mất ngày 18/12/1985. Tác
phẩm: Thơ: *Phấn Thông Vàng*, *Thơ Thơ*, *Gửi*
Hương Cho Gió, *Tiểu Luận & Phê Bình:*
Tiếng Thơ (1951), *Những Bước Đường Tư*
Tưởng Của Tôi (1958), *Đào Có Mài Mới Sắc*
(1963), *Đi Trên Đường Lớn* (1968), *Và Cây*
Đời Mãi Mãi Xanh Tươi (1971), *Mài Sắt Nền*
Kim (1977), *Lượng Thông Tin và Những Kỹ Sư*
Tâm Hồn Ấy (1978), *Các Nhà Thơ Cổ Điển*
Việt Nam (2 tập 1981 - 1982).

SỐ 41

LƯNG CHỪNG

Chân chôn trong trì giới
Chân cột vào đỉnh chung
Chỉ cần cơn gió nhẹ
Là ta ngã như không!

MỘT CHÂN DUNG

Một túi thơ đầy ắp
Một bầu rượu trắng trong
Dưới chân đôi dép cỏ
Tít mắt ngạo cuồng phong.

NGỒI SUÔNG

Ta đứng giữa bao la
Trong sát na vô thường
Chẳng tìm ta chân ngã
Đành tắt đuốc ngồi suông!

LÒNG KHÔNG

Bốn bề vừa gang tấc
Trăm năm gọn một giây
Thân thế như bèo bọt
Vui, buồn tựa bóng mây
Được hỏi:
Chuyện đời sao biếng nải!
Lòng không còn biết nói gì đây

TRƯỞNG ANH THỤY

75

1960, phê bình ồn ào hơn nhưng không kém phần tẻ nhạt với những bài viết nịnh bợ, đề cao thơ Tố Hữu, các bài viết về những tác phẩm liên quan đến hợp tác xã nông nghiệp như *Vụ Lúa Chiêm*, *Cái Sân Gạch* của Đào Vũ, phê bình tiểu thuyết *Vỡ Bờ* của Nguyễn Đình Thi, *Bão Biển* của Chu Văn, *Vùng Trời* của Hữu Mai, *Xung Đột* của Nguyễn Khải, *Hòn Đất*, *Sống như Anh*, *Bất Khuất* của Nguyễn Thi, *Dấu Chân Người Lính* của Nguyễn Minh Châu, thơ của Lê Anh Xuân, truyện ngắn của Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng. Ngoài ra, các tác phẩm chứa đựng tư tưởng dù chỉ hơi lệch lạc, hoặc thiếu tính Đảng đều bị phê phán như: *Con Nai*

Đen của Nguyễn Đình Thi, *Mạch Nước Ngầm* của Nguyễn Ngọc, *Những Người Thợ Mỏ* của Võ Huy Tâm, *Phá Vây* của Phù Thăng, *Mở Hầm* của Nguyễn Dậu, *Cái Góc* của Nguyễn Thành Long, *Sương Tan* của Hoàng Tiến, *Vào Đồi* của Hà Minh Tuấn, *Đêm Đợi Tàu* của Đỗ Phú, v.v.

Trong giai đoạn này xuất hiện một số các tiểu luận phê bình văn học gồm các tác phẩm: *Phê Bình và Tiểu Luận* (3 tập) của Hoài Thanh, *Phê Bình Văn Học*, *Suy Nghĩ và Bình Luận* của Chế Lan Viên, *Mấy Vấn Đề Văn Học*, *Công Việc Của Người Viết Tiểu Thuyết* của Nguyễn Đình Thi, *Bình Luận Văn Học* của Như Phong, *Đường Vào Thơ* của Lê Đình Ky, *Văn và Người* của Phong Lê, *Từ Cuộc Đòi Vào Tác Phẩm* của Nhị Ca, *Thời Đại mới*, *Văn Học Mới* của Trịnh Xuân An, *Cuộc Sống và Tiếng Nói Nghệ Thuật*, *Tác Phẩm và Chân Dung* của Phan Cự Đệ, v.v.

Các nhà lý luận phê bình văn học trong giai đoạn này gồm các tác giả thuộc ba thế hệ. Thế hệ tiền chiến và kháng chiến có Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nguyễn Tuân, Bùi Hiển, Hoàng Trung Thông, Như Phong, Hà Xuân Trường, Vũ Khiêu, Lưu Quý Kỳ, Nam Mộc, Vũ Đức Phúc, Hoàng Trinh, Lê Xuân Vũ, Hồng Chương, Lê Đình Ky, v.v. Thế hệ trưởng thành sau 1954 có Phan Cự Đệ, Nguyễn Khải, Huỳnh Khái Vinh, Ngọc Trai, Nguyễn Ngọc, Nhị Ca, Hà Minh Đức, v.v. Và thế hệ 1960/1970 như Đinh Xuân Dũng, Hồng Diệu, Lại Nguyên Ân, Lê Thành Nghị, Ngô Thảo, Thiểu Mai, Từ Sơn, Vương Trí Nhàn, Vũ Quần Phương, v.v.

KẾT LUẬN VỀ GIAI ĐOẠN 1946 – 1987

Phê bình văn học trong suốt giai đoạn dài hơn 40 năm này mang tính cách máy móc, hạn hẹp, cứng nhắc và giáo điều. Việc sử dụng văn học phục vụ cho chính trị đưa đến sự độc tôn, độc đoán tạo nên những nhận thức đánh giá sơ lược, hời hợt, nhạt nhẽo. Từ đó sản xuất ra loại phê bình xã hội học, chỉ xét tác phẩm theo tư tưởng chính trị một cách dung tục. Việc tuyệt đối hóa chủ nghĩa hiện thực đem lại sự trói buộc trong sáng tác, nghèo nàn vì vắng bóng các phương pháp sáng tác của các chủ nghĩa khác. Dùng văn hoá làm công cụ cho chính trị, văn nghệ không được coi là một giá trị văn hóa, văn nghệ biến thành tuyên truyền, đánh mất đi tính thẩm mỹ và khả năng tác động của văn học nghệ thuật đối với chính trị. Đây là lối phê bình sử dụng suy diễn một chiều, quy chụp chính trị mù quáng với ngôn ngữ nịnh bợ, sùng bái cá nhân, gạt bỏ những phương

pháp phân tích, lý luận khoa học. Điều đáng tiếc là sau thời kỳ đổi mới 1987 vẫn còn một số người sử dụng, đem ra nhai lại, cần thời gian lâu dài mới gột rửa hết được.

Tóm lại, phê bình văn học thời kỳ này tuy đạt được mục tiêu do Đảng CSVN đề ra, góp phần vào việc xác định thành tựu của nền văn học vô sản, nhưng sự thành công của Đảng CSVN cũng chính là bước thụt lùi của văn học, đã kìm hãm sức sáng tạo của văn nghệ sĩ và là một vết nhơ trong lịch sử văn học Việt Nam.

GIAI ĐOẠN 1987 – HIỆN TẠI

Trước viễn tượng sụp đổ của Nga Sô và các nước Cộng Sản Đông Âu, trước tình hình biến chuyển của thế giới, để tồn tại Đại Hội Đảng CSVN lần thứ VI phải đi đến quyết định đổi mới. Trong hai ngày 06 và 07/10/1987, Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh gặp gỡ thân mật với gần 100 văn nghệ sĩ đại diện cho các ngành sáng tạo, và sau đó, ngày 29/11/1987 Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng CSVN “cởi trói văn nghệ” bằng nghị quyết số 05 “*Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới*”. Nhờ thế, một luồng sinh khí mới được thổi vào nền văn học đang nghẹt thở, ò ọ ọt.

Trong giai đoạn này, việc tái lượng giá lại văn học giai đoạn 1946 – 1987 được các nhà phê bình quan tâm và thực hiện gồm có các tác phẩm *Bốn Mươi Năm Văn Học* (nxb Văn Học, 1985), *Một Thời Đại Văn Học Mới*¹³, các cuộc hội thảo *50 Văn Học VN Sau*

¹³ Xuất bản năm 1987 gồm các tác giả: Nguyễn Đăng Mạnh, Trần Đình Sử, Lại

*Cách Mạng Tháng Tám*¹⁴, *Việt Nam Nửa Thế kỷ Văn Học*¹⁵, *Nhìn Lại Văn Học VN Thế Kỷ XX*¹⁶ là những nỗ lực tái đánh giá các thành tựu văn học của thời kỳ trước. Cùng với những công trình chung có những tác phẩm viết về từng tác giả như: *Tố Hữu, Thơ và Cách Mạng* (1996), *Chế Lan Viên, Người Làm Vườn Vĩnh Cửu, Nguyễn Huy Tưởng, Một Sự Nghiệp Còn Dàng Dở, Nguyễn Tuân, Người Đi Tìm Cái Đẹp*, v.v. Ngoài ra, phải kể đến những tác phẩm nghiên cứu về Chế Lan Viên, Hoài Thanh, Huy Cận, Nam Cao, Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Khải, Tố Hữu, Trần Đăng Khoa, Xuân Diệu, v.v.

Một nhu cầu khác của phê bình văn học là công việc xét lại các thành tựu văn học tiền chiến đã bị đánh giá khắt khe, thiếu vô tư, công bằng nhằm phục vụ cho mục tiêu chính trị trước đây. Công trình *Nhìn Lại Một Cuộc Cách Mạng Trong Thi Ca*¹⁷ (1963), cuộc

Nguyễn Ân, Ngô Thảo, Vương Trí Nhàn. Năm 1995 tái bản đổi là *Một Thời Đại Mới Trong Văn Học*.

¹⁴ Đại Học Sư Phạm I, Đại Học Tổng hợp, Trường Viết Văn Nguyễn Du, tạp chí Văn Nghệ Quân Đội phối hợp tổ chức năm 1995, có hơn 50 bản tham luận do Đại Học Quốc Gia xuất bản năm 1997, tái bản năm 1999.

¹⁵ Do Hội Nhà Văn Việt Nam tổ chức năm 1995.

¹⁶ Do Viện Văn Học tổ chức.

¹⁷ Do Huy Cận và Hà Minh Đức chủ biên nhân dịp kỷ niệm 60 năm phong trào Thơ Mới.

hội thảo về *Thi Nhân Việt Nam*¹⁸, các tác phẩm *Con Mất Thơ* (1992) của Đỗ Lai Thúy, *Thơ Mới, Bình Minh Thơ Việt Nam Hiện Đại* (1994) của Nguyễn Quốc Túy, *Tinh Hoa Thơ Mới, Thẩm Bình và Suy Ngẫm* (1998) của Lê Bá Hán, Lê Quang Hưng, Chu Văn Sơn, v.v. đã góp phần vào việc trả lại giá trị đích thực cho Thơ Mới.

Các tác giả trong Tự Lực Văn Đoàn, Nguyễn Tuân (tiền chiến), Vũ Trọng Phụng, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Trương Vĩnh Ký cũng được đem ra xét lại. Công lao mở đường, xây dựng nền móng và phát triển văn học chữ quốc ngữ của các nhà văn này được giới phê bình phục hồi. Nguyễn Đăng Mạnh, Trần Hữu Tá, Lại Nguyên Ân nhận định lại về những tác phẩm của Vũ Trọng Phụng¹⁹ mà trong giai đoạn trước từng bị lên

¹⁸ Do Hội Nhà Văn Việt Nam tổ chức ở Viện Văn Học để kỷ niệm ngày sinh nhật thứ 90 của Hoài Thanh.

¹⁹ *Vũ Trọng Phụng (1911 – 1939)*: quê ở ngoại ô Hà Nội, gia đình nghèo, cha mất lúc mới 7 tháng, vào đời mù sinh sớm. Thư ký hãng buôn Godard, rồi nhà in IDEO. Tự trau dồi, viết cho các báo *Công Dân*, *Ngọ Báo*, *Tân Thiếu Niên*, *Hà Nội Báo*, *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, *Tạp Chí Đông Dương*, *Sông Hương*, *Tao Đàn*, v.v. Mắc bệnh lao, từ trần ngày 13/10/1939. Tác phẩm: *Chống Nặng Lên Đường* (truyện ngắn, nxb Tân Dân 1932), *Cạm Bẫy Người* (phóng sự, nxb An Nam 1934), *Không Một Tiếng Vang* (kịch, nxb Đông Tây, 1934), *Giông Tố* (tiểu thuyết, nxb Văn Thanh, 1936), *Cơm Thầy Cơm Cô* (1936), *Lục Sĩ* (phóng sự, nxb Minh Phương, 1937), *Số Đỏ* (tiểu thuyết, nxb Lê Cường, 1938), *Làm Đĩ* (nxb Mai Lĩnh, 1939), *Trúng Số Độc Đắc* (tiểu

án là đời truy và bị ảnh hưởng của chủ nghĩa tự nhiên và Cộng Sản Đệ Tứ. Phan Cự Đệ, Vương Trí Nhàn, Ngọc Trai, Nguyễn Đăng Mạnh là những nhà biên khảo đã nghiên cứu công phu lại toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Tuân²⁰ thời tiền chiến từng bị đánh giá tiêu biểu văn chương cá nhân chủ nghĩa, ăn chơi vị kỷ. Về nhóm Tự Lực Văn Đoàn ngoài buổi

thuyết, 1939), *Dứt Tình* (tiểu thuyết, Phổ Thông Bán Nguyệt San 1941), *Vỡ Đê* (tiểu thuyết, nxb Minh Đức, 1941), *Lấy Nhau Vì Tình* (tiểu thuyết, nxb Minh Phương, 1941), *Người Tù Được Tha* (di cảo).

²⁰ *Nguyễn Tuân (1910 – 1987)*: sinh ngày 10/07/1910, quê xã Nhân Mục, huyện Từ Liêm, Hà Nội, nguyên quán tỉnh Thanh Hóa. Cộng tác với các báo *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, *Tao Đàn*, *Hà Nội Tân Văn*, *Thanh Nghị*, *Trung Bắc Chủ Nhật*, v.v. Tổng Thư Ký Hội Văn Nghệ Việt Nam, Ủy Viên Ủy Ban Trung Ương Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam, Ủy Viên Thường vụ, Cố Vấn Ban Chấp Hành Hội Nhà Văn Việt Nam. Mất ngày 28/07/1987. Tác phẩm: *Ngọn Đèn Dầu Lạc* (1939), *Nhà Bác Nguyễn* (Tân Việt, 1940), *Vang Bóng Một Thời* (Tân Dân, 1940), *Một Chuyến Đi* (Tân Dân, 1941), *Tùy Bút* (Cộng Lực, 1941), *Tàn Đèn Dầu Lạc* (Mai Lĩnh, 1941), *Chiếc Lư Đồng Mất Cua* (Hàn Thuyên, 1941), *Thiếu Quê Hương* (1943), *Quê Hương* (1943), *Tóc Chị Hoài* (1943), *Chùa Đàn* (1944), *Nguyễn* (1945), *Đường Vui* (1949), *Thằng Càn* (1953), *Tình Chiến Dịch* (1950), *Tùy Bút Kháng Chiến* (1955), *Truyện Một Cái Thuyền Đất* (1958), *Sông Đà* (1960), *Hà Nội Ta Đánh Mĩ Giỏi* (1972), *Chuyên Nghề* (1986).

hội thảo về *Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn*²¹ còn có các tác phẩm như *Tự Lực Văn Đoàn, Con Người và Văn Chương* (1990) của Phan Cự Đệ, *Quan Niệm Con Người Trong Tiểu Thuyết Tự Lực Văn Đoàn* (1996) của Lê Dục Tú. Ngoài ra, tác phẩm của Nguyễn Thành Thi nghiên cứu về Thạch Lam, Hà Minh Đức viết nhiều bài nhìn lại tiểu thuyết của Nhất Linh và Khái Hưng, Vu Gia có nhiều công trình giá trị về Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo.

Tóm lại, văn học Việt Nam trước 1945 đã được các nhà nghiên cứu, phê bình duyệt xét lại, tuy chưa thực sự đầy đủ, nhưng cũng đã phục hồi được giá trị một số tác phẩm và trả lại chỗ đứng đích thực trong văn học sử cho các nhà văn tiền chiến.

Ngoài ra, việc phê bình một số tác phẩm mới trong thời kỳ này đã tạo nên những cuộc tranh luận văn học sôi nổi. Các truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu như *Bức Tranh, Bến Quê, Người Đàn Bà Trên Chuyến Tàu Tốc Hành* vượt ra ngoài khuôn khổ phương pháp sáng tác hiện thực xã hội, tạo khó hiểu, bối rối cho những nhà phê bình có lối suy nghĩ cũ, còn mang tiêu chuẩn đánh giá của thời kỳ quản lý văn nghệ trước. Nguyễn Huy Thiệp là một hiện tượng văn học mới lạ. Những truyện ngắn như *Phẩm Tiết, Vàng Lửa, Không Có Vua, Cún, Những Bài Học Nông thôn, Sang Sông...* gây nên các cuộc tranh luận văn học hào hứng về văn phong, về cách đọc, về cách đánh giá Nguyễn Huy Thiệp.

²¹ Hội thảo do trường Đại Học Tổng Hợp tổ chức vào tháng 05/1989.

Tưởng cũng nên đề cập đến trong thời kỳ này, từ 1988 xuất hiện phong trào thơ theo hướng hiện đại chủ nghĩa. Thơ Việt Nam mang tính hiện đại có thể kể *Ngựa Biển, Người Đi Tìm Mặt* của Hoàng Hưng, *Ba Mươi Sáu Bài Tình, Bóng Chờ* của Lê Đạt, *Ô Mai* của Đặng Đình Hưng, *Sự Mất Ngủ của Lửa* của Nguyễn Quang Thiều, *Mưa Ban Mai* của Nguyễn Quyến, v.v. Lời khen tiếng chê không ít, nhưng chưa thay đổi được quan niệm và tiêu chuẩn phê bình cổ điển về thi ca đã có.

Những hiện tượng văn học mới lạ và có thể nói là táo bạo về cả văn lẫn thơ trong thời kỳ này đã tạo nên sự phân hóa khá sâu sắc trong giới phê bình, nảy sinh ra nhiều khuynh hướng khác nhau dẫn đến một kỷ nguyên mới đa dạng cho ngành phê bình văn học Việt Nam thế kỷ 21.

Sự tham gia vào lãnh vực nghiên cứu phê bình văn học trong thời kỳ này thật đông đảo (khoảng 40 tác gia và 50 giáo sư Đại Học), tiêu biểu và đáng kể có Đỗ Đức Hiểu²², Đỗ Lai Thúy²³, Lê Trí Viễn²⁴, Nguyễn Đăng

²² *Đỗ Đức Hiểu (1924 – 2002)*: trước là nhà lý luận phê bình Marxist nhiệt thành. Sau 1985 đi vào Thi Pháp Học, phân tích các giá trị văn học qua nghệ thuật ngôn từ, chiều sâu vô thức. Tích cực đánh giá lại các hiện tượng văn học lớn trước 1945. Tác phẩm: *Phê Phán Chủ Nghĩa Hiện Sinh* (1979), *Đổi Mới Phê Bình Văn Học* (1993), *Đổi Mới Đọc và Bình Văn* (1998), *Thi Pháp Hiện Đại* (2000).

²³ *Đỗ Lai Thúy (1948 – XXXX)*: Sử dụng Thi Pháp Học phân tích thơ của các tác giả chính trong phong trào Thơ Mới tiền chiến. Tác

Mạnh²⁵, Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Phạm Hùng²⁶,

Phan Cự Đệ²⁷, Phan Ngọc²⁸, Phong Lê,²⁹ Phương Lưu³⁰, Trần Đình Hượu, Trần Đình Sử,³¹ Văn Tâm³², Vương Trí Nhàn³³.

phẩm: *Con mắt Thơ* (1992), *Hồ Xuân Hương, Hoài Niệm Phồn Thực* (1998).

²⁴ Lê Trí Viễn (1919 – XXXX): tác phẩm: *Tổng Quan Văn Chương Việt Nam* (1994), *Đặc Trưng Văn Học Trung Đại Việt Nam* (1996), *Quy Luật Phát Triển Lịch Sử Văn Học Việt Nam* (1998).

²⁵ Nguyễn Đăng Mạnh (1930 – XXXX): nghiên cứu tương quan phong cách văn học với tư tưởng nhà văn, viết chân dung văn học. Tác phẩm: *Nhà Văn, Tư Tưởng và Phong Cách* (1983), *Con Đường Đi Vào Thế Giới Nghệ Thuật của Nhà Văn* (1994), *Chân Dung và Phong Cách* (2000).

²⁶ Nguyễn Phạm Hùng: tác phẩm: *Về Một Hiện Tượng Phê Bình* (1998), *Văn học Cổ, Cách Nhìn Mới* (1995), *Trên Hành Trình Văn Học Trung Đại* (2001).

²⁷ Phan Cự Đệ (1933 – XXX): nhà phê bình hàng đầu về tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Tác phẩm: *Phong Trào Thơ Mới* (1966), *Cuộc Sống và Tiếng Nói Nghệ Thuật* (1971), *Tiểu Thuyết Việt Nam Hiện Đại* (2 tập 1974, 1975), *Nhà Văn Việt Nam* (viết chung 1979, 1983), *Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX* (viết chung 2005).

²⁸ Phan Ngọc (1925 – XXXX): sử dụng phương pháp ngôn ngữ học giải thích phong cách thơ Nguyễn Bình Khiêm, Truyện Kiều.

²⁹ Phong Lê (1938 – XXXX): tên thật Lê Phong Sử, góp phần nhìn lại các hiện tượng văn học trước 1945. Tác phẩm: *Văn Học Việt Nam Hiện Đại, Những Chân Dung Tiêu Biểu*

KẾT LUẬN VỀ GIAI ĐOẠN 1987 – HIỆN TẠI

Sau 40 năm dài dưới sự kìm kẹp của Đảng và Nhà Nước, đây là giai đoạn đổi mới của ngành phê bình văn học Việt Nam. Việc tái lượng giá các thành tựu văn học quá khứ được thực hiện, phê bình văn học trở nên sôi nổi với sự xuất hiện của các tác phẩm mới của Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo v.v. Tuy đổi mới nhưng trên căn bản vẫn lấy chủ nghĩa Marx - Lênine làm nền tảng, chỉ mở rộng tầm

(2001), *Văn Học Việt Nam Hiện Đại, Lịch Sử và Lý Luận* (2003).

³⁰ Phương Lưu (1936 – XXXX): tên thật Bùi Văn Ba, giới thiệu lý luận phê bình văn học Tây Phương thế kỷ 20, thi học so sánh. Tác phẩm: *Tìm Hiểu Một Nguyên Lý Văn Chương* (1983), *Góp Phần Xác Lập Hệ Thống Quan Niệm Văn Học Trung Đại Việt Nam* (1996), *Lý Luận Văn Học* (viết chung 1997), *Lý Luận Phê Bình Văn Học* (2004).

³¹ Trần Đình Sử (1940 – XXXX): Đi sâu vào lãnh vực Thi Pháp Học. Tác phẩm: *Lý Luận và Phê Bình Văn Học* (1976), *Thi Pháp Văn Học Trung Đại Việt Nam* (1998), *Thi Pháp Thơ Tố Hữu* (2001), *Thi Pháp Truyện Kiều* (2003).

³² Văn Tâm (1933 – 2004): tên thật Nguyễn Văn Tâm. Tác phẩm: *Vũ Trọng Phụng, Nhà Văn Hiện Đại* (1957), *Tản Đà, Khối Mâu Thuẫn Lớn* (1964), *Giảng Văn Văn Học Lãng Mạn* (1991), *Góp Lời Thiên Cổ Sự* (1992), *Đoàn Phú Tứ, Con Người và Tác Phẩm* (1995), *Vườn Khuya Một Minh* (2001).

³³ Vương Trí Nhàn (1942 – XXXX): quê Thuận Thành, Bắc Ninh, vừa là nhà văn vừa là nhà phê bình văn học.

nhìn, không khép kín, biệt lập như trước nữa mà thôi. Không khí hào hứng chỉ được 10 năm, từ 1995 đến nay hoạt động phê bình văn học đứng sững lại với những cuộc tranh luận thiếu phẩm chất cả về ngôn ngữ lẫn nội dung. Phê Bình như ngừng lại chờ đợi một bầu không khí mới đáp ứng đúng mức nhu cầu phát triển văn học của thế kỷ mới.

Đổi mới tự bản chất là sự thay đổi từ cái cũ sang cái mới, do đó, tất nhiên phải có một giai đoạn giao thời, bất ổn, cái cũ cái mới xen nhau, sau đó mới lắng xuống, định hình. Trong lãnh vực phê bình văn học, những đánh giá trong giai đoạn này cần có thời gian đãi lọc như nhà biên khảo văn học Trần Đình Sử nhận định: “*Tất cả những gì làm được đều đang ở trong quá trình vận động và biến đổi, và có lẽ phải đến giữa thế kỷ 21 người ta mới có thể đánh giá một cách khách quan, đầy đủ và sáng tỏ hơn những thành tựu lý luận phê bình văn học thế kỷ 20. Chỉ đến lúc đó người ta mới biết những gì sẽ mất đi và những gì còn lại*”³⁴.

TRẦN BÍCH SAN

Tài Liệu Tham Khảo

- Đỗ Lai Thúy, *Phê Bình Văn Học: Chông Chành Mà Tiến Tới*, tạp chí Văn Học số 6, 2000.
- Hà Minh Đức (Chủ Biên), *Nhìn Lại Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX*, nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, VN, 2002.
- Irving Howe, *Modern Literary Criticism*, Beacon Press, Boston, USA, 1958.
- Nguyễn Ngọc Thiện (Chủ Biên), *Tuyển Tập Phê Bình Văn Học Việt Nam*, (5 quyển), nxb Văn Học, Hà Nội, VN, 1997.

³⁴ Trần Đình Sử, *Lý Luận, Phê Bình Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX*, nxb Giáo Dục, 2005

- Nguyễn Ngọc Thiện (Chủ Biên), *Tranh Luận Văn Nghệ Thế Kỷ XX* (2 quyển), nxb Lao Động, Hà Nội, VN, 2001.
- Nguyễn Q. Thắng, *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam* (bộ mới), nxb Tổng Hợp TP Hồ Chí Minh, Sài Gòn, VN, 2006.
- Nguyễn Q. Thắng, *Từ Điển Tác Gia Việt Nam*, nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1999.
- Nhiều Tác Giả, *50 Năm Văn Học Việt Nam Sau Cách Mạng Tháng Tám*, nxb Đại Học Quốc Gia, Hà Nội, VN, 1996.
- Nhiều Tác Giả, *Lý Luận Phê Bình Văn Học Miền Trung Thế Kỷ XX*, nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng, VN, 2001.
- Nhiều Tác Giả, *Việt Nam, Nửa Thế Kỷ Văn Học*, nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội, VN, 1997.
- Phan Cự Đệ (chủ biên), Trần Đình Sử, Đinh Văn Đức, Mã Giang Lân, Phan Trọng Thuởng, Tất Thắng, Bùi Việt Thắng, Hà Văn Đức, Bích Thu, Lê Dục Tú, *Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX*, nxb Giáo Dục, Hà Nội, VN, 2005.
- Phương Lựu, *Lý Luận Phê Bình Văn Học*, nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng, VN, 2004.
- Thanh Lăng, *13 Năm Tranh Luận Văn Học Việt Nam* (3 quyển), nxb Văn Học, TP Hồ Chí Minh, VN, 1995.
- Tố Hữu, *Xây Dựng Một Nền Văn Nghệ Lớn Xứng Đáng Với Nhân Dân Ta, Với Thời Đại Ta*, nxb Văn Học, Hà Nội, VN, 1973.
- Trần Đình Sử, *Lý Luận, Phê Bình Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX*, nxb Giáo Dục, Hà Nội, VN, 2005.
- Trần Văn Giáp, *Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam*, nxb Văn Học, Hà Nội, VN, 2000.
- Trịnh Bá Đĩnh, *Phê Bình Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX*, tạp chí Nhà Văn, số 3, 2001.
- Trường Chinh, *Về Văn Hóa và Nghệ Thuật* (2 quyển), nxb Văn Học, Hà Nội, VN, 1986.

NGHE CHUYỆN TRĂM NĂM

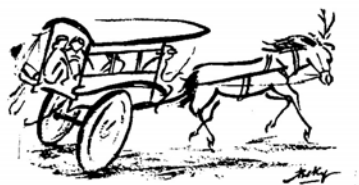
Này người kể chuyện trăm năm
Có nghe rõ được tiếng thầm lòng ta
Từ trong vô thức mượn mà
Cái tâm đã đủ chan hòa tình nhau

Này người kể chuyện xưa, sau
Vẫn lời phủ dụ nơi đầu, chót môi
Hình như thấp thoáng nụ cười
Ồ, trăm năm phải cuộc chơi ta bà

Thế người có biết rằng hoa
Sớm nay vừa nở bao la ngôn từ
Những lời chẳng rõ thực, hư
Mà con bướm lạ giả vờ bay đi

Trăm năm rồi sẽ ra chi
Chắc rằng xuân muộn hay khi thu tàn
Chao ôi làm rối tơ đàn
Đã rung lổn nhịp trên hàng phím xưa.

CAO MỸ NHÂN



VĂN GỌI THẦM

Từ dạo người đi không trở lại
Tình thơ in đậm nét thương tâm
Vết thương tuổi ngọc đau tê tái
Thổn thức tên ai vẫn gọi thầm

Hoa đào cánh mỏng đang rơi rụng
Như trách xuân đi quá vội vàng
Trời đất mệnh mang tìm đâu thấy
Một mùa xuân thắm vẫn chưa sang.

QUỲNH ANH

BẾP LỬA TÀN ĐÔNG

Em đến khuya nay bếp lửa hồng
Sưởi hồn đơn lạnh buổi tàn Đông
Uống chung một tách cà phê đắng
Chia sót vài ly nếp cẩm nồng
Rả rích mưa rơi đường phố vắng
Thầm thì chuyện vãn gối chần bông
Đèn lu tâm sự dài chưa dứt
Mai sớm nẻo về biết có không?

HỒ CÔNG TÂM

ĐIỆP KHÚC NÓ

Khi nó ngủ yên rồi
Cỏ tranh và cỏ
tranh
mọc đầy trên mộ
Hai bức tường thì đứng ngó
rong rêu mọc xanh
mọc xanh
Viên đạn vô tình
thử vào ngực nó
Thân thể tràn đầy
Máu đỏ tràn đầy.
Vì sao nó chết đi !
Sự phán quyết cuối cùng
Không có nó.
Người mẹ đắp lên quan tài
bó hoa tóc bạc phơ
Người yêu cuối cùng
hôn vào mặt nó
rồi không đợi chờ
Nàng đi lấy chồng
để con thơ
chỉ vào ảnh nó
bảo rằng
Bố.

ĐẶNG NGUYỄN



NỔ LỬA

Bóng tối bủa vây lạnh quáng trường
Quanh đời boăng lạ đáng yêu thương
Hoang mang gió chướng tràn đô thị
Huyền hoặc hỏa châu rọi phố phường
Vết cắt hận thù da đã khép
Mù che quá khứ lệ còn vương
Ai về nổi lửa cho hồn ấm?
Viếng mộ vô danh giữa chiến trường.

LÝ HIẾU

M A I N À Y

Mai này ta lại xa quê
Cùng em lần nữa
ngồi chia ngậm ngùi
Nao lòng từ tạ nỗi vui
Hồn nương cánh gió
chim trời viễn phương
Đêm dài nghe sóng đại dương
Nửa vòng trái đất
cổ hương mịt mù
Xuân, Hè rồi lại sang Thu
Trời Đông tuyết giá
hẹn chờ đợi nhau
Thương ai bạc nửa mái đầu
Mơ vàng vội chín
trái sầu ngân ngơ
Ru tình hát khúc tương tư
Còn nhau đây nín
mộng hồ hững xanh.

HOÀNG SONG LIÊM

Lời Ru Mùa Đông

Thơ:
Đặng Nguyên

Phổ nhạc:
Huy Lâm
© 2004



C6



em ta có thơ đề Ru em vào cõi vụng về của mơ Dịu



dàng một chút duyên ưa Rủ rê tâm sự em vừa ý không Thương



sao mái tóc bành bồng Mát em huyền diệu mênh mông sao trời Ta đâu còn nữa là



người Bởi ta bay — bóng tuyết vời thế gian Để ta quên cõi vô thường Hết mong hết



chờ hết tương tư buồn Hết đi vào cõi đời thương hết ru cõi nhớ hết nguồn cõi

yêu Oi à, lãng đãng phiêu diêu Không vương bụi trần em đồng ý không Theo
ta về với cõi hồng Cuối lưng thuyền rồng lênh đênh giữa trời À
ơi em hãy ngủ đi Cho ta hôn khẽ bờ mi Có
trời À ơi em cứ ngủ đi Chơi vui rung nhẹ làn mi

SAY MEN

Tối qua lữ chén nằm say
Say tình say mộng hết ngày tới đêm
Hận người xa cách quên em
Nỗi lòng tan nát bên thêm gió mưa.

Đường chiều phố vắng người thưa
Rừng Đông rên xiết bóng xưa nhạt rồi!
Trà ngon độc ẩm em ngồi
Lắng nghe thế cuộc, sự đời bể dâu.

Người ơi! Người ở nơi đâu?
Chùng theo hơi thở dạ sầu năm canh!
Phương trời biệt cánh mây xanh
Sương khuya giọt rụng tình đành dỏ dang.

Chát, chua, mặn, ngọt, dịu dàng
Đời chưa trang điểm tắt ngang lửa lòng
Ngoài kia gió buốt trời Đông
Kéo chăn, che mặt lệ nồng cay môi.

HOÀNG BẠCH MAI

TẾT LY HƯƠNG

Đêm mơ nghe tiếng pháo
Tưởng đón xuân quê nhà
Chợ Bến Thành đông đảo
Phố Nguyễn Huệ đầy hoa
Đêm giao thừa rộn rã
Đi hái lộc đầu năm
Kể đến chùa lạy Phật
Người vào Lăng* xin xăm
Mai vàng tươi hương sắc
Chào mùa Xuân thiêng liêng
Người người vui mở hội
Cùng đón xuân mọi miền
Trên bàn thờ ngày Tết
Đủ bánh, mứt, rượu, trà
Thịt kho tàu dưa giá
Hoa trái cúng ông bà
Chợt giật mình tỉnh mộng
Giữa đêm trường quạnh hiu
Tết về trên Bắc Mỹ
Trời lạnh giá tịch liêu!

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

(4) Lăng Ông Bà chiểu.



Tranh THÁI TUẤN

SÂU ĐÔNG

Bao nỗi cô đơn ngập cõi lòng
Bút nào tả hết nỗi sầu đông
Trông vời làng cũ đường muôn dặm
Nương ngọn đèn khuya lệ mấy dòng.

Giá rét nào thương người áo tím
Chăn đơn run rẩy giữa mưa đông
Trách ai gây cảnh tình ngang trái
Có biết mùa về lạnh lắm không?

Rả rích mưa buồn mưa suốt đêm
Phòng đơn thấm lạnh dưới chăn mềm
Xa đưa vắng tiếng canh gà vọng
Thức trắng đêm thâu vạn nỗi niềm.

KIỀU ANH

DÒNG THƠ LỤC BÁT

xin lót ổ mấy dòng thơ lục bát
để mai đem làm tổ ấm em nằm
câu thơ vụng chằng ai buồn phổ nhạc
nhưng dịu dàng ấm áp đến trăm năm

vẫn lục bát anh nghe từ thuở nhỏ
những lời ru của mẹ thấm quai nôi
ca dao xưa vẫn ngàn năm còn đó
những câu ca làm thao thức bồi hồi

thơ lục bát như lời ru của mẹ
khúc ca dao thấm đẫm cả tình người
giọng ầu ơ ngọt ngào từ tấm bé
đã nuôi đời khôn lớn những niềm vui

viết tặng em mấy dòng thơ sáu tám
tuy ngây ngô nhưng gói cả yêu thương
thơ lót ổ ru người trong cõi tạm
tình thăng hoa dấu địa ngục, thiên đường.

MẠC PHƯƠNG ĐÌNH



SỐ 41

TẤM LÒNG TÔI TUYẾT ĐỔ TRẮNG PHAU

ngõng bay đi mất hồn khuất bóng
chiếc lá nào mơ thấy xương phơi
hay còn tích cổ đan tay nhỏ
dẫn bóng chiều đi, bóng ngủ vùi

đôi khi lòng bỗng tan như tuyết
trắng nỗi buồn tôi cõi tuyết mù
(mơ về cố quận không giam hãm
để nhớ tình tôi cuốn trẻ thơ)

đêm về đâu, ngày cũng về đâu
ủ dột như bờ sông xám mầu
có khi trở nỗi buồn cô quạnh
gọi nắng chao nguồn, xa buốt đau

còn nghe tiếng gọi loài ngõng dại
để nhớ đời xưa đã trầm mình
một mai ai sẽ còn nhớ lại
có một đời kia, nhám tội hình

(vì sao tuyết đổ tràn tâm tưởng
từ những đảo khuynh lựa bóng chào
đêm mai, sương tuyết ngậm phất lại
se lạnh trơ lòng tuyết trắng phau)

NGUYỄN ĐĂNG TUẤN

87

RẤT THU

Anh ơi, có phải em đang là mùa Thu
Không! em đã rất Đông
Nhưng, em không cảm thấy như thế
Anh nhìn kia bầu trời của mùa Thu
Trông rất giống em
Có những khoảng rất xanh
Như lòng em rất xanh
Có những khoảng hực hờ
Như con người em hực hờ
Màu vàng trong vắt
Màu đỏ trong vắt
Màu cam trong vắt
Màu nâu bóng loáng
Màu tím bóng loáng
Từng ấy màu trộn lẫn với nắng
Khiến Thu càng rực rỡ
Nếu có là họa chăng
Mây muôn đời vẫn trắng
Như tóc em đã trắng
Hay anh lại đúng
Em đã là mùa Đông!

HOÀNG DUNG

(11/17/07)

MƯỜI LĂM NĂM CÓ ĐĂNG

Mười lăm năm có Đăng,
Trời làm cuộc biển, dâu.
Người phơi thây rừng thẳm.
Người chìm đáy biển sâu.

Mười lăm năm có Đăng,
Vợ, chồng ngồi khóc nhau,
Bao nhiêu ngày ân ái,
Giờ bỗng chốc còn đâu!

Mười lăm năm có Đăng,
Cha, mẹ ngồi khóc con,
Bao nhiêu nguồn hy vọng,
Còn đây: đất một hòn!

Mười lăm năm có Đăng,
Con thơ khóc mẹ, cha,
Tháng năm dài trôi giạt,
Tan tác, mất cửa nhà!

Mười lăm năm có Đăng,
Ta thành kẻ lưu vong,
Thân lìa xa cuống rốn.
Ôi! Muối xót trong lòng.

Mười lăm năm có Đăng,
Ta thành con thú hoang,
Lang thang miền đất lạ.
Tìm đâu thấy địa đàng!

Tân Sơn Nhất tháng 5 năm 1990

TẠ QUANG TRUNG

(Trích trong NHỮNG BÀI THƠ VIẾT TỪ
TẦNG ĐẦU ĐỊA NGỤC).

Bài này tác giả làm nhân khi nghe bài thơ “Ba
Mươi Năm Đời Ta Có Đăng” của Tố Hữu tại
phòng cách ly, phi trường Tân Sơn Nhất trong lúc
chờ lên phi cơ đi nước ngoài.

TƯỜNG NIỆM HOẠ SĨ THÁI TUẤN

VĂN QUANG

Họa Sĩ Thái Tuấn 90 tuổi, đã từ trần lúc 13 giờ ngày 26-9-2007 tức ngày 16 tháng tám năm Đinh Hợi.

Trong gần một tháng vừa qua, lão họa sĩ đã nằm tại bệnh viện. Nhưng đến trưa ngày 26-9, ông đã được đưa về nhà và mất trên đường về nhà riêng tại số 150/31/5 Đường Lý Chính Thắng, Quận 3, TP. Sài Gòn.

Lễ viếng bắt đầu lúc 10 giờ ngày 27-9-2007 tại nhà thờ Tân Định, Q1, TP. Sài Gòn.

Lễ động quan cử hành lúc 7 giờ sáng ngày 29-9-2007, hỏa thiêu tại Bình Hưng Hoà.

Họa sĩ Thái Tuấn sinh năm 1918 tại Hà Nội. Sau năm 1975, đã có thời gian ông định cư tại Pháp. Nhưng năm 2006, ông trở lại Sài Gòn sống cùng các con, tiếp tục sáng tác và đã có vài cuộc triển lãm tại Sài Gòn. Triển lãm cuối cùng của lão họa sĩ Thái Tuấn được

mang tên “Về Nguồn”, từ ngày 9 đến 21 tháng 12 -2006, tại Phòng tranh Tự Do đường Hồ Tùng Mậu Sài Gòn.

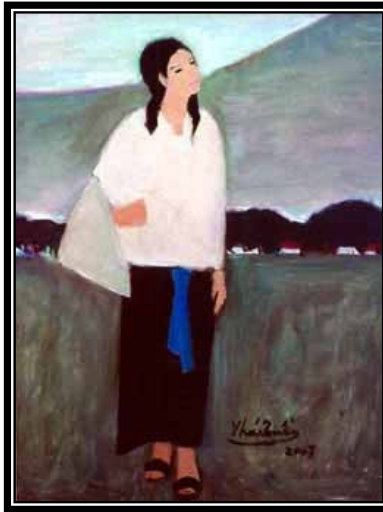
Tính theo thời gian và không gian, sáng tác của họa sĩ được chia làm 3 giai đoạn: Trước năm 1975 tại Sài Gòn; sau năm 1975 ở nước ngoài và từ 2006 ở VN.

Xin chia buồn cùng tang quyến, cầu chúc linh hồn lão họa sĩ an nghỉ vĩnh hằng.

Những người “anh em cũ” trong tang lễ cố Họa Sĩ Thái Tuấn

Tang lễ cố họa sĩ Thái Tuấn chắc chắn sẽ có rất nhiều “anh em cũ” đến tiễn đưa “lão làng” về nơi an nghỉ cuối cùng. Nguyễn Nghiệp Nhượng nói với tôi như thế trước khi tôi từ Lộc Ninh về Sài Gòn. Tôi hiểu “anh em cũ” có

nghĩa là những anh em hoạt động trong lãnh vực văn học nghệ thuật trước năm 1975 ở miền Nam, chứ chẳng riêng gì ở Sài Gòn. Họa sĩ Thái Tuấn đã trở thành một trong số vài nghệ sĩ nhiều tuổi nhất còn sống ở thành phố này. Ông trở thành “cây đại thụ”, cũng như những hàng cây cổ thụ mà từ khi những người Bắc di cư vào Nam năm 1954, đã nhìn thấy trên những con đường đẹp nhất



Sáng tác cuối cùng của Thái Tuấn, vẫn trung thành với nét đẹp “con gái”.

“đô thành” thời bấy giờ.

Ông hoạt động liên tục từ khi ở miền Bắc “di cư” vào miền Nam. Sau năm 1975,

ông cũng như hàng triệu người Việt Nam khác, tìm đường ra nước ngoài định cư. Ông qua Pháp và vẫn tiếp tục sáng tác. Suốt cuộc đời ông không làm gì ngoài nghệ thuật, không biết gì đến những công việc khác ngoài việc vẽ tranh.

Năm 2006, ông trở lại Việt Nam và lại tiếp tục cuộc hành trình của mình. Ông trở lại sống trong căn nhà ở “tuốt tấp” trong con hẻm nhỏ giữa đường Yên Đổ, nơi ông đã sống từ những ngày trước đây. (Xin mở ngoặc là chẳng biết cụ Tam Nguyên Yên Đổ mắc tội gì, bây giờ con đường Yên Đổ đã đổi thành đường Lý Chính Thắng. Xin bạn đọc nhớ kỹ kéo lằm).

Nhà ông là một ngôi nhà khó tìm nhất trong những căn nhà ở Sài Gòn. Nhờ bất cứ ai chỉ đường vào nhà ông, chắc khó mà chỉ được. Lối ngõ quanh co, quẹo trái, rẽ phải liên miên và những con đường chỉ đủ cho hai chiếc xe gắn máy tránh nhau. Ngôi nhà nhỏ hẹp của ông nằm khấp nép trong một xóm lao động. Và từ hơn nửa thế kỷ qua đến nay, nó chỉ được sửa chữa qua loa cho “sạch nước cần”, chứ không phải là một sự “đi lên” hay “đi xuống”. Cuộc sống của ông thanh đạm lằm. Con người ông cũng vậy, giản dị, xuề xoà, đối với ai ông cũng thân thiện, niềm nở.

Năm 2006, khi ông từ Pháp trở về VN, tôi đến thăm ông vài lần. Những ngày sau cùng, ông sống trên căn lầu nhỏ, hết như cái chuồng chim. Chiều ngang 2m chiều dài gần 3m, nhưng có được cái máy lạnh. Khách đến chơi, không được quá 3 người.



Chiều Paris tư hoa.

Chỗ đâu mà ngôi. Cũng chẳng có chỗ treo tranh như nhà nhiều hoạ sĩ khác. Trong phòng ông chỉ đủ chỗ treo một hai bức mới nhất. Mỗi khi cần giới thiệu một bức tranh nào, ông phải nhờ một người con mang từ một nơi nào đó trong nhà vào phòng.

Chính ở nơi này ông đã sáng tác 13 bức tranh trong triển lãm vào tháng 12 năm 2006, tôi đã có dịp tường trình với bạn đọc trong bài “Lắm Cắm Sài Gòn” số 118 ngày 20-12-2006. Không ngờ

đó lại là lần triển lãm cuối cùng của Thái Tuấn và sau đó vài ngày là bữa cơm thân mật của anh em chúng tôi, cũng lại là bữa ăn với nhau cuối cùng ở nhà hàng Cơm Niêu. Thái Tuấn mang theo một chai rượu vang, đúng à kiểu Tây. Bữa đó có cả cụ Mạnh Đan, vợ chồng Đăng Giao, Nguyễn Thụy Long do bà chủ báo Cổ Thơm ở Virginia về mời.

Những ngày cuối cùng

Anh cứ hẹn tôi, lúc nào sẽ lên Lộc Ninh năm chơi vài ngày, nếu thích sẽ vẽ mấy cô gái thượng. Trong hàng loạt tác phẩm của anh, hầu hết diễn tả vẻ đẹp thiếu nữ thuộc nhiều thành phần khác nhau, có lẽ chỉ thiếu một số cô gái miền sơn cước. Tôi nghĩ đó cũng là dự định của anh vào thời gian này. Nhưng ý tưởng chưa thực hiện được thì anh đã

nằm bệnh viện. Sau này, thỉnh thoảng anh điện thoại cho tôi, hỏi thăm cây cỏ hoa lá, nhưng tiếng anh khò khò qua điện thoại, chỉ được vài câu rồi con anh phải “phiên dịch” lại.

Trước ngày anh ra đi, tôi vẫn nhận được tin tức anh qua điện thoại. Vài ngày trước khi mất, các con anh nói rằng bây giờ anh chỉ “bút đàm”, tức là chỉ nói chuyện bằng giấy bút, chứ không nói được. Mới hôm trước ngày 25-9, được tin anh ra khỏi phòng cấp cứu. Trưa hôm sau, 13 giờ ngày 26-9-2007, được tin anh mất trên đường từ bệnh viện về nhà. Tôi cấp tốc thông tin đến bạn bè khắp nơi. Một số bạn nhanh chóng hồi âm và giao cho tôi nhiệm vụ thay mặt đi phúng điếu hoặc chuyển lời phân ưu đến tang quyến.

Những người "anh em cũ"

Tôi đáp chuyến xe đò vào sáng sớm về Sài Gòn. Trước đó tôi đã nhờ Hàm Anh đặt sẵn vòng hoa để mang đến nhà tang lễ, trong khuôn viên nhà thờ Tân Định, nơi quàn linh cữu cố họa sĩ. Ở Mới đó mà hôm nay đã thành “cố” rồi!

Khi tôi đến nơi đã là gần trưa, 3 người con trai của anh Thái Tuấn đón sẵn, đưa vòng hoa của các bạn ở nước ngoài và chúng tôi vào bên bàn thờ người quá cố. Rất nhiều vòng hoa của thân nhân và thân hữu để la liệt bên linh cữu. Những cái tên rất quen của “làng văn, làng báo Sài Gòn những ngày xưa”, tôi không thể kể hết.

Người con đầu của anh Thái Tuấn cũng đã ngoài 60, Thái nắm tay tôi kể:

- Bác Tú Duyên và bác Mạnh Đan vừa ở đây về thì chú tới.

Anh Tú Duyên năm nay đã 92 rồi nhưng vẫn còn khoẻ mạnh. Thái đưa cho tôi xem mấy hàng chữ của họa sĩ Tú Duyên vừa ghi trong cuốn sổ lưu niệm. Nét chữ mới chỉ hơi run, nhưng lời lẽ thì vẫn còn rất trẻ: Anh viết: “Cầu cho linh hồn họa sĩ yên vui. *Còn tôi hơn bỏ 2 tuổi còn ngồi đây viết những lời như thế này. Thân chào linh hồn họa sĩ. Đồng nghiệp Tú Duyên. Ngày 27-9-2007*”.



Những người “anh em cũ” đến tiễn đưa. Từ trái qua: Mạnh Đan, NQThái, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Hàm Anh, Hoàng Vũ Đông Sơn, Cù Nguyễn.

Phía dưới trang giấy kẻ ô vuông là dòng chữ của Lão nghệ sĩ nhiếp ảnh “râu dài” Mạnh Đan: “Vô cùng thương tiếc người bạn cố tri. *Thái Tuấn ra đi không bao giờ trở lại. Vĩnh biệt. Nguyễn Mạnh Đan*”.

Còn vài chục trang giấy như thế của những người thân, những người bạn, những người anh em, già trẻ lớn bé, lớp trước lớp sau, tôi không thể kể hết. Điều đó chứng tỏ khi sinh thời ông đã sống như thế nào. Đó là điều quan trọng chứ

không phải là tên tuổi, nổi danh hay không nổi danh. Thái độ sống và cách sống với những người xung quanh mới chính là con người thật.

Có gặp Lê Xuyên xin đừng nói chuyện thế gian

Ngày 29-9 vào ngày thứ bảy, linh cữu của cố họa sĩ Thái Tuấn được đưa lên toà nhà thờ chính Tân Định làm lễ. Rất đông thân nhân bạn bè thuộc đủ thành phần đến dự lễ. Bước chân vào nhà trong thờ, tôi gặp ngay những khuôn mặt quen thuộc như Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Nghiệp, Nhượng, Cù Nguyễn, Hàm Anh, Trịnh Cung, Nguyễn Quốc Thái, Mạnh Đan, Nguyễn Đạt...

Trong lúc chờ đợi đưa linh cữu ra ngoài xe, tôi có dịp nói chuyện với Dương Nghiễm Mậu. Hồi này anh cắt tóc ngắn, kiểu cắt “bốc” của những cậu học sinh khi còn nhỏ. Anh vẫn trẻ trung như thanh niên. Tôi chưa kịp cười anh đã giải thích ngay: “Ấy cắt tóc như thế để chúng nó không nắm được tóc mình”. Nguyễn Nghiệp Nhượng nhún vai phê một câu ngắn gọn, nhưng đầy đủ ý nghĩa: “hơi muộn”. Một anh bạn nào đó hòa theo: “Không những nó nắm tóc ông mà còn bị nó ghè cho gãy xương”. Tôi hỏi lảng: “Cuốn sách của ông ra sao rồi? Hết bán được rồi phải không?”. D.N.Mậu cười tỉnh như không: “Chỉ không bán được ở Sài Gòn thôi. Còn các

nơi vẫn bán như thường. Mình chỉ ngại cho nhà xuất bản, họ bỏ vốn in khá nhiều. Mình thì cứ bình an vô sự”. - “Té ra thành phố Sài Gòn lại không cởi mở bằng những nơi khác?” - “Ồ đó mà cởi”...

Câu chuyện xoay quanh những chuyện “văn nghệ lắm cẩm” như thế. Tôi gặp một số các chị quả phụ Trần Lê Nguyễn, Minh Đăng Khánh... cùng một số rất ít những người làm văn làm báo sau này hoặc từ miền Bắc vô Nam sau năm 1975. Nếu không có những dịp như thế này, khó có dịp nào anh chị em “Sài Gòn của chúng ta xưa” gặp nhau đông đủ được đến vậy. Dù trong tang lễ nhưng mọi người đều nhân cơ hội này thăm hỏi nhau vô số chuyện gia đình, chuyện anh em bên này bên kia.

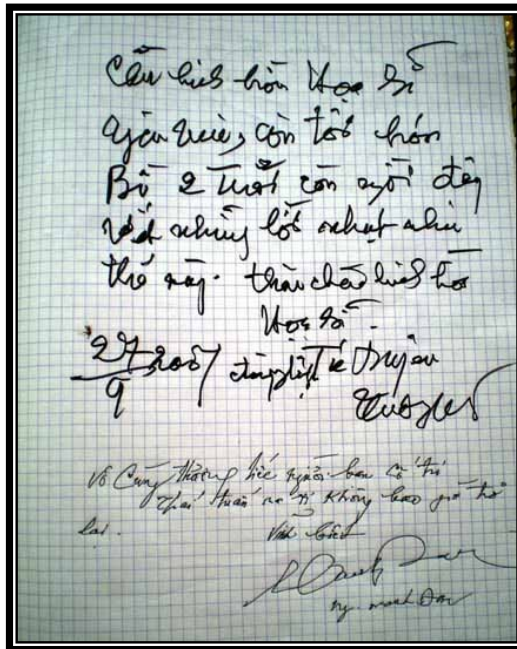
Đúng 8 giờ, chiếc xe chở linh cữu ra khỏi khuôn viên nhà thờ Tân Định, hướng về nhà hỏa thiêu Bình Hưng Hoà.

Thôi, anh ra đó gặp Phan Nghị, Lê Xuyên à Anh đừng nói với Lê Xuyên rằng dù anh ấy đã ở thế giới bên kia, nhưng sách của anh ấy cũng không được bán ở Sài Gòn, kéo anh ấy buồn, tội nghiệp cả cho người đã chết! Thế gian còn nhiều chuyện đau lòng lắm. Xin quý vị hãy yên nghĩ.

Vĩnh biệt họa sĩ tài hoa Thái Tuấn.

VĂN QUANG

CỎ THƠM



NHỮNG KHUÔN MẶT CỦA HẠNH PHÚC

HỒ TRƯỜNG AN

(Tieáp theo)

Thu Cảnh lúc nào cũng lắng tai nghe hai chị dạy dỗ, nghe rồi thì bỏ qua. Mà dẫu cô có hưởng ứng lời xây dựng của hai chị thì không bao giờ cô tán dương hai chị, cũng không hề đem những gì mình nghe để xây dựng lại kẻ khác. Cô thường thắp tùng chị Tuyết Anh đi Giáp Nước để thăm chị Băng Thanh.

Tuy nhiên, hai chị Băng Thanh và Tuyết Anh có một vài tông đồ hết lòng chiêm ngưỡng và ái kính hai chị. Đó là Kim Mai, vợ của Quân và Kim Liên, người chị kế của Kim Mai. Anh Thiện Thành, chồng của chị Kim Liên đã đi theo phe kháng chiến, sau khi anh học sinh Trần Văn Ôn bỏ mạng trong cuộc biểu tình chống chế độ Thực dân. Hiện giờ anh ta hoạt động ở vùng U Minh Thượng, gần miền Cực Nam của dải đất Nam Kỳ. Vùng này hoàn toàn do Việt Minh chiếm đóng và kiểm soát.

Chị Kim Liên nói xóc óc Quân:

-- Giặc tới nhà, đàn bà còn phải đánh. Vậy mà có nhiều anh chàng tuy có lưng dài vai rộng, nhưng vẫn trùn chần ngủ kỹ giữa lúc bao người cùng kê vai gánh việc nước non. Bởi họ mê bơ, sữa, cacao và *chocolat* của

tại Thực dân Pháp nên đành giả điếc trước tiếng gọi của tổ quốc nhân dân. Vậy mà coi được hay sao? Kim Mai liếc xéo chồng rồi cười gượng gạo, đỡ lời cho chồng:

--Trượng phu của em vẫn đóng tiền nguyệt liễm đều đều cho Quân Y Viện do chị Băng Thanh điều hành đó chứ. Anh ấy còn mua thuốc men và các dụng cụ bằng bố thương tích để gửi vào trong ấy đều đều. Chồng em cũng muốn đáp lời sông núi, hưởng ứng cao trào dân tộc như anh Thành. Ngặt một nỗi, anh ấy là con một của ba má chồng em. Anh ấy đâu thể bỏ nhà theo bước anh Thành được.

Chị Kim Liên đã có hai đứa con gái với chồng. Chị mang thai ở U Minh Thượng, gần ngày lâm bồn mới chịu về nhà cha mẹ. Để con xong, chị giao con cho mẹ mình và vú em rồi tìm cách đi U Minh Thượng để hú hí với chồng. Bà Trưởng tòa Phong thường than thở với ba má của Quân:

-- Con Hai Kim Liên đi thăm thàng chồng nó thường lắm. Lần thăm nào cũng dài lâu, từ chuối trồng cho tới chuối trổ, nó mới chịu về nhà vợ chồng tôi. Lần đi, nó mang theo nào cà phê, sữa hộp, cacao, bơ lạt, bơ mặn, cá hộp, hàm dĩa, khô cá sừu... Lần về, nó mang theo cái bầu lớn cỡ trái mít nghệ. Hễ để đái vừa cứng cáp xong, nó giao con cho tôi rồi sắm sửa món ngon vật lạ để đi U Minh

Thượng, nạp mạng cho chồng nó. Mỗi lần mang bầu về, nó cũng mang theo lời ăn tiếng nói nghe lạ hoắc: nào là *chủ nghĩa, chế độ, phong trào*, nào là *vận hội mới, trường kỳ kháng chiến, chống ngoại xâm...* Quỷ thần thiên địa ơi, mấy ông soạn tuồng trong gánh Hoa Sen chưa chắc có nhiều chữ nghĩa như nó. Mà cũng lạ, mỗi khi véo von những chữ nghĩa kỳ cục đó, mặt nó hùng hực lửa giận như mấy cô đào võ trên sân khấu Phụng Hào, Nam Phi, coi tức cười lắm chị sui a.

Kim Mai chỉ quanh quẩn ở tỉnh nhà, họa hoàn lăm mới qua xóm Cầu Kè thăm viếng cha mẹ chồng. Nhưng qua chị Tuyết Anh và chị Kim Liên, nàng biết đủ chuyện ở Khu 8 và ở Khu 9. Mỗi ngày, Quân mua ba tờ nhật báo. Kim Mai thích đọc truyện đăng từng kỳ của Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Nguyễn Ngọc Mẫn, Dương Hà, bà Tùng Long... Nhưng nàng cũng ghé mắt ở những bài viết về thời cuộc, những mục tin chiến sự. Nhưng nàng không tin tưởng nhưng tin thắng lợi của phe Liên Hiệp Pháp. Theo nàng, tin trên báo đời nào chịu ghi trung thực tin thảm bại của phe này đâu. Cho nên nàng thường tỏ vẻ thuật cho chồng nghe những tin do bọn công tác thành trong số có chị Tuyết Anh hoặc tin do chị Kim Liên hóng chuyện cung cấp. Nhưng dù vậy, Kim Mai vẫn thích cùng chị Tuyết Anh và chị Kim Liên nghiền ngẫm tin tức đăng trên báo rồi diễn tả và phổ biến với bạn bè và chòm xóm theo sự đoán mò, đoán ầu, đoán vô căn cứ của họ.

Có đêm, vì bị kích thích quá độ, nàng đang nằm cạnh chồng vụt ngồi phắt dậy, mái tóc xỏa rũ rượi, mắt tóc lửa, trông nàng giống mẹ Chín điên ở ngoài bến đò. Nàng gằn giọng:

-- Để rồi anh coi, tên đầu sỏ Thực dân Pháp sẽ đại bại. Các mặt trận Cao Bằng, Lạng Sơn, Na San, Sầm Nứa đã tủa rụng mấy danh tướng cùng mấy danh tá thiện chiến của bọn chúng rồi. Chẳng bao lâu, căn cứ Điện Biên Phủ sẽ bị phe Việt Minh chúng mình búng đi một cách trơn tru dễ dàng như húp cháo lỏng.

Mỗi tháng Kim Mai chỉ dùng 20 đồng đóng nguyệt liễm cho Quân Y Viện. Nàng có cảm tưởng mình tích cực đóng góp vào đại cuộc bằng nửa cuộc đời, nửa thân thể của mình. Mỗi lần đóng nguyệt liễm như thế, nàng bắt chồng phải ngồi nghe nàng chửi bọn Thực dân Pháp và nghe nàng công kích thói hưởng thụ xa hoa của dân thành phố. Quân chỉ biết ừ ào cho vợ vui lòng. Kim Mai tuy chửi *kẻ xâm chiếm quê hương tổ quốc* (sic) thật hăng, nhưng nàng vẫn thích may mặc quần áo bằng tơ lụa nhập cảng từ bên Pháp, thích trang điểm bằng son phấn và nước hoa được chế tạo bên Pháp. Chị Kim Liên cũng thế. Chị thường trầm trồ cô em của mình:

-- Eo ơi, em mặc chiếc áo dài bằng *mousseline* màu thiên thanh điểm bông trắng này thì các cô thiếu nữ tỉnh mình trở nên mờ lu bóng sắc, hiu hắt dung nhan ngay. Con này lại còn tô son Roses Camélias chói bóng nữa! Càn khôn vũ trụ ơi, nó dám xài nước hoa Chanel số 5 nữa. Chết hết các hảo hán anh hùng còn gì !

Kim Mai cười ngượng ngùng. Nàng chống chế để bao che cái tật đom đống se sua của mình:

-- Có phải em thích ăn diện sặc sỡ đâu. Ngặt vì em đứng bán hàng ở tiệm

bazar của ba má tụi mình, nếu em ăn mặc quá đơn sơ, trang điểm lồi thối thì khách hàng đương thêm tới tiệm.

Và nàng vẫn tiếp tục chửi Pháp một cách hăng hái, vẫn tiếp tục mua bơ, sữa, nước chấm, thực phẩm đóng hộp từ bên Pháp nhập cảng qua... Hễ thấy ai chiên cá chẻm, cá chim, cá thu, nàng cười nụ thật dễ thương:

-- Cá chẻm chiên ruối tương hột, cá chim chiên và cá thu chiên sốt cà sao bằng phết bơ Bretel lên ba món cá chiên này có nổi hương nổi vị hơn không? Một bà nội trợ sành ăn không bao giờ dùng nước mắm pha giấm ớt để dùng làm nước chấm cho loại cá chiên phết bơ Bretel mà phải dùng Maggi mới đúng điệu. Khi ăn mì, tôi không hề dùng xì dầu mà phải dùng Viadox mới hợp khẩu vị của tôi. Thật tình, ba má tôi bạc phước mới sanh một cô con gái kén ăn như tôi.

Giữa lúc phe phụ nữ trong vòng gia tộc của Quân và trong vòng thông gia của cha mẹ Quân đang xao xuyến bồn chồn trước thời cuộc thì Thu Cảnh ung dung sống bên mẹ cô và di cô. Cô hay đau yếu, nhưng hễ khi bệnh vừa rút lui thì cô cần mẫn lo việc nhà, lo việc trồng trọt, đầu tắt mặt tối. Vậy mà cô vẫn nở một nụ cười ngây ngô, hạnh phúc, đầy nhiệt tình, âu yếm. Mỗi khi về Cầu Kè thăm nhà, Quân thường đến bờ rào cuối vườn để ngắm Thu Cảnh cuốc đất đánh vòng. Cô miệt mài làm việc, áo xống ướt đầm mồ hôi, nhưng vẻ mặt vẫn tươi rạng dưới vành nón lá rộng. Từ khi thím Hương hào Hiệp bị bệnh lớn tim, chính Thu Cảnh phải cáng đáng việc làm vườn.

Công việc liên lạc và công việc công tác thành của chị Tuyết Anh bị bại lộ. Bác Hai Chúc và cha của Quân phải chạy chọt ở nhiều

nơi thân cận với chính quyền địa phương để chị khỏi bị đưa ra tòa, khỏi bị giam giữ.

Nhờ quen biết với các đảng tai to mặt bụi trong quân đội Liên Hiệp Pháp và trong chính quyền địa phương nên bác Hai Chúc cứu được con gái khỏi bị đòn bọng và khỏi bị tù đày. Chị Tuyết Anh về nhà với thân thể gầy khô gầy héo, với tâm thần hoảng hốt. Đêm đêm, chị thường bị ác mộng quấy nhiễu. Chị ở luôn Cầu Kè, không vào Khu 8 nữa.

Thu Cảnh đi Giáp Nước thăm chị Bằng Thanh. Rủi thay, trong một cuộc ruồng bỏ của bọn lính thuộc lực lượng cảm tử quân (*Le commando*), cô bị tên đội (trung sĩ) người Pháp hăm hiếp đến độ bất tỉnh. Hấn để cô nằm bên cạnh bàu nước có những cây diên điển hoa vàng viền quanh, có những dây rau nhút nằm vắt dài trên mặt nước. Chiều tối, chị Bằng Thanh mới dám túm đám lá dứa nước chui ra đem Thu Cảnh ra ngoài vòm rạch Giáp Nước, đổ từng muỗng sữa vào miệng cô, hơ lửa và xoa bóp thân thể cô để cứu sống cô.

Thu Cảnh lần hồi bình phục, vẫn giữ cảm giác ê ẩm ở hạ bộ trong một thời gian dài. Từ đó hễ ai nói tục, nói trây về chuyện giao hợp là cô tái mặt, bỏ đi chỗ khác. Tuy nhiên, cô vẫn cười ngây ngô, vẫn giữ sắc mặt trong ngọc sáng gương, vẫn không hề giấu diếm tai nạn thảm khốc của mình. Rồi Thu Cảnh có thai. Thím Hương hào Hiệp và cô Ba Lan Chi khuyên cô nên đi phá thai để mai sau cô còn có cơ hội lấy chồng. Thu Cảnh tươi cười bảo:

-- Con sợ chuyện vợ chồng lắm. Con không phá thai đâu. Bộ má và di không sợ mất con khi gả con cho một kẻ ở phương xa hay sao? Rồi một khi biết được chuyện bất hạnh của con, anh ta sẽ đối xử với con thế nào đây?

Thu Cảnh vui vẻ đón đưa con lai, vui vẻ cưng yêu hoạn dưỡng con. Rảnh rang, cô qua nhà bác Hai Chúc để săn sóc anh Khiết. Anh vẫn tìm góc tối để làm bàn làm nhảm một mình.

Sau hiệp Định Genève, chị Bằng Thanh được lệnh xuống Năm Căn, địa điểm tập kết để đưa bọn Việt Minh ra Bắc, có tàu Ba-lan chở họ tận bến Hải Phòng. Nhưng không hiểu sao chị lẩn trốn để được ở lại. Nhờ Quân giúp đỡ trong việc xin giấy tờ để hợp thức hóa trở thành công dân miền Nam nên chị có thể kiểm tra dưới chính thể Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Chị ghi tên vào lớp đào tạo cô đỡ hương thôn tại Bệnh Viện Vinh Long. Khóa học kéo dài một năm, để rồi sau khi mãn khóa, chị có thể hành nghề tại các vùng ngoại ô và vùng phụ cận tỉnh nhà. Chị Tuyết Anh học cách tiêm thuốc và nghiên ngẫm mấy cuốn sách viết về cách trị các bệnh thông thường để hành nghề y tá lậu song song với nghề tiêm thuốc theo toa bác sĩ. Hai chị còn hành nghề cấy nhau nên kiếm được nhiều tiền. Quân được nghe Kim Mai bảo mỗi chị chỉ trong vòng bốn năm mà sắm được 20 lạng vàng, một đôi hoa tai nạm hai viên kim cương cỡ 5 ly rưỡi, ánh nước trắng tím.

Bỗng dưng cả hai đổ đốn ăn diện thật diêm dúa, ruộm rà. Đường như tự bấy lâu, họ cố tình dè nén sự ưa thích ăn mặc điểm trang để đi làm việc nước. Nhưng chuyện nước non vẫn chưa ngã ngũ ra sao khi chính phủ Ngô Đình Diệm từ chối cuộc Tổng Tuyển Cử sau hai năm đất nước bị chia đôi. Chuyện nước non thống nhất đem lại vinh quang cho hai chị trở nên xa xôi mờ hồ trong khi cái sở thích chung của phụ nữ là được tô hồng chuốt lục để trở thành đối tượng quyến rũ đối với phái mạnh vụt trở dậy bất ngờ ở họ.

Những cơn thèm khát đàn ông, những ý nghĩ báo thù thuở sống vì nước vì dân mà phải chịu ăn mặc sồi vải, phải lánh xa sơn phấn, nước hoa, nữ trang làm họ hơn lúc nào hết trở nên ham sống cho chính bản thân mình, thúc đẩy họ phải tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình. Họ cần phải bận bịu việc chăm sóc dung nhan để khỏi quên mình vẫn còn là phụ nữ, để được đàn ông mơ ước thèm thường, để được sống theo cái bản năng mà Tạo Hóa dành riêng cho giống cái.

Hai chị vẫn tiếp tục nói xấu chính phủ quốc gia ở miền Nam, vẫn thóa mạ chủ nghĩa tư bản của *Đế Quốc Mỹ* (sic), nhưng vẫn không quên nhung gấm, phấn son, kim cương, ngọc thạch... Nhưng mà, tuổi xuân của họ đã trôi qua mất tự bao giờ. Gái không con thì vẫn chưa già theo số tuổi. Nhưng vì không chồng, không tình nhân, nên họ không được hưởng sự trao đổi tình cảm và nhục cảm với người khác phải để tìm gặp những giây phút mê ly nồng nàn thắm đượm. Như thế làm sao họ tươi mát, nuốt nà được? Với thân xác không được tưới tắm ân sủng của người yêu, với tâm tình táo bón, cả hai trình bày với người xung quanh một tấm chân dung chất ngăm và vẻ mặt cau có bất an.

Bao năm gói đất nằm sương ở chốn bưng biền, chị Bằng Thanh mang chứng phong thấp. Chị lại còn mang chứng đau gan, hậu quả của chứng sốt rét kinh niên dù chứng sốt rét kia đã được trị tuyệt nọc đi nữa. Còn chị Tuyết Anh trước đó vì bị đòn bọng khảo tra nên cũng nay ốm mai đau với những chứng bệnh khó hiểu.

Vợ chồng bác Hai Chúc lần lượt qua đời. Anh Khiết vẫn còn diên đại. Nhưng tuy diên mà anh rất hiền, không hò hét chửi rủa ai bao

giờ. Hai chị Bằng Thanh và Tuyết Anh vẫn săn sóc anh chu đáo. Còn Thu Cảnh đôi khi còn dắc anh đi tiêu, đi tiểu, lại còn can đảm tắm gội cho anh, giặt rũ quần áo cho anh mỗi khi anh lỡ phóng uest trong quần.

Nhưng một hôm nọ, anh Khiết có vẻ bưng tỉnh cơn điên. Anh đòi hai chị mua cho anh một tập giấy dầy. Suốt 3 tuần lễ, anh cứ ghi ghi chép chép lằng nhằng lít nhít hết cả quyển vở bằng lối chữ rối rắm. Những bài viết thường đệm thêm những câu văn bí hiểm với những ngôn từ không có trong tự điển, trong các thổ ngữ, trong các tiếng lóng. Quyển vở vừa ghi chép ý tưởng của kẻ có vẻ vừa tỉnh cơn điên xong, thì anh từ trần, sắc mặt đẹp và trong sáng như sắc mặt thiên hần, nụ cười thập phần phiêu dật. Trong lúc phe phụ nữ gồm hai chị Bằng Thanh và Tuyết Anh, thêm hai chị Hương Khuê và Kim Liên cùng với Kim Mai xúm lại quanh giuồng anh than khóc kể lể thì Thu Cảnh nấu nước hương nhu để cùng Quân tắm gội thi hải của anh, mặc quần áo đẹp cho anh, vẽ mặt cô hồng hào tươi nhuận như thường lệ. Cô khuyên mọi người:

-- Em rất vui lòng. Anh Khiết chết một cách sung sướng! Các chị nên mừng cho anh ấy mới phải.

Vậy là ngôi nhà từ đường của ông Cố Hai thuộc về hai chị Bằng Thanh và Tuyết Anh. Đêm đêm, hai chị mở tập giấy của anh Khiết ra đọc, đoán mò từng câu văn. Rất cuộc, họ tưởng chừng đó là những cái thai đề hay những bài sấm ký. Anh Khiết khi còn tỉnh táo và lạnh manh thì rất lu mờ nhạt nhèo. Cơn điên loạn vùi anh trong bóng tối huyền bí, tạo cho anh nhiều huyền thoại lý thú. Bởi đó họ hàng và láng giềng cứ đoán già đoán non, cho

rằng anh bị ma dựa quỷ ám hoặc bị hồ ly tinh hớp hồn. Và rồi cái chết cùng tập di cáo của anh dết thêm cho những thiên huyền thoại ấy nhiều đường chỉ rùng rợn, thêu thêm những bông hoa quái đản, kích thích óc tưởng tượng những người quen biết.

Căn nhà rộng với hai cô gái già. Xế xế, gặp lúc nhàn rỗi, họ nhìn bóng nắng vàng úa ngả dài qua sân, lắng tiếng gió xao xuyến ở ngoài vườn và trên cây hoàng lan, trên cây bằng lăng, ngọc lan, mộc lan bên hè. Mặt họ buồn bã, lãnh đạm. Nhưng mỗi khi nhận một thiệp cưới trong giới quen biết, mặt họ vụt trở nên thách thức, ngạo mạn một cách khó hiểu.

Rồi có tin đồn chị Bằng Thanh dan díu với chú Chết Xương Ký có chành lúa ở ngoài Cầu Dài, tức là ở vàm sông Long Hồ đổ ra sông Cổ Chiên; ông ta vốn góa vợ từ 2 năm qua. Lại có tin đồn chị Tuyết Anh tàng tịu với thầy Hương thân Mẹo. Hừ thực vốn mờ mờ nhân ảnh nên Quân không dám tin lời đồn đãi. Chàng vẫn thấy ngôi nhà từ đường của ông Cố Hai lạnh tanh, vẫn thấy hai chị luôn xéo xắt cay cú như tự xưa giờ... Rõ ràng họ không hạnh phúc. Chị Bằng Thanh lại có cặp mắt ác độc: nhìn bất cứ cô gái nào, chị cũng thấy họ nếu không đi lộ thì cũng đi ngầm. Chị chì chiết:

-- Coi có được không chó! Con Bạch Lựu hề thấy bóng dáng đàn ông là nó bắt đầu chỉnh đốn bộ điệu : giọng nó đang ong óng điếc tai điếc đít bông êm dịu lạ kỳ. Khi nói chuyện là nó ưa chớp lia chớp lịa cặp mắt. Nó lại còn làm ra dáng điệu khép nép nữa chó. Cái đoan trang thùy mị giả tạo đó vốn là thói thân tánh đi ngầm, chó còn gì nữa ? Còn con Ngọc Nga hề mỗi khi bạn trai của anh nó tới viếng nhà là nó thấp thoáng ra vào, ỏn a ỏn ẻn chọc bọn họ

cười, rồi thết đãi trà bánh cho họ ăn ngập mặt lút mảy. Con này thuộc hạng đi lộ, lẳng sao mà lẳng nhúc lẳng nhối, không hề che giấu cái thói muốn chòng thềm trai của nó.

Còn chị Tuyết Anh hề gặp anh chàng nào ở ngoài chợ hay ở dọc đường dọc sá mà chịu tiếp chuyện với chị hay ngó chị chăm chú là chị đổ hô đương sự si mê chị. Chị véo von :

-- Quí ơi, hôm qua, tôi vừa mặc áo nhung tím bước ra khỏi cổng thì gặp thầy ký Đăng. Sum la vạn tượng ơi, thầy ta ngó tôi một cách khờ khạo dờ dẩn... khiếp lắm, hãi lắm, bà con ơi! Thấy cặp mắt gian tà dịch vật của đương sự, tôi rét lắm, run lắm! Trước khi mau chân bước đi, tôi thấy rõ ràng thầy ta thất vọng, không sao che giấu được. Còn thầy giáo Bính, mười lần đủ chục, khi y ta gặp tôi là cặp mắt y ta lộn thình như mắt cá ươn. Bởi y ta quá si mê ngốc nghếch tôi nên miệng lưỡi y ta tê liệt, không nói được câu nào. Trông cũng tội ! Bởi không thương yêu say đắm y ta nên tôi không thềm an ủi khuyên lơn y ta đó thôi.

Cũng có vài lần, Quân gặp chú Chệt Xương Ký hoặc thầy Hương thân Mẹo tại nhà hai chị. Chệt Xương Ký hiền lành, phúc hậu. Còn thầy Hương thân Mẹo thì lực lưỡng, khôi ngô. Vậy thì lời đồn đãi về chuyện tình cảm riêng tư của hai chị không hẳn là vô căn cứ. Nhưng có sao gương mặt hai chị vẫn nghiêm khắc, cái nhìn của họ vẫn lãnh đạm, nụ cười của họ vẫn gượng gạo? Càng lớn tuổi, họ càng khó tánh hơn, càng chăm sóc nhà cửa sạch bóng như lau như ly. Một cọng rác là kẻ thù của họ. Một hạt bụi là kẻ nghịch của họ. Không có tội tở nào ở với họ lâu. Không ai có thể làm gì vừa lòng họ.

Chị Băng Thanh và chị Tuyết Anh rất yêu thương Thu Cảnh, thường giúp đỡ cô. Ngoài

thuốc thang, tiền bạc, họ còn săn sóc cô mỗi khi cô đau yếu vì dù sao họ cũng biết cách trị liệu hơn dì Ba Lan Chi. Thu Cảnh hề mỗi khi gặp cơn trái gió trở trời là ngã bệnh. Thân cô càng mỏng, vai cô càng gầy, nhưng cô can đảm gánh vác việc mưu sinh phụ giúp dì Ba Lan Chi như gánh vác cả hệ lụy bằng một thái độ dưng cảm, bằng một quan niệm khắc kỷ tuyệt vời với nụ cười thanh thản bất tuyệt mỗi khi cô tiếp xúc với bất cứ ai. Đó có phải chăng là thái độ đối phó hiếm có của cô trước cái ác quả mà cô đã tạo cái ác nghiệp từ hồi iền kiếp và cô chỉ có cách là phải trả cho sạch nghiệp trong kiếp này?

Trong cuộc nội chiến Quốc Cộng, hai đứa con trai của Quân đã bỏ mình trên chiến trường An Lộc, trong mùa hè đỏ lửa, năm 1972. Kim Mai trở nên ngốc nghếch khờ dại vì hai nhát búa định mệnh thảm khốc giáng xuống đời mình một cách thô bạo. Chính Thu Cảnh săn sóc nằng như săn sóc một đứa trẻ. Cô khuyên lơn an ủi nằng, nhưng đầu óc và thần kinh nằng trở nên tê liệt rồi. Năm sau, Kim Mai tù trần.

Trước ngày miền Nam rơi vào tay Cộng Sản một tháng, Quân chết vì binh hoại huyết. Trong những ngày nằm chờ chết, không hiểu sao chàng nghĩ rất nhiều về hai người chị họ của mình? Và về Thu Cảnh nữa. Cuộc đời về sau của hai chị vẫn là một chuỗi buồn thảm, hết thất vọng này sang thất vọng khác. Hai chị đi làm lịch sử, nhưng không có tài khoa động lịch sử. Lý tưởng không giúp họ tạo được một danh vọng lẫy lừng nên họ đâm ra dở hơi. Chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh kết liễu, một trang đời của họ bị lật qua. Tuổi xuân của họ đã mất. Họ không tìm được ý

trung nhân, không được làm vợ và làm mẹ đúng theo hoài bão của đa số phụ nữ.

Và Thu Cảnh đó, ai biết được cô nghĩ gì, có nhân sinh quan ra sao? Nhưng tại sao cô vẫn giữ được nụ cười trước sau như một? Tuy tự hỏi, nhưng Quân không cần câu trả lời, không cần câu giải thích. Do một trực giác kỳ diệu, Quân tin rằng Thu Cảnh luôn luôn hạnh phúc. Mà thật vậy, dù cô có sức khỏe mong manh, dù cô phải chật vật kiếm sống, nhưng lúc nào về ngậy ngò hồn nhiên cùng thần thái phiêu hốt thoát tục của cô cũng đem lại cho người xung quanh một niềm an lạc tươi mát chưa từng có.

Thím Hương hào Hiệp qua đời. Cô Ba Lan Chi vẫn bán bánh xếp bánh xù như cũ. Con Lan Hương, ái nữ của cô đã ngồi lớp Đệ nhất A trường Tổng Phước Hiệp và thi đậu Tú Tài I. Vào ngày 28 tháng 4 năm 1975, nó theo người tình Trung Úy Hải Quân di tản qua đảo Guam. Ít lâu, nó cùng chồng bảo lãnh mẹ qua Hoa Kỳ theo diện đoàn tụ O.D.P. Thằng Âu, con trai của Thu Cảnh học chưa hết phần Trung học Đệ nhất cấp thì quốc nạn xảy đến. Nhưng nó cố gắng chạy giấy tờ theo diện con lai, rồi cũng được cùng mẹ sang định cư bên Pháp. Song đó là hai chuyện về sau, bắt đầu sang thập niên 80.

Trước đó, chị Băng Thanh cho Thu Cảnh mượn tiền mua tiểu thuyết về cho mượn. Nhưng hề rảnh rang là Thu Cảnh chăm bón mảnh vườn nhà. Đó không chỉ là chuyện để cô kiếm hoa lợi, mà là thú giải trí của cô. Từ bẩm sinh, cô yêu cây cỏ cùng thiên nhiên Tạo vật. Đã bao phen cô bị bệnh thập tử nhất sinh, nhưng cô không chết. Cô vẫn sống để gửi cho người xung quanh và cho cuộc đời nụ cười bát ngát niềm lạc quan và sáng ngời ý nghĩa

âu yếm, thanh thản của mình. Cô có thể cuộc đất đánh vòng, săn sóc vôi dưa dây mướp trong lúc cô đang hâm hấp sốt. Vừa khi cơn bệnh trên đà rút lui, dù tay chân còn yếu ớt, cô vẫn ra vườn để khơi ngòi, tháo nước đọng tràn lên lảng khỏi vũng ra ngoài dòng rạch, để cứu mấy cây đu đủ khỏi chết vì úng thủy. Cây ăn trái và rau dưa do cô chăm bón đều sum suê thịnh vượng. Thằng Âu do mẹ hoạn dưỡng chu đáo nên có lưng dài vai rộng, thể chất cường tráng, lành mạnh. Nó đẹp trai, ăn nói có duyên, lại chăm học, và không bao giờ giấu diếm cái căn nguyên éo le của mình cùng cái thảm kịch đen tối của mẹ mình.

Nghề cấy nhau chỉ tồn tại 4 năm đầu trong chế độ Đệ nhất Cộng Hòa. Từ năm 1956, những kẻ tin tưởng phương pháp dưỡng sinh kỳ quặc đó lơ đãn và âm thầm xa lánh hẳn. Nhưng hai chị Băng Thanh và Tuyết Anh vẫn không đầu hàng cảnh ngộ. Họ mượn bằng cấp của một mục được sĩ ở Cầu Bà Điều để mở nhà thuốc Tây ở bên hông chợ tỉnh. Họ vẫn làm ra tiền. Họ cũng có bạn trai để giải sầu cô độc. Chú Chệt Xương Ký tâm sự với Quân:

-- Cô Hai tuy không lợc lẹp, nhưng ngộ thương cổ lắm ló. Hề cổ chịu là ngộ cưới cổ liền ló. Không piết tại xao cổ dùng dăng dục đặc không chịu lấy chồng Chệt ló. Chệt như ngộ cũng có ăn học tới pực Kao Chung (Cao Trung), cũng piết cứng dợ lắm chó. Chồng Chệt piết cứng dợ, có cơ xỏ màn ăn thi pảnh cũng như chồng Duyệt Năm (Việt Nam) ló.

Thấy Hương thân Mẹo buồn bã bảo Quân:

-- Tuy tôi lớn hơn cô Ba 9 tuổi, lại không giàu, nhưng tôi có cơ sở làm ăn, có lợt tức hàng tháng. Bởi cô ấy là kẻ tân học, còn tôi chỉ là một cụ hường chức trong ban hội tề hời

trào Tây thì kể như dân đảng cụt rồi. Cho nên cô Ba không chịu làm vợ tôi, mà lại chọn cách sống già nhân ngãi non vợ chồng với tôi để khỏi hổ mảy mặt với họ hàng lối xóm.

Rõ ràng hai chị không hạnh phúc trong tình yêu vì hạnh phúc ấy không ở chỗ hai chị ngược lên cao mà ở chỗ hai chị phải cúi xuống để tầm nhìn được xuyên vào nơi sáng suốt và thấu đáo hơn. Cho nên chữ *phúc* không hề hiện hữu suốt chiều dài của cuộc đời họ.

Về sau, chị Băng Thanh có thêm nghề xem chỉ tay, chị Tuyết Anh có thêm nghề bói bài *Tarrot*. Họ làm chơi mà ăn thật. Tiền bạc đối với họ sao mà dễ kiếm. Còn một tấm chồng tân học và hào hùng như chàng Dũng trong quyển *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh chắc hai chị chỉ tìm được ở kiếp lai sinh nếu kiếp này nếu hai chị tu kỹ.

Sáng nào, hai chị cũng thuật cho nhau nghe những cơn chiêm bao trong đêm qua của mình, rồi mở cuốn *Đoán Điềm Giải Mộng* ra nghiên cứu. Họ thường đi chùa Bấy Phủ ở Cầu Đào (thờ Đức Quan Thánh Đế Quân), chùa Minh Hương ở Cầu Dài (thờ Đức Thiên Hậu) để xin xăm. Họ không mấy tin tưởng nghề xem chỉ tay và nghề bói bài của mình. Đôi khi họ ngồi xe thổ mộ lên Cầu Cái Cam để cầu đồng cốt, để biết việc tương lai gần cũng như việc tương lai xa.

Càng về già, hai chị càng thích là nững với cuộc đời. Mỗi khi Quân tới thăm, chị Băng Thanh thế nào cũng có thêm vài chứng bệnh mới để kể cho chàng nghe. Nếu Quân tỏ vẻ quan tâm săn sóc tới chị, dù bằng lời nói phát phơ đi nữa cũng đủ làm cho gương mặt chị hoan hỉ rạng ngời. Và chị thắt đai cho chàng cơm gà cá gỏi hay bánh trái ngon lành.

Còn chị Tuyết Anh có tật tự kỷ ám thị kỳ quặc. Hễ ai nói tới bệnh gì thì chị có cảm tưởng cơ thể mình ngấm chứa mầm mống của chứng bệnh ấy. Hễ nghe nói tới bệnh lao phổi, chị có cảm tưởng ngực mình nặng trĩu trĩu, phổi mình đang rách te tua, mình sẽ ho rách cổ họng và sấp thổ huyết đầm đề chứ không chơi. Hễ nghe ai nhắc tới những người cùi là chị có cảm tưởng da thịt mình vừa đau vừa ngứa ngáy, sấp nút nẻ để nước vàng và máu độc chảy ra lai láng.

Trên giường chờ chết, Quân ngẫm nghĩ rất nhiều về cuộc sống của những kẻ xung quanh. Chẳng ai mà chẳng có nỗi khổ tâm riêng. Nhưng đối với cái khổ, người đời có một trong hai thái độ tương phản qua Thu Cảnh cùng qua hai chị Băng Thanh và Tuyết Anh. Chàng mừng tượng lại nụ cười của Thu Cảnh. Và khi khép rèm mi lại, chàng thấy từ nụ cười của cô, một nguồn ánh sáng trong mát chiếu lên khuôn mặt cau có hậm hực của hai bà chị họ mình. Lòng chàng vụt êm ả và sáng khoái lạ thường. Chàng như thấy dưới nguồn chiếu rọi ở nụ cười Thu Cảnh, vẻ đau khổ và bất an của hai chị phai dần để trở hành khuôn mặt xán lạn dịu hiền chưa từng có. Rồi trên khuôn mặt hai chị, nụ cười tươi tắn và thoải mái nở rộng để hòa nhập vào nụ cười thần tiên của Thu Cảnh.

Quân chết đi, thất khiếu chàng xuất huyết đầm đề. Nhưng mà lạ chưa, trên khuôn mặt khắc khổ của chàng, nét mỉm cười đẹp tuyệt vời như ghi dấu ấn giác ngộ thiên thu của chàng đầy những cơn chiêm bao lộng lẫy.

Cổ Nguyệt Đường,
ngày 24/12/ 2002.

HỒ TRƯỜNG AN

Phan Anh Dũng

DUYÊN VĂN NGHỆ QUA CA KHÚC

TÓC EM VẪN LÀ HƯƠNG CỦA MẸ

Trong sinh hoạt của những người yêu văn học nghệ thuật, thường có những giai thoại hay mẩu chuyện thú vị và để lại kỷ niệm đẹp. Trong cuộc họp hàng năm của Cơ Sở Cỏ Thơm và thân hữu tháng 4 năm 2007 vừa qua, ca sĩ tài tử Hiếu Thuận đã hát ca khúc "Trong Trí Nhớ Dòng Sông", lời thơ thật trữ tình và tha thiết, quyến với giai điệu nhạc nhẹ nhàng và êm ái như dòng sông Hương. Nguồn của ca khúc bắt đầu khi Thi Sĩ Phan Khâm cảm hứng sáng tác bài thơ "Trong Trí Nhớ Dòng Sông" sau khi xem bức tranh sơn dầu tuyệt đẹp "Dòng Sông Bay Trong Trí Nhớ" của Họa Sĩ Đinh Cường. Sau đó, anh Phan Khâm nhờ Nhạc Sĩ Huy Lâm phổ nhạc. Tôi còn nhớ rõ tối họp mặt Cỏ Thơm hôm ấy, ba tác giả Đinh Cường, Phan Khâm và Huy Lâm của vùng Hoa Thịnh Đốn gặp nhau, tay bắt mặt mừng và chụp một tấm ảnh kỷ niệm cho duyên văn nghệ.

Gần đây nhất, tôi biên soạn ca khúc "Tóc Em Vẫn Là Hương Của Mẹ" để đăng lên website của Cỏ Thơm. Ca khúc này do Nhạc Sĩ Thanh Trang (tác giả của các ca

khúc nổi tiếng như "Duyên Thê", "Tình Khúc Mùa Đông"...) sáng tác với cảm hứng từ ý của bài thơ "Hương Bò Kết" của Thi Sĩ Hà Nguyên Dũng và được ca sĩ tài tử Tâm Hào trình bày. Anh Hà Nguyên Dũng hiện cư ngụ tại Quận Tân Bình, ngoại ô Sài Gòn, rất cảm động khi tình cờ đọc và nghe ca khúc này trên website. Anh đã thư từ qua lại với chị Ngọc Dung, anh Thanh Trang và tôi rất chân thành và cởi mở. Được biết quê của anh ở Quảng Nam, anh có thơ đăng trên nhiều báo trước và sau 1975. Anh đã cho xuất bản 3 tập thơ: Quê

Tình (1992), Hột Muối Bỏ Sông (1996), Cửa-Đội-Sông-Hoài (2002). Anh cũng đã gởi một số thơ để đóng góp với Cỏ Thơm, bắt đầu từ số 40.

Bây giờ xin mời quý vị xem bài thơ "Hương Bò Kết", bản

nhạc "Tóc Em Vẫn Là Hương Của Mẹ", bài viết của Thanh Trang và nghe ca khúc trong tiết mục Nhạc của website Cỏ Thơm www.cothommagazine.com



PHAN ANH DŨNG
Richmond, Virginia

Tóc em vẫn là hương của Mẹ

Nhạc : Thanh Trang
Lời : Theo Thơ Hà Nguyễn Dũng

Lento moderato

The musical score is written in a single system with six staves. It begins with a treble clef, a key signature of one flat (B-flat), and a 4/4 time signature. The tempo is marked 'Lento moderato'. The melody is simple and lyrical, with lyrics written below the notes. The score includes dynamic markings such as 'Rall.' and a 'Rhumba' section. The lyrics are in Vietnamese and describe a child's memory of their mother's hair and the scent of rain.

Em đi học nhớ đem theo chiếc nón Trời nhiều mây nên về có khi
mưa Nếu bất chợt chiều nay anh đến đón Dưới mưa tuôn chung nón thầy cũng
vừa! Trời đang nắng bỗng mưa ai nào biết! Mưa ướt rồi mái tóc sẽ phai
hương! Anh yêu lắm mùi hương trên làn tóc Em đi qua thơm ngát cả con đường!

Rhumba

Thơm làn tóc! Vẫn mùi hương của Mẹ! Âm hơi Người ngày
chưa biết phong sương! Giữ lấy dùm mùi thơm trên mái tóc!

Như mùi hoa cô đại của quê hương! Rồi khôn lớn xa
 dân vòng tay Mẹ! Hương tóc Người quyến lấy mãi trong tim!
 Chiều hôm đó theo em về gót nhẹ! Nghe hương xưa lòng
 thầy dứt không đành! Em nhớ
 nhé chiều trên đường đi học Tóc xóa dài để gió quyến đưa
 hương! Trong trí nhớ anh sẽ dành một góc Có buổi
 chiều và mãi tóc em thương!



VỀ BÀI HÁT TÓC EM VẪN LÀ HƯƠNG CỦA MẸ

Thanh Trang

Những bài thơ tình nói về lứa tuổi học trò thì xưa giờ không hiếm. Ngoài tác phẩm của các nhà thơ có tên tuổi hoặc chưa mấy có tên tuổi thì cũng còn ngần ấy thể hệ học trò từ thuở chữ Quốc Ngữ đã trở thành phổ thông. Mà học trò con gái thì hình như sành làm thơ hơn học trò con trai, bởi đám con trai còn lo đeo đuổi đám học trò con gái nên không có thời giờ để làm thơ. Đám con trai thì phải chờ già già một tí rồi mới sinh ra chứng bệnh hội tưởng, làm thơ tình nhắc lại những mối tình chả còn ai nữa để mà kiếm chứng!

Bài hát “Tóc Em Vẫn Là Hương Của Mẹ” tôi viết theo ý của bài thơ tựa là “Hương Bò Kết” của Hà Nguyên Dũng, một tác giả tôi chưa từng biết mặt, và tất nhiên là không từng có dịp được quen biết.

Ý của bài thơ theo nguyên tác, “diễn Nôm qua văn xuôi”, tạm gọi cho vui như thế: Một chàng nọ yêu một cô gái nọ còn trong tuổi học trò, mà chắc là cũng phải cỡ lớp Chín, lớp Mười trở lên, vì nhỏ hơn nữa thì chưa đọc thơ mà hiểu cho được hết ý của

người yêu, nhất lại là một bài thơ rất có hồn, có ý nghĩa. (Những bài thơ không có hồn hoặc không có ý nghĩa thì tất nhiên là con người ta dù cho có già đến mấy thì vẫn không hiểu được ý tác giả muốn nói cái gì!). Vậy thì trong bài thơ, chàng trai nọ yêu cô gái học trò nọ mà theo như cách diễn ý của tác giả thì lại nói về một vùng tình lẻ hoặc thôn quê chứ không phải thị thành! Đây là một điều khiến tôi đặc biệt chú ý, bởi xưa giờ tôi vẫn có thiện cảm với những cái gì có liên quan đến làng mạc,

thôn quê. Hai chữ “thôn nữ” chẳng hạn thì xưa giờ đối với tôi vẫn gọi cảm hơn ba chữ “gái thị thành”! Kế đến, bài thơ nhắc đến hình ảnh mái tóc của cô gái học trò. Gì chứ còn tóc tai của phái nữ trong thơ văn thì xưa giờ cũng rậm đám chả thua gì mái tóc dày của thiếu nữ đương thì! Chỉ có điều đặc biệt là bài thơ đề cập đến mái tóc của người yêu là để nhắc đến mùi



Tranh NGUYỄN TRUNG

hương trên mái tóc của cô gái. Nếu là hương từ hoa Nhài cô ta kẹp trên mái tóc thì chắc chắn tôi cũng đã không để ý. Hương thơm đây là “hương Bò Kết” do cô nàng thường gội đầu bằng nước “Bò Kết”! Vậy thì ở thôn quê hay ngay cả thành thị mà các bà

các cô gọi đầu bằng nước Bò Kết thì có gì là lạ? Chẳng có gì lạ! Chỉ có điều là mùi hương Bò Kết nơi mái tóc của người con gái lại khiến chàng trai nọ nhớ đến Mẹ mình vì Bà cũng thường gội đầu bằng nước Bò Kết! Trong tình yêu đôi lứa có hình ảnh của tình mẫu tử, lồng trong khung cảnh của quê hương mộc mạc bình dị qua hình ảnh của quả Bò Kết!

Tôi thấy toàn bộ những tình ý nơi bài thơ “Hương Bò Kết” là độc đáo, nhưng vì cấu trúc của giai điệu cho nên trong quá trình thể hiện thành ca khúc tôi buộc lòng phải thay đổi (không “sửa” mà là “thay”) chữ này chữ kia, và vì thay đổi chữ thì tất nhiên không tránh được việc làm khác đi một số ý. Ý và từ ở những câu như “Thơm làn tóc, vẫn là hương của Mẹ; ấm hơi người ngày chưa biết phong sương”, chẳng hạn, là của tôi đưa vào. Ở phần lời hát vì thế tôi ghi rõ rằng ấy là theo “ý thơ của Hà Nguyễn Dũng”! Tôi cũng thay đổi luôn cả tựa đề để khi thành ca khúc thì trở thành “Tóc Em Vẫn Là Hương Của Mẹ”, như một cách để triển khai cho rõ thêm ý nghĩa của tựa đề theo nguyên tác của bài Thơ, không phản ý.

Ngoài đó ra thì nếu như người nghe bắt gặp đoạn cô gái đi ngang qua mà chàng trai nọ nghĩ thấy mùi tóc của con nhà người ta ”thơm ngát cả con đường” thì xin chớ có lý sự xem như vậy là thực hay là thậm xưng! Bởi tình yêu thì bao giờ, ở đâu, nhất là vào lứa tuổi đôi mươi, cũng đều là “thăng hoa” hết. Tức là một cách nói khác của hai chữ thậm xưng!

THANH TRANG

Nam Cali, mùa Hạ 2007

HƯƠNG BÒ KẾT



Em đi học nhớ mang theo chiếc nón
Trời mùa Thu chiều vẫn cứ mưa luôn
Nếu bắt chợt chiều nay anh đến đón
Thấy em không mang nên anh buồn

Trời đang nắng bỗng mưa ai nào biết
Mưa ướt rồi mái tóc sẽ phai hương
Anh thương lắm mùi thơm hương bò kết
Em đi qua thơm ngát cả con đường

Hương bò kết chính là hương của Mẹ
Em giữ dùm trên mái tóc đông-phương
Trên tóc Mẹ, anh nghe từ thuở bé
Cái mùi thơm kỳ diệu của quê hương

Em nhớ nhé chiều nay em đi học
Tóc xoã dài để gió đến đưa hương
Trong trí nhớ anh sẽ dành một góc
Để tóc em bay cùng với ngàn hương

HÀ NGUYỄN DŨNG

Sài Gòn (1987)

BẢN LUÂN VŨ CUỐI CÙNG

Nguyễn Lân

Tiếng người nữ chiêu đãi trong máy phóng thanh lịch sự mời hành khách lên máy bay. Akira mặt hơi tái, bắt tay từ biệt ông tham, cúi rạp mình chào bà tham, rồi đăm đăm nhìn Hồng Thơ lặng người. Nàng cũng nghẹn ngào nước mắt quanh mi. Ôi! Ánh mắt của chàng sao nào nùng thê thảm thế, mà sao cũng lạnh lẽo tàn nhẫn thế! Hồng Thơ rã rời tay chân theo cha mẹ lên máy bay mà cảm giác bị rời theo làm nàng bứt rứt. Akira không ôm nàng nhưng ánh mắt chàng đã quện chặt lấy nàng từng bước chân đi và chắc chắn ám ảnh nàng trong suốt cuộc hành trình...

Khoảng mười giờ sáng, vợ chồng Hồng Thơ vừa sửa soạn xong thì tiếng chuông điện thoại reo vang. Huân nhắc ống nghe, trả lời, rồi chàng quay sang vợ: “Có một ông bạn cũ của em người Nhật muốn mời hai vợ chồng mình đi ăn sáng, ai thế?”

Hồng Thơ bủn rủn tay chân, nàng cố trấn tĩnh: “Em nghĩ là Akira Tomoki”.

Huân nói như reo vui: “Ồ! Thì ra ông giám đốc hãng điện tử Mishima. Chúng mình không thể thoái thác. Một nhân vật khét tiếng trong ngành phát minh sản phẩm robot. Anh đương muốn gặp ông ta!”

Thôi thế là hết cơ chối từ. Nhưng dù có lánh mặt ngày hôm nay, Akira thế nào cũng tìm đến nàng một ngày khác trong thời gian năm hôm tại Nhật. Bây giờ nàng đã có

chồng, sự hiện diện của Huân làm nàng vững lòng hơn... thôi, gặp một lần cho xong. Hồng Thơ lấy lại vẻ bình thản: “Được! Em sẽ giới thiệu anh với Akira!”

Hai vợ chồng xuống phòng đợi của khách sạn... Akira đứng, chàng đứng tựa cửa sổ, quay lưng về phía vợ chồng nàng, chàng có vẻ chăm chú nhìn những tàn cây phong linh vào thu lá bắt đầu héo úa.

Huân lên tiếng: “Xin chào ông Tomoki!”

Akira quay phắt người lại, như không nhìn thấy người chồng, chàng cúi rạp mình rồi nhìn người vợ đăm đăm: “Hồng Thơ! Bà không thay đổi”.

Hồng Thơ bẽn lẽn, cố gắng gượng: “Thưa ông Tomoki, đây là nhà tôi”.

Cặp mắt xéch một mí sắc như dao, thoáng tia nhìn chế giễu:

“Hân hạnh được biết ông”.

Hai người đàn ông bắt tay nhau một cách lịch sự, Huân với vẻ sốt sắng hồn nhiên, Akira với vẻ lạnh lùng thờ thẩn. Bất chợt, Akira đổi sắc mặt, lấy vẻ thân mật nói với Huân:

“Tôi xin mời ông bà đi ăn sáng, rồi chúng mình sẽ bay tới Kobé. Thưa ông, bà nhà chắc có nhiều kỷ niệm với Kobé mà bà muốn gặp lại”.

Huân ngạc nhiên:

“Thưa ông Tomoki, chúng tôi hân hạnh được tháp tùng ông tới một tiệm nào dùng điểm tâm, còn... tới Kobé, chúng tôi chưa có dự định, làm sao mua được vé máy bay ngay?”

Vẫn vẻ trịch thượng của chàng trai Nhật Bản hơn hai mươi năm trước, Akira ung dung trả lời:

“Thưa ông, chúng ta sẽ dùng máy bay riêng của tôi, nó nhỏ nhưng đầy đủ và tiện dụng. Tôi mong ước ông bà không nỡ từ chối mẹ già của tôi vẫn hằng trông đợi bà nhà”.

Huân càng ngạc nhiên thêm: “VẬY là gia đình nhà tôi phải là chỗ thân tình với gia đình ông từ lâu mà nhà tôi vô tình chẳng kể cho tôi nghe. Vâng, thưa ông Tomoki, chúng tôi nhận lời tới Kobé thăm cụ nhà”.

Hồng Thơ không còn nói được câu gì, Huân đã bằng lòng, chàng nào biết mối tình thuở hoa niên của vợ, chàng nào biết con người Akira!

Tiệm ăn sang trọng với những thức ăn đẹp mắt của thành phố Tokyo tân kỳ không làm Hồng Thơ vui. Nàng gấp miếng ăn một cách hờ hững. Cử chỉ của nàng không qua được đôi mắt tinh anh của Akira dù chàng đang sốt sắng trò chuyện với chồng nàng:

“Bà vẫn sợ cơm Nhật bản như ngày nào...”.

Huân cũng không thích thức ăn Nhật mặc dù trông nó đẹp mắt vô cùng, chàng thông cảm vợ:

“Chúng tôi là người Việt lại ở trên đất Mỹ nên ít khi ăn cơm Nhật Bản, nhưng công tâm mà nói thì kỹ thuật trình bày món ăn của xứ Phù Tang rất cao, chỉ nhìn thôi đã thấy tuyệt vời rồi”.

Nhân lúc Akira vào phòng rửa tay, Huân nhìn vợ nói nhỏ: “Ông Tomoki hơi kỳ kỳ. Tinh thần của ông ta là tinh thần võ sĩ đạo cao độ đến độc đoán”.

Hồng Thơ nhìn chồng đồng ý:

“Em thật sự không muốn mất nhiều thì giờ với Akira, chỉ tại anh nhận lời!”

Chiếc xe limousine bóng loáng ngừng lại trước căn nhà cổ xưa mà hơn hai mươi năm trước Hồng Thơ đã đến, đã lo lắng, đã bẽ bàng. Hình ảnh người cha với vẻ trang nghiêm, lạnh lùng, nghiêm ngặt vẫn còn trong

tâm tưởng nàng. Thoáng nhìn nét mặt Hồng Thơ, Akira đã hiểu:

“Cả buổi mải trò chuyện cùng ông nhà, tôi quên khuấy phải thưa với bà là cha tôi đã mất cách đây năm năm. Bây giờ căn nhà này chỉ có một mình mẹ tôi sống. Bà cụ buồn lắm vì thỉnh thoảng tôi mới có thì giờ về thăm. Tôi bận rộn nhiều hơn kể từ ngày cha tôi qua đời. Tôi đoán chắc với bà là mẹ tôi vô cùng sung sướng khi gặp lại người xưa”.

Hồng Thơ thở dài. Bây giờ có sẵn đón nàng cũng chẳng thể nào làm khác được. Nàng đã có gia đình, có người chồng bình dị và hai đứa con trai ngoan ngoãn, có một cuộc đời êm ấm. Nhìn Akira, Hồng Thơ không còn thấy xúc động nữa mà nàng chỉ thấy ngại ngại, sợ sợ, một cảm giác khó chịu, một cảm giác bất an hay vì chàng vốn vậ quá, hay vì chàng giàu có và nổi tiếng quá? Hồng Thơ chỉ muốn nói với chồng những ý tưởng của mình nhưng Huân có vẻ kết với Akira trong công việc làm ăn, trong những dự án tương lai mà Akira đang vẽ ra, đang nồng nhiệt đề cập đến. Hơn thế nữa, Huân đâu thể ngờ vợ mình đã có một thời hoa niên mê mết với chàng trai xứ Phù Tang này. Nàng không thể nói gì được!

Căn nhà trông vẫn như xưa, vẫn những ngọn đèn đá vượn mình trên những bụi cây gọt tủa cầu kỳ khéo léo, vẫn những tảng đá xanh xám rải rác trên những lớp rong rêu, xa xa tít tận cuối vườn là trà đình mà Hồng Thơ chưa được bước vào. Phòng khách cũng không có gì thay đổi, vẫn cây đào thuở xưa, nhưng giờ đây cao hơn vườn mình tới gần trần nhà, gốc sần sùi to vừa người ôm, những nhánh ngả dài tới tận cuối phòng. Đồ đạc vẫn sạch, chiếc bàn gỗ gụ lâu ngày bóng lộn như gương.

Bà Tomoki ngồi chờ trên một chiếc gối giữa phòng khách. Chỉ có bà trông đã khác, đã già, mái tóc đã bạc, da mặt đã có nhiều chỗ nhăn nhúm... dấu vết của thời gian, dấu vết của một cuộc đời thiếu hạnh phúc. Hồng Thơ quì xuống cúi rạp người trước bà. Bà già, ánh mắt sáng lên, đưa tay đỡ nàng dậy. Bất chợt, hai người đàn bà ôm chặt lấy nhau, nước mắt lã lã tuôn trào.

Akira phá tan sự im lặng: “Con để mẹ trò chuyện với bà Huân, con đưa ông Huân tới giới thiệu một số sản phẩm mới của hãng, con sẽ trở về tối nay để đón bà ấy”.

Hai người đàn ông ra khỏi cửa, bà Tomoki ngắm Hồng Thơ:

“Tôi muốn mời cô tới phòng uống trà của gia đình, nơi chúng tôi chỉ tiếp những khách thân quý”.

Bà Tomoki mở cửa bước ra vườn, Hồng Thơ lặng lẽ theo sau. Không khí thoáng mát của khu vườn, cảnh trí nên thơ, u tịch của khu vườn khiến nàng thấy thoải mái, hay là vì không có sự hiện diện của Akira?

Trà đình nằm khuất sau vườn cây xanh um với những cây linh lăng cao tàn xòe um tùm lá, những bụi cây thấp lè tè hình cây nấm rải rác giữa đám rêu phong lan cùng trên mặt đất, một cây đèn đá ngay đầu ngõ vào lung linh ánh lửa. Trà đình vuông vắn xây toàn bằng gỗ phương đàn hồng nhạt nổi vân, mái ngói mẫu thạch lựu hơi nhô ra làm hiên che cho hành lang phía trước, hai cánh cửa giấy bồi lồng trong khung gỗ mun mẫu cà sa, khung gỗ tựa vào hai trụ nhỏ như hai cây cột trong chùa. Bà Tomoki đẩy cánh cửa, bước vào. Căn phòng tranh tối tranh sáng vì chiếc đèn lồng bằng giấy bồi treo chính giữa chỉ tỏa ánh sáng mờ mờ.

Phòng trà được trang trí bởi những bức thủ họa trang nhã, đối diện với cửa ra vào là khung cửa sổ vuông vức được phủ bởi tấm màn trúc bóng lưỡng.

Bà Tomoki đưa tay ra dấu mời Hồng Thơ ngồi xuống trên một chiếc nệm mỏng. Căn phòng trải nhiều miếng nệm nhỏ cho khách quì gối thưởng ngoạn những bức danh họa trên vách và thưởng lãm nghệ thuật pha trà của chủ nhân trước khi nâng chung trà lên môi. Bà Tomoki quì gối trước mặt Hồng thơ, bà bắt đầu sửa soạn pha trà theo tập tục cổ truyền cho khách quì thưởng thức.

Bà Tomoki lấy trà từ hộp, một loại búp trà hiếm có chỉ ra nụ vào đầu xuân, bà bỏ trà vào ấm sành mẫu gụ đặt trên bếp lửa cũng bằng sành cùng mẫu. Bà cẩn thận chế nước từ một chung sứ vẽ những cảnh phong linh vào ấm đun trà. Lửa được nhóm lên nho nhỏ. Bà Tomoki nhẹ giọng:

“Phải để lửa riu riu trà mới ngắm, mới ngon”.

Hai người cùng im lặng. Bà Tomoki chú tâm tới nghệ thuật pha trà, Hồng Thơ mải ngắm kiểu cách pha trà của người Nhật, trông có vẻ đơn giản mà tao nhã đầy nghệ thuật tính, có vẻ như người pha để hết tâm hồn vào ấm trà. Chừng mười phút sau, bà Tomoki với tay lấy một cái gáo tre tròn nhỏ, vén tay áo kimono, mở ấm trà, hương thơm ngát tỏa nhẹ khắp phòng, một mùi thơm mát thanh lịch mà quyến rũ. Bà Tomoki múc một muống trà vào bát uống men sứ xanh lục, đưa tới trước mặt Hồng Thơ. Nàng còn nhớ lời Akira căn dặn khi xưa: “Em phải cúi rạp mình khi nhận chung trà từ tay gia chủ. Đó là nghi lễ trà đạo!” Hồng Thơ cúi mình trên chiếc chiếu.

Giọng bà Tomoki êm đềm:

“Cô để chung trà trong lòng bàn tay trái. Cô xoay chung trà một góc chín mươi độ bằng

tay mặt. Cô nâng chung trà bằng cả hai tay, uống từng ngụm nhỏ và thưởng thức hương vị trà; chừng ba ngụm là hết tách trà của cô”.

Hồng Thơ làm theo lời chỉ dẫn. Bà Tomoki vừa lòng, cười:

“Bây giờ, tôi mới thấy con tôi nói đúng về cô. Nhưng biết được thì đã muộn!”

Hồng Thơ không trả lời, nàng để cho tâm thần sáng khoái say say theo hương trà thơm ngát đường ngấm vào phủ tạng.

Giọng bà Tomoki đều đều, trầm buồn:

“Tôi không ngờ cô đã lập gia đình. Tôi thành thật tiếc cho Akira. Tôi thành thật hối hận vì quá nhu nhược không dám trái ý chồng mà để con mất hạnh phúc. Akira không bao giờ cãi cha nó điều gì ngoại trừ nó không chịu lấy vợ. Tôi biết Akira vẫn yêu cô lắm, hơn hai chục năm nay, hình bóng cô lúc nào cũng ở trong tâm hồn nó. Tôi biết nó vẫn có ý đợi cô!” Một tiếng thở dài buồn bã...

Bà Tomoki nhìn nàng đắm đắm:

“Tôi cũng buồn lắm! Có mỗi một đứa con trai, nó không chịu lập gia đình thì lấy đâu ra cháu mà bồng bế! Cuộc đời người thật phù du mà sao vẫn phải ép mình vào khuôn khổ! Tôi già rồi, cái chết đã gần kề mà sao tôi vẫn không biết thế nào là chân hạnh phúc!”

Hồng Thơ muốn làm vui lòng bà, nàng nói:

“Nhưng gia đình ta giàu có, quyền quý, cao sang. Đó cũng là ưu điểm trời cho. Cháu thấy bà nên đi du lịch, nên ra khỏi nhà một thời gian cho khoáng khoáng. Vợ chồng cháu rất vui khi được đón tiếp bà tại Mỹ”.

Bà Tomoki nhìn nàng đắm đắm:

“Chắc cô được hưởng hạnh phúc với chồng con. Tôi còn biết nói sao!”

Đúng! Giờ đây, Hồng Thơ chỉ biết có Huân và hai đứa con nhỏ. Mối tình hoa niên chỉ là cái bóng mờ dĩ vãng...

“Tôi muốn rủ hai ông bà đi dạo trên con đường Triết Tưởng, con đường thơ mộng nhất Kobé, chắc bà chưa quên?” Akira nhìn Hồng Thơ về nài nỉ.

Huân thấp giọng:

“Tôi xin kiếu. Nhân tiện tới Kobé, tôi muốn ghé thăm một người bạn Mỹ làm việc tại đây. Thôi, em chiều lòng ông Tomoki đi chơi giùm anh vậy”

Hồng Thơ cúi đầu ngẫm nghĩ. Đây là cơ hội duy nhất cho hai người trò chuyện, nàng không thể lẩn tránh mãi, chàng sẽ theo đuổi hoài. Ý nàng đã quyết, nàng sẽ cho chàng biết nàng thương yêu chồng con đến thế nào. Hồng Thơ dịu dàng nói với chồng:

“Dạ, được. Trong vòng một tiếng đồng hồ, Akira và em sẽ trở về đón anh”.

Akira đưa Hồng Thơ tới con đường cũ, con đường Triết Tưởng chạy dọc theo con kinh, con đường này vào mùa xuân thơ mộng tuyệt vời, vòm trời hầu như hoàn toàn khỏa lấp bởi những cành anh đào vươn lên cao, hoa anh đào hồng nhạt mà rạo rức đắm say, từng làn gió thổi là từng đợt hoa rơi rụng như xác pháo trên lối về Thiên Thai, phủ đầy trên đầu, trên mình khách bộ hành, phủ đầy tròn mắt, tâm tưởng khách thưởng ngoạn. Suốt dọc con kinh, bên kia đường là những tiệm ăn nho nhỏ đầy thu hút, những tiệm cà phê tỏa hương thơm nồng, những tiệm bách hóa vui mắt, những cửa hàng trưng nhiều mặt hàng, áo quần sang trọng.

Akira ngừng nhìn trời:

HƯƠNG CỎ LẠ

Tặng Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm

Cỏ nơi đất lạ mà quen
Hương thơm cỏ cứ như men rượu nồng
Sưởi lòng ta lúc hừng đông
Cho ta lớn giữa mênh mộng tình người
Cỏ thơm... thơm cả đất trời
Và hương cỏ lạ tiếp lời cho thơ
Lạc vào vườn cỏ mộng mơ
Chợt quên một ánh trăng mờ quê xa...

PHẠM NHƯ VÂN

“Đã vào thu, không còn bóng dáng hoa anh đào, nhưng con đường vẫn đẹp. Em còn nhớ nơi này chúng ta đã cùng uống chung ly saké tại cái tửu quán kia không? Em còn nhớ em đã lượm một đóa anh đào dưới đất đưa cho tôi và nói mai này chúng ta sẽ có một căn nhà bao quanh bởi một rừng anh đào, đó là cửa ngõ Thiên Thai của chúng ta? Nhà tôi bây giờ trồng toàn hoa đào, mùa xuân tuyệt diệu vô cùng, chỉ còn đợi nữ chủ nhân tới như lời người xưa đã hứa”.

Hồng Thơ dừng lại, nàng thu hết can đảm nhìn thẳng vào cặp mắt rực lửa của Akira, đây là lúc phải cho chàng biết quyết định của nàng:

“Akira! Chuyện chúng mình hơn hai mươi năm trước đã là chuyện quá vãng. Em đã có gia đình, em phải có bổn phận với chồng con. Em thương yêu gia đình, em đã lựa chọn Huân, không ai ép buộc. Em không có lỗi với

Akira. Khi lòng em mở rộng đến với anh, chúng mình đã bị cấm cản. Nhưng em thấy cha anh nhận xét đúng, chắc gì anh đã đủ bao dung để suốt đời sống bên một người vợ ngoại quốc, chắc gì em chịu đựng nổi một người chồng nghiêm khắc, chắc gì chúng mình có hạnh phúc khi sống bên nhau? Anh không thấy sao, hồi xưa dù yêu anh thế mấy, em vẫn hãi sợ... như bây giờ em đang hãi sợ! Như thế không thể coi là chân hạnh phúc!”

Akira lặng người, mặt chàng tái lại, quai hàm bạnh ra, đôi mắt xécher gợn lên tia oán hận, giọng chàng đánh hẳn lại:

“À, quyết định của em là thế! Còn lời thề nguyện trong chùa Kiyomizu em đã quên rồi!”

Hồng Thơ nhìn chàng dịu dàng, trầm tĩnh:

“Em không quên, nhưng hồi ấy chúng ta còn trẻ quá. Chúng ta chưa biết thế nào là trách nhiệm. Ví thử em bỏ chồng con theo anh, em không thể tha thứ được chính mình. Hướng hồ em thương con em, chúng nó là lẽ sống của em. Akira, em van anh, hiểu cho em”.

Akira lặng hẳn người trong giây lát, đôi mắt dữ tợn thất thần, nhìn vào cõi hư vô, chàng lẩm bẩm một mình:

“À, thì ra thế! Nhưng tôi có tinh thần trách nhiệm lắm chứ! Hơn hai mươi năm nay, tôi không gần một người đàn bà nào. Tôi vẫn nghĩ em là của tôi. Tôi vẫn thủy chung như nhất”.

Hồng Thơ nắm lấy tay Akira, giọng chân thành:

“Em mong anh làm lại cuộc đời với một người phụ nữ Nhật. Anh sẽ có con. Anh sẽ vui với mái ấm gia đình. Hơn thế nữa, mẹ anh sẽ thấy được hạnh phúc trong cuối cuộc đời. Anh sẽ thấy hãnh diện với bổn phận như vậy!”

Akira ngược nhìn trời, rồi cúi xuống nàng, khấn khoản:

“Ngày mai là ngày đại hội của hãng Mishima. Sau đó là buổi dạ vũ khoản đãi các nhà khoa học, các thương gia tại tư thất của tôi. Mong em nhận lời mời cuối cùng của tôi”.

Hồng Thơ nhìn vào đôi mắt buồn thắm, vô hồn của chàng, lòng dấy lên niềm đau xót:

“Em sẽ tới. Em hứa như vậy. Thôi, cho em về!”

Hàng dãy xe nối đuôi nhau đậu dọc trên đường, hàng dãy xe xếp hàng song song trong bãi đậu trước khu biệt thự của ông Giám Đốc hãng điện tử Mishima. Tư dinh của Akira thật đồ sộ xây cất theo kiểu Tây phương pha trộn hài hòa những nét đẹp hiện đại của xứ Phù Tang. Một tòa nhà ba tầng tọa lạc ở phía nam thành phố Tokyo, nơi cư trú của những người sang trọng, giàu có. Tòa nhà xây bằng đá tảng màu tro sẫm, mái bằng đá bằng đen xỉn, bao quanh là vườn hoa anh đào, hai dãy cây anh đào dẫn thẳng tới cửa chính. Lác đác đây đó là những cây phong linh lá rục rờ thắm màu bồ quân của tiết thu đương độ.

Akira cho xe đến đón hai vợ chồng Hồng Thơ, nhưng Huân bận họp nên nàng phải tới tham dự một mình. Hồng Thơ nài nỉ chồng, Huân hứa sẽ đến dự nhưng phải thật trễ, sau khi chàng xong việc. Nghĩ rằng đây là lần cuối cùng gặp gỡ người cũ, nàng vui vẻ ra đi, Akira chắc đã hiểu, chàng đâu còn trẻ tuổi nhẹ dạ như xưa. Hồng Thơ lý luận một mình, cảm thấy an tâm một phần nào...

Akira ra tận xe đón nàng, chàng sung sướng hớn hờ khi thấy chỉ có mình nàng tới. Chàng mặc tuxedo trắng, nơ đen, quần sọc đen; trông vẫn phong độ, vẻ ngạo mạn trên khuôn mặt xương xương, trên đôi chân mày

rậm, trên cặp mắt xé lạnh lùng, trên đôi môi đầy kiêu kỳ khêu gợi, trong dáng điệu uy nghiêm, lịch sự, trang trọng. Chàng nhếch mép lẩm bẩm:

“Hôm nay, trong áo dạ vũ lụa bạch em trong trắng như cô dâu, cô dâu của tôi!”

Hồng Thơ lơ đãng như không nghe thấy. Nàng sóng đôi cùng Akira bước vào. Hành lang rộng lát toàn bằng đá cẩm vân hồng nhạt dẫn thẳng tới phòng dạ vũ. Dọc theo hành lang, phía bên phải là phòng khách trải thảm nhung màu máu bầm với những ghế bành, ghế trường kỷ bọc da màu vàng đất, rải rác đây đó là những bàn kính cắt hình những trái tim méo mó; phía bên trái là phòng chơi bida với hai bàn bằng gỗ kim giao, mặt bàn trải dạ xanh rêu, chân bàn chạm trở hình tượng trong tuồng Noh, tuồng Kabuki, đầu hồi bọc hoàng đồng sáng loáng. Phòng dạ vũ bóng lộn mát lạnh vì sàn lát bằng cẩm thạch trắng xen với cẩm thạch huyền. Trên trần, những tia ngũ sắc từ những chùm đèn bằng pha lê tỏa xuống; trần nhà bằng kính được thiết kế bởi những đám mây trắng lơ lửng bay trên nền trời nhân tạo màu xanh nhạt. Trừ cửa vào phòng dạ vũ mở rộng, ba mặt tường được trang trí bởi hình ảnh các nữ vũ công Nhật trong các bộ kimono đủ màu đang múa. Những ngọn đèn nhỏ lấp lánh chạy quanh hình các cô gái Nhật khiến cảm quan của khách thưởng lãm cứ tưởng đang theo dõi một vũ điệu Nhật Bản sống động. Đâu đây vang vọng tiếng nhạc thánh thót từ những dây đàn samisen xen với âm thanh trầm trầm của đàn koto. Những chàng bồi lãng xăng mang những khay rượu saké, rượu sâm banh, những khay thức ăn, những khay bánh, những khay trái cây tới từng quan khách. Trời ơi! Họ toàn là người máy, anh nào trông cũng lịch sự mà nét

mặt khác nhau nhưng giọng nói y chang như một. Hồng Thơ thấy là lạ khi nghe những câu từ miệng các chàng người máy: “Xin mời ngài thêm một ly rượu”, “mời ông uống thêm chén trà này”, “mời bà thử dùng miếng bánh ngọt”. Miệng nói, tay đưa. Lạ lùng họ không lẫn lộn quan khách phái nam với phái nữ. Họ đã được các máy vi tính hoạch định từ trước.

Cửa phòng dạ vũ được đóng lại. Mọi người im lặng. Akira tiến tới máy vi âm, nói vài câu chào mừng quan khách và mong mọi người có một đêm dạ vũ tuyệt vời. Tiếng nhạc khiêu vũ trở dậy. Ban nhạc sống ngồi tận cuối phòng thánh thót bản tango mở đầu buổi dạ vũ. Akira mời Hồng Thơ cùng chàng khai mạc. Nàng ngần ngại, nhưng còn biết làm sao. Akira điều luyện trong vũ điệu này, đưa nàng những bước khác thường lạ lướt. Hồng Thơ như nhẹ bước trên mây trong vòng tay chàng. Ánh mắt chàng sao lạ lùng đến thế. Chàng không nhìn nàng. Chàng không nhìn ai. Tự nhiên, Hồng Thơ thấy bồi hồi xao xuyến như thuở nào, chàng đáng thương quá. Nàng cố tìm một câu khen tặng:

“Em không ngờ anh giấu đến thế, chơi sang đến thế!”

Akira thẫn thờ, buồn bã:

“Bây giờ cũng chẳng để làm gì! Hai mươi năm trời vất vả cho một ao ước viễn vông, cho một tình yêu không bao giờ trở lại!”

Hồng Thơ buột miệng:

“Đó là cuộc đời... Định mệnh!” Hồng Thơ tự nhiên thấy rung động trong vòng tay chàng, tự nhiên thấy xúc động... cùng một lúc vòng tay Akira ghi xiết... cùng một lúc hình bóng hai đứa con trai hiện rõ trước mắt nàng, Hồng Thơ đẩy nhẹ Akira:

“Anh lập gia đình là anh thương em. Biết đâu mười năm, hai mươi năm sau khi gặp lại

chúng ta sẽ trở thành đôi bạn chân tình, con cái chúng ta cũng làm bạn với nhau. Em đương mong ước điều đó”.

Akira nhìn nàng, lạnh lùng:

“Chuyện đó không bao giờ xảy ra. Đó không phải là điều mà tôi dự tính... Hừ! Cuộc đời. Hừ! Định mệnh!”

Hết bản Tango, Akira đưa nàng về chỗ ngồi, Huân vẫn chưa thấy xuất hiện. Akira lên máy vi âm tuyên bố bắt đầu cuộc thi biểu diễn điệu luân vũ, luân vũ liên hồi xem cặp nào nhảy vừa đẹp, vừa dai sức. Hồng Thơ ngỡ ngác vì chưa bao giờ nàng thấy một cuộc thi khiêu vũ như vậy. Akira vừa xuống ngồi kế bên nàng thì một chàng trai, một người đàn ông như đúc khuôn với Akira lịch sự nghiêng mình trước Hồng Thơ, giọng đều đều:

“Xin mời bà bản luân vũ này!” Giọng nói của một người máy! Hồng Thơ chưa kịp lên tiếng, Akira đã thúc giục:

“Đây là người bạn chân tình của tôi. Hấn đưa lão luyện hơn tôi bội phần. Em chịu khó biểu diễn cho thiên hạ ngoạn mục”.

Hồng Thơ nhảy rất đẹp, nàng hòa nhập rất giỏi những bước bay bướm tuyệt diệu của phái nam... nhưng nàng chưa bao giờ biểu diễn với một người máy! Hồng Thơ còn ngần ngại, Akira đã kéo nàng đứng dậy, du nàng vào vòng tay anh chàng robot.

Quay theo điệu luân vũ dặt dìu, Hồng Thơ thấy chung quanh ngoài những cặp người thật, còn có gần hai chục cặp người máy đang quán lấy nhau... đó là những chàng trai tóc đen có, muối tiêu có, tóc bạc có đều ăn mặc tề chỉnh; những mệnh phụ trẻ có, xồn xồn có, gầy, béo hoặc thanh tao đủ vẻ trong những bộ áo dạ vũ đủ kiểu, đủ sắc màu. Những cặp người máy này vây quanh cặp nàng với chàng Akira giả hiệu như một vòng chắn. Tiếng vỗ

tay, tiếng cười nói hoan nghênh ồn ã. Ban nhạc bắt đầu chơi nhanh dần, dồn dập dần. Hồng Thơ uốn mình trong cánh tay chàng robot, người như được bốc lên khỏi mặt đất. Anh chàng Akira giả hiệu cứ lập đi lập lại một câu duy nhất: “Đêm nay, bà đẹp quá, đẹp nào nùng, đẹp lạnh lùng...”

Sang đến bản thứ hai, rồi bản thứ ba... Hồng Thơ thấy thấm mệt, nàng nói: “Sau bản này, ngưng lại, cho tôi nghỉ nhé!”

Mặt vô hồn, anh chàng robot trả lời: “Đêm nay, bà đẹp quá, đẹp nào nùng, đẹp lạnh lùng...”. Hồng Thơ thấy chóng mặt, nàng không còn phân biệt được những cặp nhảy bên cạnh đâu là thật, đâu là giả. Nàng chỉ thấy quay cuồng như bị cuốn vào một cơn lốc, bản luân vũ thứ mấy rồi đây, bản luân vũ nào mới là bản luân vũ cuối cùng? Trong tiếng nhạc điên loạn, Hồng Thơ vẫn thấy bộ mặt Akira cúi xuống nhìn nàng, vẫn nghe câu nói vô hồn tưởng như bất tận: “Đêm nay, bà đẹp quá, đẹp nào nùng, đẹp lạnh lùng”... “đẹp nào nùng, đẹp lạnh lùng”... “đẹp lạnh lùng”... “đẹp lạnh lùng”... “đẹp lạnh lùng”...

Trên sàn nhảy, không còn quan khách nào có thể tiếp tục cuộc thi... đã sang tới bản luân vũ thứ mười, ban nhạc chơi càng lúc càng nhanh... chỉ còn lại những cặp người máy không biết mệt...

Bỗng một tiếng rú lên, rồi nhiều tiếng rú khác, rồi nhiều tiếng kêu từ đám quan khách, họ đã thấy từ cặp nam nữ chính giữa một cái gì khác thường; cô gái là người trong vòng tay khít khao của chàng trai... rồi trên mặt sàn nhảy... máu tươi, từng giọt, từng giọt nhỏ xuống...

Có tiếng hét lớn: “Ngưng lại!”

Tiếng nhạc không còn... nhưng các cặp trên sàn nhảy vẫn tiếp tục quay tròn... quay tròn... vẫn tiếp tục điệu luân vũ vô thanh...

Một khoa học gia lên máy vi âm: “Xin ông Giám Đốc Akira Tomoki cho ngưng ngay cuộc khiêu vũ của những người máy”.

Không tiếng đáp. Không ai thấy bóng dáng ông Giám Đốc đâu. Họ bảo nhau tắt điện. Dưới ánh sáng lơ mờ từ bóng trăng xuyên qua bức trần thủy tinh, họ vẫn thấy các cặp người máy quay cuồng. Họ cuống quýt xục xạ đi tìm Akira, đập cửa căn phòng điều khiển ở tuốt trên lầu ba của chàng, cửa khóa. Họ hè nhau phá cửa. Cánh cửa bật mở. Akira ngồi đó, trong chiếc ghế bành da, đầu gục xuống, máu từ một bên thái dương vẫn còn rỉ rả, trên nền nhà một vũng máu khô đọng, chàng đã chết, một viên đạn đã kết liễu đời chàng.

Một chuyên viên điện tử tắt máy, mọi người cùng nhìn vào màn ảnh truyền hình, cùng nhìn thấy các cặp người máy trong phòng dạ vũ ngừng lại, rời nhau, cùng nhìn thấy Hồng Thơ tả tơi ngã xuống sàn đá hoa khô lạnh. Đúng lúc ấy, cánh cửa phòng dạ vũ bật mở, Huân ào vào như một cơn lốc, xô vệt mọi người ra. Huân ôm vợ vào lòng, người nàng đã lạnh, nhưng máu tươi vẫn rỉ từ đôi mắt, từ sống mũi, từ vành tai, từ khước miệng... Huân ngược lên. Akira đứng đó, vô hồn. Huân giơ tay định tống mạnh vào mặt người đàn ông đối diện. Một bàn tay giữ chàng lại, một giọng nói buồn buồn:

“Đừng! Hấn chỉ là một người máy!”

Huân gục đầu trên xác vợ. Văng vẳng đâu đây, cung điệu trầm trầm của dây đàn koto nào nề một điệu luân vũ... của bản luân vũ cuối cùng...

Tháng 5 Năm 2002

NGUYỄN LÂN

BỨC TƯỜNG HOA

Bình Huyền

- Bà Giáo ơi ! Bà ra xem cô Huyền này!

Bà giáo Khiêm, đầu chít khăn trắng, hốt hoảng từ trong nhà chạy ra vườn sau :

- Cái gì thế ? Cái gì thế ?

Bà thấy hai, ba người làm đang đứng xung quanh một cây cau, đầu ngửng lên, tay chỉ trỏ. Trên ngọn, Huyền đang ôm lấy thân cây có buồng cau non. Dưới sức nặng của thân thể Huyền, cây cau cong xuống, ngã về một bên. Mấy người làm xô nhau về phía ngọn cây cau cong xuống, cùng nhau giơ cả hai tay lên hứng.

- Ấy ! Ấy ! Chớ ! Chớ ! Xuống đi, cô ơi!

Huyền cười khúc khích, xoay người về phía bên kia. Ngọn cây cau lại thẳng lên, rồi cong xuống, ngã về phía khác. Các người làm ở dưới đất chạy xô theo sang phía đó, mấy cặp cánh tay giơ đều lên cao.

- Đứng ! Đứng ! Cô Huyền ơi ! Xuống mau ! Bà ơi, bà !

Bà giáo vừa giận vừa buồn cười. Bà quát lên :

- Huyền ! Xuống, mẹ bảo !

- Con xuống ngay. Không sao đâu, mẹ.

Hai bàn chân của Huyền bắt chéo trong sợi dây bện bằng bẹ chuối khô, thả ra, cặp vào thân cây cau. Nhanh thoăn thoắt như vượn, Huyền tụt xuống, trước những cặp mắt kinh hoàng của đám người làm. Tới đất, Huyền phủi tay, ngược khuôn mặt đỏ hồng, có cặp mắt đen láy, nhìn mẹ. Huyền nhoeùn một nụ cười rất đáng yêu, rồi nũng nịu nói với mẹ:

- Mẹ đừng phạt con, mẹ nhé. Con xin chừa, không leo cây cau nữa.

Bà giáo hết giận, nhưng cũng mắng Huyền mấy câu, cho các người làm yên lòng:

- Con gái không được nghịch như thế. Con làm cho mọi người lo sợ, con biết không? Thôi, con vào nhà, ngồi học bài đi.

- Vâng ạ.

Nói xong, Huyền chạy vụt lên nhà trên, mở cặp, lấy sách vở, bút thước, ra bàn ngồi xuống, chăm chỉ học.

Từ ngày ông giáo Khiêm mất, Huyền tự nhiên vui đùa, nghịch ngợm rất nhiều. Thân thể Huyền lớn lên như thổi. Ngôi nhà khang trang, rộng lớn, là chỗ cho Huyền hoạt động suốt ngày, trừ khi đi học. Bên nhà Huyền thì có Đông, Tú, Huyền và Liên. Bên nhà các chú Trí và Hoà, có các em họ. Bên bà bác, có chị Châu. Chúng ca hát, chia phe ném nhau, hoặc thi chạy quanh sân, nhảy dây, đá cầu, bịt mắt bắt dê,... Trong nhà, gần như lúc nào cũng có tiếng hò hét, cười đùa. Bà giáo đang buồn, nên cũng ít đe nẹt con cháu; vả lại, thà để chúng chơi như thế, cho nhà cửa bớt không khí tang tóc, và dễ coi sóc chúng hơn. Trước đây, Huyền thích chơi êm đềm, học bài và làm bài một mình. Cái thú duy nhất của Huyền, là theo bố ra sông bơi lội, đùa nghịch với trẻ con, thủ thủ với bố. Huyền hỏi bố rất nhiều chuyện và được giải thích cặn kẽ. Huyền cho rằng điều này chẳng ai làm được. Câu hỏi cuối cùng về cảm tưởng của Huyền mỗi khi nhìn thấy hoặc nghĩ đến con sông Thương, chưa được giải đáp, vì sự ra đi vĩnh viễn đột ngột của ông giáo Khiêm.

Những khi các anh, em của Huyền đi học vắng, mà Huyền bất ngờ nghỉ ở nhà, Huyền thường ngồi tư lự một mình trên bức tường hoa. Bức tường này chạy dài từ góc cuối phòng khách đến gần bể lọc nước, ngăn cái sân gạch rộng với mảnh vườn trồng cau lùn và các loại hoa. Sát cạnh vườn là lũy tre. Bên ngoài là con đường cái. Bức tường này cao khoảng tám mươi phân, trên mặt tường có lát những viên gạch men trắng, rộng bốn mươi phân. Giữa mặt tường và chân tường, có lắp những khung hoa đúc bằng ciment sơn màu xanh lá cây đậm, có nhiều khe hở. Trước đây, ông bà giáo Khiêm hay ra ngồi bên nhau trên tường hoa, ngắm cảnh và chuyện trò. Mỗi khi thấy bố ngồi ở đó một mình, vì bà giáo bận trong nhà, Huyền ra leo lên ngồi với bố, ríu rít kể chuyện trong trường, hoặc hát những bài mới học được, cho bố nghe. Những giờ phút êm đềm ấy, nay đã hết rồi. Bà giáo chẳng còn ra đó ngồi nữa. Bà bỏ hết những thói quen, dấu vết kỷ niệm với người chồng quá cố. Ông giáo mất khi mới được bốn mươi chín tuổi. Sau khi chôn cất chồng, bà đốt hết quần áo, đồ dùng của ông giáo, và những gì bà thường mặc để đi chơi với chồng. Bà cắt hết nữ trang, nhuộm răng đen, bỏ son phấn và nước hoa. Bà chỉ giữ một khung ảnh của ông giáo, để trên bàn thờ. Tất cả hình ảnh, thư từ, đồ kỷ niệm của hai người, đều được gói kỹ, xếp trong tủ. Bà quyết định dành hoàn toàn thời gian bốn, năm chục năm còn lại để thờ chồng, nuôi con. Bà thường dạy ba đứa con gái :

- Trong dòng họ nhà ta, đàn bà không biết người đàn ông thứ nhì trong đời.

Liên và Ngọc không hiểu, mà cũng không hỏi. Huyền ngẫm nghĩ : "Đàn ông, con trai, nhiều lắm, tại sao chỉ biết có một người

?" Huyền suy nghĩ nhiều ngày, mà không sao tự tìm ra câu trả lời. Huyền không dám hỏi mẹ, e rằng câu hỏi đó có thể làm mẹ buồn hơn, vì nhớ đến người chồng đã khuất. Cuối cùng, Huyền thử đánh bạo, hỏi bà giáo trong lớp, vốn là một nữ tu có tuổi. Bà giáo hiền hòa trả lời Huyền :

- Khi tình cảm và tư tưởng của người con gái tự nhiên hoà hợp được với tình cảm và tư tưởng của người con trai, thì đó có thể là trường hợp Thượng-Đế dành riêng tâm hồn và thể xác của người con trai cho người con gái đó, và ngược lại. Ngoài ra, con trai và con gái có quyền giao thiệp với nhau, trên phương diện xã giao, hoặc nghề nghiệp. Theo giáo dục của mẹ con, tâm hồn và thể xác của con không thể dành cho hai người con trai khác nhau, trong cuộc đời của con được. Ý mẹ của con là, khi con có chồng, chẳng may chồng con chết trước, thì con phải ở vậy thờ chồng, nuôi con.

Huyền nghĩ ngợi một lúc, rồi ngập ngừng hỏi bà giáo :

- Thưa bà, bà đi tu, như vậy tâm hồn và thể xác của bà không bao giờ dành cho người đàn ông nào, phải không, thưa bà ?

Vấn hiền hoà, bà giáo đáp :

- Tâm hồn của bà hoà hợp với Thượng-Đế, là Đấng đẹp nhất, tốt nhất, và thật nhất, mà bà tôn thờ. Thể xác của bà sống và giúp con người dưới trần thế. Bà tìm được Hạnh-Phúc trong việc làm hàng ngày của bà.

Cuộc đối thoại này làm Huyền cảm thấy đầu óc mình như sáng ra. Huyền nhắc đi nhắc lại câu nói của bà giáo : "Người thật nhất, đẹp nhất, tốt nhất, là Thượng-Đế." Huyền tự nhủ : "Nếu sau này, mình không gặp được người Thượng-Đế dành cho mình, thì mình sẽ đi tu."

Những lời giải thích của bà giáo, đã vạch rõ cho Huyền một hướng đi, trong việc tìm người bạn đường : Bao nhiêu hình ảnh, âm thanh, màu sắc, hương vị đầu tiên của đời Huyền, sẽ được "thả" cho dòng sông Thương cuốn trôi đi thật xa; bao nhiêu mộng ước đã, đang và sẽ thành hình, kể cả cặp mắt nâu đen vừa nghiêm trang vừa âu yếm, ám ảnh Huyền càng ngày càng mạnh, sẽ được trao trọn cho dòng nước mang đi. Huyền mừng tượng ở một chân trời nào đó, người con trai mà Thượng Đế dành cho Huyền, sẽ "vớt" lên tất cả những gì của Huyền, cũng như Huyền sẽ "vớt" tất cả những gì mà người đó "thả" đi, theo gió, theo mây, theo nước. Nói một cách giản dị, Huyền và người đó sẽ đi tìm nhau, dù phải mất nhiều thời gian, dù phải vượt ngàn trùng, gặp khó khăn, gai góc... Miễn là sau cùng gặp nhau, là được Hạnh-Phúc rồi.

Huyền vừa nhìn bài học, vừa lẩm bẩm:

- Nếu không, là Trời muốn mình đi tu. Bây giờ, mình cứ vui chơi, đùa nghịch đi. Dù sao, mình nhất định sẽ không lấy chồng sớm như mẹ mình đâu.

Chiều nay thứ bảy, anh Đông bị trường phạt phải đến lớp làm bài, anh Tú đi câu với bạn trai, mấy đứa em họ theo bố mẹ lên tỉnh. Huyền ở nhà một mình, học bài xong, không biết chơi trò gì. Sáng nay, tí nữa là Huyền phải đòn, vì tội trèo lên cây cau cao nhất trong vườn nhà. Liên không thích chơi đùa. Ngọc thì bé quá. Dẫn nó đi loanh quanh, chốc chốc nó lại đòi bế. Thật là vừa chán vừa mệt. Nghĩ ngợi một lúc, Huyền vào phòng riêng, sửa soạn : Bên trong, mặc quần áo tắm, bên ngoài, mặc quần dài đen, áo *chemise* trắng dài tay vai bông, chân đi guốc sơn đỏ. Tóc Huyền tết làm hai đuôi sam, kéo ra đằng trước ngực.

Khoác lên cổ chiếc khăn bông lớn màu xanh lá cây nhạt, của bố Huyền để lại, Huyền nhìn quanh, không thấy mẹ, bèn vào bếp bảo u già :

- Mẹ em có hỏi, u nói là em đi ra sông tắm, u nhé.

U già nhìn Huyền, mỉm cười thân mến:

- Cô cứ đi đi. Mà nhớ đừng về muộn quá. Mùa này, nước sông chảy mạnh, cô chớ có bơi ra xa bờ đấy.

- Em biết rồi. U đừng lo.

U già nhìn theo Huyền, miệng lẩm bẩm:

- Sao mà chóng lớn quá ! Vài năm nữa, chắc cô Huyền sẽ cao hơn mình. Ăn không biết no, đùa không biết mệt. Nghịch như con trai ! Không biết tại sao lại thay đổi chóng thế.

U già không biết rằng, ngày ông giáo Khiêm đột ngột mất đi, Huyền đã trải qua một thời gian khủng hoảng rất mạnh. Lúc đó, tất cả mọi người đều bận rộn, nên không ai để ý đến việc Huyền nằm lăn lộn một mình trên giường, khóc than, thương xót bố. Chắc chắn không ai biết rằng, trước đó Huyền thường thức dậy ban đêm, đứng lặng sau khe cửa, nhìn người bố thân yêu tự tàn phá sức khoẻ của mình. U già quên rằng, lúc đưa đám ông giáo Khiêm trở về, u đã hết sức an ủi, khuyên nhủ Huyền. Vô tình, u đã nói tới sự tồn tại của linh hồn sau cái chết của thể xác. U không ngờ Huyền đã nhanh chóng nhập tâm lời nói của u. U đã không để ý đến lời tâm niệm ngây thơ của Huyền : " Em sẽ chăm chỉ học hành, cố gắng chơi đùa, cho thầy em mãn nguyện, cho mẹ em yên lòng." Tất cả những điều đó là nguyên nhân thúc đẩy cho Huyền chóng nẩy nở và thay đổi, cả thể xác lẫn tính tình.

Sau đám tang của ông Giáo Khiêm, Huyền nhớ bố, nên cứ vài ba ngày lại đến ngồi cạnh mộ, nói chuyện với bố :

- Thầy ơi ! Con ngồi cạnh thầy. Thầy có thấy con không ? Nhà vắng thầy, mẹ khóc suốt ngày. Kể từ hôm thầy đi, con không ra tắm ngoài bờ sông nữa. Con phải nghỉ học mười ngày, vì thầy đã bỏ con, thầy đi. Con đã đi học lại. Khi về, ăn cơm xong, con đến đây thăm thầy, nói chuyện với thầy. Thầy có nghe con nói những gì với thầy, từ nãy đến giờ không ?

Huyền cứ tiếp tục đến thăm mộ bố, ngồi hàng giờ như vậy. Người trong làng trông thấy, đến nhà mách bà Giáo Khiêm. Huyền bị mẹ cấm không được đến thăm mộ ông Giáo Khiêm một mình, mà phải có bà cùng đi.

Bờ sông hôm nay, sau vài trận mưa lớn, có nhiều bè bèo tây trôi giạt về. Nước sông dâng lên, chảy mạnh. Bầu trời nhiều mây, nên có vẻ thấp xuống. Hoạt động ngoài bến kém tấp nập hơn mọi khi. Huyền cởi quần áo bên ngoài, gấp lại, để trên bãi cỏ, chặn đôi guốc lên, rồi chạy nhanh ra bờ sông, nhảy ùm xuống nước. Các người đứng gần đó trở mắt nhìn. Có người nhận ra Huyền, nói với nhau :

- Cô Huyền, con ông giáo Khiêm đấy mà. Từ ngày ông giáo mất, lần đầu tiên cô ấy đi tắm một mình. Nhìn thấy con, mà lại thương ông giáo !

Huyền rẽ bèo, bơi theo ven sông. Nhưng Huyền thấy vướng và chậm, nên bơi ngang ra giữa sông, ở đó có ít bèo. Một người đàn ông trên bờ kêu to :

- Chớ có bơi ra giữa dòng !

Ông ta hơi chậm. Huyền đã bị nước cuốn đi khá xa. Huyền cố bơi ngược trở lại, nhưng chỉ tốn sức, vô ích ! Trong giây phút cực kỳ nguy ngập, Huyền sực nhớ lời dặn của bố. Huyền hít hơi, hụp xuống, lặn sâu dưới nước, rồi nhịn thở bơi ngang vào trong. Khi chân chạm đất, Huyền đứng thẳng người, đi lên bờ.

Huyền thấy mình cách xa chỗ để quần áo đến hơn năm trăm thước ! Mọi người đang xúm lại bên bờ sông. Có vài người đã nhảy xuống nước, tìm cách cứu Huyền. Trông thấy Huyền từ xa đi lại, tất cả đều ô lên, vừa sợ vừa mừng. Một người định chạy về báo cho bà giáo biết, thấy vậy, quay trở lại, nhìn Huyền nói như trách móc :

- Gớm ! Cô Huyền táo bạo quá, dám bơi ra giữa dòng nước chảy xiết. Làm người ta hết cả hồn !

Một thằng bé trạc tuổi Huyền, tò mò hỏi:

- Chị làm thế nào mà bơi vào dễ dàng thế?

Huyền chưa kịp chỉ dẫn, thì người đàn bà đứng bên, có lẽ là mẹ hay cô của đứa bé, nói gạt đi :

- Này, đừng có bắt chước, mà bỏ xác !

Huyền cũng hơi sợ, vội lau mặt mũi, tóc tai, mặc nhanh quần áo, lẳng lặng đi về. Vào trong sân, Huyền thấy các gian nhà đều vắng vẻ. Con Vện nằm chườn đầu dưới đất, giữa hè. Thấy Huyền, nó lười lĩnh đập đuôi trên mặt đất vài cái, rồi lại nằm im. Huyền vào phòng tắm, cởi quần áo, gội nước, xát xà phòng lên đầu và mình, rồi lại gội nước lần nữa. Lau đầu tóc, mình mẩy xong, Huyền mặc quần áo, đi ra sân, thơ thẩn đến bên bức tường hoa. Huyền ghéch người lên mặt tường hoa, từ từ nằm xuống. Khoan khoái gối đầu lên hai cánh tay, mắt nhìn lên bầu trời quang đãng hơn lúc nãy, Huyền cảm thấy lâng lâng, như bập bênh trôi theo các đám mây.

Bỗng nàng có cảm tưởng như ai đang nhìn mình. Ngược lên, Huyền thấy một khuôn mặt thật đẹp trai, với mái tóc bông bênh, vầng trán nở, đôi lông mày hơi rậm, che tối cặp mắt nâu đen, dưới đôi lông mi dài hơi cong. Người con trai này có chiếc mũi cao và thẳng, đầu mũi nhọn, cái miệng vừa phải với đôi

môi đỏ khoẻ mạnh, đang mỉm cười với Huyền. Huyền mấp máy môi định hỏi. Người con trai đưa ngón tay trở lên miệng, tay kia cầm bàn tay phải của Huyền, kéo Huyền ngồi lên. Đỡ cho Huyền nhẩy xuống sân, người con trai quàng vai nàng, dẫn nàng tới gần bể lọc nước. Hai người đi vòng ra đằng sau bức tường hoa, ngồi xuống thảm cỏ, dựa lưng vào khung tường. Người con trai vẫn quàng cánh tay trái lên vai Huyền, đầu ngoảnh lại nhìn Huyền với ánh mắt nâu đen vô cùng tha thiết. Huyền như bị thôi miên. Nàng để cho ánh mắt mình chìm sâu vào mẫu mắt của người con trai xa lạ, mà nàng có cảm tưởng là quen biết từ lâu lắm rồi. Cả hai người vẫn im lặng. Người con trai đưa bàn tay phải lên vuốt má Huyền, nhoẻn một nụ cười rất tây phương. Người con trai chợt đưa nốt cánh tay phải, ôm chặt lấy Huyền. Người thấy một mùi vị thơm nồng đặc biệt và khó tả, Huyền cảm thấy ngây ngất như người say sóng. Huyền nhắm mắt lại và thấy người nhẹ hẫng, như bị rơi từ trên cao xuống...

- Huyền ơi !

Tiếng ai gọi Huyền vắng vắng.

- Huyền ơi ! A ! Nó đây rồi ! Con gái gì mà ngủ say thế. Rơi xuống đất mà không biết. Dậy đi con.

Huyền giật mình, mở mắt, thấy mình đang nằm dưới chân bức tường hoa, gần cây cau lùn. Người Huyền đề gẫy một khóm hoa lan. Huyền vội chống tay, nhồm dậy. Bà giáo đưa hai tay cho Huyền nắm, kéo Huyền đứng lên. Huyền ôm lưng mẹ, loạng choạng đi vào nhà. Không kịp lau chân tay, Huyền nằm lăn ra giường, ngủ say li bì, chẳng khác gì người đi xa về.

Kể từ hôm ngủ quên và ngã xuống chân bức tường hoa, Huyền vui tươi hơn, nghịch ngợm hơn. Huyền có thêm một thói quen mới

: Ra ngồi trên bức tường hoa, mơ màng ôn lại giấc mộng đầy lãng mạn, trong đó mộng và thực không khác nhau mấy. Huyền còn thấy rõ ánh mắt nâu đen tha thiết, nụ cười phảng phất nét tây phương vô cùng gần gũi, nhất là mùi vị thơm nồng đặc biệt khó tả, khó quên. Huyền nói một mình :

- Người con trai đó là ai ? Chàng có thật trên đời này, hay không ?

Ngày giỗ hết tang ông giáo Khiêm, cả nhà cùng mấy người họ hàng, ngồi ăn uống, nói chuyện vui vẻ. Tất cả đều đã quen với ánh nhìn đăm đăm từ khung ảnh của ông giáo Khiêm. Trong những tháng đầu tiên, sau ngày mai táng ông giáo Khiêm, mỗi khi đi ngang qua, hoặc đứng trước khung ảnh này, ai cũng cảm thấy sờ sợ, nhất là trong đêm tối. Bây giờ, nét mặt bất động ấy đã hoàn toàn đi vào đời sống của từng người. Sự hiện diện hai chiều của ông giáo Khiêm trở nên thân thiện và cần thiết cho mọi người. Người ta vừa ăn uống, vừa nói về ông, như là một thành phần hiện hữu trong nhà. Bà giáo không còn buồn khóc, khi nhắc tới ông giáo. Bà nói một cách tự nhiên:

- Thịt con gà tơ hôm nay ngon tuyệt. Chắc thầy thích lắm.

Anh Huy xoa đầu thằng em út :

Thằng Tâm lớn lên, trông giống thầy ghê!

Huyền nói luôn :

- Em cũng vậy chứ.

Liên liếc nhìn Huyền, cháu môi nói :

- Chị Huyền thấy cái gì tốt cũng nhận về mình hết. À ! Thấy mẹ nói ông bà Cử Vân muốn hỏi chị cho con trai ông bà ấy. Chị có bằng lòng anh chàng ấy không ?

Huyền lắc đầu, nhún vai :

- Chị mới hơn mười hai tuổi. Làm gì mà lấy chồng sớm thế.

- Thì bằng lòng để đó. Ba, bốn năm nữa, chị lớn lên, là vừa.

Huyền cười tinh nghịch :

- Thôi, nhường cho Liên đấy. Chị không thích anh chàng đó đâu.

Bà giáo ngừng ăn, hỏi Huyền :

- Thật không? Con không bằng lòng đám ấy à?

Huyền đặt bát đĩa xuống bàn, chấp hai bàn tay lại, vẻ mặt nghiêm trang :

- Thưa mẹ, con chỉ muốn học hành, chơi đùa thôi. Mẹ cho con ở với mẹ, đến năm con hai mươi tuổi, mẹ nhé ?

Anh Đông vừa nhai, vừa nói to :

- Phải đấy, mẹ ạ. Mẹ đừng gả chồng cho nó sớm quá, lấy ai cho chúng con chơi đùa hàng ngày.

Bà giáo nói :

- Hai mươi tuổi mới chịu lấy chồng, thì muộn quá. Các con phải theo gương mẹ đây này : Mười sáu tuổi, mẹ đã có chồng rồi. Ở nhà lâu quá, không tốt đâu.

Huyền nhìn lên ảnh của bố, nói như cầu xin :

- Thầy ơi ! Đạo nọ, con có xin được ở nhà với thầy mẹ, cho đến năm con hai chục tuổi. Thầy đã gật đầu bằng lòng rồi, phải không thầy ?

Thấy Huyền nhắc tới ông giáo, bà giáo đành chịu thua :

- Nếu thầy bằng lòng rồi, thì được. Thôi, ăn đi, con.

Mấy người khách cười ầm lên. Một người nói :

- Con bé này khôn thật. Hơi tí là mang bố ra làm bình phong.

Liên vùng vằng hai vai, hai môi lại chầu ra :

- Chị Huyền đòi cái gì, thầy cũng cho hết. Nhưng, được rồi, chị nhớ nhé. Nếu sau này, chị đi lấy chồng trước năm hai mươi tuổi, chị mất gì với em nào ?

Anh Đông cười hô hố :

- Huyền nói đi. Có anh làm chứng đây !

Huyền ung dung nói :

- Chị sẽ cho Liên mười vạn đồng. Được không ? Chị nói, là chị làm. Có cả nhà làm chứng. Đừng lo.

Thế là con trai ông bà Cử Văn bị gạch sổ, ngay trong bữa giỗ ông giáo Khiêm. Huyền nhìn ảnh bố, thầm nói : "Con cám ơn thầy. Nhưng xin thầy giữ kín, là con chưa xin thầy như thế bao giờ, thầy nhé."

Ăn giỗ xong, đã gần ba giờ chiều. Theo đúng chương trình của ông giáo để lại, chiều chủ nhật, các người con trai phải chuẩn bị bài vở cho ngày thứ hai nói riêng, và cho cả tuần lễ sắp tới nói chung. Bà giáo ra lệnh :

- Huy, Đông, và Tú, xuống nhà dưới học. Huyền và Liên trông Ngọc và Tâm.

Mấy người con trai nhìn lên bàn thờ, còn sáng choang đèn nến và thơm phức hương trầm lẫn với mùi hoa huệ, hoa hồng. Trên tường, bên cạnh bàn thờ, có treo một cái roi mây to bằng ngón tay út, dài độ một thước. Chiếc roi thể hiện uy quyền tuyệt đối của ông giáo truyền lại cho bà giáo. Bà ít đánh các con hơn chồng. Nhưng khi cần phải trừng phạt, thì bà rất quyết liệt. Do đó, trật tự trong nhà vẫn được tôn trọng, không kém gì lúc ông giáo còn sống.

Huyền và Liên chơi với các em một lúc, thì Ngọc và Tâm lăn ra ngủ. Liên ngồi gần giường các em, vừa tập đàn, vừa khe khẽ hát. Huyền ngồi một lúc, thấy chán, bèn đứng dậy, bảo Liên :

- Liên ở nhà, chị đi đàng này một chốc nhé.

- Vâng, chị cứ đi đi. Em ngồi đây một mình cũng được.

Huyền đã mặc sẵn trên người chiếc quần tây bằng vải *gabardine* màu xanh nước biển, và chiếc áo *chemisier* cổ tròn, dài tay, màu

hồng nhạt, trên ngực có thêu hoa. Huyền đi vào chân đôi *sandales* bằng da màu đen. Tóc Huyền kết hai đuôi sam để ra trước ngực, có buộc *noeuds* màu vàng nhạt. Tay phải cầm một cái túi, đan bằng chỉ sợi màu nâu, có quai sách, Huyền thoăn thoắt bước ra khỏi cổng, đi thẳng ra bờ sông. Dưới ven sông, có mấy cây vải. Mùa này quả đang bắt đầu chín, màu nâu đỏ, từ đằng xa trông rất ngon và đẹp mắt. Khi nước sông thấp, phải trèo lên cây thật cao, mới hái được. Nhưng tháng này, mưa nhiều, nước dâng đến nửa thân cây, chỉ việc đi thuyền ra mà hái rất dễ dàng. Huyền đứng trên bờ sông mấp mé nước, thấy lác đác vài người ngồi trên thuyền thúng, với tay hái quả vải. Huyền chạy đến một khóm tre, ở đó có neo mấy cái thuyền của nhà Huyền, chọn một cái thuyền thúng có sẵn mái chèo. Để túi đan vào thuyền, Huyền đặt chân trái vào giữa lòng thuyền, hai tay chống ngược mái chèo xuống bờ đất, rồi nhanh nhẹn bước nốt chân phải xuống thuyền. Ngồi vững giữa lòng thuyền, Huyền cõi dây cột thuyền, cầm mái chèo, lần lượt chèo hai đầu thật mạnh. Chiếc thuyền thúng nhẹ nhàng lướt trên mặt nước, chạy tới một cây vải to nhất. Buộc dây thuyền vào một cành cây, Huyền đặt mái chèo ngang mặt thuyền, tay với mấy chùm vải chín, vặn cho đứt khỏi cành, rồi thả xuống lòng thuyền. Đang mãi mê hái vải, Huyền chợt thấy chiếc thuyền tự nhiên trôi theo dòng nước, làm Huyền mất thăng bằng, ngã ngồi xuống lòng thuyền hơi



nhiều nước. Mái chèo văng xuống sông, trôi đi mất. Huyền định thần nhìn, thì ra sợi dây buộc thuyền lâu ngày bị bỏ, nên đứt đôi. Một người thấy thuyền của Huyền trôi đi, nói to với các người khác :

- Kia ! Có cái thuyền bị tuột dây, đang trôi đi.

Một người khác nói :

- Thuyền cô Huyền đấy mà. Không việc gì đâu. Ra đằng kia là đứng lại thôi.

Huyền không biết làm thế nào để bơi thuyền vào bờ, vì mất mái chèo. Chiếc thuyền thúng cứ trôi tuột tuột theo dòng nước. Với tốc độ gia tăng, sự sợ hãi của Huyền dâng lên. Cây cối hai bên bờ sông chạy loang loáng. Chợt từ đằng xa, Huyền thấy một cái cầu gỗ bắc ngang qua khúc sông hẹp. Dòng nước chảy mạnh, dâng cao gần sát sàn cầu. Huyền vội quỳ đầu gối trái, nhổm đùi phải lên, hai tay giơ ra sẵn trước mặt. Đúng lúc thuyền trôi đến cầu, Huyền đứng phắt dậy, hai bàn tay chụp lấy thành cầu, hai chân đánh đu, leo lên. Chiếc thuyền không người, quay tròn, vướng vào chân cầu, rồi từ từ trôi qua gầm cầu mất hút. Huyền vịn thành gỗ, đi vào bờ. Ngồi xuống đất nghỉ một lúc, Huyền đứng dậy đi về nhà, hai tay không, vì túi đan bị mất.

Vào sân, đến gần phòng khách, Huyền nghe có tiếng nhiều người đang nói chuyện bên trong. Biết rằng nhà có khách, Huyền đi nhanh vào phòng riêng, tháo dép, đi guốc. Huyền sang phòng tắm, cởi quần áo, rửa ráy người sạch sẽ, lau khô, rồi mặc quần áo ngủ

bằng lụa trắng, có thêu lá xanh hoa hồng. Huyền mở tủ, lấy lọ thuốc nước sát trùng, bôi lên mấy vết xước ở hai ống chân. Đứng trước tủ gương, Huyền gỡ hai bím tóc ra, lấy lược chải. Mái tóc Huyền phồng lên, lăn tăn như được uốn, bồng bềnh phủ kín hai bờ vai tròn. Huyền lấy lược rẽ đường ngôi bên phải cho thẳng, kéo hai bờ tóc nâu đen sang hai bên má, cho ôm lấy khuôn mặt trái xoan. Huyền ngấm mình trong gương, hé miệng cười duyên, rồi thủng thỉnh đi ra ngoài sân. Huyền ngồi co hai chân trên bờ tường hoa, hai tay bó gối, mắt mơ màng nhìn khóm tre với những cánh lá nhọn sắc, ửng vàng qua ánh mặt trời xuyên khoai buổi chiều. Giữa khung cảnh thiên nhiên, có gió đùa lao xao bên những đoá hoa xinh tươi thơm ngát, dưới bầu trời phủ nhẹ lớp mây trắng, điểm kim nhũ thật lộng lẫy, Huyền trông đẹp như thiên thần. Bỗng Huyền nghe thấy đằng sau lưng có tiếng người con trai nói nhỏ :

- Chào Huyền.

Trong lòng rộn lên niềm vui mừng bất chợt, Huyền từ từ quay đầu lại nhìn. Nhưng Huyền thất vọng ngay, khi thấy người con trai vừa chào mình không giống như chàng trai trong giấc mộng dạo nọ. Anh chàng này có mái tóc ngắn và mượt, nước da trắng xanh. Nói chung, hình dáng anh này rất thư sinh. Huyền hơi gật đầu, im lặng giữ nguyên nụ cười dờ dang. Người con trai mở to hai mắt, ngỡ ngàng trước nhan sắc lộng lẫy của Huyền. Đứng lặng một lúc, anh ta cố gắng cất tiếng, tự giới thiệu :

- Tôi tên là Thanh. Ba mẹ tôi đang nói chuyện với bác giáo ở trong nhà. Tôi xin phép bác ra đây, để nói chuyện với Huyền. Như vậy, có gì bất tiện không ?

Huyền thản nhiên trả lời :

- Nếu mẹ tôi cho phép, thì anh cứ nói. Bây giờ tôi không bận gì hết.

Thanh đặt nhiều câu hỏi về việc học hành, bè bạn, sở thích, của Huyền. Rất ngây thơ và hồn nhiên, Huyền trả lời rõ ràng gọn ghẽ, nhưng không hỏi lại Thanh câu nào. Nói chuyện được nửa giờ, một chị người làm chạy ra mời Thanh vào. Thanh miễn cưỡng từ biệt Huyền :

- Thôi để lần khác, tôi sẽ đến thăm Huyền lâu hơn. Nếu Huyền bằng lòng, hôm nào tôi sẽ bảo Lam em gái tôi, đến đưa Huyền lại nhà chơi, nhé.

Thấy sắp có bạn mới, Huyền thích lắm, hé miệng cười, gật đầu. Thanh sung sướng ra về. Con mèo mướp nhảy lên bờ tường, giục đầu vào tay Huyền. Huyền quay xuống nhìn vào đôi mắt xanh của con mèo, lắc đầu, không nói. Khi Huyền vào nhà, mẹ Huyền bảo:

- Ông bà Thông Cảnh đến, định hỏi con cho con trai của ông bà ấy. Mẹ nói con còn nhỏ, phải đợi một thời gian nữa. Họ cũng bằng lòng, nhưng xin được đi lại với gia đình mình, để cho các con tìm hiểu nhau.

Huyền cười khúc khích :

- Con chưa muốn tìm hiểu ai cả, mẹ ạ.

- Mẹ biết rồi.

Bà giáo vừa nói vừa chỉ tay vào số lễ vật ở trên bàn :

- Chưa có gì mà họ đã biếu quà thật chu đáo.

Chú Hoà đứng gần đó, nói :

- Theo em nghĩ, chị nên tìm cách biếu trả lại họ cho xứng đáng. Chứ chị đừng lấy không, sau này chuyện không thành, mình khó nói.

Từ đó, mỗi khi ông bà Thông Cảnh mang quà đến biếu, bà giáo lại mua các thứ khác thật xứng đáng, mang tới biếu trả lại. Sau một thời gian khá lâu, bà giáo nhờ một người có họ xa với ông bà Thông Cảnh, đánh tiếng

rằng Huyền còn rất lâu mới lập gia đình, xin ông bà ấy hãy ngừng cho quà, chờ đến khi Huyền lớn lên hãy hay. Việc đi lại của hai bên từ từ giảm đi, rồi thôi hẳn.

Ngày mùng hai Tết năm 1949, U già xin phép bà Giáo về quê mười ngày. Thời gian trôi qua, U già không trở lại. Hai tuần sau, người em trai của u đến, cho bà Giáo biết, là U già đã bị bạo bệnh qua đời. Mẹ Huyền giấu Huyền chuyện này. Để thật lâu, bà mới cho Huyền biết tin U già đã chết. Thế là Huyền vĩnh viễn mất U già, sau gần mười hai năm được u săn sóc.

Từ khi bị chết hụt trên sông Thương, Huyền bớt nghịch ngợm rất nhiều. Huyền chỉ đi học, rồi về thêu thùa, đan áo, bí tất, khăn quàng, cho cả nhà. Khi rảnh rỗi, Huyền ra ngồi trên bờ tường hoa mơ mộng, hoặc đứng tựa cổng nhìn về phía dòng sông Thương, thả hồn theo trí tưởng tượng, về chân trời mờ mịt,

tới một hình ảnh chưa biết tên...

Hôm nay, đang chơi bên cổng, Huyền chợt thấy một người đàn ông mặc quần áo kaki bạc mầu, đầu chùm chiếc khăn tắm cũ, đi thẳng lên bậc cổng vào nhà. Thấy Huyền, người đó bỏ khăn chùm đầu ra. Huyền giạt mình, lấy tay giụi mắt : Người đó trông thật giống ông giáo Khiêm. Huyền chưa kịp hỏi, người đó cất tiếng nói:

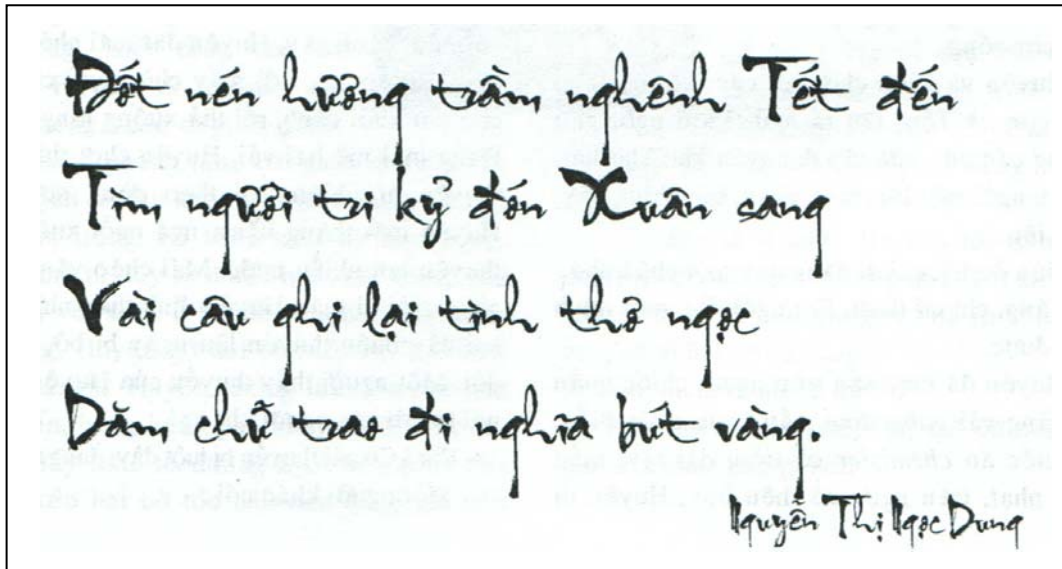
- Huyền đấy hả ?

Âm thanh giống như tiếng ông giáo.

- Anh Hùng đây mà ! Anh ở tù, mới được thả về...

(Trích trong *YÊU EM TỪ THUỞ ...*
của BÌNH HUYỀN, Paris)

>>> Quý Độc Giả nào muốn có bản tiếng Anh hoặc tiếng Pháp của bài này, xin liên lạc với tác giả qua Cơ Sở CỎ THƠM./.



NGÀN NĂM MỘT THUỞ... SANG TÀU

Nguyễn-Phú-Long

Trước hết xin thưa là, nhan đề trên đây tôi đã mượn của Hồ-Hữu-Tường. Cố văn sĩ Hồ-Hữu-Tường để lại một cuốn sách nội dung lời cuốn, bàn về chính trị, thời sự mà chẳng khô khan, khá hấp dẫn, hồi nhỏ tôi từng hâm mộ, ngoài giờ học hành, đọc say sưa. Nay vì loạn ly, di chuyển bị thất lạc kiếm không ra, không nhớ tình tiết bao nhiêu. Nhưng duy cái tựa thì còn như in trong bụng, đó là: Ngàn Năm Một Thuở Phi-Lạc Sang Tàu.

Chả là vì tôi cũng mới ngao du Trung-Quốc vào mùa Thu vừa về tới nhà. Sự cố tôi đi Tàu cũng là ngàn năm một thuở, vì lười biếng kiểm tên mới, lại sẵn đây, thời thì mạo muội dùng đỡ cho tiện, nhưng dù sao cũng phải nói cho có đầu có đuôi, trước khi viết lai rai, tản mạn đôi dòng, để khỏi bị mang tiếng là hạng đạo văn như mấy kẻ đã cầm nhầm tác phẩm của người khác thời gian gần đây.

Thú thực, chắc là do “Ba cái lằng nhằng nó quấy ta.” Từ hồi nào tới giờ nên gân cốt hiện thời chẳng còn bị được như thuở trai tráng thanh xuân, vì vậy, giữa một bên là cuộc rong chơi, tham quan đây đó và đàng khác là mặc áo thun nằm nhà, trong phòng lạnh, mở TV xem đá banh, lại có thêm ly cà phê sữa đá bên cạnh để nhâm nhi thì tôi ưng điều thứ nhì hơn.

Tuy nhiên hẳn mọi người đều biết, đôi khi mình chẳng thể làm theo ý mình được. Một hôm người con lớn dắt bầu đoàn thể từ đến thăm, thấy cha thì ngồi trầm ngâm yên lặng; Mẹ thì cũng thờ thần lặng yên, chả ai có việc gì làm,

phòng ốc ngăn nắp, gọn ghẽ, sạch sẽ, hình như bên trong ngưỡng cửa, thời gian đi chậm hơn ngoài phố. Hấn đảo mắt qua lại, cảm thấy thiếu thốn cái gì nhưng không biết diễn tả là cái gì. Tôi đoán có thể tại đây không có giọng ngâm thơ, vắng tiếng dẹt cửi, trẻ khóc...những âm thanh rộn rã, ấm cúng, là sự đóng góp cần thiết của một mái nhà mà các cụ ta xưa gọi là “Gia hữu tam thanh” nhưng thời buổi này, con tôi dù đã hơn bốn chục làm sao biết được. Hấn nói đại ý, Bỏ mẹ về hưu rồi, nằm nhà mãi không tốt, thỉnh thoảng nên thay đổi không khí, đi chỗ nọ chỗ kia một chuyến cho khuấy khuấy, con sẽ lấy thư, trả bill, cắt cỏ...

Chuyện qua đi, rồi mấy bữa sau, cô con gái kè, tự nhiên, chẳng cần lý do sinh nhật, tết nhất chỉ cũng khiêng đến, từ Circuit City, biểu cái máy chụp ảnh Digital 6 chấm, và hình như “tụi nó” tổng cộng bốn đũa, tất cả đều trường thành có gia đình nhà cửa, ở rải rác gần xa, đã họp bàn, điện thoại tới lui, bảo nhau sao đó nên tiếp theo cậu Tư và cô Út hùn hạp, gửi bưu điện cho tôi một phong bì đựng cái biên lai đã deposit với hãng du lịch Morning Star, kèm tờ lịch trình, và mấy bản khai báo xin visa đi tour Trung-Quốc khởi hành từ DC làm cho cô em họ nghe loáng thoáng cũng vội vàng mua tặng anh chị bộ suitcase như sợ chúng tôi, cặp vợ chồng già, “Ra đi không mang va-ly...” thì sẽ tạo nên một hình ảnh tang thương quá!

Mọi điều sây ra dồn dập, thật cảm động. Vợ chồng tôi chịu áp lực nặng nề và trước sự đã rồi, thay đổi gây tranh cãi, phiền phức, đành quyết định liều một phen! Đúng là ngàn năm một thuở!

Tuy nhiên, sự đóng góp của thân thuộc, suy đi suy lại, nó vẫn có vẻ mang tính ước lệ làm tôi cứ ái ngại, lúc chấp nhận, lúc muốn từ chối, mình đủ khả năng thì rong chơi, rỗng túi thì nằm nhà, chuyện không quan trọng, sao lại làm phiền người nọ người kia, thấy thế, bà nhà tôi không chịu, các con nó đã ghi tên tại văn phòng hãng du lịch, ở đời có qua có lại, xã hội không phải nơi hoang đảo, “Chú khi ni my khi khác.” Tui hỏi, khi khác là khi mô? Thì được trả lời ngay lập tức, khi sang Tàu chứ khi mô! Mở tờ lịch trình coi, nghe nói trên đường thăm Vạn-Lý Trường

Thành mình sẽ ghé xưởng làm ngọc thạch, và ở đầu đó có trung tâm chế biến tơ lụa, cơ sở nuôi ngọc trai...mỗi nơi mình lướt qua phòng trưng bày, lụa mấy món thích hợp, vừa phải rồi nói với em bé mặc xường-xám đứng bên kia quầy hàng “Thấy xu ừm cói!” cho em trả lời “Tổ chè.” Với nét mặt lễ phép, thân thiện, cởi mở chẳng dấu được niềm hân hoan “Lòng em như nước Trường Giang ấy!”

Tôi lơ mơ, nghĩ thế cũng phải, nên từ đó mới dứt khoát tự nhiên thay đổi lập trường. Tự nhiên thật sự chữ chẳng phải vì là hội viên danh dự hội sợ vợ mà lú lẫn nhắm mắt thay đổi như rứa! Rồi thấy thoải mái, phần khởi, cũng là tự nhiên thôi, bèn lẳng xăng sửa soạn, ghi vào cuốn sổ tay, định bụng đi chuyến này sẽ quan sát tận chỗ xem người Trung-Hoa thường treo hoặc dán chữ Phúc ngược trong nhà như thế nào. Nghe nói đám dân quê chất phác, bình dân ưa cao ngạo, ưa chơi chữ, hay treo ngược đầu đuôi chữ phúc trên tường để đọc là “Fú-dào” chữ chĩa thích treo bình thường, chững chặc như những nhà giàu sang thì quý mà đọc là phúc. Fú-dào theo âm Bắc-Kinh nghe như phúc đảo (phúc đến), ý những mong cho phúc tới nhà nhất là ngày tết.

Ta biết người Tàu và ngay cả Việt-Nam nữa, rất muốn có ba điều, đó là Phúc, Lộc, Thọ. Phúc là ưu tiên số một, là niềm ước ao lớn nhất. Phúc cho bản thân, cho gia đình, con cháu, hậu duệ, cho nhà cho nước...bao nhiêu cũng chẳng vừa Phúc mang tính vị tha, đạo đức, xã hội...nên chữ phúc đối với mọi người là rất quan trọng, luôn luôn được nhắc nhớ, quảng bá phổ thông, tràn quý. Nhiếp ảnh gia Phạm văn Mùi cũng có một tác phẩm với chữ phúc bên cạnh thanh gươm nhìn rất bắt mắt. Nơi điện Càn-Chánh dùng thiết thường triều trong Tử Cấm Thành ở Huế, năm 1843, vua Thiệu-Trị cũng ngự bút một chữ phúc để làm bức hoành phi treo trên cao.

Ấy thế mà tiếc thay, khi qua đó, sáng tối người ta toàn hướng dẫn chúng tôi đến những nơi gọi là danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử hãnh diện, xa xưa chứ có thì giờ vào thăm nhà cửa của ai đâu mà tìm hiểu dò hỏi, cho nên ngay cả lúc trèo lên từng bậc thêm bằng đá của

kỳ quan Vạn-Lý Trường Thành cao vờn vờn, nhìn xuống núi non hùng vĩ, dù cho lòng vẫn thẳm thẳm phục mấy ông con trời, và tuy vẫn nhớ câu “Bát đảo Trường Thành phi hảo hán” tôi vẫn có chút không vui hoàn toàn.

Chữ Tàu kể ra thì vô cùng độc đáo. Chẳng những để ngược đầu đuôi đọc cũng được đã đành. Tôi quen ông bạn, thi sĩ T.T. hiện ngụ tại bang Oklahoma, còn cho biết, nhiều trường hợp để nằm nghiêng nó vẫn có nghĩa như thường. Nói rồi, nhân trong buổi họp mặt, tiên sinh vậy tôi lại gần, ghé tai to nhỏ kể tôi nghe câu chuyện như vậy...như vậy...

Một thanh niên phải đi xa bèn bảo vợ đứng yên, viết chữ Xuân vào gần chỗ kín của vợ làm dấu! Khi về kiểm soát, quáng mắt, chẳng thấy chữ Xuân đâu mà chỗ đó lại thay thế bằng chữ Thung, bèn nổi đóa, la hét âm ỹ tra hỏi:

Tích nhật ngã đề Xuân nhất tự

Kim thời hà có biến vi Thung?

(Chữ Xuân ta viết ngày nào,

Cớ sao lại dám tráo vào chữ thung?)

Chị vợ đang nóng ruột, nằm chờ trên chiếc chiếu mới tinh, chiếc chiếu cát để dành đợi người trở lại, còn thơm mùi cói, hôm nay đem ra dùng, dính dính “Tân thú bất như viễn quy.” Mới cưới cũng không bằng ở xa về...trời đất chắc chắn sẽ phải quay cuồng một phen, cho bố tháng ngày cô quạnh, ai dè chưa chi đã bực mình về sự nghi ngờ ghen tương vợ vẫn của chồng, nhưng cũng bình tĩnh vượt ve, tự an ủi thẳm, thôi thì “chiều người lấy việc, chiều chồng lấy con.”:

Lang quân bất thức lang quân hận,

Lập tắc Xuân hề, ngọc tắc Thung.

(Cớ sao anh chẳng biết gì

Chữ Xuân lúc đứng, nằm thì hóa Thung.)

Nhân tiện tán mạn về chữ Tàu, xin kể ra đây cho vui, mẩu chuyện này nhiều người biết, có tính cách khôi hài hư cấu, bởi vì viết chữ vào “chỗ đó” sẽ chẳng giữ được bền sau những lần tắm rửa thường nhật và hình như hơi lạc đề một chút, nay xin trở lại.

Với mười hai ngày theo đoàn qua sáu thành

phố chính từ Bắc-Kinh xuống tới thượng-Hải, ngày nào cũng lên xe lúc sáng tinh mơ, tối mịt mới ăn cơm, về tới khách sạn tứ chi rời rã, có kẻ phải gọi chuyên viên tắm quất đến phòng, nhờ nắn bóp thợ thịt, khớp xương,đầu vào đây, ngay ngắn, phục hồi sức khỏe, để tiếp tục hành trình cho ngày hôm sau.Thời khóa biểu thật là nặng, chẳng phải là Càn- Long du Giang Nam lĩnh kinh mà cũng khá mệt, mặc dù chỗ nào cũng thấy núi sông cây cỏ hòa hợp mơ màng lãng lãng như tranh thủy mặc, cũng thấy mấy lồng đèn màu đỏ treo từng giấy dưới mái ngói cong cong trước tư gia, trước chùa chiền thật rực rỡ, thật đẹp mắt, thật...Tàu!

Mọi người đều bận rộn, nhưng mấy vị cao niên còn bận rộn hơn, thời gian thì ông trời công bằng cho đồng đều ai nấy chỉ có 24 tiếng, mà di chuyển lên xuống chậm chạp khó khăn hơn bọn thanh niên, đồ đạc mua mang về thì các cụ đâu chịu kém, đó là chưa kể tới một nhu cầu do năm tháng phát sinh, cứ phải lập đi lập lại nhiều lần, mất thì giờ... Khi xưa thắng giấc ngủ say, Bây giờ đã hết tháng ngày xuân xanh. Đêm khuya thao thức cầm canh, “Đếm đai” từng chập hết anh tới nàng. Sáng ra muốn được nhẹ nhàng, Lên ô tô để sẵn sàng rong chơi, Nhắc nhau khe khẽ một nhời, Vào thăm toa-lét xong thời hãy đi. Đến đâu cũng chờ vội gì, Tìm nơi giải tỏa rồi thì tham quan.

Tới ngày thứ 8, để thay đổi không khí, chúng tôi được xuống du thuyền trên Tây Hồ rộng khoảng 4,500 cây số vuông ngấm liểu rủ, đèn đài trên bờ, thường thức vòng vòng một đọaן ngắn thôi, vì còn phải dành thì giờ đi nhiều nơi khác. Khi lòng khoan khoái giữa cảnh trời mây non nước lênh đênh, tôi chợt nhớ tới đoạn thơ của một người Việt-Nam, thi sĩ Tế-Hanh, đã sáng tác lúc qua đây, năm 1956, cũng vào mùa thu như bây giờ.

Trăng Tây Hồ vời vợi
thâu đêm,

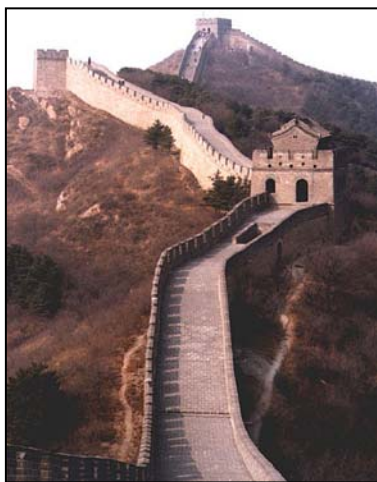
Trời Hàng-Châu bốn bề êm ái.
Mùa thu đã đi qua còn gửi lại
Một ít vàng trong nắng trong cây,
Một ít buồn trong gió trong mây,
Một ít vui trên môi người thiếu nữ.
Anh đã đến những nơi lịch sử:
Đường Tô-Đông-Pha làm phú,
Đường Bạch-Cư-Dị làm thơ...

“Anh đã đến những nơi lịch sử.” nhưng còn bao nhiêu nơi khác anh chưa đi qua, tôi cũng vậy, lãnh thổ Trung-Hoa rộng thênh thang, chắc chắn còn nhiều khu dân cư lam lũ nghèo nàn, nhưng mấy nơi chúng tôi đi tới, nhiều chỗ cuộc sống của họ tiện nghi văn minh chẳng thua kém gì các nước tân tiến. Phố xá hai chiều riêng biệt sạch sẽ, building chọc trời, lề đường nhiều nơi từ Bắc-Kinh ra ngoại ô trồng hoa rực rỡ, có lẽ đó là mục đích sửa soạn cho Thế Vận Hội 2008. Nhưng dù sao thì cũng phải công nhận là họ tiến bộ và có khả năng.

Một điều không thể chối cãi được, khách quan, chuyến đi với năm chục dân mình, trai gái già trẻ, tu hành, trần tục...đã cho tôi gặp gỡ thêm nhiều bạn bè, nhiều kỷ niệm lý thú như những khi có chút thì giờ đàm đạo với sư ông Thanh-Tâm thuộc chùa Kỳ-Viên thuộc vùng Hoa-Thịnh-Đốn, như ở nhà hàng nào và bữa cơm nào đầu bếp cũng bưng lên bát canh thật bự, canh chỉ có nước, không có rau củ thịt cá gì, anh Minh Nữ chủ biên tờ Văn-Nghệ tuần báo ở

DC đã nói đùa đó là canh toàn quốc khiến ai cũng buồn cười, thấy khô ra, khôe chút chút thôi, chứ nói “ Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ “ thì có hơi quá!

Năm chục người với ba hướng dẫn viên hai Việt-Nam một Trung Hoa. Hai người Việt nói tiếng Trung-Hoa như người Tàu. Người Trung-Hoa, Cô Sue, nói tiếng Anh như Mỹ. Cô còn trẻ, lại hát hay, nghe cô hát líu lo bài Mùa-Thu Lá Bay là cảm thấy đỡ mệt mỗi phần nào. Họ rất tận



tình, luôn nhắc nhở chúng tôi giữ gìn tiền bạc, giấy tờ, trang sức vì ở đây nghệ thuật lất tui cũng không thua gì chợ Đồng-Xuân Hà-Nội. Họ luôn giúp đỡ trả lời thắc mắc, mua giùm những thứ cần thiết như túi xách, CD nhạc...Anh Michael Phú mua hộ tôi mấy cuốn sách nhất định không lấy tiền dù cho lúc ấy trong túi tôi có cả Dollars và Nhân Dân tệ.theo anh thì “Có đáng bao nhiêu chú Long!” để tôi cũng chỉ biết nói cảm ơn thôi! và cứ chỉ đó làm tôi nhớ mãi.

Lúc ghé Huaqing Hot Spring tôi nhìn cảnh đẹp thấy man mác trong lòng, ngó dòng nước êm đềm tỏa hơi mà anh Diên , người hướng dẫn, giải thích, đây là suối nước nóng Hòa-Thanh từ đời nhà Đường, người đẹp Dương Quý-Phi đã đến tắm rửa nơi lâu kia cho da dẻo mịn màng nhiều bạn.

Tôi đứng nghe, tỳ tay vào một con trâu bằng đá, chung quanh là hồ nước, vườn hoa muôn màu sắc, nhìn khu lầu treo màn hồng trước mặt, gió bay phơ phớt, ngày tháng xa rồi, lầu treo màn hồng giờ chỉ để gió bay thế thôi, chẳng có bầu tiên nữ ôm những chiếc bình ngọc chuyển nước suối lên lầu và cũng chả có nước suối từ trên lầu chảy xuống róc rách reo vui. Hôm nay tới chốn cũ của người xưa, đầu óc vẫn vơ, lơ đãng, biết gửi gắm gì bây giờ, lại nhìn con trâu bằng đá, tần ngần, bèn lẩm nhẩm ghép vần làm đại bốn câu kỳ niệm.

Từ xa xưa tới nay
Vẫn cảnh nước non này
Mà người muôn năm cũ
Về đâu ai có hay!

Mấy câu thơ ghi lại, không được chau chuốt vì chẳng có thì giờ, còn phải vội vã theo đoàn kéo bị bỏ rơi thì khổ. Tôi vừa đi vừa đọc khế cho vợ nghe, bà chẳng khen còn nói, cũng rất khế, ở đây còn có cả mấy nhà thơ nam nữ, đừng múa rìu qua mắt thợ, họ cười cho. Tôi cụt hứng, buồn thiu, nhưng chỉ lát sau, như thể an ủi, lại nghe hỏi, thơ như thế đó hả? Thơ thần chi toàn mấy câu ngắn ngủn,tùn mùn tùn mùn như đuôi con cún vậy? Thơ năm chữ chứ thơ gì! Kể chuyện rong chơi ta phải dùng thể ngũ ngôn như trong bài thơ “Đi Chùa Hương” Thế mới tuyệt chứ! Chẳng đúng sao?

Làm thơ mà có người bàn luận, đối thoại là vui rồi, khen chê tính sau. Một ít trường hợp tôi gửi tặng thơ văn,độc giả chỉ...đọc thôi! Đọc xong thì im như thóc. Tôi cao hứng, lên tinh thần, bèn lấy giọng ổng bơ rí, tiếp tục:

Hôm qua đi tàu bay,
Bên nhau suốt một ngày,
Chẳng tâm tình âu yếm,
Tay không tìm bàn tay...

Vợ tôi lạ làng, bước qua nói chuyện với một bà bạn, thật là bất lịch sự, làm như trong cơ thể tôi lúc đó đầy vi trùng H5N1 không bằng.

Từ lâu lắm rồi, từ khi cái nghĩa nó nặng ngang cái tình, chúng tôi chẳng bận rộn cần nhiều thời gian lo toan cho con cái, nên thỉnh thoảng tôi mon men tới chốn văn chương, không tham vọng chi, mục đích chỉ là giết thì giờ, những lúc như thế, đôi lần vợ tôi chả biết làm gì, cũng nhào vô tham dự gián tiếp, xem văn chương của tôi, cười cười

Có điều không bao giờ thấy bà khen một câu, xem xong im lặng lảng sang chuyện khác, nhìn ra sân trước nói, cô nhà mình cũng dài, mai mưa, anh nên cất cho sạch, hoặc cùng lắm là đề nghị tôi bỏ dòng này thêm ý nọ, tôi suy nghĩ, có khi theo có khi không và sau đó bà vẫn tham dự, khoảng thời gian “cộng tác” như thế vẫn tiếp diễn, chúng tôi hiểu nó đã giúp cả hai quên bớt muộn phiền, khỏi nghĩ ngợi nhiều về mấy vấn đề rắc rối của cuộc đời như hợp tan, ấm lạnh, bãi bể, nương dâu thế thôi chứ đâu dám ước mong như nhiều người, viết ra để cho ai đọc phải “ Khi tựa gối khi cúi đầu, khi vò chin khúc khi trau đôi mày.” Và mỗi lần thấy tôi “đi” hơi quá trớn thí dụ dám so sánh thơ mình với tác phẩm bất hủ “Đi Chùa Hương” của Nguyễn-Nhượng-Pháp thì nàng thực sự không bằng lòng, phản đối âm thầm nhưng mãnh liệt bằng cách bỏ ngang cho yên.

Theo chương trình, tiếp đó chúng tôi sẽ được hướng dẫn tới viếng chùa Hàn San. Sau bữa cơm trưa, nhiều người còn mua thêm ít búp luyệt mời chào bạn đồng hành ăn tráng miệng lấy thảo, ai nấy ngồi vào chỗ cũ, gặm báp như thổi khẩu cầm harmonica. Quảng đường khá

dài, nên hướng dẫn viên lại ghé ngao một ca khúc làm gương rồi mời một vài vị đứng lên hát hò giết thì giờ, đúng là hát cho hết thì giờ, không kèn không trống cũng hát, nhằm nhò gì, và, thật ngạc nhiên khi có một hai “ca sĩ” như chị Kiều Oanh, chị Bạch Cúc giọng ca rất tới làm ai nấy hào hứng cho đến khi nghe báo xe đã bắt đầu vào lãnh thổ Tô-Châu, kinh đô của nhiều đời vua thuở trước.

Như hầu hết mọi người lớn tuổi, yêu thơ cổ, từ lâu niềm ao ước của tôi là được đến hai nơi, thứ nhất là Hoàng-Hạc-Lâu thuộc huyện Vũ-Xương tỉnh Hà-Bắc, hai là bến Phong Kiều với Hàn-San-Tự ở Tô-Châu. Tôi vẫn thường bày tỏ lòng ao ước ấy với gia đình khi gặp dịp và có lẽ các con tôi chúng vẫn nhớ nên mới hùn nhau mua vé cho vợ chồng tôi đi Tàu.

Hàn-San-Tự nằm ở phía Tây trấn Phong-Kiều thuộc tỉnh Tô-Châu, được xây dựng vào niên hiệu Thiên-Giám đời Lương (502-519) đặt tên là Diệu-Lợi Phổ-Minh Tháp Viện. Chùa trải qua nhiều hưng phế, đổ nát rồi trùng tu, hỏa hoạn lại trùng tu, và từ khi ngài Hàn-San đến trụ trì mới đổi là Hàn-San-Tự.

Có người trong đoàn biết ít chữ nho đã cắt nghĩa cho tôi nghe Hàn-San theo nghĩa từng chữ, hàn là lạnh; San là sơn, là núi. Mặt khác, trước đó, trong một bản dịch bài Phong-Kiều Dạ Bạc của thi hào Trương Kế tôi cũng có đọc câu “Cô-Tô chùa núi rung chuông”.tiện thể ghi lại đây với sự dè dặt và xin miễn bày tỏ ý kiến. Tuy nhiên mạo muội nói thêm một chi tiết là, người Tàu cũng có chữ san thuộc họ vương, chẳng cùng nghĩa như sơn và hai chữ viết khác nhau, nghĩa khác nhau, san là san hồ dưới biển.

Tối hôm đó về khách sạn, mở computer, tôi nhận được hai cái “meo”, cái thứ nhất là bài thơ của ông bạn ở Cali.

Nhấn Người Du Lịch.
Bạn hiền thông báo đến Tô Châu,
Thăm cảnh Hàn-San của nước Tàu.
Trương-Kế nào đâu thơ để đó,
Tám hình kỷ niệm nhớ trao nhau.

Gắng chờ trăng xế lúc canh thâu,
Quạ gáy thử xem khách có sầu!

Gió thổi chập chờn gậy sóng vỗ,
Lửa chài còn cháy với thuyền câu.

Cô-Tô chuông đổ có còn vang,
Khơi thức khách du giấc mộng vàng,
Ngoạn cảnh thần tiên ghi tạc dạ,
Trở về kể lại cảnh Hàn-San.
Nguyễn-Vĩnh-Tường.

Cái thứ hai là đoạn nhắn tin ngắn, nhưng cũng đề nghị kể chuyện:

“Biết tin anh chị đang ở Tô-Châu, viếng Hàn-San-Tự, chúc anh chị rong chơi vui vẻ, về nhớ kể chuyện cho Kim nghe nhé. Kim.”

Người em gái hậu phương tên Kim thích ca nhạc, làm thơ, có thời gian là hàng xóm ở cùng khu chung cư với chúng tôi, còn nhớ, lần đầu tiên gặp nhau ở văn phòng của khu apartment lấy thư, mở đầu nhìn nhau, cười với nhau, rồi hỏi nhau một câu bằng tiếng Anh-Lê giọng mũi xanh rờn: “Are you Vietnamese?” để sau đó qua lại, thân mật như người trong gia đình.

Thăm thoát tới hôm nay cũng “năm năm rồi không gặp” kể từ khi nàng đi làm cô giáo ở một thành phố vùng trung Mỹ, Mới đầu xa cách hơi buồn, được cái trước sau vẫn giữ liên lạc, thăm hỏi, thơ phú, xa mặt mà chẳng cách lòng. Tình bằng hữu thế thôi chứ mong gì hơn.

Kim theo Thiên Chúa Giáo tôi thì đạo phật, nhưng không phải vì thế mà hai đứa chẳng lấy được nhau. Không lấy nhau vì nhiều lý do trong đó có vấn đề gặp nhau bất phù hợp thời. Con trai tôi tuổi Nhâm Dần, Kim hơn hẳn tròn một giáp, sang đây khá lâu sau khi để lại người chồng yên nghĩ ngàn thu dưới lòng đất đầu đó nơi trại cải tạo. Còn phát phơ, “Cửa chùa ai trông thấy chả thèm.” mà tôi bó tay không làm gì được, không giúp đỡ gì được.

“Kể chuyện cho Kim nghe nhé!” Kể chuyện gì bây giờ! Chùa Hàn-San và bài thơ của Trương Kế gắn bó nhau như môi với răng, nhiều người đề cập tới rồi, còn ai lạ gì nữa...lan man đến đây thấy lơ mơ, hình như mây đen ở đâu kéo tới ùn ùn, bèn nhắm mắt lim rim, buông lời “con chuột” rồi chẳng mấy chốc đã rơi vào tình trạng kéo gối lúc nào đâu hay.

Cũng như một số chùa chiền khác, chính giữa Hàn San Tự thờ phật Thích-Ca cùng hai ngài Ca-Điếp và A-Nan, hai bên là các vị La-Hán, 18 vị, chen vai sát cánh, nghiêm trang, lặng lẽ như đang bận suy tư về ý nghĩa cuộc đời, phía bên phải treo một cái chuông đồng do người Nhật đúc vào đời Minh-Trị Thiên Hoàng.

Chùa có Tầng Kinh Lâu với một bộ Đại Tạng Kinh hoàn chỉnh in khắc từ thời nhà Thanh rất trân quý; Có Chung Lâu do quan Tuân-Vũ Trần-Loan-Long xây và đúc một quả chuông bằng sắt treo lên đó.

Nét độc đáo nhất của Hàn-San-Tự là một rẫy nhà thật dài gọi là Bi-Lang. Nơi đây trưng bày những tấm bia đá khắc các bài văn, áng thơ nổi tiếng và có lẽ chưa nói hết, chắc các vị yêu thơ cũng đã nghĩ, hẳn là ở đó thể nào chả có bài tứ tuyệt Phong-Kiều Dạ Bạc của Trương-Kế! Vâng đúng như vậy:

Phong-Kiều Dạ Bạc.
Nguyệt lạc Ô Đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối Sầu Miên
Cô-Tô thành ngoại Hàn San Tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.
Trương-Kế.

Bản dịch của Tân-Đà:
Trăng tà tiếng quạ kêu sương
Lửa chài cây bến sầu vương đất hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô-Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn-San.

Bản dịch Anh ngữ của Witter Bynner trong cuốn *Three Hundred Poems Of The T'Ang Dynasty* như sau:

When I watch the moon go down. A crow
cows though the frost; Under the shadows of
maple trees, a fishman moves with his torch;
And I hear from beyond Su-Chou, from the
temple on Cold Mountain, ringing for me, here in
my boat, the midnight bell. Chang Chi.

Phong Kiều Dạ Bạc tức là ban đêm thuyền đậu bến Phong-Kiều, tức là Trương-Kế đã làm bài thơ lúc ban đêm khi đang nằm trên thuyền đậu ở bến Phong-Kiều. Bài thơ này chỉ có bốn câu thôi, gọi là bài tứ cú cũng được hoặc bài tứ

tuyệt cũng được, vậy mà danh trấn giang hồ, vượt không gian, thời gian.

Như ai nấy đều biết, Trương-Kế là một trong số những nhà thơ nổi tiếng của Trung-Hoa, ông sinh vào khoảng năm 730 sau Tây lịch, tự là Ý-Tôn, quê ở vùng Tương Châu tỉnh Hồ Bắc, đậu tiến sĩ năm 756 đời Đường Huyền Tông, niên hiệu Thiên-Bảo thứ 14 được bổ làm Doãn quan rồi Diêm Tiêu phán quan...tới đời vua Đường Đại Tông niên hiệu Đại-Lịch ông được vời vào triều giữ chức Tự-Bộ Viên Ngoại Lang và vào những năm cuối đời ông coi việc Tài Phú ở Hồng-Châu rồi mất ở đó.

Nói về chuyện sáng tác bài thơ, sau khi viết được hai câu, Trương Kế nghĩ nát óc cũng không sao tiếp tục làm được hai câu kết, vàng trắng đã xé, sương phủ bao la, quạ kêu vắng vắng, gió lướt trên sông, ánh đèn thuyền chài leo lét...

Rồi sao nữa? Còn gì nữa đâu! Tất cả những điều mắt thấy tai nghe đã được ghi nhận, sử dụng để diễn tả cái cảnh thật buồn ròi!

Trên bến Phong-Kiều đêm ấy nào phải chỉ có Trương-Kế, những người lam lũ đánh cá, buông câu, kiếm sống rải rác, họ đã góp phần hình ảnh “ngư hỏa “ trong mấy câu thơ chứ đâu phải không, nhưng họ được mô tả như thế, nào khác chi tĩnh vật, tiếc là họ chẳng làm thêm cái gì sinh động để giúp thêm nguyên liệu ngũ hầu thi sĩ đem vào văn chương thí dụ ca hát nghề ngao, thổi khúc sáo chơi vơi cho chính mình thường thức.

Nghĩ mãi, nghĩ mãi...tới lúc nửa đêm, bất chợt nghe tiếng chuông từ chùa Hàn-San vọng tới, như một chất xúc tác, mới nảy ý, có dữ kiện và làm thêm để hoàn tất hai câu kết. Hai câu kết rất đơn giản, tự nhiên, nghe sao viết vậy: “Tiếng chuông nửa đêm vọng tới con thuyền của khách từ chùa Hàn-San ở ngoại thành Cô-Tô...”..Vậy mà nghĩ hoài mới làm được. Bài thơ “tả cảnh” lời lẽ mộc mạc, toàn là những gì mắt thấy tai nghe, chẳng có tình ái nhớ nhung, bạn hữu rượu chè, công danh sự nghiệp, tưởng là dễ dàng nhưng chắc chắn không phải dễ dàng. Kỹ thuật dùng cái yên lặng của cảnh vật để làm nổi bật cái sầu triền miên ở lòng người thật là độc

đáo. Tiếng chuông âm vang tới mạn thuyền là một cội tác tuyệt vời, khối sầu đã như hoà vào tiếng chuông lan rộng mãi, lan rộng mãi...

Trong bối cảnh "sầu miên" ấy có liên hệ cảm ứng giữa những người đồng điệu gần xa nào không? Ta hãy nghe học giả Trần Trọng San kể lại trong bộ sách Thơ Đường của ông, thuộc từ sách Đại Học Tổng Hợp thành phố Sai-Gòn 1999 đại ý như sau:

Tại chùa Hàn-San đêm ấy cũng có hai người thao thức trước cảnh bến nước trăng mờ, chẳng ngủ được, đó là sự cụ trụ trì và một chú tiểu. Sự thao thức khiến họ cũng trăn trở làm thơ. Và, thật lạ, sự cụ cũng chỉ làm được hai câu rồi bí luôn:

*Sơ tam sơ tứ nguyệt mông lung,
Bán tự ngân câu, bán tự cung.*

Lúc ấy sự thấy một chú tiểu còn thức, cựa quậy hoài, ho hắng mãi, bèn đọc cho nghe hai câu thơ vừa làm và lạ thay, nghe xong, chú tiểu ngồi nhồm dậy, xô chân vào đôi guốc mộc, xin phép sự cụ ra bàn viết, viết tiếp hai câu sau:

Nhất phiến ngọc hồ phân lưỡng đoạn
Bán trầm thủy đế, bán phù không.

Để khi ráp lại thì có một bài tứ tuyệt niêm luật rất chỉnh, rất vừa ý. Thầy trò mừng quá, cho rằng phật tổ đã linh thiêng giúp đỡ hai người.

Sự cụ bèn bảo chú tiểu thấp hương, thỉnh chuông để tạ ơn phật. Tiếng chuông âm vang, xa dần, trải rộng mặt sông, tới thuyền của khách... Trương-Kế nghe được lập tức cũng sáng tác ra hai câu kết cho bài thơ đang dang dở của mình, tạo nên một tuyệt tác để lại cho muôn đời sau nói chung, khắc trên bia đá dựng nơi Bi Lang chùa Hàn San nói riêng và từ đó đến giờ nó đã gây nên bao nhiêu cảm xúc để thi nhân Việt-Nam phiên dịch, phổ biến rộng rãi, càng ngày càng nhiều.

Như trên đã nói, tôi lười du lịch, nhưng khi đã khởi hành thì

thấy du lịch rất có ích cho sự động não và sức khỏe. Nay nhớ lại từng nơi đã qua trên đất Tàu, tiếc là thời gian tham quan chưa đủ. Còn biết bao điều cần học hỏi chưa lãnh hội được. Với 12 ngày từ Bắc-Kinh xuống Thượng Hải, chỗ nào cũng lướt qua như phò mã xem hoa, chỗ nào cũng chụp hình, cũng nghe hướng dẫn viên giải thích, nhưng thời gian quá ngắn, chưa thấm tháp gì. Riêng về ngôi chùa Hàn-San, về bài thơ Phong-Kiều Dạ Bạc của thi hào Trương-Kế cũng còn nhiều điều đáng bàn luận, thí dụ loài quạ có cất tiếng kêu trong đêm hay không v...v...

Cổ giáo sư Lê-Bá-Kông, trong cuốn Dòng Mực Tha Hương cho hay, vì Trung Quốc rộng bao la nên phải đi nhiều lần mới có cái hiểu biết tổng quát. Ông kể đã làm ba chuyến viếng thăm từ Bắc-Kinh, Nam-Kinh, Thượng-Hải, Hàng Châu...rời Quảng-Đông Quế-Lâm...rời Quảng-Tây Tứ-Xuyên...và như thế vẫn chưa hết, chưa tới Tây-tạng, Nội-Mông, Tân-Cương. Còn tôi, ngàn năm một thuở mới đi chuần đầu, vậy mà hiển nhiên đã thấy có nhiều điều đáng ghi lại, đáng tới thăm, chẳng hạn khu Binh Mã Đống (Terra Cotta Warrior.) thật là một công trình đồ sộ với những hình người, ngựa xe bằng đất nung y như thật vừa được khám phá đào bới làm thành nơi tham quan cho những khách du lịch gần đây.

Chúng tôi cũng tới đó, nhưng chỉ xem được một phần ba vì chẳng đủ thì giờ, đành xin hẹn một dịp khác. Dịp nào?, ngàn năm mới có một thuở, làm sao chắc chắn có dịp khác!

Thì thôi vậy! Thì trước khi chia tay, đành bắt trước mấy kẻ đồng hành, rút cuốn sổ nhỏ đi xin địa chỉ, e-mail, điện thoại để mai mốt về nhà liên lạc, nói chuyện, bàn luận, hẹn hò, gặp gỡ nhau cho đỡ sầu đời.

Nguyễn-Phú-Long



MÙA THU LÁ BAY

Vũ Nam

*(Thân tặng các Anh Chị văn nghệ, những
Bạn lính KQ ngày xưa và gia đình Anh Chị
Thanh... ở miền Đông Hoa Kỳ)*

*

Hôm gặp lại Nhiên, Tịnh thấy lòng mình vui như chưa bao giờ có một lần vui như thế trong đời.

Trời mùa thu vùng Hoa Thịnh Đốn - Virginia, hơi giống như quê hương Thụy Sĩ của anh. Nhìn những chiếc lá vàng rơi nơi đây, làm anh nhớ lại những câu thơ vừa đọc trên báo CT, số mùa thu vừa qua, với lá:

*Bâng khuâng nghe gió thu vàng
Rừng phong đỏ lá chưa tàn ước xưa (1)*

Hay với nắng thu:
*Thu sang trong nắng hanh vàng
Gió lay mon trớn nhẹ nhàng lá rơi (2)*

Những chiếc lá đã đổi màu còn nằm trên những cành cây. Ngọn gió thu lành lạnh lướt trên da mặt. Chỉ khác một điều, vùng Virginia nơi anh đến có những con đường uốn lượn lên xuống, như mặt biển mùa động, mà Thụy Sĩ của anh thì không có. Và còn khác một điều, vùng Hoa Thịnh Đốn - Virginia có những khuôn mặt nữ giới vừa đẹp lại vừa tài hoa, làm vẻ vang cho Cộng Đồng Người Việt, và có những cô lúc nào cũng bận rộn làm văn nghệ, văn hóa, xã hội... nhưng lúc nào cũng giữ được vẻ kiêu sa, đài các.

*Điểm trang làm dáng cuộc đời
Bài thơ mượn chút tơ trời mãi xuân (3)*

Tịnh đến đây để tìm thăm vài người bạn văn thơ anh chị, những người bạn sống vì những dòng chữ. Tâm hồn gửi vào những nốt nhạc, áng thơ, câu văn, bài viết, truyện ngắn truyện dài như *gửi gió cho mây ngàn bay*, tìm người đồng cảm. Tâm hồn các bạn mẫn cảm, đời sống, con người các bạn giao thoa với chữ nghĩa, làm chữ nghĩa nổi lên những cung bậc tình yêu, tình người. Cụng ly cho những lần tan hợp, hợp tan.

*Chia tay mộng ước vẫn vương
Cũng chia cả những chiều sương đợi chờ (4)*

Chia tay ngày ấy, hôm nay gặp lại. Tịnh thăm lại được những bạn lính KQ ngày trước. Thăm lại những khuôn mặt thật trẻ trung, hào hoa của *thuở trời đất trong cơn gió bụi*, còn nay đã trung niên, đã xấn tay áo lên để hiên ngang đi vào đời sống mới ở xứ người, và mỗi người đều đã có trong tay một người đẹp, mỗi bước không rời, không như ngày xưa, có nhiều bạn nay cô này mai cô khác với đời sống độc thân, thay nhân tình, đổi màu áo.

Và Tịnh cũng đến đây để thăm Nhiên, tìm lại mối tình với Nhiên đã xưa cũ, đã phai pha, từ dạo còn ở quê nhà sàn đá. Trời đang thu, buổi sáng ra đứng trước sân nhà người bạn, nhìn ra đoạn đường hai bên nhà anh, chập chùng uốn lượn, những lá vàng rải đầy trên mặt đường, bên mái hiên, Tịnh nhặt vài chiếc lá phong thu. Tay anh không run như trong câu thơ đã đọc:

*Run run nhặt chiếc lá vàng
Chạnh lòng muốn níu thời gian trở về (5)*

Nhưng anh thật lòng muốn níu thời gian ngày ấy trở về ngay trong hiện tại, bởi vì anh muốn có ngay Nhiên bên cạnh.

Từ nhà người bạn, ở đầu tiểu bang, đi đến thành phố nơi Nhiên ở, cuối tiểu bang, Tịnh ngồi một mình trong xe bus. Bánh xe lảng chuyển qua những con đường, qua những nhà máy, cánh rừng con suối, làng mạc đồi thông, những lá cây rừng đã đổi màu lá vì thu sang, nhưng tâm hồn anh vẫn bàn bạc không thay đổi. Mỗi tình ngày trước, Nhiên trao cho anh, anh trao cho Nhiên nay vẫn còn nguyên vẹn.

Ngày đó. Đất nước vừa đổi thay. Cơ cực nhiều hơn hạnh phúc. Lam lũ nhiều hơn rong chơi. Nhưng hai người vẫn đến với nhau bằng tình yêu như bao nhiêu mối tình khác trên đời sống này, mặc cho sự sướng khổ, mặc cho sự bạo tàn của đời sống mới đang ngự trị. Ngày đó anh, người lính đã thua sau cuộc chiến và Nguyễn thị An Nhiên, cô giáo cấp hai đang “công tác” trong một trường ở ngoại ô thành phố. Hai người đã là bạn trước đó ít năm. Chiến trường dằng dặc, bị động viên, Tịnh đành phải xa trường, xa Nhiên. Hòa bình lập lại, tuy được gần nhau, nhưng cũng lại rất... xa! Cứ thỉnh thoảng ngày chủ nhật Nhiên hay rủ Tịnh đi dạo trên những con đường, chờ cô hoặc vào với cô trong ngôi thánh đường đang có lễ trọng, giúp cô mua một món quà... Tịnh chưa bao giờ biết tiết thời gian những lúc bên cạnh Nhiên. Có những khi, anh ngồi trước thánh đường hàng giờ đồng hồ để chờ Nhiên dự cho xong buổi lễ. Ngồi một mình nhìn mây trắng, nhìn những chú chim bồ câu trước thánh đường, những đoàn người qua lại, những dòng xe di chuyển trên đường phố mà lòng vui như mở hội. Đối với Nhiên ngày lễ là ngày vui. Chắc có lẽ cô yêu Tịnh cũng bằng tình yêu cô yêu ngôi thánh đường.

Có một lần, sau khi dự lễ xong Nhiên rủ Tịnh giúp cô đi dạo tìm mua một đôi guốc

trên đường Lê Thánh Tôn, Sài Gòn. Một ngày như mọi ngày. Sài Gòn trong ngày cuối tuần vẫn tấp nập, dù đời sống sau chiến tranh còn nhiều vất vả. Dù hoàn cảnh nào con người cũng phải làm ăn, phải mua bán và đi...dạo cuối tuần. Ngày hôm đó, đối với Tịnh là một ngày đầy “án tượng”. Nắng ấm, trời khô ran, Sài Gòn trong buổi sáng cuối tuần thật tưng bừng. Tịnh đã “lủi thủi” theo Nhiên để giúp nàng mua cho xong một đôi guốc và một vài món đồ lặt vặt khác. Khi cô mua xong trời đã đứng bóng. Ngang qua một tiệm ăn Nhiên có rủ Tịnh vào nhưng anh ngại và từ chối...không vào...

Đứng chờ chồng Nhiên ở bến xe, nơi đầu thành phố, Tịnh thấy lòng mình vui. Vui vì vừa biết được Nhiên đang hạnh phúc bên người chồng Việt Nam tị nạn, như Nhiên, như mình, vui vì được biết cuộc sống Nhiên rất hạnh phúc. Nhiên có những đứa con ngoan và một người chồng biết lo toan cho mọi người trong gia đình. Bỗng nhiên Tịnh nghĩ đến một điều: Chắc gì lấy anh Nhiên sẽ có được hạnh phúc như đang có trong hiện tại. Một con người, đôi khi, nghĩ và làm những điều không thực tế, như người đi trên mây, giống như tựa một cuốn truyện. Có một điều mà Tịnh nghĩ Nhiên không biết, đó là, sau bao năm sống xa Nhiên, và với một thời gian dài không có Nhiên bên cạnh, anh vẫn sống với những lời Nhiên ân cần dặn dò anh trong bức thư sau cùng Nhiên gửi cho anh, trước khi hai người chia tay để về làm vợ làm chồng người khác. *Giữ tâm hồn vui, giữ linh hồn trong sạch, đem hết nghị lực ra làm việc.* Nhiên đã lấy lời khuyên trong một quyển truyện của Tự Lực Văn Đoàn ra để dặn dò anh, khi Nhiên biết là không thể làm vợ anh để lo lắng cho anh suốt cuộc đời mình. Tịnh tin chắc là Nhiên không biết, đó là, chính nhờ những dòng chữ của cô, lời khuyên của cô trong bức thư ngày ấy mà Tịnh đã cố gắng sống...để không phụ lòng Nhiên cho đến tận hôm nay.

Hôm nay gặp lại Nhiên, Tịnh sẽ nói ra điều này.

Chồng Nhiên chạy xe đến, đón Tịnh về nhà. Anh lịch sự đối với người bạn học ngày xưa của vợ. Anh ân cần, tự nhiên khi tiếp chuyện. Cừ chỉ chồng Nhiên làm Tịnh thấy yên tâm. Yêu nhau đâu nứt thiết phải lấy nhau, đâu nứt thiết phải thành vợ thành chồng. Nghĩ vậy, nên Tịnh càng thấy tự tin hơn khi trò chuyện. Nhưng sau vài phút chuyện trò Tịnh biết chồng Nhiên cứ nghĩ hai người là bạn thân cùng học chung một lớp ngày trước, chớ không phải là hai người đã từng yêu nhau. Biết vậy nhưng trong hoàn cảnh như thế đâu ai đi dính chính làm gì. Nhiên kêu những đứa con ra chào bác Tịnh. Nhìn những đứa con gái trai trông thông minh và rất đẹp của Nhiên, Tịnh bỗng thấy lòng mình có một niềm đau canh cánh nổi lên. Nếu lấy Nhiên, chắc bây giờ anh cũng có những đứa con như thế với Nhiên. Ngày đó, không lấy được Nhiên làm vợ cũng vì lý do tôn giáo, lý do không cùng đạo, một lý do biết là sai trái nhưng khó có ai thay đổi được!

Buổi chiều vợ chồng Nhiên rủ Tịnh cùng đi ăn nhà hàng Tàu, như để đãi Tịnh trong một lần anh vất vả vượt đường xá xa xôi để thăm vợ chồng Nhiên. Trên đường, những đứa con của Nhiên cùng chồng Nhiên đi trước. Cha con nô đùa, cười giỡn trông rất vui, rất hạnh phúc. Tịnh và Nhiên đi sau, đi bên nhau tâm sự. Đôi việc làm ăn được kể ra. Việc học hành con cái. Cuộc sống mới trong những ngày đầu trên xứ Mỹ. Những ngày ở trại tị nạn... Và mối tình ngày trước của hai người. Giọng Nhiên không an nhiên, như tên của cô, mà u buồn như lá mùa thu đang rơi rụng, như trời mùa thu đã về trên khắp tiểu bang Virginia. Cám ơn trời, con đường từ nhà Nhiên đến quán ăn hơi xa, buổi chiều cuối tuần nhàn rỗi, cộng người chồng lịch sự biết để cho vợ có thời gian tâm sự với người bạn học ngày trước ở quê

nhà, xa cách lâu ngày nay mới có dịp gặp lại. Dọc hai bên đường trong khu phố Down Town với những mái nhà trọc trời, ánh đèn sáng chói, tên những ngân hàng trên thế giới, khi nghe đến ai mà không biết. Buổi chiều hôm nay lại gặp ngày trăng tròn. Trăng di chuyển từ quê nhà với những kỷ niệm đã chìm sâu trong ký ức, qua đến đây để chứng kiến cho một cuộc tình lại tao ngộ trong chiều nay. Qua những khe hở của các cao ốc, cành cây kẻ lá, ánh trăng từ hướng đông đã vươn lên và rọi ánh sáng trên mặt đường, trên những mái nhà, tàn lá.

- Ông xã em cố tình dẫn anh đi ngang khu Down Town để anh biết chút ít về phố xá nơi chúng em cư ngụ. Chứ nếu đi đường tắt sẽ nhanh hơn.- Nhiên bắt chuyện.

- Phố xá ở đây đẹp quá! Thành phố ở Mỹ lớn nên cái gì giữa thành phố họ cũng làm lớn và đẹp. À hay! Có bốn bức tượng nào to lớn đứng trên bốn góc của cái sân đảng kia? - Tịnh hỏi Nhiên trong ngạc nhiên.

Bốn bức tượng to lớn đã bị màn đêm bao phủ. Không thấy rõ được cánh tay khuôn mặt nên Tịnh không nhận biết là tượng giống ai. Không như trong một buổi chiều, một gia đình anh chị văn nghệ ở Arlington đã chở Tịnh trên con đường dẫn đi xem Tháp Bút ở Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn và anh đã nhận ra một tượng đá đen đang ngồi có khuôn mặt y như của khoa học gia Albert Einstein. Nhưng anh cũng quên hỏi tượng đó có phải là tượng ông không?

- Đố anh biết bốn bức tượng đó là tượng gì? - Nhiên hỏi Tịnh.

- Chiu. Không thấy mặt mũi ra sao, không tài nào đoán được! - Tịnh trả lời.

Nhiên trả lời dùm cho Tịnh:

- Hình như ít có ai đoán được, khi Nhiên đó. Đó là bốn hình tượng trưng cho Sĩ Nông Công Thương.

Tịnh ngạc nhiên:

- Nghe sao có vẻ như Á Châu quá! Cũng hay.

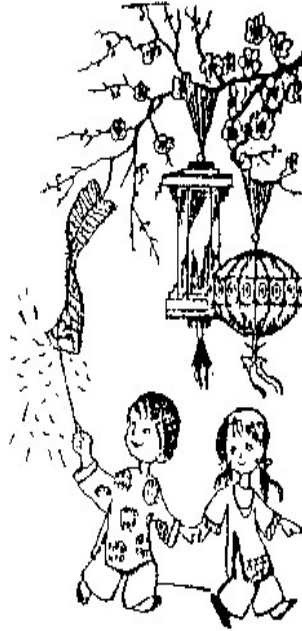
Hôm nay đi ăn tiệm, Nhiên mặc bộ quần áo màu trắng ngà. Màu rất sáng. Trong khi ấy thì chồng Nhiên và ba đứa trẻ mặc đủ màu. Bộ đồ trên người Tịnh ngược lại, lại là bộ đồ màu xanh đen. Đi đường xa, Tịnh đã chọn bộ đồ này cho nó tiện, rồi có dơ cũng ít ai thấy. Ngày trước, ở quê nhà, khi đi học hay đi dạo cuối tuần, ít khi nào Tịnh thấy Nhiên mặc chiếc quần màu trắng. Nhưng ngày hôm nay, với bộ đồ màu trắng ngà Nhiên trông còn trẻ trung, trang nhã.

- Anh thấy em bây giờ ra sao? - Nhiên hỏi
- Vẫn còn đẹp.

Tịnh trả lời thật tình chứ không vì muốn khen để vừa lòng Nhiên. Nhiên mỉm cười. Nụ cười Nhiên ngày xưa ra sao hôm nay vẫn còn nguyên. Nụ cười tươi. Có lẽ Nhiên nổi bật nhất bởi nụ cười khi đứng chung với các bạn gái ngày ấy. Vùng trời ở cuối tiểu bang Virginia buổi chiều hôm nay không rét mướt. Trời khô, nhưng có cái lạnh se se lên da thịt. Mặc cái lạnh bên ngoài, nhưng bên trong Tịnh cảm thấy thật ấm. Ngược lại với vùng đất biên giới giữa hai tiểu bang Virginia và North Carolina này, nơi Tịnh ở, Thụy Sĩ, giờ này đã có cái lạnh xuống ở một độ âm. Hôm buổi sáng ra phi trường để lên phi cơ đi Mỹ, Tịnh đã đón nhận những sợi tuyết trắng đầu mùa bay lất phất cùng cái lạnh làm rát da, dù hiện tại theo thời biểu trời chỉ là đầu thu. Nghe nói ở Mỹ ấm hơn, nên Tịnh không chuẩn bị đồ ấm, nhưng anh lại chuẩn bị mua một ít đồ ấm từ Mỹ cho ngày trở về lại Thụy Sĩ, chuẩn bị cho một năm băng tuyết nửa trong đời sống lưu vong ở xứ người. Chuẩn bị lại chiếc khăn quàng cổ trong mùa đông

và một chiếc áo Jack dày để chống lạnh.

Mấy hôm nay, nước Mỹ đang có mùa lễ Halloween (lễ Hóa trang). Trước mỗi nhà, khi Tuấn, người bạn lính, hiện tại ở Fairfax, chỗ Tịnh chạy theo Tốt, Hiền, Thắng, cũng là những bạn lính, qua những con đường, Tịnh đã thấy thỉnh thoảng những hình thù kỳ lạ, quái dị, nhưng dễ...thương ở trước mỗi căn nhà. Halloween hình như là lễ lớn đối với Mỹ? Âu châu chơi Halloween nhỏ hơn. Mỗi năm ở Thụy Sĩ, Tịnh cũng thấy các trẻ nhỏ gọt, cắt những trái bí rợ to màu vàng rực ra thành



những khuôn mặt con người, ác quỷ, dứa tợn để để trước nhà mình, và khi đêm xuống cũng tụ lại từng toán nhỏ, với mặt nạ, với quần áo đen thùng thình, kéo lê trên đường phố, đường làng, từ nhà này qua nhà khác để xin kẹo. Nhưng hình ảnh các hình người to lớn, quái dị, đứng trước những căn nhà lớn, dưới tàn lá cây sum suê, dọc trên những con đường uốn lượn ở cùng đồng bắc Mỹ này đã đập vào mắt Tịnh một sắc thái về lễ Halloween khác hơn, thú vị hơn, kỳ bí hơn là hình ảnh lễ Halloween mà đã hai mươi lăm năm qua Tịnh đã đều đặn nhìn thấy mỗi năm ở Thụy Sĩ.

Ngày đó, ở quê nhà, trong một buổi chiều, Tịnh đã đến nhà Nhiên để báo cho Nhiên một tin buồn: Vì lý do tôn giáo, không cùng đạo, gia đình Tịnh không chấp nhận cuộc hôn nhân của hai người. Nhiên theo đạo Công giáo, lại là con chiên ngoan đạo, không bao giờ nghĩ đến việc bỏ đạo. Gia đình Tịnh theo đạo Phật, lại là con trai độc nhất trong gia đình, tương lai sẽ thay thế gia đình thờ cúng tổ tiên. Đứng dưới tàn cây mai đầy lá trong một ngày cuối hè (đầu thu)

Nhiên đã khóc. Giọt nước mắt đã rơi xuống để tiếc cho một cuộc tình. Ngày ấy Tịnh không khóc, chỉ buồn, và buông trôi cho số phận. Nhưng buổi chiều hôm nay, bên cạnh nhau, không ai khóc cả, và từ cả hai cũng không có lấy một giọt nước mắt. Thời gian đã hàn gắn tất cả. Kể cả những vết thương lòng. Mái gia đình hạnh phúc, vợ chồng con cái là chất keo, chất thuốc để chữa trị những vết thương tình cảm. Nhưng Tịnh biết Nhiên không biết, là, trong hiện tại Tịnh là người khổ đau hơn Nhiên, bởi vì Tịnh biết ngày trước, khi chia tay, Nhiên là người đau khổ hơn Tịnh rất nhiều. Trên đời này, cứ hỏi, một mối tình khi dang dở ai là người đau khổ hơn? Người con trai hay người con gái? Nhưng hiện tại thấy Nhiên hạnh phúc, Tịnh có buồn nhưng đồng thời cũng thấy một niềm vui đã hiện lên trong lòng vì Nhiên đang có đời sống an vui, hạnh phúc.

Khu mua sắm và những nhà hàng sang trọng đã hiện ra trước mặt. Dòng người tấp nập trong buổi chiều cuối tuần. Màu sắc từ những ánh đèn, nụ cười rạng rỡ từ những khuôn mặt hân hoan của mọi người làm Tịnh, là người đang xa nhà gần nửa vòng địa cầu, là người xa lạ với xứ sở nơi đây cũng thấy vui vui.

Chồng và các con Nhiên muốn trốn cái lạnh sớm, đã nhanh chóng lách mình qua chiếc cửa để lọt vào bên trong nhà hàng. Hiện tại chỉ còn Tịnh và Nhiên đứng bên ngoài. Tịnh không bỏ lỡ cơ hội, anh nắm lấy bàn tay Nhiên và bóp mạnh. Nhìn ánh mắt Nhiên, anh nhớ lại ngày nào, trong bức thư gửi Nhiên với lời thơ học trò anh đã viết:

*Yêu nhau chỉ một tia nhìn
Ngàn năm muôn thuở chữ tình còn đây*

Bàn tay Nhiên hơi run lên, hơi ấm tỏa ra. Anh chúc Nhiên được mãi mãi hạnh phúc, mãi mãi được mọi điều may mắn trong đời. Ngược lại, Nhiên lại không chúc Tịnh gì cả, cô để yên bàn tay ấm, mềm mại trong tay

Tịnh. Cô nhắc lại một kỷ niệm và hỏi Tịnh, như cô nghĩ sẽ không bao giờ có dịp để hỏi:

- Anh còn nhớ buổi sáng anh dẫn em đi mua đôi guốc ở Sài Gòn không?

- Nhớ. Và nhớ cả buổi sáng dẫn em đi mua chiếc đồng hồ nữa kia. – Tịnh trả lời.

- Không. Em muốn hỏi lần đi mua đôi guốc kia!

- Vẫn còn nhớ. Nhưng sao? Ngày đó ra sao?

Nhiên cười:

- Em nhớ, khi mua xong đôi guốc thì trời cũng đã trưa. Khi đó, đói bụng quá, em có rủ anh vào một tiệm mì để ăn, nhưng anh ngại không vào, nắm tay em kéo đến hướng xe bus đi về.

Vừa nghe xong lời Nhiên, Tịnh thấy như nhip tim mình đã đứng lại. Nhưng anh không đứng chính lời cô. Việc này chỉ mình anh biết và chắc chắn Nhiên không bao giờ biết, đó là, khi ấy anh đâu có đủ tiền trong túi cho một lần đi ăn với người yêu! Anh chưa có chuẩn bị. Sau 75, lính thì ai cũng nghèo, và anh cũng không ra ngoài ngoại lệ. Đi ăn quán mà để “cô giáo” bao à? Tệ quá!

Tịnh biết là kể từ giây phút này, Tịnh có thể bao Nhiên cả cuộc đời cho những lần đi ăn, nhưng anh không bao giờ còn có dịp nữa. Trên bàn ăn chồng Nhiên đã kêu đầy thức ăn ra bàn. Nhưng nhớ lại chuyện đứng trước tiệm mì ở Sài Gòn ngày trước Tịnh không còn muốn ăn gì cả, mặc cho mọi người đều nói chúc ăn ngon. Nhạc trong nhà hàng Tàu đã bắt đầu với lời nhạc *Mùa thu lá bay anh đã đi rồi...*

VŨ NAM
(Germany)

- 1): Thơ Hoàng Song Liêm
- 2): Thơ Hoàng Trùng Dương
- 3): Viết theo ý thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung
- 4): Thơ Quỳnh Anh
- 5): Thơ Kiều Anh

THẦY TÔI VÀ TÔI

Thườ còn bé, làng tôi có vị sư trụ trì chùa Từ Tôn được mọi người, không kể *lương* hay *đạo*, kính mến gọi là thầy.

Thầy ở đây có nhiều nghĩa, vừa là vị hòa thượng đức cao đạo trọng, vừa là người lâu thông chữ nghĩa sách vở thánh hiền, vừa là vị cha già lớn tuổi kính mến, am hiểu sâu sắc trường đời, sống trọn vẹn thủy chung với nghĩa tình bà con làng nước.

Người ta cũng không bận tâm tìm hiểu pháp danh của thầy làm gì, chỉ thường dùng tên chùa mà gọi, lâu dần trở thành nề nếp quen thuộc, từ đó thầy có tên là Từ Tôn. Theo lời thầy giải thích thì chữ Từ dịch chữ tiếng Phạn, có nghĩa là Di Lạc. Hay nói cách khác, Đức Thế tôn Di Lạc (*Maitreya*) có danh hiệu là Từ. Chữ Từ Tôn cũng dùng để chỉ Đức Thích Ca và chư Phật, vì các ngài đều đủ lòng đại từ đại bi và lấy đại từ đại bi làm gốc.*

Ngoài tri thức đạo pháp uyên thâm là điều tất nhiên của bậc dày công tu hành, thầy còn am tường thấu đáo được đạo trời của tạo hóa nhiều lẽ biến thiên, huyền diệu, nhiệm mầu vô biên. Riêng với con người, bất cứ trong tình huống nào, thầy bao giờ cũng tỏ ra khoan hòa, độ lượng và chân thành. Chẳng gắt gỏng, nặng nề, chì chiết với ai và chưa hề thể hiện một chút bực tức, giận hờn nào. Với thầy, dường như mọi sự ở trên đời đều được gạn lọc, hóa giải qua cái tâm tĩnh lặng, nhân hậu bác ái của bậc tu hành. Nét từ bi lộ lộ trong phong thái sinh hoạt hàng ngày. Thầy sống, kinh kệ cần mẫn, làm việc siêng năng, hoạt động tích cực. Chuyện Đạo, Đời thầy đều xem quan trọng như nhau, hoàn tất chu đáo mọi việc nhẹ nhàng chẳng chút lơ là, chểnh

mãng. Hễ cứ nhà nào, người nào trong làng gặp phải cảnh tai ương hung hiểm hay lâm vào tình huống ngặt nghèo bất trắc, thậm chí chuyện vợ chồng con cái lục đục, bất hòa ... thì hầu như đều có mặt thầy xuất hiện vào lúc sớm nhất để giúp đỡ, xoa dịu, an ủi hay hòa giải, hàn gắn mọi vết thương đau. Khó khăn cách mấy thầy cũng cố gắng tìm cách làm cho bằng được, thậm chí còn làm thật tốt nữa là đằng khác. Hầu như mọi người đều lĩnh hội lời khuyên của thầy để áp dụng cho cuộc sống hiện tại của họ.

Không chỉ chừng đó. Tâm của thầy còn sáng ngời tình thương sâu sắc, có ý nghĩa góp phần vun bón thêm mảnh đất qũ hương chút mầm xanh tương lai dành cho thế hệ con cháu mai sau qua việc làm thực tế đầy tình người của bậc thức giả. Thầy đứng ra vận động với chính quyền tỉnh, thành và sở tại địa phương, cũng như các tổ chức từ thiện quốc tế để xin kinh phí xây dựng một trường học nhỏ nằm trong khuôn viên chùa, bắt đầu thực hiện kế hoạch khai hóa cho các em học sinh con nhà nghèo hoặc cô cút. Nhờ vậy, tôi bắt đầu bài học khai tâm lớp vỡ lòng trong ngôi trường chùa nghèo, không học phí của thầy tạo dựng.

Có ai hỏi nhờ đâu mà được vậy, thầy trả lời nhờ vào cái Tâm có chữ Nhân. Lâu dần, người dân cảm hóa, xem thầy Từ Tôn là hình ảnh của Bồ Tát “ *thị hiện* “, xem lời nói hiếm hoi của thầy là vàng ngọc, là mệnh lệnh xuất phát từ trái tim nhà Phật, xem việc làm của thầy là cứu độ chúng sanh.

Thầy chỉ nói lúc cần thiết. Tôi còn nhớ có lần thầy nói với mọi người một câu mà mãi đến nhiều năm tháng sau này khi trưởng

thành, lăn lộn vào giông bão cuộc đời, tôi mới thấu hiểu được phần nào lý lẽ thâm sâu của bậc chân tu “ *hành thâm Bát nhã* “: “ *Giá trị lời nói không phải phát ra từ người mình kính trọng, mà chính vì sự kiểm chứng chính xác của người nghe, hợp với năng lực trí tuệ và con đường tâm linh của mình. Đời sống tâm linh cao đẹp là con đường chứng nghiệm.* “ Qua lời thầy, qua cung cách sống của thầy, tôi hiểu về Đạo thấm nhuần và dễ dàng hơn.

Tuổi ấu thơ của tôi lớn lên, gần gũi trong khung cảnh lớp học và sự trầm lặng của khuôn viên ngôi chùa làng cùng với hình ảnh của các chú tiểu và những vị sư tăng sớm tối kinh kệ. Lớn hơn một chút nữa, cha mẹ cho tôi gia nhập vào đoàn thiếu niên oanh vũ gia đình Phật tử Từ Tôn cũng do thầy chủ xưởng thành lập trong cao trào thịnh phát của Phật giáo miền Trung vào thời điểm cuối thập niên 50. Tôi lại có thêm cơ hội rèn luyện bản thân theo con đường giáo huấn khuôn phép, lễ nghi Phật đạo. Hàng tuần cùng các anh chị huynh trưởng và các bạn trang lứa, tôi học giáo lý, lên Niệm Phật đường thắp hương đánh lễ Phật, tập tụng niệm kinh cầu an, cầu siêu, sám hối. Việc học hành tu tập tưởng nhẹ như mây trôi, giản dị như trong đời sống bình thường, nào ngờ chẳng đơn giản chút nào và không làm sao hấp dẫn được đứa bé hiếu động, nghịch ngợm, ưa leo trèo chạy nhảy hơn là ngồi yên một chỗ nắn nót từng chữ viết, ê a từng lời kinh khó hiểu như tôi. Học giáo lý, nghe thuyết giảng nhưng quả thật tôi chẳng hiểu biết là bao. Khi phát biểu lại, nếu không lệch lạc thì cũng chưa chắc đã đúng (*thuật nhi bất trước*). Tôi chỉ làm một thứ “ *répétiteur* “ đơn giản mà cũng không xong, bởi lẽ, tôi chưa nhận diện được *thực hư, chân giả*. Càng học càng thấy khó, càng tu rèn càng thấy khổ. Con đường học, đạo sao mà nhiều khê quá. Tuy vậy, lớn dần vào độ tuổi suy nghĩ, tôi vẫn là đứa trẻ hấp thụ được những tinh hoa của cửa thiền thật trong sáng, thuận lòng. Đó là

may mắn nhờ vào ngộ tánh cao. Cái bản thể chân thật, tự tại, bao quát minh mông vô tận vô biên, chính là cái bản thể chung, tốt lành khởi đầu của chúng sanh như câu: “ *Nhân chi sơ tánh bốn thiện.* ” Phật học đã âm thầm gieo vào lòng tôi một hạt nhân quý hiếm từ lúc nào mà thời đó tôi chưa cảm nhận được. Đó là thiện căn. “ *Thiện căn ở tại lòng ta, chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài* “ (*Kiều*) Mãi về sau, trên bước đường đời long đong, vấp ngã tôi mới suy nghiệm ra lời thầy ân cần dạy bảo ngày xưa là chân lý tuyệt vời: “ *Tâm không bình an thì có cầu ngàn câu kinh cũng vô vọng. Miệng niệm, tâm hành, ắt tâm khẩu ứng nhau. Bốn tánh là Phật, rời tánh ra, không có Phật nào khác. Đến với Phật trước hết là phải đến với cái Tâm. Con đường tu hành xuất phát từ căn nguyên đời sống tâm linh và khởi đầu từ ý chí nỗ lực tự nguyện cá nhân.* “ Quả vậy, miệng cầu niệm cả ngày lẫn đêm mà tâm chẳng thiết thành thì hóa ra như ảo như vô, như nước chảy mây trôi. Có lầu thông ngàn vạn quyển kinh mà không “ *thực chứng* “ để nếm trái, để am tường, để thông suốt mà “ *hành thâm Bát nhã* “ thì phỏng có ích gì. Trong cuộc sống ngập tràn những bất trắc, lo toan, căng thẳng, đầy rẫy những nguy cơ tật bệnh ... khiến con người chán chường, không còn thiết tha mọi thứ, kể cả mạng sống quý giá. Vậy Đạo phải “ *Hành thâm* “ thế nào để giúp họ tái tạo lại cái Tâm lạc quan, thay đổi nếp suy nghĩ, có cái nhìn mới mẻ về cuộc sống, về cõi người, về tình cảm ... để thấy cuộc đời đẹp hơn, cuộc sống quý giá và đáng sống rồi từ đó họ đứng dậy, vươn vai, nhập cuộc làm lại từ đầu, góp phần xây dựng xã hội ngày càng thăng tiến và có trách nhiệm hướng dẫn thế hệ kế thừa đi vào con đường Chân, Thiện, Mỹ.

Có nhiều cách giải thích từ “ *hành thâm* “ nhưng tựu trung ý nghĩa cũng tương tự nhau là “ *thực hành sâu xa* “, “ *thực tập một cách thâm sâu* “ và phải thấy “ *thực chứng* “ trực tiếp chớ

không phải chỉ giỏi suy luận. Cụm từ “ hành tâm Bát nhã “ nếu viết đầy đủ phải là “ hành tâm Bát nhã Balamậtđã “. Hai chữ Bát-nhã (Prajnâ) nghĩa là Trí huệ và Balamậtđã (Paramita) là : Vượt qua bên kia tức Niết Bàn, tiếng Phạn viết liền nhau - Prajnâ-Paramita. Dịch ra tiếng Hán thì Bát nhã Balamậtđã có nghĩa là : Trí huệ đáo bỉ ngạn. Tóm lại, bậc Bồ Tát nhờ nương theo Bát nhã Balamậtđã nên trong tâm không có điều gì ngăn trở, không hề thấy mình lo sợ, xa lìa mộng tưởng điên đảo đắc Niết bàn trọn vẹn. *

Tôi già từ mái trường tiểu học chùa làng, bước lên bậc trung học ở trường tư thục thành phố. Vào lứa tuổi dậy thì, khởi đầu những biến động tâm sinh lý với những mơ mộng, những xao xuyến rạo rực lửa đam mê dục vọng, khiến tôi không ít suy nghĩ viển vông lẫn thẩn trong tâm hồn. Đêm ngồi một mình nhìn ánh sao trời, ngắm cảnh nam thanh nữ tú dập dìu qua lại phố phường ngập tràn ánh sáng đèn màu hay nằm thao thức nghe tiếng gió luông qua khe cửa, nghe tiếng mưa rơi lộp độp trên mái hiên ... lòng bổng đứng tư lự, băng khuâng vô cơ. Tôi bắt đầu suy nghĩ đến tình yêu và ái ân. Hình ảnh những khuôn mặt khả ái với mái tóc thề phủ bờ vai, chiếc nón lá che nghiêng, những tà áo dài nữ sinh tha thướt tung bay trong gió, quần quít ôm sát bắp đùi tròn lẳn, những đường viền chữ V trên cặp mông nở nang ẩn hiện chập chờn sau vạt áo dài, những bước chân chim tung tăng đi đến trường với chiếc cặp sách trên tay, e ấp che hờ khuôn ngực tròn trịa chắc nịch con gái ... làm tôi xốn xang phải ngoảnh mặt. Nhìn thì phạm tội ; Ngó lơ thì tiếc, cũng chẳng hết tội. Ý niệm giữa Đạo và Đời nảy sinh trong tư tưởng tôi những tranh chấp quyết liệt. Và lần nào cũng vậy. Phần đời lúc nào cũng thắng thế. Làm sao để định tâm lại vẫn là suy nghĩ trăn trở trong lòng. Tôi kiểm điểm rồi nhớ lời thầy dạy, tự nhắc nhở mình : tu tại Tâm, tu tại Tâm, tu tại Tâm ... Tôi quyết định dành thời

gian rời rảnh trở về thăm lại chùa hàng tuần. Hy vọng với tiếng mõ câu kinh, với giáo lý giải kết, với lời dạy của thầy, với không khí trầm lặng trang nghiêm ... sẽ giúp làm dịu đi những xao xác trong lòng. Tôi cố tìm kiếm, truy lục lại nguyên nhân của lầm lạc mê muội, phát sinh của đam mê dục vọng, dẫn dắt đến cội nguồn thất tình lục dục, sinh tử, luân hồi, đau khổ mà tôi thường biết là vô minh.

Vô minh nghĩa là tâm si ám, không có huệ minh, tức là mê si, tăm tối, phiến não. Vũ trụ kia vốn hỗn độn vô minh, trái đất thì nhỏ bé, con người lại càng quá bé nhỏ ... Thế giới bí mật chỉ nằm trong một vài dạng thức cơ bản : âm dương, thiện ác, phải trái, đúng sai, xấu tốt, trẻ già, trên dưới, trước sau ... Con người mãi lẩn quẩn vướng vào mê lộ của những mối quan hệ không cân bằng, tất yếu sẽ nhảm lẫn và dẫn đến rối beng. Sự nhảm lẫn càng lúc càng chồng chéo lên nhau, càng lâu càng hỗn độn khiến con người bất khả tri, mãi mãi vô minh.

Ngược với vô minh là *giác ngộ*. Nhận thức cái đúng, cái sai làm theo điều đã xác định là chân lý, là thông hiểu chân lý mà hướng theo.* Tỷ như bên ngũ, bên thức. Ngũ là *mê*, thức là *giác*, tỉnh ra là *ngộ*. Một bên là *ánh sáng*, một bên thì *tăm tối*. Một nẻo là *mê*, một đường là *tỉnh*. Cả hai ví như chỉ cách nhau một dòng sông. Bên này là bến mê, là lầm lạc, là những cái chưa thành tựu. Vượt thoát qua bờ bên kia thì tỉnh ngộ, dứt mê hết lầm, là có thể ra khỏi nơi tăm tối u ám, kết quả viên mãn. Nơi ấy, hiểu thấu đáo, mọi điều thiện ác, xấu tốt, đúng sai, phải trái, chân giả ... đều minh bạch, không còn tà kiến về sự hiện hữu cố nhiên của sự vật, con người. Muốn đạt được điều ấy chẳng phải dễ dàng gì. Đó là con đường mịt mù thăm thẳm đòi hỏi kẻ tu hành phải nhẫn nại, quyết tâm, kiên trì thiền định tu học, suy nghiệm dài lâu. Nghĩ vậy, tôi nhớ lần thầy giảng giải cho chúng tôi hiểu về bức tranh Thập Ngưu Đồ, một ẩn dụ sâu sắc

về quá trình tu đạo nhuộm màu Lão, đượm màu Thiền. Thầy bảo chúng tôi phải luôn luôn cố gắng.

“Thập ngũ đồ là một bức tranh lớn trong đó bao gồm mười bức họa nhỏ theo trình tự. Bức đầu vẽ hình một con trâu đen lêu lổng, bướng bỉnh, thích sống tự do và gần gũi với thiên nhiên. Tiếp theo, trâu bị con người bắt xỏ mũi, dẫn dắt. Sống với người, dần dà trâu thuần phục, mầu da đen biến thành trắng từng phần, từ đầu lan xuống đến đuôi. Khi đã trắng hoàn toàn, lúc đó dây xỏ mũi không còn, người cũng chẳng cần chăn dắt. Bức kế tiếp, trâu và người ung dung, thanh thản chẳng có gì ràng buộc nhau, nhẹ thênh thênh. Đến bức vẽ thứ chín, trâu bỗng biến mất, người vỗ tay chỉ còn tiếng vọng âm của đất trời. Bức thứ mười, trên trang giấy trắng là một vòng tròn trống không : không người, không vật, không dây trói, không ràng buộc, không nhọc công chăn dắt, không núi sông, nhà cửa, nương ruộng, không màu, không sắc ... tất cả chỉ còn lại cái hư vô độc nhất : không thực. “

Tôi nặng đời trần tục, mãi mê luyện dục vọng, đã vụng về lại thêm chây lười tu tập mà tiến trình học đạo thì quá cao thâm, mệnh mỏng và dài dằng dặc, làm sao có thể đạt tới đích ? Tội nghiệp, tôi làm thân tầm ăn dâu để nhả tơ mong hưởng thượng, nào ngờ, tơ dâu chẳng thấy mà thấy nhả ra lại toàn là dâu mình đã ăn, chẳng thể tiêu hóa được. Đời tôi còn vương vấn quá nhiều lục dục thất tình nên chi, là một phật tử mà lại không dám quy y vì sợ phạm luật, phạm giới cấm. Nam mô a di đà Phật, lời thầy dạy con biết là không thể nào thực hiện nổi, xin thầy rộng lượng thứ lỗi cho con. Từ đó, tôi lặng lẽ bỏ cuộc.

Trong quá trình sống, học tập, sự phát triển con người là một lộ trình dài dằng dặc đầy chông gai và thật vất vả, khó khăn. Nhưng

chính nhờ vậy con người mới có thể chinh phục, chế ngự, thôn tính các thế lực chung quanh để chiếm hữu vạn vật muôn loài. Trong hoạt động, họ luôn luôn tiếp nhận mọi nguồn thông tin từ ngoại giới. Con người lại có khuynh hướng tò mò, tìm hiểu những biến động bao quanh mình, đồng thời muốn biểu hiện về mình, yêu mến thân mình, bảo tồn những sở hữu của mình như vợ con, nhà cửa, đất đai, tiền bạc ... Như vậy, con người có đầu óc nhận xét được đúng sai, có trí tuệ biết hy, nộ, ái, ố chứ đâu phải là vô tri vô giác, không sáng suốt. Đó là quan điểm tiến bộ. Nhưng theo triết lý kinh điển Phật môn thì con người hành động nhưng không biết là mình đã vướng vào các mối phiền lụy, khổ não, đọa lạc, luân hồi vì cái ngã chấp, ngã kiến đó. Cũng như trong cuộc sống đầy rẫy mê luyến, dục vọng không thiếu những đổ kỵ, tranh chấp, tà kiến ... nên phải sử dụng thủ đoạn, mưu mô thâm độc để loại trừ nhau, hại nhau. Bình thường có mấy ai nghĩ đến hay tin vào thuyết nhân quả của nhà Phật.

*Nhân quả tức là nhân duyên và quả báo. Nhân là cái có thể sinh ra quả. Quả là cái vật do nhân để ra. Có nhân ắt có quả, có quả ắt có nhân. Đó là cái lý lẽ nhân quả (nhân quả chi lý), cái luật nhân quả (nhân quả luật) (Loi causale, rétribution des actes). Muốn biết cái nhân đã qua, hãy xem cái quả hiện tại ; Muốn biết cái quả về sau, hãy nhìn cái nhân hiện tại. Nhân quả nhân tiền. (Rõ ràng nhưn-quả dở dang, Đã toan trốn nợ đoạn tràng đặng sao ?) (Kiều) Nhân quả là lẽ tự nhiên, là luật định sẵn, không chạy chối đặng. Tỷ như tiếng gọi ở thình không liền có tiếng dội vọng lại vậy.**

Có lẽ vô minh là sự nhận diện lầm lạc về thực tại, thực tại về mình và những gì ở ngoài mình. Bên trong là cái Ta, cái Ngã. Cái mà mình tưởng là Minh, thuộc về mình, là Ta, của ta chắc gì đã là mình, là ta. Thế giới sự vật

bên ngoài, ta tưởng là có thật như thế, rõ ràng nhất định thế, tất nhiên thế, phải chấp nhận thế, chắc gì đã là như thế. Cái Ngã to lớn, chơn chất, thành thật vẫn có ở chúng sanh. Nhưng chúng sanh bị vô minh phiền não che bít nên chẳng thấy được nó. Có thể đó là ảo tưởng, ảo tưởng về NGÃ, THA. Cõi cái ngã là giả dối, là tạm hiệp, là Không – mình cũng không, các sở hữu của mình cũng là không : cho đến chúng sanh và mọi vật, mọi cảnh cũng đều là không. Ảo tưởng có khả năng mê hoặc dễ dẫn đến sai lầm : Tưởng thật hóa ra giả. Tưởng tương lai thì ra là quá khứ. Tưởng có biến thành không. Tưởng vững bền thật ra là phù phiếm mong manh. Tưởng hạnh phúc hóa ra đau khổ. Mà đau khổ thì ngập tràn trong cõi trần thế vì vô minh theo tư tưởng Phật giáo. Nhà học đạo chân chánh phải biết rằng cõi đời tạm bợ vốn hư hư ảo ảo. Cái bản ngã tức thân-tâm là giả, vốn không (1). Giác ngộ một cách rốt ráo như vậy thì đắc đạo. Tưởng quyết như vậy mới dứt bỏ được căn bệnh phiền não, việc tu hành mới dễ bề đạt thành chánh quả.

Tôi nhận thức ra được phần nào chân lý vi diệu trên cũng nhờ thầy khai mở, điểm hóa ban đầu. Nhưng cái cốt lõi vẫn chính là suy nghiệm của bản thân mình. Về sau, tôi tập nhìn vào quãng đời dài, rất dài nổi long đong của mình mà phán xét, suy ngẫm. Có lẽ nhờ vậy mà trên bước đường truân chuyên, chìm nổi, tù đày, lưu lạc ở mai sau đã giúp tôi phần nào đứng vững, không ngã quỵ vì tai ách nghiệt ngã, bất hạnh, thất vọng và đau khổ.

Cõi trần thế, chúng sanh còn ngập chìm trong bể khổ trầm luân tham, sân, si, biết nhờ ai cứu nạn? Đức Quán Tự Tại cũng chính là Đức Quán Thế Âm. Phạm ngữ là Avalokitesvara, là hình tượng một vị Phật Bà, một phụ nữ xinh đẹp rất hiền từ, rất dịu dàng, luôn luôn có nhánh *đương* và bình *tịnh thủy* chứa đầy nước “ *cam lồ* ” trên tay, chu du khắp thiên hạ với hạnh nguyện cứu vớt sinh

linh còn đang lâm than, đắm chìm trong cảnh đọa đày. Ngài “ cứu nạn cứu khổ ” với bất cứ ai, lúc nào, ở đâu khi có người cầu xin cứu giúp. Quán Tự Tại Bồ Tát tức Quán Thế Âm Bồ Tát. Bồ Tát dịch từ Bodhisattva, phiên ra tiếng Hán là Bồ đề tát đỏa (Bồ đề : giác ngộ trọn vẹn ; Tát đỏa : chúng sanh), nghĩa là người đã giác ngộ, đã tỉnh thức trọn vẹn nhưng chưa “ lên ” ngôi vị Phật, hoặc đã thành Phật nhưng vì lòng thương “ cõi người ta ” mà Ngài còn nấn ná ở lại giúp chúng sanh được giác ngộ, tỉnh thức như mình. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát phát nguyện : “ Khi nào thế gian còn một người đau khổ, thì ta còn ở lại để cứu độ. ” Do vậy, người ta thường gọi Bồ Tát là “ Phật hữu tình ” *. Cái quý của Đạo Phật là ở chỗ đó, giải thoát, phổ độ, cứu vớt con người tránh khỏi cảnh trầm luân khổ đau.

Đức Quán Thế Âm còn có khả năng *thị hiện* ra đủ hạng người để dễ tiếp xúc, gần gũi với họ mà lắng nghe “ tiếng kêu của trần thế ”. Do vậy, người ta thường cầu nguyện Đức Quán Thế Âm mỗi khi gặp điều hung hiểm, tai nạn, bất hạnh hay hoàn cảnh bế tắc không lối thoát, đau khổ tử sinh vì tin rằng Bồ Tát có thể nghe thấu được lòng mình và sẵn sàng phù hộ độ trì mình. Khi con người đã giải bày được hết nỗi lòng uẩn khúc và tin rằng có đấng quyền năng sẵn sàng nghe mình, giúp mình, không xua đuổi, hắt hủi thì người ta đã tự giải quyết được phần lớn vấn đề rồi, bởi lúc đó con người đã tự tin, sáng suốt trở lại để có thể có những quyết định đúng đắn, như tấm kiếng bị mưa che mờ được lau chùi sạch sẽ.

Người thầy thuốc dành thời gian quý báu, sẵn sàng lắng nghe bệnh nhân trình bày căn bệnh là đã thực hành được một cái *hạnh* của Bồ tát. Sư phụ chịu khó chú ý nghe học trò giải bày lỗi lầm với tấm lòng độ lượng và vị tha ; Thầy và trò cũng đã thực hành được một *hạnh* của Đức Quán Thế Âm. Tự nguyện giúp đỡ người tàn tật đau khổ một cách chân tình và thấu cảm, đó cũng là một cái *hạnh* của nhà

Phật. Tóm lại, *hạnh Bồ Tát* mênh mông vô tận trong cõi ta bà thế gian đất trời.

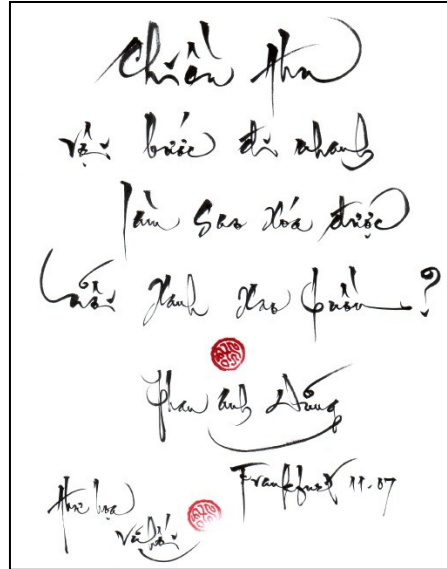
Lần thứ hai tôi nghe tiếng súng vang rền trong thành phố quê hương vào tết Mậu Thân 68, nơi đặt bản doanh Bộ Tư Lệnh Quân đoàn I – Quân khu I.

Lần đầu tiên là biến cố Phật Đản 1963 đã đẩy những người tu hành ra khỏi mái chùa tĩnh lặng. Phật giáo đứng lên đấu tranh, khởi đầu là ở miền Trung chống kỳ thị tín ngưỡng, đàn áp tôn giáo, đòi chính quyền thực hiện bình đẳng niềm tin dựa trên căn bản tự do và công bằng xã hội. Người Phật tử ý thức rõ rệt thực tế đạo không lìa xa đời và quan niệm hạnh phúc của mình chính là hạnh phúc của kẻ khác. Người người xuống đường. Nhà nhà xuống đường. Chợ búa không nhóm họp, công sở không làm việc, trường học đóng cửa không dạy. Người dân hiền hòa, chất phác xuống đường chỉ bằng vào lòng tin tín ngưỡng tuyệt đối, sẵn sàng tử vì đạo pháp. Huế, Đà Nẵng bị nhận chìm trong màn khói lựu đạn cay lẫn khói súng đủ loại.

Người chết, người bị thương lác đác. Rồi tiếp đến Qui Nhơn, Nha Trang, Sài Gòn đứng lên, cũng sục sôi hừng hực khí thế. Các tăng ni sư sãi đầu trần chân đất, trên tay không một tác sắt tự vệ mà niềm tin thì như long trời chuyển đất. Họ bình thản đối mặt với những đội quân tinh nhuệ nhất, trang bị vũ khí hiện đại nhất, có khả năng giết người hàng loạt mà tâm họ không hề nao núng, sợ sệt. Tâm vì Đạo pháp.

Có kẻ bảo rằng, cuộc tranh đấu Phật giáo là của bọn vô chính phủ. Tôi nghĩ, chả lẽ cả miền Nam vô chính phủ hết hay sao ? Vậy

những người lãnh đạo quốc gia ở đâu ? làm gì? Há lẽ cái chết của nữ sinh Quách thị Trang, 8 cuộc tự thiêu của tăng ni Phật tử, đặc biệt là của Hòa thượng Thích Quảng Đức và cảnh xuống đường biểu tình của hàng vạn nhân dân, giam cầm hàng ngàn Phật tử lại trở thành vô nghĩa tất cả hay sao ? Nước Việt, với bốn ngàn năm văn hiến, hơn nửa thế kỷ qua đã không sản sinh ra nổi một con người yêu nước thương nòi đích thực. Ngược lại, còn đem hận thù chết chóc gieo rắc xuống lương dân.



Thế mới hay, chính những người vô trách nhiệm, thiếu lương tri hay nói trắng ra là vô đạo mới có những lời phát biểu cuồng ngông như vậy. Kết quả cuối cùng đã chứng minh, đó là sự cáo chung của chế độ.

Trong chiến tranh, lớp trẻ là nguồn lực dồi dào nhất có thể huy động bất cứ lúc nào để bảo vệ tổ quốc. Lớp trẻ nhận lãnh trách nhiệm đối với quê hương như một niềm vinh dự to lớn nhưng cũng là thành phần chịu thiệt

thời nhất. Chưa kịp hiểu rõ đời đã bị đẩy vào đời. Chiến tranh bùng phát ào ạt như ngọn lửa táp ngang mảy.

Tôi có lệnh gọi động viên khi đất nước còn mang cái tang chung của mùa Xuân 68.

Số tôi, học hành không đạt, Đạo hạnh cũng chẳng thông, bây giờ tôi nhập Đời học cách giết người, uống rượu, tà dâm, dối trá mà trong trí vẫn thuộc nằm lòng năm điều răn cấm của *ngũ giới* nhà Phật là : chẳng sát sanh, chẳng uống rượu, chẳng nói láo, chẳng tà dâm, chẳng trộm cướp ; còn Nho giáo thì có

Ngũ thường là : bất nhơn, bất nghĩa, bất lễ, bất trí, bất tín. Tôi ngẫm, mình chỉ còn thiếu một cái nữa là *phạm* đủ ngũ giới, ngũ thường. Mặc cảm tội lỗi dằn vặt, hành hạ không ít, tôi sống lạng lẽ cô đơn, xa lánh mọi người.

Mang tâm trạng bất ổn đó, tôi bước vào quân trường. Thời gian trui rèn, thao luyện đổ mồ hôi. Ngày, bận bịu tất bật với những bài học tác xạ, chiến thuật, lãnh đạo chỉ huy, tác chiến trong rừng, trong thành phố ... Đêm, không đi trực tuyến thì tập dạ hành hay quân phong quân kỷ, trình diện dã chiến ... Từ mờ sáng đến tối mịt, lúc nào quân trường cũng rầm rập tiếng đếm nhịp bước đều, đâu đâu cũng nghe vang vang hành khúc : “ Đường trường xa ... Đoàn hùng binh ... ” Thân xác mệt mỏi rã rời, đầu óc trở lỳ chai cứng, “ Cư an Tư nguy “ mang trên vai áo trong quân trường Thủ Đức tưởng nhẹ tênh mà thật ra lại quá nặng nề, nặng nề. Khi an không quên lúc nguy, khi vững đừng xao lãng có thể mất, khi trị phải nhớ lúc loạn ... cho hay, khi tổ quốc đã tin tưởng giao phó, ủy thác lớp người trẻ trọng trách bảo vệ núi sông thì không thể chểnh mảng coi thường được. Thế rồi lâu dần cũng quen. Đời Sinh viên Sĩ quan càng lên cấp trưởng càng nhẹ nhàng, nổi lao nhọc khó khăn ban đầu với đi, giúp tôi loại bỏ được chán chường, quân bình lại tâm lý. Tôi thấy mình trưởng thành lên, tự tin hơn và yêu đời ra. Có lẽ, nghiệp dĩ nhà binh với đôi giày saut bộ quần áo trận thích hợp với cuộc đời tôi hơn. Hãnh diện cũng từ đây mà gian nan cũng bắt đầu từ đây.

Thời gian lạng lẽ trôi, hết giai đoạn một qua giai đoạn hai rồi đến ngày mãn khóa. Chọn đơn vị. Ai cũng sợ đi vùng I, tôi chọn. Lính ở đâu mà chả đánh giặc. Chọn binh chủng. Thứ lính ít người thích, tôi chọn. Lính gì cũng là lính, cũng phải đánh giặc chứ có tà tà ở nhà bát phố đâu. Tôi vốn dĩ ghét chiến tranh. Chiến tranh chết chóc điêu tàn, ai mà

không ghét. Tuy nhiên, vì yêu tự do, chống mọi hình thức độc tài nên đã vào lính thì phải chiến đấu, phải là lính “ thứ thiệt “ mới là lính, mặc dầu đời lính tác chiến gian nan, khổ cực, sống chết chẳng ai lường trước từ quan đến đờ dzem cùi bắp. Vất vả không ít, bị xài xể cũng nhiều mà còn răn đe thường xuyên hơn là an ủi, khuyến khích. Tháng nào không băng rừng vượt suối. Tuần nào không chết chóc bị thương. Đánh giặc như ăn uống hàng ngày. Chiến trường luôn thúc giục, réo gọi người lính ra đi. Lại lên đường, lại nhập trận, không từ chối tránh né được. Kỷ luật mà. Lính nào mà không kỷ luật. Không kỷ luật, không có quân đội. Ở đâu người lính cũng sẵn sàng, chết sống do phần, thương vong có số, đời người dài ngắn bởi trời cả. Bom rơi đạn lạc là chuyện thường tình, số chết thì chỗ nào cũng chết, có trốn ở nhà cũng ăn đạn tiêu tòng. Người lính chiến kiêu hùng bất khuất, hào khí ngất trời là ở chỗ đó. Họ chết cho nhau lúc hiểm nghèo dễ dàng, tự nhiên vô cùng như người đời thường nói : xem cái chết nhẹ tựa lông hồng. Anh hùng, tử sĩ mấy ai nghĩ tới lúc thập tử nhất sinh đó. Họ giết nhau cũng bình thường, nhưng không hề nghĩ phải giết người để trở thành anh hùng, mặc dầu hiểm kẻ anh hùng nào mà lại không giết người nhưng điều khác nhau là cách giết, lý do giết và giết ai ? Giết kẻ thù thấy máu run tay, chưa phải là anh hùng.

Cứ nghĩ thế rồi lòng thanh thản, tôi trải qua hết trận này đến trận khác chẳng mấy khó khăn. Hao hụt thì bổ sung. Bạn bè chết, buồn phát khóc cũng không tồn tại lâu, mà vui với bạn mới cũng chỉ trong giây lát bất chợt. Vui buồn lẫn lộn. Thương tích, chết chóc như người bạn chung đường. Nổi đau chiến tranh người lính chứng kiến hàng ngày tưởng như sờ nắm, cầm bắt được. Chiến tranh thăm lăm, tự nó vốn đã tàn bạo. Dân Việt quá khổ, cái khổ

lại quá lâu. Mỗi mòn con mắt trông đợi thái bình, an cư nhưng chẳng thấy đâu, chỉ toàn là hy vọng hão huyền, ảo tưởng.

Thực sự thì người lính nào cũng muốn sống và sợ chết cả, họ chỉ không còn nghĩ đến cái chết khi súng đã nổ. Người lính Cộng sản đi vào cuộc chiến với lòng sắt máu căm hờn, với hành động vô nhân của những con người máu lạnh. Còn người lính Cộng hòa đi vào cuộc chiến với tâm trạng tự vệ, chấp nhận chiến tranh như tai trời vạ nước. Họ hành động chống trả như một phương thức kháng cự. Anh đánh tôi, tôi đánh trả. Anh muốn tàn sát tôi, tôi phải tiêu diệt anh. Quân dân miền Nam chiến đấu quyết liệt để tự bảo vệ, để sinh tồn. Cứ thế, chiến tranh tiêu hao dần mòn hết tài nguyên và sinh mạng, lãng phí hết tuổi trẻ của người trai cả hai phía đối nghịch.

Đời quân ngũ, người lính bận bịu không ít nên hiếm hoi có dịp trở về thăm chùa, thăm thầy. Thi thoảng hỏi mẹ, biết tin thầy khỏe, tôi mừng.

Miền Nam bại trận. Một ngày, tất cả bỗng điều linh, đảo lộn theo quốc biển tháng Tư. Vận nước và con người bị cuốn hút theo giai đoạn lịch sử nghiêng ngã. Người lính Cộng hòa lũ lượt kéo nhau vào tù. Ở trong tù, người lính càng hiểu rõ hơn người Cộng sản. Trí trá, giả hoạt, tàn bạo, sát máu trong cái gọi là *cải tạo* hầu hủy diệt đời sống tinh thần kẻ đối phương mà không cần tra tấn, giết chết. Trại cải tạo tức là nơi nhốt tù, dành cho những người tù khổ sai không có bản án lưu đày. Người Cộng sản Việt Nam tiếp thụ tất cả những tư tưởng man rợ, ác độc của Chủ nghĩa Xã hội từ quan thầy Nga, Tàu và tại quê hương mình, họ đem ra áp dụng còn tỏ ra xuất sắc hơn cả bậc thầy của mình. Nhục hình trong trại cải tạo không còn là đánh đập, hành hạ, tra tấn như lúc ban đầu mới bị bắt, mà là tạo sự đau đớn dai dẳng, kéo dài liên tục của thể xác và tinh thần. Đói, hành hạ triền miên. Lạnh, buốt xương thấu ruột. Lao dịch nặng nề cực nhọc, bất kể mưa nắng ngày đêm. Đau ốm

không thuốc men, đời sống không sách báo, không chuyện trò, không mua bán đổi chác, không tiếp xúc thế giới bên ngoài, không liên hệ người khác đội, không thư từ nói thật mọi điều trong trại với gia đình ... hàng trăm thứ *không* biến dân người tù thành đàn độn. Đói phải nói là no, ốm yếu phải nói là mạnh khỏe, cực khổ phải nói là sung sướng. Giả dối khiến họ đau khổ, tủi nhục hầu bề gãy ý chí, nghị lực họ, biến họ thành những cái xác vô hồn. Những sự thật phũ phàng tàn nhẫn diễn ra quá quen thuộc trong sinh hoạt hàng ngày làm con người chai cứng, lạnh lùng, đứng đưng không còn cảm xúc. Sự lừa lọc dối trá, nói xuôi nói ngược cách nào cũng được, thay trắng đổi đen như trở bàn tay ... khiến người tù không còn tin vào bất cứ ai, bất cứ điều gì. Nói đời sống trong tù quá tệ, không ai dám. Bảo nhà tù Xã hội chủ nghĩa tốt, nhân đạo thì bị phê bình là mỉa mai chế độ. Không phát biểu thì cho là “nín thở qua sông”. Quân áo vài năm mới được phát một bộ nên phải mặc rách, vá chùm vá đụp thì bị phê bình là bôi bác chế độ. Tù lao động khổ sai ai mà không mặc rách. Chỉ có cán bộ công an là mặc lành. Đi làm ngoài nương nhật được củ khoai sọt ăn ngấu nghiến cho đỡ đói, tối về cán bộ bắt đội ngồi thâu đêm để phân tích mổ xẻ phê bình, đào bới thành to chuyện. Nào là ăn uống mất vệ sinh, vi phạm nội quy trại, nào là phá hoại tài sản XHCN, cuối cùng quy cho cái tội khủng khiếp : phản động. Biết bao nhiêu câu chuyện cười ra nước mắt trong tù. Cứ thế, năm tháng lê thê lạnh lùng trôi qua, người tù tự hủy diệt ngay chính đời mình mà họ không hề hay biết hoặc chẳng cần biết đến làm gì.

Tôi đã thấy nhiều người còn sống, còn thở, còn ăn uống đi đứng giống như những cây ma biết cử động. Đó là những chiếc bóng cảm lạnh, mỗi ngày một còm cõi tiêu hao, từ thể xác đến tinh thần. Cứ thế, họ mờ dần mờ dần, rồi một ngày bỗng biến mất vĩnh viễn trên cõi

đời. Họ ra đi âm thầm, lặng lẽ như họ đã sống cuộc đời tù đầy lặng lẽ, âm thầm.

Tôi còn trẻ, còn nghị lực và ước vọng tương lai nên nhủ lòng phải gắng mà sống, cố bức thoát ra khỏi vòng kiềm kẹp nghiệt ngã, nham hiểm của nhà tù cộng sản thật im lìm đờ đẫn để họ biết. Tôi nghĩ đến phương pháp rèn luyện thân thể theo phép thở Yoga. Tôi nhớ lời thầy dạy cách tham thiền.

Tham thiền còn gọi là *Thiền*, *Thiền định*, *Thiền na*, *Nhập định*, *Định*, *Quán*, *Tư duy*, tức là một phương pháp tu luyện hiệp chung của hai trạng thái liên tiếp liên nhau giữa thân và tâm. Giữ cho hơi thở thật sâu và đều hòa, tâm bình an tĩnh lặng không giao động, bức thoát ra khỏi thế giới vật chất và những ràng buộc hệ lụy của đời người, tập trung tư tưởng cao độ vào một cảnh giới siêu hình siêu thoát, vượt ra khỏi những cái bị xem là trần tục tầm thường, để chiêm nghiệm những điều tốt đẹp và lý lẽ huyền diệu cao thâm, đó gọi là tham thiền và nhập định. Tham thiền bất cứ ở đâu và lúc nào cũng được. Đi, đứng, nằm, ngồi đều được, miễn hồ đừng để thân tâm phân tán và loạn động.*

Trong tù không ngồi thiền được thì nằm thiền. Tôi quán tưởng đến Phật, thành kính nghĩ về Phật với tấm lòng từ bi bác ái, với quyền lực quán thế của Ngài sẽ cứu giúp tôi thoát khỏi tai kiếp hiểm nghèo. Từ đó, mỗi lúc tập thiền định tôi thường xuyên quán niệm: “*Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn quảng đại linh cảm Bạch y Quán Thế Âm Bồ tát*.” Thời gian “nhứt nhựt tại tù, thiên thu tại ngoại” nó ảo hay thật tôi chẳng muốn biết hay không dám biết, chỉ nhớ rằng một ngày, lời cầu xin đã cảm ứng, phép lạ nhiệm mầu hiển hiện giúp tôi vượt qua được mọi khó khăn, gian khổ, tủi nhục nhất của đời người để sống còn. Tôi trở về làm con người trên quê hương mình.

Ra tù, về với gia đình, với sinh hoạt xã hội chủ nghĩa, tôi mới nhìn thấy hết cảnh xót

xa cay đắng của người dân, mới thấu được nỗi khó khăn lam lũ của vợ hiền. Một xã hội bản thủ và kỳ cục. Mọi cái hay nhất, đẹp nhất, tuyệt vời nhất đều do công ơn của đảng. Kể có đảng tịch được nhiều ân sủng, người ngoài đảng thầy kệ. Thương đàn con nheo nhóc, miếng ăn cái mặc lúc nào cũng sừng sững trước mắt, ám ảnh hàng ngày hàng giờ, cả trong giấc ngủ chập chờn. Tôi lao vào cuộc mưu tìm sinh kế, bất kể ngày đêm khuya sớm, thời tiết nắng mưa, bất kể răn đe hù dọa, chỉ mong sao kiếm ra miếng ăn cái mặc cho các con đến tuổi ăn nhiều chóng lớn. Mọi thứ ăn mặc, học hành, phải không ... như thúc hối bên lưng khiến tôi nhứt nhối tâm can. Đêm thao thức, tôi lại nghĩ đến Đức Bồ Tát cứu nạn cứu khổ. Sáng dậy, tìm lên chùa thắp hương đánh lễ cầu nguyện Phật, xin Ngài dang tay cứu giúp lần nữa. Tôi tìm đến thăm thầy. Thầy lúc này đã già lắm, lưng còng, tay lằn trằng hạt run rẩy, hàng mi bạc che khuất ánh mắt tinh anh ngời sáng từ bi nhưng tâm thầy vẫn linh tuệ, trí thầy vẫn minh mẫn. Thầy bảo họa phúc thường vẫn đi kèm như hình với bóng và cần trọng dặn dò tôi kiên nhẫn chờ đợi, chớ vọng động “*Sống là động nhưng giữ lòng luôn bất động*”, nhất là giữ cái Tâm đừng để chao đảo, nghiêng ngã - *Tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến*. Hiện tại chỉ là thử thách, là rèn luyện, hậu vận sẽ khá hơn, không đáng cay nghiệt ngã mãi như vậy “. Thầy như có huệ nhãn nhìn rộng thấy trước. Lời thầy gần xa như tiết lộ huyền cơ.

Đầu 92, gia đình tôi được qua Mỹ. Lời thầy quả ứng nghiệm. Từ nay trên bước đường lưu vong, tôi trở lại làm con người trên xứ người.

Ở xứ người, trong cuộc mưu tìm sinh kế buộc phải bôn ba qua nhiều tiểu bang, thay đổi lắm công việc, chỗ ở nhưng dần dần rồi cũng ổn định. Trong gia đình, tôi thường đem sự thật của đời, của mình trải qua để làm gương dạy dỗ con cháu. Tôi ví đó như là

những dòng suối, soi rọi chính những hình ảnh của tâm hồn, một quãng đời tuổi trẻ lãng đãng ngông cuồng, lao đao chìm nổi. Bảo là dạy con cháu, nhưng chính là tôi đang học, đang tự kiểm điểm lại chính mình. Trong dòng suối cuộc đời, tự tâm, tôi như nhìn thấy lại từng khoảnh khắc thời gian, biết được cái đúng sai, tốt xấu, phải trái, nên hư ... để cuối cùng, trước sau, mình biết mình cần dạy con cháu những gì. Trong dòng suối trong lành và trung thực ấy, tôi thấy mình như trăm tuổi, như hình bóng một con người trôi xuôi theo dòng thời gian bất tuyệt. Biết mình tài hèn sức mọn, không thể làm được chuyện an bang tế thế, lấp biển vá trời, nên chọn từ những mảnh vỡ của đời, tôi gom góp, đem ghép thành chiếc gương trong suốt, ước mong con cháu soi rọi để cuộc đời chúng đừng bao giờ mắc phải sai phạm và mãi mãi tràn đầy ánh sáng chân lý, hạnh phúc, mãi mãi thoát khỏi bóng tối hãi hùng của tội lỗi và đau khổ. Riêng tôi, phần đời còn lại, tôi lấy hạnh phúc của gia đình và tha nhân làm hạnh phúc cho chính bản thân mình. Cuối đời, tôi đi tìm niềm vui trong những trang sách. Tôi chọn văn chương làm nơi gửi gắm tâm hồn và giải tỏa những uẩn ức muộn phiền còn rơi rớt lại sau cuộc chiến, sau tháng năm đặng đặng trôi giạt lạc loài trên xứ người của đời mình.

Thời gian như bóng câu, bận bịu hoài chuyện làm ăn rồi cũng đến lúc được thư nhàn. Đứa con gái út, ngày ra đi chưa đầy tám tuổi nay đã trưởng thành, tốt nghiệp đại học, có công việc làm ăn cố định. Mấy đứa lớn thì đã yên bề gia thất, có cuộc sống riêng tư no đủ. Còn lại hai vợ chồng già, tôi kiếm cái job làm nhẹ nhàng thoải mái cho thư giãn thân kinh sức khỏe. Rảnh rảnh đi chơi đây đó thăm đồng hương bạn hữu, biết thêm cảnh trí đời sống quê người. Cuối tuần, dành thời gian chờ cháu nội, cháu ngoại đến chùa Huệ Quang học tiếng Việt, để nhắc nhở bấy con cháu đừng bao giờ đánh mất cội nguồn, lãng quên

tiếng mẹ đẻ, đồng thời cũng vay mượn hình ảnh cảnh chùa nơi quê hương đất khách mà tưởng nhớ Người xưa chốn cũ. Thầy tôi nay đã quá vãng, thọ gần 100 tuổi.

Mười sáu năm lưu lạc xứ người. Nhìn lại chặng đường đã đi qua, có cái được cũng có cái mất. Cái được thì quá ít ỏi nhưng cái mất thì nhiều vô kể. Nhưng được mất ở đời cũng đã đến lúc chẳng còn là điều quan trọng. Ý nghĩa phù du của cuộc sống rồi ra ai cũng hiểu. Đời sống lắng đọng, không còn là nỗi chập chùng lo toan.

Cứ thế, thời gian lặng lẽ cuộn cuộn trôi nhanh chóng vánh. Rồi thầy kệ những nỗi đau riêng, tôi đã cố gắng quên tất cả, không nhắc nhở đến quá khứ làm gì nhưng đó là điều không dễ dàng. Tôi đã học cả đời để cố quên đi, xem thường mọi thứ, nhưng càng gắng quên thì nỗi nhớ lại càng nhói buốt, ray rức. Tôi đang tìm cách để thoát khỏi cái vòng lẩn quẩn cay nghiệt của dĩ vãng đau thương và đoạn tuyệt với những hệ lụy ràng buộc vướng bận của cuộc đời trần.

Riêng với Thầy kính yêu, tôi lại muốn nhớ, vụn vặt không muốn đánh mất hơi hướm, bóng dáng, kỷ niệm ngày xưa. Cho hay ở đời, có cái cần học để quên cũng có cái cần học để nhớ. Và hôm nay trên xứ người, tôi đang học để nhớ về một quê hương yêu thương cách trở ngàn dặm. Nỗi nhớ đó luôn làm trĩu nặng lòng mình./-

Chesterfield, Aug 14.2007

Tiên Sha - Lê Luyến

** Trích “ Từ điển Phật học “ của Đoàn trung Côn.
(1) Trái với quan điểm của Hermann Hesse trong “ Sói đồng hoang “, bản ngã gồm hai phần : phần người và phần sói. Ý ông ám chỉ thiện và ác.*

Dư Thị Diễm Buồn

VẠT NẮNG BÊN ĐỒI

T trời trong xanh không gợn một chút mây, dù là mây trắng mỏng vương mắc như mọi ngày. Phương đông đã ửng vàng hồng rạng rỡ báo hiệu cho ta biết mặt trời sắp lên. Gió sáng nhẹ vờn lên mái tóc lên da thịt gợn gợn lạnh. Cái lạnh mang mát của buổi sáng thu đẹp.

Tuy đã vào chánh mùa thu, tiết trời lành lạnh làm cho cô cây hoa lá thay màu đổi sắc. Nhưng những cây ăn trái hai bên đường ở các nhà tư nhân, công sở của vùng nắng ấm California như cây cam đơn trái chín vàng, trái bom hay trái táo (apple) trở màu hồng, màu tím. Trái hồng giòn, hồng mềm màu vàng cam nõn nà phơi phơi trên cành không còn một lá úa vì đã rơi rụng khi tiết trời vừa mới sang thu.

Có những cây cao nghều nghệu, tàn lớn sừng sững chen chúc trên đồi núi chập chùng, chạy dài theo hai bên đại lộ vẫn còn màu xanh sẫm. Những đám bông hồng hoang đã vẫn nở những chùm hoa tươi thắm màu đỏ, tím, vàng, hường... Những cánh hoa còn đọng hạt sương đêm lung linh dưới ánh nắng sáng thu quét qua đồi rồi chiếu rọi xuống. Tạo cho triền núi xanh như bức tranh gấm thêu hoa.

Trên thế gian này từ Âu đến Á, từ Đông sang Tây... Cả năm Châu, nơi nào cũng đẹp, cũng có những cảnh sắc hữu tình. Những cảnh sắc đó được chiêm ngưỡng, được để ý, được ngợi khen... Hay bị lơ là, là còn tùy thuộc vào tâm hồn của những ai có cảm nhận được nó hay không nữa.

Chiếc xe nhà nhỏ, chạy bon bon trên xa lộ đưa chúng tôi đến thung lũng Hoa Vàng (San Jose, Bắc California). Tả hữu của con đường toàn là đồi núi chập chùng, hiên ngang, hùng vĩ nằm mờ màng màu xám xanh đục, ẩn hiện trong đám sương mù vờn vờ ở lưng chừng.

Cảnh sắc ở nơi tạm dung này đã gợi tôi nhớ đến những đoạn đường, những vùng tôi đã đi qua. Đường ra Vũng Tàu, đường về Rạch Giá, đường lên Châu Đốc, đường xuống Cà Mau... Ôi biết bao nhiêu nỗi nhớ, niềm thương của vùng đất quê Nam hiền hòa trù phú. Cái nơi mà tôi sinh ra và lớn. Đã cho tôi bao nhiêu là kỷ niệm nằm trong ký ức, để giờ đây cuộn cuộn sống lại trong hồi tưởng của mình.

Cứ mỗi lần có dịp về vùng biển cho nhiều tôm cá ngon, hải sản quý như Rạch Giá thì tôi mừng vui như đứa trẻ được mẹ đi chợ về cho gói kẹo cam thơm tho ngọt lịm. Vì trên đường đi, tôi được ngắm nhìn những phong cảnh thiên nhiên. Con đường lộ đá từ Cần Thơ đi Rạch Giá, qua khỏi Kinh 1, kinh 2... Khi bóng hoàng hôn ngã về hương tây, nhìn về phía bên tay phải ta sẽ thấy ảo ảo mờ mờ dạng núi màu xám xanh xa xa của dải núi Sam, núi Sập. Gắn sát bên lộ đá là những đám ruộng lúa quăn nặng hạt, có đám lúa chín vàng, có đám còn vừa mới ửng vàng nửa hạt chen chúc trong đám lá xanh rì. Bỗng bầy chim ăn lúa bay tủa lên kêu chí chóc vang rân. Bờ ngọn gió mạnh vừa thổi qua làm lá lúa chạm nhau rào rào. Thằng bù nhìn bên bằng rơm, bằng tàu mo, hay chiếc áo cũ... treo cao hơn ngọn lúa chao động lắc lư, đưa đẩy làm chúng sợ.

Trên bờ mẩu những nông dân tay cuốc, tay cày. Có người xách xâu cá vừa bắt được. Có kẻ xách một chùm mấy con chuột đồng, hoặc mấy con chim vừa bẫy. Có bà đội thúng khoai mới đào còn nồng mùi đất. Có chị xách mấy bó rau dứa, rau muống mới hái dưới ruộng còn thơm mũ trắng đục như sữa tươi, non nhần. Họ lưng thúng trên đường về nhà. Có khi gặp kẻ đi ngược chiều, họ hỏi thăm qua loa hay nói cười rộn rã.

Người dân quê có tâm hồn chất phát, hịch hạc. Nhưng họ cũng cảm cảnh sanh tình hò, hát hay ngâm mấy câu thơ quên đầu quên đuôi của ai đó. Rồi họ cũng đùa giỡn hoặc chọc ghẹo nhau, cùng nhau nói cười rộn rã trên đường quê. Có kẻ thoăn thoắt rẽ lối tre xanh vào nhà.

Thôn dân thường sống đời an phận. Họ không bon chen, không đua đòi hay ganh tị với kẻ có miếng ăn, cái mặc hoặc nếp sống sung túc hơn mình. Đời sống của họ thật êm đềm quá!

Riêng tôi dù sanh ra ở thị thành, nhưng thiếu thời tôi sống với ngoại ở quê. Cho nên cây cỏ, bờ tre, ruộng lúa, câu cá, bắt chim, hương đồng có nội... rất thích hợp với tôi. Ngày xưa đôi lúc bị chị em tôi chọc ghẹo: “Tao không biết tại sao má cho mày về ngoại ở chi vậy? Đê bây giờ mày cứ lần quá chời! Tao biết, cho dù mày có đi máy bay, lên xe xuống ngựa ở nhà lầu có xe hơi đi nữa thì mày cũng là nhà quê! Vẫn là con nhỏ nhà quê!”. Nhớ đến đây không nhịn được, tôi bật cười thành tiếng! Thiệt mấy chị em tôi đoán việc như thần! Trúng quá chừng chừng đi thôi! Họ nói tôi từ mấy chục năm trước cho đến nay tôi cũng vậy không thay đổi chút nào cả!

- Mẹ nó có thấy cảnh sắc ở đây giống đường ra Vũng Tàu của mình không vậy?

Tiếng hỏi lớn cổ tình để át tiếng nổ máy xe của phu quân tôi. Làm tôi giật mình quay về thực tế. Mắt tôi rào nhìn hai bên đường rồi mỉm cười gật đầu:

- Ở giống thiệt hén! Nhưng chỉ chút xíu thôi. Vì đường ra Vũng Tàu của quê mình gió mát phơi phơi. Năng thủy tinh lung linh trải trên mặt biển xanh lơ trong vắt, cảnh sắc tuyệt vời chớ đâu có đồi núi đen xám không vậy xếp Ba?

Tôi chợt nhớ lần đó, trên đường đi Vũng Tàu. Khi xe chạy đến cầu Rạch Hào. Thì Bảo Châu bạn tôi biểu người yêu dừng xe lại. Chúng tôi đến chiếc miếu bên cầu, mỗi người đốt nén nhang lâm râm khấn vái!

Tại đây vào năm 1959, có năm cô thiếu nữ con nhà giàu cùng đi trên một chiếc xe nhà ra Vũng Tàu tắm biển. Xe lui xuống rạch. Bốn cô chết, một cô còn sống. Từ đó thiên hạ đồn nơi đây bốn cô thiếu

nữ bạc mạng linh lắm. Cho nên dân ở Rạch Hào cho dựng một cái miếu nhỏ để thờ cúng họ. Phẩm vật lễ cúng như nhang đèn, bánh mứt, hoa quả của khách du lịch chất đầy miếu không ngớt.

Thật sự tôi không mấy tin có ma quỷ hay linh hồn. Nhưng tôi thương xót kiếp hồng nhan yếu mạng. Cho nên tôi cũng thấp nhang cầu xin cho vong linh bốn cô sớm đi đầu thai, nếu không tiêu diêu được nơi non Bồng, nước Nhược. Chị Bảo Ngọc (chị ruột của Bảo Châu) cũng xá xá mà nước mắt đánh tròn. Chị đã sớm trở thành góa bụa, khóc chồng nửa kiếp đến nay chắc chưa nguôi? Còn tôi thì chép miệng thờ dài thương cho bốn cô vắn số chết oan, và thương chị Bảo Ngọc. Cả hai hoàn cảnh khác nhau, nhưng một kiếp bạc phước chung!

Sau đó chúng tôi lên xe thẳng đường ra Vũng Tàu. Người yêu của Bảo Châu trầm ngâm không nói không rằng. Anh thành thật tôn trọng nỗi cảm hoài của người yêu, của chị Bảo Ngọc và của tôi.

Tôi đang đắm hồn trong hồi tưởng xa xưa.

- Đến nơi rồi mẹ! Chọn nơi này ra mắt sách, mẹ thấy có hơi hèo lảnh không?

Tiếng con trai tôi nói, làm tôi giật mình và làm tôi hơi chột dạ! Như vết thương đang bị đau lại đụng phải vật gì lên đó làm ê ẩm thêm nữa. Tại vì tôi mang tâm trạng lo lắng cho buổi ra mắt sách hôm nay.

Tôi không trả lời thẳng thừng. Phu quân tôi có lẽ chìm trong giấc mộng nên còn ngáy pho pho. Bỗng ông giật mình, mở mắt lơ lảo nhìn quanh rồi hỏi:

- Tới rồi hả? Sao mau quá vậy con?

Con trai tôi phì cười với cha nó:

- Gần 3 giờ lái xe rồi ba. Tại ba ngủ ngon đó thôi.

Coi bộ «quê», ông ta cười cầu tài rồi bảo:

- Ở nơi đây hơi hèo thiệt. Thôi phụ ba lấy sách vở đem vào cho mẹ đi. Con hãy lần quần áo đây đây đừng đi xa, và nhớ mở điện thoại cầm tay, để cần gì thì ba gọi nghe không.

Tôi mỉm cười một mình, Nhà chúng tôi ở ngoại ô về hướng Bắc của Thủ Phủ California. Mỗi lần về thung lũng Hoa Vàng (San Jose) mà mặt trời lặn thì mệt lắm. Vì tuổi tác, chúng tôi rất

ngại lái xe trên xa lộ lúc tối trời nên phải nhờ con chở đi. Thằng nhỏ ngoài 30 tuổi, đã ra trường đi làm từ mấy năm nay rồi mà phu quân tôi còn dạn dờ như vậy! Bởi trong mắt của những kẻ làm cha mẹ thì bao giờ cũng thế. Con mình lúc nào cũng còn nhỏ, luôn để ý dòm ngó và cần sự dạy dỗ...

Màu phong của tấm bích chương bằng vải dài, rộng và màu chữ trang nhã: «CHÀO MỪNG QUAN KHÁCH/ BÚT KHẢO “*QUÊ NAM MỘT CÔI*”/ HỒ TRƯỜNG AN» treo ở vách giữa, đối diện với những hàng ghế quan khách ngồi nơi hội trường của Trung tâm sinh hoạt VIVO. Tôi nhẹ thờ dài, cảm thấy ái ngại và hồi hộp lo cho buổi ra mắt sách của nhà văn Hồ Trường An (đến từ Pháp quốc) hôm nay.

Tôi được biết nhà văn Hồ Trường An mười mấy năm trước (1989) qua sự giới thiệu của nhà văn Nguyễn Văn Ba (đã qua đời! Anh Ba là bạn, là đồng môn, và là đồng điệu với tôi).

Chúng tôi được biết nhà Văn Hồ Trường An:

- Sanh quán tại Vĩnh Long.
- Cựu học sinh Cao Tiểu Vĩnh Long.
- Cựu học sinh Trung học Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho.
- Cựu sinh viên Dược khoa Sài Gòn.
- Cựu sinh viên Văn khoa Sài Gòn.
- Cựu sinh viên sĩ quan trừ bị Thủ Đức khóa 26/67
- Cựu sĩ quan Chiến tranh chánh trị VNCH.

Ông là một trong những cây viết đã thành danh khi còn ở trong nước trước năm 1975. Ra xứ người ông vẫn tiếp tục viết cho đến nay có hơn 60 tác phẩm đã phát hành. Những tác phẩm của ông gồm nhiều thể loại: Truyện dài, truyện ngắn, thơ, tiểu thuyết, ký sự, bút khảo, biên khảo, phê bình...

Riêng tôi, nói ra thì cảm thấy nhột nhạt và mắc cỡ quá đi thôi! Nhưng thiệt tình tôi cũng có những tác phẩm đã phát hành. Nhưng ít khi tôi ra mắt sách (chỉ 1 lần Chicago và 1 lần Paris). Vì tôi biết thân phận mình chữ nghĩa kém cỏi không bằng ai! Tôi không ở trong hội đoàn hay đoàn thể nào để được sự giúp đỡ, hoặc để được chống lưng.

Nên tôi ngại làm phiền những người tổ chức cho mình. Tôi ngại bắt buộc bạn bè vì thương mến không muốn mà phải đến tham dự. Tôi ngại độc giả không đến để phòng ra mắt sách “*lơ thơ tờ liêu buông mảnh*” có lèo tèo mấy người mà ban tổ chức đã chiếm 2/3... Thì eo ơi, tôi sẽ buồn lắm! Bởi tôi vốn đã có cái tên Buồn rồi! Thú thiệt, cũng vì những lý do đó, mà tôi sợ không dám ra mắt sách.

Cũng tại tôi! Phải, bởi hôm hay tin nhà văn Hồ Trường An được mời qua Washington để dự buổi tổ chức Văn Học Nghệ Thuật. Tôi lật đật gọi ý và mời ông sẵn dịp này ghé thăm vùng thung lũng Hoa Vàng.

Chúng tôi là người ở hóc Bà Tô xa xôi gần vùng Bắc của nước Mỹ mới di chuyển về tiểu bang này. Tiểu bang có thành phố mang tên thật đẹp, rất đẹp “Thung Lũng Hoa Vàng” làm người ở phương xa mơ ước có lần được ghé thăm. Nơi đây còn được mệnh danh có tình người tha hương đậm đà tha thiết. Là thành đồng vách sắt, là cái nôi Văn Học Nghệ Thuật của người Việt hải ngoại...

Và chẳng lượng sức mình, lần này tôi bám gan phụ trong ban tổ chức ra mắt sách (ai sai đâu làm đó) cho nhà văn Hồ Trường An (mặc dù ông không muốn). Bởi khi nghe tôi đề nghị:

- “*QUÊ NAM MỘT CÔI*” đã in xong. Chúng

tôi chưa phát hành. Chùng nào anh qua đây, bọn tôi sẽ nhờ mấy anh chị ở địa phương ra mắt sách dùm anh. Anh nghĩ sao?

Ông cười hi hi trả lời tôi:

- Thôi đến thăm bạn bè được rồi. Bày đặt ra mắt làm chi cho phiền.

Nhưng chúng tôi cố thuyết phục riết rồi ông nhận lời.

Nhà văn Hồ Trường An đến phi trường San Jose 8 giờ 30 phút tối thứ tư, nhằm ngày 31 tháng 11 năm 2007.. Người đi rước ở phi trường đưa ông đi ăn xong, thì đài truyền hình xin thu hình và trực tiếp phỏng vấn mãi đến 2 giờ sáng ông mới về đến nhà trọ.

KHI NÀO... KHI NÀO

Khi nào... khi nào
cái bóng của chính mình
chưa thoát khỏi dòng thơ
những tình khúc vẫn cứ quay tơ
đang còn ngưng ngẩn, ngân nga khi nào

Khi nào... khi nào
cái bóng của chính mình
chưa thoát khỏi men cay
những tình khúc vẫn cứ ngắt ngảy
đang còn nửa tỉnh, nửa say khi nào

Khi nào... khi nào
cái bóng của chính mình
chưa, chưa thấy hư hao
còn nghe sóng vỗ dạt dào bể khơi
mây bay về cuối chân trời
xin mưa xin nắng ở đời với tôi
khi nào... khi nào
cái bóng của chính mình
đứng bên lề, hòa vào cái bóng ... chiều trôi
dòng sông thao thức nói lời trăm năm

PHAN KHÂM

Hai ngày thứ năm, và thứ sáu nhiều đài truyền hình và truyền thanh phỏng vấn thu thanh, thu hình... Ông không có giờ để tiếp xúc hay đi thăm bạn bè thì nói chỉ đi thăm những thắng cảnh quanh thung lũng Hoa Vàng.

Riêng chúng tôi ở xa thành phố hoa lệ có muôn màu, muôn sắc thái San Jose. Nên đã đề nghị ông (lúc ông còn bên Paris chưa đến đây). Xin dành ngày thứ bảy cho anh chị Văn nghệ sĩ

mến mộ ông ở Sacramento (Thủ phủ của California).

Lúc đầu thì chúng tôi định tiếp ông và quý vị ở tệt xá của mình. Nhưng tôi ở xa thành phố Sacramento, và các anh chị văn nghệ sĩ gọi điện thoại hỏi thăm hơi đông (trước khi ông đến). Nên ban tổ chức buổi họp bạn (tôi xin thưa là buổi họp bạn chứ không phải là buổi ra mắt sách) gồm có: Nhà văn nhà thơ Hoàng Ngọc Liên, Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Tân, nhà văn nhà thơ Huỳnh Mai Hoa và tôi cùng đồng ý tổ chức buổi họp mặt vào chiều thứ bảy ở nhà hàng TNB (trung tâm thành phố có nhiều người Việt cư ngụ ở Sacramento).

Ban tổ chức nghĩ có chừng 30 người đến họp mặt là vui lắm rồi. Vì đây là buổi họp bạn chứ không phải buổi tổ chức buôn bán hay gây quỹ mà sợ lỗ lã. Và mong có nhiều thời gian để cho những người quen biết, độc giả, và văn nghệ sĩ trò chuyện với nhà văn Hồ Trường An.

Nhưng không ngờ, số người đến dự tăng gấp đôi số dự định của ban tổ chức. Và một niềm vui ngạc nhiên là quý cụ bên hội Cao Niên, tặng quà cho các văn hữu từ phương trời xa xứ lạ qua tham dự buổi ra mắt sách của nhà văn Hồ Trường An ngày mai ở San Jose cũng đến trong buổi họp bạn này.

Bỗng dưng có một chị tôi chưa bao giờ gặp mặt dúi vào bàn tay tôi 200 đô-la. Nhìn thấy tiền, mắt tôi sáng rỡ tưởng ngỡ là chị cho mình. Nhưng tôi cũng hỏi:

- Dạ tiền gì mà nhiều quá vậy chị?

Chị cười thật tươi:

- Cô là DTDB hả? Tôi nhờ cô gọi về dùm cho ông Nguyễn Thụy Long và Đoàn Yên Linh mỗi người 100 đô-la.

Tôi ngạc nhiên, cười bảo với chị:

- Bộ hai ông này là bà con với chị hả? Sao chị không gọi, mà đưa cho tôi? Chị biết tôi sao? Rủi tôi lấy xài hết thì chị biết tôi ở đâu mà đòi?

Chị cười:

- Tôi chỉ là độc giả ngưỡng mộ hai ông đó thôi. Cô xài thì cô mang tội! Vì tiền này tôi nhờ cô gọi cho người khác.

Tôi còn đang phân vân lo le 200 đô-la trên tay, nhẹ giọng:

- Ông Nguyễn Thụy Long thì tôi thường hay gọi điện thơ. Còn ông Đoàn Yên Linh thì từ hồi nào đến giờ tôi không có liên lạc, nên không biết ông ở đâu.

Nhà văn HTA đang ngồi ký sách tặng bạn bè nghe thấy. Ông lên tiếng :

- Thì chị cứ nhận gọi dùm chỉ đi. Có gì khó đâu, về nhà chị email hỏi anh Văn Quang là biết anh Đoàn Yên Linh ở đâu ngay mà. Tôi nghe nói hình như ông đang nằm nhà thương.

Tiền này không phải người ta cho tôi. Nhưng tôi cảm thấy lòng mình ấm! Vì tôi được biết có nhiều độc giả còn ngưỡng mộ văn nghệ sĩ và còn có một chút tình. Tôi nhét vội tiền vào túi dợm bước đi thì chị gọi giật ngược lại:

- Khoan đã, còn tiền cước phí gọi nữa cô! Đây 6\$ tiền gọi, tôi có tiền lẻ tặng cô thêm 2\$ để uống nước mía.

Tôi nhận tiền miệng tươi như hoa hồng héo cuối mùa.

- Hello, Hello chào chị DTDB, tôi Thanh Thúy đây chị.

- Chào chị, xin lỗi Thanh Thúy nào, phải ca sĩ Thanh Thúy không? Chị đang ở đâu, có đến tham dự buổi họp bạn không?

- Nhà mình đang có khách. Anh Hồ Trường An đêm nay ở đâu?

- Nếu không gì thay đổi thì anh HTA và một người bạn nữa ngủ ở nhà chúng tôi.

- Chị Diễm ơi, khách về mình và ông xã sẽ đến thăm anh Hồ Trường An. Mặc dù chúng mình chưa gặp mặt ảnh lần nào, nhưng từ lâu mình và ông xã mình rất ngưỡng mộ ảnh nên muốn đến nhà chị thăm ảnh có được không ?

Tôi cười và nói giỡn:

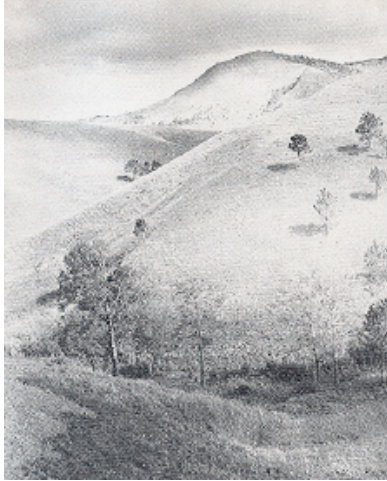
- Được chứ, xin mời chị! Mấy thuở rông đến nhà tôm. Tự nhiên ghen chị Thanh Thúy (Tôi nghe có tiếng cười lớn bên kia đầu dây).

Trong tiệc trà họp bạn có thêm phần văn nghệ ca, hát, ngâm thơ. Nhà Văn Hồ Trường An ngâm ngùi cảm động gặp lại bạn hữu thuở thiếu thời hồi còn Tiểu học sau gần 60 năm về trước. Ông vui mừng gặp lại ông thầy cũ mấy chục năm qua... Và gặp những văn nghệ sĩ trong vùng đã từng mến mộ ông. Buổi tiếp đón người phương xa bề mạt kéo dài thêm một giờ nữa. Tức là 4 giờ thay vì 3 giờ như thư mời.

Thật sự tôi rất lo ngại! Vì trước ngày ra mắt sách thì bị đánh phá lung tung trên internet. Tôi lấy làm lạ? Có những văn nghệ sĩ có tầm vóc hồi còn trong nước trước năm 1975, nay ở hải ngoại (San Jose) đã nhận lời mời của ban tổ chức, trong buổi ra mắt sách giúp giới thiệu tác giả, tác phẩm... Nhưng đến giờ phút chót thì lại từ chối? Chúng tôi thế lực rải muối độc để đánh phá buổi ra mắt sách của nhà văn Hồ Trường An không phải tay vừa!

Nhưng «*Quan Công còn có kẻ thù/ Tào Tháo vẫn có bạn*» mà! Nên có rất nhiều, rất nhiều độc giả điện thoại đến hỏi thăm buổi ra mắt sách và nhà văn HTA. Bạn bè thân mến trong văn giới của tôi, đã quen biết với nhà văn HTA từ bên Đức, Hòa Lan, Úc, Anh, Canada, Nam Bắc California, và các tiểu bang khác ở Mỹ cũng gọi điện thoại đến hỏi thăm. Vì việc đánh phá trên internet đó, đã gây sự tò mò và chú ý cho họ.

Có bạn còn cần nhắc, hăm he rầy rà tui nữa: «Bà làm buổi tiếp đón người phương xa ở Sacramento thì được rồi. Còn xí xọn ra mắt sách cho ông ở San Jose chi vậy? Họ đánh phá lung tung kia kia. Bà có biết không? Phèn này ông mà «*cháy*» ở đó thì cái lỗi của bà!».



Nồi đồng nổi đất ơi! Thiệt là tức quá đi thôi!
Tui bèn lớn giọng (mà run) lèo lự chống chèo: «Bây nà, đừng có đổ thừa cho tui nghen! Ở xứ này là xứ tự do mà. Tui có làm gì phạm pháp đâu? Hãy nghe đây: Minh tổ chức là việc của mình. Người ta đánh phá là chuyện của người ta. Quan khách đến tham dự buổi ra mắt sách có đông hay không còn phải chờ xem coi văn tài của chính tác giả đã gieo mầm vào lòng người mộ điệu mà thôi. Chớ mắc mớ gì tới tui? Nhiều chuyện!»

Buổi ra mắt cuốn Bút khảo «*QUÊ NAM MỘT CỒI*» viết về 14 nhà văn nhà thơ xưa và hiện đại của nhà văn Hồ Trường An. Bắt đầu từ 1 giờ trưa cho đến 5 giờ chiều ngày 4 tháng 11 năm 2007 ở trung Tâm VIVO nơi thung lũng Hoa Vàng đã xong. 8 tác giả ở hải ngoại được ông viết trong cuốn bút khảo. 7 người có mặt, trừ nhà văn nhà thơ Phương Triều (bị bệnh) nên không đến được.

Sự tham dự đông đảo của văn nghệ sĩ địa phương, của độc giả, của đại diện các hội đoàn, đoàn thể, đại diện các lãnh đạo tinh thần, đại diện của các đài truyền thanh, truyền hình, báo chí... Đã trả lời tất cả! Phải, đã trả lời tất cả cho buổi ra mắt sách của nhà văn Hồ Trường An.

Tôi nhớ bốn năm trước, có lần điện đàm với nhà báo lão thành Mạc Kinh (ở Luân Đôn). Ông đã nói: «*Xưa nay trong thực tế, danh vị độc giả được coi trọng, như những nhà trọng tài văn chương cao quý. Bạn đọc đứng trên tất cả! Vì, chỉ thiếu đi sự quan tâm, nghiêm túc của độc giả, chắc chắn khó thể có những nhà văn, những tác giả tài danh đứng nghia ở địa hạt cầm bút*». Sau lần ra mắt sách này, tôi mới thấu hiểu được lời nói của ông.

Hôm nay, nhớ lại trước ngày ra mắt sách mà tôi còn phát sợ! Dù mọi việc đã xong rồi. Nhưng mỗi khi nghĩ đến, tôi có cảm tưởng như mình vừa bị chém hụt!

Tiếng chuông điện thoại reo vang:

- Hello, chị Diễm đó hả?

- Vâng, tôi đây. Gia đình khỏe chớ anh?

Hằng hôm nay ra sao?

Hằng là bạn của tôi thuở thiếu thời. Chúng tôi học cùng trường Tiểu học, rồi Trung học. Hết

phần hai chị vào trường Đại học y khoa. Còn tôi đường công danh lận đận bởi vừa học dở, lại vừa lười biếng. Nên khi chị ra trường Bác sĩ thì tôi cũng chưa nên tích sự gì. Nhưng không vì thế mà tình cảm bạn bè chúng tôi bị sút mẻ.

Làm thân chùm gởi lưu lạc nơi xứ người chị không thi lấy lại bằng chuyên môn. Nên cũng như tôi, cả hai đứa cùng số phận. Đi làm “cu-li” để có tiền phụ với chồng nuôi con cái, và có tiền để giúp ít nhiều cho những người thân còn kẹt lại bên kia bức màn tre.

Ba tháng trước đây chị cho tôi hay bị bệnh ung thư! Tháng rồi chị mổ hai lần. Và hôm nay chồng chị gọi cho biết bệnh ung thư của chị bị tràn qua chỗ khác, nên anh đã đưa chị vào bệnh viện.

Nghe tin chị trở bệnh, tôi lặng người! Tâm hồn bồn chồn, bấn loạn, tôi cảm thấy như mình bị thiếu hơi thở, nhức nhối trong lòng mà không biết làm sao để chia sẻ với chị đây?

Cả mấy ngày nay nhớ đến Hằng, tôi thần thờ như kẻ mất hồn. Bao nhiêu hồi tưởng cất sâu trong ký ức vội quay về. Tôi chợt nhớ lúc sanh thời, ba tôi thường bảo với chị em chúng tôi rằng: “Cuộc đời vô thường. Đời con người thật mong manh! Các con đừng bao giờ làm những chuyện gì có lợi cho mình mà phung hại đến kẻ khác. Người ta buồn thì mình cũng chẳng có vui đâu? Mỹ ý của đời người là tha thứ. Cho nên không chấp nhứt, vì chấp nhứt người khác là tự làm khổ mình trước...”. Lời nói bình thường của cha gia, tôi đã mang và sẽ mang theo làm hành trang cho suốt cuộc đời mình.

Bên ngoài bầu trời mùa thu âm đạm, mây mùa thu hạ thấp, gió mùa thu se sắt ray rút lạnh lòng. Nhìn qua song cửa, những chiếc lá vàng thu đang lá tả bay bay. Vạt nắng thu vàng héo úa đều hiu trải lung linh trên những ngọn đồi xanh xám xa xa...

Mùa Thu năm 2007

Tê xá Diễm Diễm Khánh An.

DU' THỊ DIỄM BUỒN

HOÀNG HẢI THỦY

KỶ HOA ĐẤT TRÍCH

Như nhiều người trẻ tuổi yêu văn chương, những năm 18, 19 tuổi tôi có hẳn vài bài Thơ, đến những năm tôi 22, 23 tuổi, tôi không hẳn Thơ nữa.

Có nhiều nguyên nhân làm tôi không hẳn Thơ: Số 1, quan trọng nhất, tôi không phải là thi sĩ; Số 2, trong hai việc viết Truyện, hẳn Thơ, tôi thích viết Truyện hơn; Số 3: 23 tuổi năm 1952 tôi vào nghề phóng viên nhà báo, năm 1956 tôi có đôi chút thành công trong việc viết tiểu thuyết. Những truyện tôi viết đa số là truyện phóng tác. Năm 1970 tôi ngừng làm

công việc ở những tòa soạn nhật báo để chuyên viết tiểu thuyết. Trong gần 20 năm, tôi muốn viết gì thì viết, tôi viết gì cũng được đăng, tôi viết đều cho đến 11 giờ trưa Ngày 30 Tháng Tư năm 1975. Về tình cảm, 23 tuổi tôi yêu, tôi lấy được người tôi yêu làm

vợ, năm 25 tuổi, 1956, tôi có đứa con thứ nhất, năm 1957 tôi có cháu thứ hai. Những cuộc tình lãng mạn không còn chỗ nằm, ngồi trong trái tim tôi. Tôi sống, tôi làm việc, tôi vui chơi, tôi đọc, tôi viết. Cuộc sống của tôi phơi phơi, an ninh, tôi không có chuyện gì để bất bình.

Quân tử Tàu nói: “*Bất bình tắc minh..*” Có gì không bình thường thì kêu thành tiếng.

Người ta phải “*bất bình*” cao độ mới có thể kêu lên thành Thơ. Mà cũng chỉ có những nhà thi sĩ kêu lên mới thành Thơ, người thường kêu lên chỉ làm khó chịu lỗ tai người khác. Đã vậy đời tôi lại không có gì để bất bình cả, tôi làm Thơ vào cái khổ nào!

Những năm 1956, 1957, tôi đọc “*Thư viết cho người làm thơ trẻ*” của Thi sĩ Maria Rilke, thấy lời ông khuyên:

- *Anh chỉ nên làm Thơ những lúc anh thấy không làm Thơ anh chết, còn nếu không làm Thơ anh không chết, anh không nên làm Thơ.*



Lời khuyên ấy, qua năm mươi năm, ở mãi với tôi cho đến bây giờ. Lời khuyên ấy cho tôi thấy tôi không nên hẳn Thơ, tôi không hẳn Thơ là đúng. Tuy vậy, có những khi tuy vẫn nhớ lời khuyên của Thi sĩ Rilke, tôi thấy không hẳn Thơ không những

tôi không chết mà tôi còn không làm sao cả, tôi vẫn cứ hẳn Thơ. Như những năm 1957, 1958, những năm cực thịnh của nước tôi – nước Việt Nam Cộng Hòa, Thủ đô Sài Gòn, biên cương từ Sông Bến Hải đến Mũi Cà Mau – viện trợ, văn huê long trọng là “*viện trợ quốc tế*”, ngắn, gọn, đúng, dễ hiểu là “*viện trợ Mỹ*” ào ạt đổ dzô nước tôi, những dàn máy may Sinco, những xúc

vải Popeline Sandford, nguyên tên là Popeline sanfordrizé, cùng dzô Sài Gòn một lúc. Xúc cảnh sinh tình, tôi mần Thơ :

Anh đây như máy Sanh-cô

Còn Em như vải săng-pho mới về!

Cùng trong những năm 1957, 1958 tôi có bài Thơ Tình:

Rồi một chiều thu nắng phớt mờ

Nàng gặp người yêu cũ què giò.

Nàng hỏi chàng, mắt rưng rưng lệ:

- Anh sẽ làm sao đạp xích-lơ?

Nguyên nhân thứ 4 làm tôi không mần Thơ là tôi đã có Thơ của các Thi sĩ Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Hoàng Cầm. Mỗi lần tìm tôi rung động vì đôi mắt buồn của Nàng nhìn tôi nửa yêu, nửa thương, nửa hờn, nửa trách, những lần lòng tôi xót sa vì kiếp này tôi với Nàng không thể là vợ chồng, tôi muốn mần Thơ, tôi đã có những câu Thơ Tuyệt Vời của ba Nhà Thơ trên – Thơ Tình Tuyệt Hay, những lời Thơ diễn tả nỗi lòng tôi đậm, buồn, man mác hơn cả nỗi lòng thật của tôi.

Mắt lạng nhìn nhau từ dĩ vãng,

Chợt xanh màu áo nhớ thương xưa.

Bóng Em khoảng khắc thành hư ảo,

Buồn lướt hàng mi thấp thoáng mưa.

Đã có những Lời Thơ Tuyệt Vời như thế, tôi còn mần những vần Thơ Dzở Ẹt làm chi nữa?

Đời tôi đã có Thơ Vũ Hoàng Chương, Thơ Đinh Hùng, Thơ Hoàng Cầm, tôi còn mần Thơ là tôi can tội bất kính. Không chỉ bất kính suông mà là Đại Bất Kính, không chỉ Đại Bất Kính mà còn là Trọng Tội.

Sau Tháng Tư 1975, đời tôi có nhiều bất bình. Các Thi sĩ có bất bình thì kêu lên – *bất bình tác minh* – tiếng kêu của các ông thành Thơ, tôi bất bình mà tôi không kêu lên được. Tôi ầm ức kiềm ầm ách. Những năm 1980,

1981, một sáng đi qua trước Chợ Ông Tạ, thấy đám ma đang giờ động quan, tức khiêng quan tài trong nhà ra xe để đi nghĩa địa. Tôi thấy tấm ảnh bà già Bắc Kỳ Ri Cư trạc 70 tuổi để trên xe tang. Đám ma có phường Kèn Bát Âm Tò Te Tí Toét, lại có phường Kèn Bu-dzích Tom-pét-Tơ-rom-bôn, Cờ-la-ri-nét, trống cà-rùng Bum Bum Sinh Bum Bum. Ban Nhạc Tây thổi những bản *Love Story, La Cumparsita, Nắng Chiều* làm tim tôi rạo rức, lòng tôi bùi ngùi thương tiếc ngày xưa. Lúc ấy, tuy không mần Thơ tôi không chết, tôi mần Thơ:

Cả đời chẳng biết tiếng tò te

Chết rồi tai điếc, lấy gì nghe.

Con cháu mừng rơn, con cháu khóc,

Tò te kèn thổi khúc Lô-ve.

Những năm 1982, 1983, Sài Gòn như người đàn bà đẹp sau bảy, tám năm nằm sấp, nằm nghiêng, nay nằm ngửa, rồi ngồi lên, xuống giường, tằm rồi đi ra cửa sổ, vươn vai vui sống, Nàng săng-phú bọn Bắc Cộng từng làm đủ mọi cách bắt Nàng nằm sấp mãi. Những chiếc xe Huê Kỳ Mercury, Chrysler, Chevrolet hai màu trắng đỏ, chuyên dùng làm xe hoa đám cưới, sau bảy, tám năm nằm ụ, những sáng Thứ Bảy, Chủ Nhật lại chạy lên, chạy xuống, chạy ngang, chạy dọc trong những đường phố Sài Gòn nắng vàng; những nàng thiếu nữ Sài Gòn áo hồng, khăn cưới lên xe bông đi lấy chồng.

Tôi mần Thơ:

** Sáu năm vất vả ở Thành Đồng*

Cứ tưởng rằng Em ế chồng mông.

Ai ngờ đám cưới Em ra rít,

Em vẫn xe bông, vẫn pháo hồng.

** Sáu năm cả nước xếp vào hàng,*

Cứ tưởng bà con đôi cả làng,

Ai ngờ đám cưới Em ra rít,

Em vẫn khăn voan, vẫn xuyên vàng!

Thời gian vỗ cánh bay như quạ..Thơ Tchya, tức Thi sĩ Tẩy Sia, ba mươi mùa lá rụng vèo qua đời tôi kể từ những ngày tôi mần mấy bài Thơ trên đây. Đêm buồn Tháng 10 năm 2007, liêu lạc Rừng Phong, không ngủ được, tôi không muốn mần Thơ mà Thơ, như người đàn bà đa tình, yêu thương tôi, cứ đến với tôi. Chỉ trong hai đêm, mỗi đêm khoảng hai tiếng đồng hồ – đơ xăng ca-răng mi-nuýt - tôi mần được mấy bài Thơ này:

** Chợ Bà Chiểu, Em bán chuối nướng,
Boóc Hồ dzô, đời Em thung thướng
Bỏ chuối nướng, Em làm Phường Trưởng.
Em viết báo cáo, báo cường
Mồ hôi nách Em ra..
Khét như Chuối Náy Chương!*

** Chợ Ông Tạ, Em bán thịt chó,
Vượt biên Em đi, chợ vẫn đó.
Mười năm sau, gặp Em Ca-li,
Tiệc cưới, Em nhẩy đầm như gió.*

** Chợ Vườn Chuối, Em bán dzít lộn,
Vượt biên, Em sang Mỹ Tư Bồn.
Ca-li Em là Beauty Queen.
Mê Em, nhiều trự rụng răng, rốn.
* Chợ Bàn Cờ, Em ngồi bán mít
Bán cả sơ mít với hạt mít.
Vượt biên Em chui sang Kỳ Hoa
Gặp lại, Em thơm như múi mít.*

** Sài Gòn 75 Em Bốn Bó
Hai mươi năm vèo qua như gió.
Kỳ Hoa Đất Trích gặp lại Em,
En nói : Năm nay Em Bốn Bó !*

** Công Tử Hà Đông sang Kỳ Hoa
Ngắn gọn nghe chuyện của người ta.*

*Người ta nói : Em mặt con nít
Nhưng đít Em là đít bà già !*

** Kính thưa Thi bá Vũ Hoàng Chương,
Ông tha cho tôi tội vẫn vương
Năm xưa tôi nghĩ bậy, nghĩ bạ:
Thơ Thi bá là Thơ Hoang Đường.
Cuộc đời làm gì có chuyện la
Đàn bà trẻ, đẹp mãi không già!
Như trong Thơ Tinh ông diễn tả
« Phải chăng từ độ ấy quan san,
Trời đất cùng đau nỗi hợp tan
Riêng có mình ta phai áo lục
Mà Em sau trước vẫn hồng nhan. »*

*Sang Mỹ mới biết Thơ ông thiêng
Thơ ông nhân khiếp, quý thần kiêng
Năm Bó tôi đà phai áo lục
Mà Nàng Bảy Bó vẫn thành nghiêng.*

** Tạo hóa gây chi cuộc hý đồ
Làm Ca-ti-nát hóa Tư Dzô.
Ngán nỗi Tây đi rồi Mỹ đến
Chán phèo Mèo chạy, Cộng lòn vô.
Công-tử-năng-tal còn đó đó,
Mà Diêm mà Thiệu ở mô mô.
Ông chỉ bốn đời Vua mất ghế.
Tôi tư chế độ, chán thấy mồ !*

** Sài Gòn Đẹp lắm, Sài Gòn eo
Giữa Sài Gòn có Ca-ra-veo
Ca-ra-veo ! Cái tên tiền định
Ca-ra-veo thì Sài Gòn Teo.*

Văn Nghệ Sĩ Sài Gòn Hậu Tháng Tư 75

** Nguyễn Hiến Lê ù lì
Nguyễn Đăng Thục cù mì
Vũ Đăng Bằng ngơ ngáo
Sơn Nam lơ láo*

Vương Hồng Sển nâng bìa.
Vũ Hoàng Chương xô khám
Doãn Quốc Sĩ đi tù
Nguyễn Mạnh Côn chết khát
Hồ Hữu Tường chết phì
Á Nam chết xà bát
Hiếu Chân chết ngạt
Dê Húc chết đen sì
Chu Tử xuống biển
Bùi Giáng giả điên
Mộng Tuyết lộn mặt.
Lãng Nhân nằm yên.
Sài Gòn văn sĩ, báo sĩ
1.001 anh tiến tù
10 anh chạy qua biển
90 anh lỗ tại lũng bùng
Anh nào cũng han rỉ
Tồn lao với tồn lung.

* Buồn uống rượu bên hoa
Mấy chén, say ngà ngà.
Sì-nẹc vì hoa nói:
- Không nở cho ông già.
Chỉ già mới yêu hoa
Trẻ nó uống sã-m-pa
Trẻ nó nhảy rum-ba
Trẻ nó chơi người trẻ
Trẻ nó không chơi hoa.
Chơi hoa chỉ ông già.
Không vì ông già nở!
Hoa nở cho chó à?

* Cứ bức nhằng nhau: Việt Suýp-pe
Ai chê hèn, dzốt, chẳng thềm nghe.
Ông kéo xe, cháu đạp xe
Bốn ngàn văn hiến lộn mè thế thôi.

* Kéo xe tiến lên đạp xe
Bốn ngàn văn hiến bốn lè..Thế thôi!

* Whiskey Mỹ tầu, pha-lê bời.
Dzục ẳm, hiền thê xa thượng thòi.
Túy tử Kỳ Hoa, quân mạc khấp.
Cổ lai biệt xứ kỷ nhân hồi!

Uýt-ke rượu Mỹ, cốc pha-le
Muốn uống, hiền the dzục thượng xe.
Say chết Kỳ Hoe, Nèng chớ khóc
Từ xưa biệt xứ mấy ai về!

* Nguyễn Du: Thôi..
Thôi..! Khổ lắm..
Chúng mày đừng khóc tao nữa
Để tao khóc chúng mày.
Đời tao, tao cũng tù đầy
Tao tù có một trăm ngày mà thôi.
Chúng mày tù rạc cả đời
Đoạn trường trọn kiếp, triệu lời thất thanh
Tao buồn tao có Tiểu Thanh,
Chúng mày Cộng Sản nó hành chết thôi.

* Cuộc sống, dzòng đời trôi chảy mãi
Ba mươi năm lẻ, một lòng đau.
Mất nhau từ cuộc tang thương ấy,
Anh vẫn buồn, anh vẫn nhớ nhau.
Độc tại Kỳ Hoa vì nạn khách
Mỗi phùng Thu tiết, bội thương sầu.

Anh ở Kỳ Hoa làm khách nạn
Mỗi năm Thu đến lại thương sầu.
Thương về đâu, nhớ về đâu?
Hà Đông Công Tử bạc đầu Rừng Phong.

* Trời không mưa, anh cứ lậy trời mưa!
Sau 75, Thơ vẫn thế ư?
Ấy nước, ấy dân là thế thế
Mà Thơ, mà Thần cứ bùa bùa.
Trời mưa, nước lụt lên ngang vế

Lậy trời mưa, anh cứ lậy trời mưa.

Quê hương thê thảm thương hòa lệ

Tôi và Em và Mẹ cù cưa.

Cuối thu mưa nát lòng dẫu bể,

Ngày muộn tìm đau kiếp sống thừa.

Kỳ Hoa Đất Trích sâu vô kể,

Liều lạc Rừng Phong nhớ nước xưa.

Thơ không cần lời giải thích, tức “ *phụ đề Việt ngữ* “. Đó là Thơ Hay, Thơ Dở thì cần có lời viết thêm cho chắc ăn. Vậy xin viết thêm:

Ca-ti-nát : Catinat. Tứ Dzô : Tự Do.

Đơ xăng ca-răng mi-nuyt: Deux cents quarante minutes: Hai trăm bốn mươi phút.

Săng-phú: Tiếng xưa, từ tiếng s'en foutre: bất cần, bất kể, của người Pháp.

Công-tử-năng-tal: Khách sạn Continental.

Ca-ra-veo: Khách sạn Caravelle.

Mắt lạng nhìn nhau : Thơ Thi Vương Đình Hùng.

Phú lĩnh : lĩnh đi chỗ khác.

Bốn đời Vua mất ghế: Một nhà thơ triều Nguyễn than ông thấy 4 đời Vua bị người Pháp hạ bệ, cho đi đày biệt xứ. Tôi sống trong bốn chế độ Tây, Việt Minh, Tây, Quốc Gia, Cộng sản.

Sau 1975, ông Vũ Bằng ngơ ngáo. Năm 1954 ông phú lĩnh vào Sài Gòn một mình, bỏ vợ con ông lại Hà Nội. Vì vậy, trong những bài viết của ông ở Sài Gòn, ngoài chuyện thương nhớ quê hương miền Bắc, với hy vọng lấy điểm may ra vợ con ông đỡ khổ, ông thường xa gần đả kích Mỹ gây chiến tranh ở Việt Nam, bom Mỹ đánh Hà Nội ..vv..Ông không phải là tình báo viên, tình báo hèn do Cộng sản gửi vào Sài Gòn. Sau 1975 ông ngơ ngáo như 3 triệu người dân Sài Gòn. Một anh con ông tên là Vũ Lăng, từ Hà Nội vào Khánh Hội, Sài Gòn tìm ông, cãi lộn tùm lum với bà vợ sau của ông làm ông chán quá cỡ thợ mộc.

Ông Vương Hồng Sển nâng bi Boóc Hồ. Trong “ *Hơn Nửa Đời Hư* “, ông Vương viết về Sài Gòn: “ *Thành phố mang tên Bác kính trọng.*”

Ông Á Nam Trần Tuấn Khải làm thơ tự vịnh năm ông 80 tuổi, trong có câu đại ý nhờ Boóc Hồ dzô Sài Gòn, ông được tái sinh: “ 80 tuổi ông mới lên một tuổi.”

Ông Hiếu Chân Nguyễn Hoạt chết trong Nhà Tù Chí Hòa.

Ông Dương Hùng Cường, bút danh Dê Húc Càn, chết ban đêm trong xà-lim Nhà Tù Số 4 Phan đăng Lưu, thi thể ông nhiều chỗ nám đen.

Ông Nguyễn Mạnh Côn tuyệt thực chết ở Trại Tù Khổ Sai Xuyên Mộc, bọn Cai Tù không cho ông uống nước.

Ông Chu Tử trúng đạn thù bắn theo trên tàu Việt Nam Thương Tín trên đường ra biển ngày 29 Tháng Tư 1975. Ông được thủy táng, tức người ta cho xác ông xuống biển.

Trước 1975 bà Mộng Tuyết mời ông bà Vũ Hoàng Chương về ngụ trong tòa nhà ông Đông Hồ để lại ở khu Lăng Cha Cả.

Hai tháng sau Tháng Tư 1975, bà Mộng Tuyết đuổi ông bà Vũ Hoàng Chương ra khỏi nhà. Ông bà Thi Bá lếch thếch dắt nhau sang Quận Tư, Khánh Hội, nhờ bà Đình Hùng mượn cho căn gác, Thi Bá “ về ngôi” ở nhà đó sau khi đi tù về được bảy ngày. Bà Mộng Tuyết mời Huy Cận, Xuân Diệu, Chế lan Viên đến nhà bà chiêu đãi.

Ông Nguyễn Du có lần bị chính quyền Tây Sơn bắt tù, không rõ vì chuyện gì. Ông để lại bài Thơ Tù trong nói ông bị tù “ *thập tuần* “, tức 100 ngày. *Thập tuần lao ngục tử sinh tâm.*

Rừng Phong, Tháng 11, 2007

HOÀNG HẢI THỦY

NHƯ CẢNH HOA RỪNG

Đan Hà

*Tưởng niệm 40 năm 1968- 2008 ngày tang
của Tết Mậu Thân Huế.*

Hoàng không bao giờ có thể nghĩ rằng, ngày nào đó mình sẽ đến một nơi chốn mà chưa hề biết; nơi mà lâu nay chỉ nghe đến những địa danh qua tin tức chiến sự, qua tiếng nhạc của giờ phát thanh dành riêng cho đơn vị nằm ở vùng địa đầu giới tuyến:

*-Đây Sư đoàn I đây Sư đoàn giới tuyến, chiến sĩ
tiền phong nơi tuyến đầu Việt Nam...*

(Sư đoàn I Hành khúc).

Mỗi lần nghe chương trình phát thanh của Sư đoàn I Bộ binh, qua tiếng nhạc dồn dập theo bước quân hành, Hoàng cảm thấy cõi lòng mình như rạo rức một cách lãng mạn. Ước mơ có dịp nào đến đó để nhìn xem tận mắt những chiến tích lẫy lừng qua các chiến dịch Phụng Hoàng và Lam Sơn. Vùng giới tuyến như một địa danh huyền rữ nhất đối với những thanh niên tuổi mới lớn như Hoàng. Những chàng trai vừa lớn lên ở thị thành, chưa có một khái niệm về chiến tranh, chưa đối diện với quân thù và bom đạn, chưa biết đến hiểm nguy và gian khổ là gì, nên luôn luôn ước mơ đến nơi chốn ấy để chia sẻ gian nguy với những người chiến sĩ can trường, đang ngày đêm hy sinh để gìn giữ thanh bình cho quê mẹ. Tinh thần hy sinh của những người lính chiến ấy, Hoàng chỉ đọc qua báo chí và nghe người ta kể lại chứ chưa bao giờ có thể hình dung được. Vì thế mà mỗi lần nghe ai nhắc đến, thì chợt thấy cõi lòng những người trai trẻ cứ nao nao.

Và hôm nay thì đúng với mong ước của Hoàng, được đến một thành phố mà cũng từ lâu chỉ nghe ca tụng là thành phố thơ mộng nhất;

thành phố mà phía tả và hữu ngạn sông Hương được nối liền nhau bằng một chiếc cầu Trường Tiền xinh xắn, có chợ Đông Ba tấp nập kẻ bán người mua, có trong nội ngoại thành, có những hàng phượng vĩ với tàn rộng, cánh dài như dang rộng vòng tay che mát cho đường lên Kim Long Văn Thánh; có bến đò Thừa Phủ qua về hai buổi, có những con đường duyên dáng như những buổi chiều khoe tà áo trắng và mái tóc thề tung bay lộng soi bóng nước trong mỗi buổi tan trường; có đường Duy Tân rợp bóng mát của những hàng cây long não dưới buổi trưa hè che chung áo lụa, những bước chân dập diu, với cõi lòng thanh tân nhưng rộn ràng và chứa đầy mộng mơ của tuổi học trò... Tất cả như hân hoan chào đón ngày Hoàng đến, rất duyên dáng và nên thơ tràn đầy yêu mến. Biết bao nhiêu cảm xúc đối với Hoàng khi lần đầu tiên mới đến Huế. Thấy cảnh trí rất thơ mộng của một thành phố vừa cổ kính vừa nên thơ, đang e ấp như nụ cười của các nàng Tôn nữ dưới mái trường xưa, nấp sau bóng phượng, đang trải tuổi xuân thì dưới những hàng cây phủ đầy nắng lụa. Hoàng có cảm tưởng như đây là một chuyến du lịch, chứ không phải là hình ảnh của một người lính đến nhận đơn vị mới, một đơn vị nằm vùng địa đầu giới tuyến.

Được nghỉ ngơi mấy tuần, Hoàng liền rủ đám bạn lính mới đi dạo phố cho biết cảnh biết người. Cùng nhau đi lòng vòng những con đường thơ mộng của Huế, hay tạt vào các quán Cà phê ngồi nghe nhạc và nhìn những giọt cà phê đang nhỏ xuống rung rung. Chợt cảm nhận giây phút hiện tại thật tuyệt vời, bắt gặp những nét rất thân quen giữa chốn xa lạ, mà lòng cảm thấy dâng lên nỗi vui, buồn không tên. Mùa thu ở Huế thời tiết đã dịu lại cùng được ngồi bên cạnh dòng Hương giang, gió đưa hơi nước dưới sông lên tạo nên cảm giác mát lạnh, dễ chịu. Nhất là mỗi lần chiều xuống, nhìn lên phía thượng nguồn bàng bạc

những áng mây và sương mù lơ lửng, như đang dần phủ trùm thành phố vào cõi huyền hoặc lạ lùng. Đẹp lãng mạn như thực như mơ mà lần đầu tiên Hoàng được chiêm ngưỡng thành phố thơ mộng này.

Qua những ngày nghỉ ngơi, bây giờ Hoàng lại phải theo đơn vị chuẩn bị hành quân hướng Bạch Mã để thay thế cho một đơn vị bạn về hậu cứ để dưỡng quân. Lúc ấy là vào những tháng gần cuối năm 1967, tình hình chiến sự có vẻ lắng dịu rất nhiều, so với những tháng mùa hè và vào thu vừa qua. Có lẽ hai bên đang chuẩn bị để đón Tết... Tết Mậu Thân! Hoàng cũng chỉ suy nghĩ một cách đơn giản như vậy, bởi vì chân ướt chân ráo mới đến đây, chưa biết địa dư, chưa quen phong thổ nghĩa là tất cả đều xa lạ. Hoàng có nghe những người đi trước kể lại, trong những năm qua các đơn vị nơi đây cũng đã mở các chiến dịch Phụng Hoàng để tảo thanh vùng địa đầu giới tuyến. Có các tổ chức hậu phương hỗ trợ cho tiền tuyến, một chương trình mà các trường học cũng như các công sở tổ chức lạc quyền làm thành nhiều gói quà để tặng các anh chiến sĩ, cùng những bức thư của các em học sinh hậu phương, với lòng biết ơn các anh đang ngày đêm hy sinh ngoài tiền tuyến để bảo vệ quê hương. Nhờ vậy mà các em mới có cơ hội để cấp sách đến trường, được sống những ngày tháng yên vui dưới mái ấm gia đình, cùng bạn bè. Những bức thư gói ghém tâm tình đôn hậu nhưng cũng không kém lãng mạn và thiết tha vô vàn! Với tâm tình của các em học sinh dễ thương như chim non, trong trắng như hoa chanh hoa bưởi, nhiều lời nhiều đoạn thư đọc lên thấy cảm kích vô cùng. Có thể chỉ những người đang nằm trong trường hợp ấy, mới thấy tình cảm của các em học sinh chân thành với tấm lòng yêu thương rộng mở vô bờ bến.

Hoàng là người tương đối có chút học thức và hoạt bát, nên đơn vị trưởng chọn anh làm “cán bộ tâm lý chiến” của đơn vị. Hoàng có mặt trong các dịp đón tiếp phái đoàn đến thăm viếng, cũng như nhận sách báo và quà tặng để phổ biến lại cho đơn vị, trong những giờ nghỉ quân tại một địa điểm thuận tiện. Tất cả những sách báo và thư từ của

các tổ chức ở hậu phương gửi ra, mỗi lần máy bay tiếp tế, Hoàng đều phải có nhiệm vụ nhận lãnh, chọn lựa và phân phối lại cho anh em binh sĩ trong đơn vị. Những bức thư riêng tư thì dĩ nhiên giao lại cho người nhận; những cánh thư gửi chung cho đơn vị thì phân phối cho từng đồng đội; còn sách báo thì phổ biến chung cho tất cả cùng nghe, hay chuyển tay nhau để đọc. Báo thì luôn có các tờ báo của quân đội như: báo Tiền Tuyến, Hỏa Tuyến, Giang Tuyến... Thư của các tổ chức yểm trợ tiền tuyến như các trường Trung và Đại học, các đoàn thể Thanh niên và Hướng đạo, các công sở, các tổ chức Hội đoàn và Tôn giáo... Qua những món quà được nhận lãnh và những bức thư của các em học sinh còn thơm mùi giấy học trò, còn chứa chan những tình cảm trong sáng và hồn nhiên, với lời lẽ rất ngây thơ và chân tình. Các em đã gửi đến cho các anh chiến sĩ với tất cả bằng một tấm lòng, để an ủi thăm viếng và nói lên lời biết ơn các anh đang ngày đêm xông pha ngoài sương gió, nên các em mới có những tháng ngày yên ổn để cấp sách đến trường.

Sau khi phân phối đồng quà và thư hân động ấy, chợt Hoàng bắt gặp một bức thư còn lại, ngoài bì thư cũng đề gửi đến các anh chiến sĩ, và bức thư cũng hỏi thăm chung chung kèm theo một bài thơ ngắn như sau:

Thư gửi các anh chiến sĩ

*Nơi xứ Huế đêm nay trời đổi gió
Báo hiệu rằng thu mãn sắp sang đông
Nhìn mây bay u tịch khỏi bình bồng
Lòng thương nhớ anh em buồn da diết
Này anh hỡi hỏi âm cho em biết
Chốn sa trường anh ngang dọc nơi nao?
Vùng A Sau hay biên giới Hạ Lào
Anh hỡi nhớ L. Trang đang mong đợi!*

(Dưới bài thơ ký tên là L.Trang nữ sinh trường Đồng Khánh Huế. Các địa danh này nằm về hướng Tây Nam Huế, một thung lũng rộng lớn chạy dài từ vùng Bạch Mã lên tận giáp giới Hạ Lào. Một vùng đất đai trù phú, khí hậu mát mẻ quanh năm, như vùng cao nguyên sương mù Đà

Lạt, nơi trước đây dự định xây dựng một thành phố mới...).

Bài thơ chỉ vòn vẹn có hai khổ, mỗi khổ bốn câu, đối tượng được gọi bằng anh, cũng chỉ là danh từ chung để gọi các anh chiến sĩ. Song ý tình thì thiết tha, chứa chan tâm sự như đang nói với người tình xa cách! Câu cuối như chứa đựng một hoài vọng, như nhắc nhủ, như thúc dục, như trao gởi tâm tình thiết tha, gởi ghém tâm sự của một người em gái hậu phương gởi ra cho các anh chiến sĩ ngoài tiền tuyến. Tình ý thì cũng chung chung vậy thôi, thế mà ai đã bắt gặp và đọc lên như đây là những lời gởi gắm của người tình dành riêng cho ai đó. Nhưng cho dù nếu nghĩ đây là tâm sự chung của các cô nữ sinh đã có lòng thương nghĩ đến những người lính, cũng là một điều an ủi đấy có phải không các bạn?

Chính bài thơ này, với lời lẽ chân thành, với một tình ý lãng mạn, và với một tấm lòng với yêu thương đã khiến cho Hoàng có cảm tưởng như đây là đối tượng tình yêu của mình, nuôi dưỡng nguồn sống cho đời trong những ngày tháng gian nguy với bước quân hành. Khiến cho Hoàng cảm thấy một chân trời hy vọng đang chờ đón và cũng đã giúp cho tinh thần quên đi những gian khổ hiềm nguy. Trai thời loạn đã đành phải chấp nhận, nhưng nếu không có những niềm an ủi ấy, thì có lẽ Hoàng cũng khó khăn lắm trong sự chịu đựng và vượt qua. Nên anh cũng luôn ước mơ ngày về sẽ đến trường Đồng Khánh để tìm gặp và thăm hỏi một người con gái đã có một tấm tình chân thành và lãng mạn đến tuyệt vời. Chỉ với ước mơ thôi, cũng đã làm tăng thêm sức sống, làm vui bớt nỗi buồn đối với những người lính xa nhà và cô đơn.

Nhưng càng đến gần ngày Tết, thì tình hình lại có nhiều nguồn tin không mấy thuận lợi cho Huế. Đơn vị của Hoàng phải ở lại vùng hoạt động đợi khi có lệnh mới, trong lúc mặt trận tại vùng Tây Nam Huế vẫn kéo dài sự yên tĩnh. Một sự yên tĩnh đến nghi ngờ với những lo lắng và thăm hỏi không biết sẽ có những biến chuyển gì đây, không ai biết được những gì sẽ đến. Nhưng bản phận làm lính thì phải theo bước quân hành, chung sức với đồng đội để chia sẻ những buồn vui.

XUÂN LẠNH

Charlotte vào Xuân hay giữa đông.
Sáng nay tuyết trắng nắng pha hồng.
Em oi giá lạnh tràn sông núi.
Ai đắp muôn loài chiếc áo bông.

Con chim nào kêu suốt đêm qua.
Chim không mất nước, chẳng xa nhà.
Mây đen, gió trắng, cảnh trời trời
Có xác chim vùi với xác hoa!...

Rét mướt nàng Xuân mỏng áo xiêm.
Về trong đêm trước bước êm êm
Sáng nay Xuân đã xa trần thế.
Rừng thủy tinh còn đọng tiếng chim.

Lam Điền Nguyên Thử

Vùng núi rừng Bạch Mã chạy dài đến A Sau, A Lưới là vùng xâm nhập của địch quân vào thành phố Huế, cho nên hai phần ba các đơn vị Bộ binh tại vùng Hòa tuyến đều phải túc trực hoạt động liên tục, ngô hầu giữ vững an ninh cho vùng trách nhiệm, cho đồng bào Cổ đô và miền Trung an vui đón Tết. Cũng gần đến Tết rồi còn gì, Tết này chắc chắn là cái Tết xa nhà, những người bạn của Hoàng đã nói như thế. Nhưng nếu yên ổn thì có thể thay nhau về Huế ăn Tết cũng đỡ buồn. Đây là những niềm ao ước chung của những người lính, hiện tại đang phải vẫn miệt mài theo các cuộc hành quân ngăn địch.

Với Hoàng thì lại là một sự mong ước đặc biệt hơn, sau khi với sự tình cờ nhận được bức thư của người em gái hậu phương. Tuy không mấy may quen biết và nội dung bức thư cũng chỉ gọi chung chung, gởi tâm tình đến cho các anh chiến sĩ... nhưng sao Hoàng cảm thấy như một mối

duyên và niềm an ủi dành riêng cho chính mình. Đôi lúc anh cứ nghĩ có lẽ hình như đây là do một bàn tay vô hình nào đã dun rùi gợi đến cho mình, như một định mệnh an bài mà mình không thể thấu hiểu. Thật thế, cho nên niềm ao ước của Hoàng là nếu có dịp về Huế thì thế nào cũng đi tìm người nữ sinh của ngôi trường danh tiếng ấy. Người con gái có tâm hồn lãng mạn và tha thiết, một tấm lòng rộng mở đã trao hết tất cả tình ý đến cho các anh chiến sĩ đang ngày đêm không quản gian nguy, lặn lội ngoài sương gió. Chông đỡ phong ba bão táp để đem lại an bình cho người dân hậu phương, nhất là Huế trong hiện tại. Nơi có bóng dáng của một người con gái chung tình đang sống một cuộc đời vô tư với bạn bè, với sách vở thầy cô và trường lớp... Những người đang nghĩ đến tình cảnh hiện tại, hay sự hy sinh của những người chiến sĩ biết có mấy ai? Có chăng chỉ đối với những người thân của mình đang tham dự cuộc hành quân trong địa phương mà thôi. Thế nhưng lại có một người mà Hoàng cho rằng, người ấy phải có một con tim rộng mở, một tình cảm bao dung đối với nhân loại, nhất là đối với quê hương đang ngày đêm ì ảm lửa đạn, sùng sục hận thù với thâm cảnh chiến tranh trùm phủ.

Đôi khi Hoàng trầm nghĩ, Quê hương Việt Nam chúng ta sao gặp phải nhiều buồn đau đến thế? Biết đến bao giờ, bao giờ cho mẹ khỏi xa con, cho gia đình đoàn tụ để tìm lại hơi ấm của tình người, cho con được tìm về bên bếp hồng lửa mẹ? Vì nơi đây lạnh lắm cao nguyên, vì nơi đây buồn lắm hoang vu rừng thẳm, vì nơi đây đang toát ra một bầu không khí tang tóc, vì nơi đây đang chực chờ từng phút từng giây để những người cùng đồng bào máu mủ, những người ruột thịt anh em mà lại đi tự xưng chủ nghĩa này, lý tưởng nọ để bôi mặt chém giết lẫn nhau, vì nơi đây đang chìm đắm trong biển hận thù...

Chùng ấy cũng đủ cho Hoàng suy tư đêm ngày về một nơi chốn mà mình đang hiện diện, hình dung như có bóng tử thần đang châu chực đâu đây. Nhưng bên cạnh những âu lo, Hoàng cũng còn một niềm an ủi tuy mỏng manh như sương khói, tuy hư thực như ảo như mơ, nhưng

cũng đã hiện diện như một thực tế, đó là một hình bóng thân yêu nhất đã ghi lại trong lòng Hoàng một chút nhớ chút thương. Nỗi hoài vọng ấy cũng đủ giúp cho Hoàng có thêm sức mạnh, qua cảm giác nhớ nhung và mơ ước như ngày đêm vẫn bám sát theo bước chân của mình.

Một lần lúc dừng quân bên cánh rừng chiều, khi ánh mặt trời đã ngã xuyên qua bóng cây từng vệt nắng vàng vọt, đan chen giữa màu xanh thẳm của cây. Trên cao lao xao tiếng gió đuổi nhau từng đợt, nghe cơ hồ như tiếng thì thầm những lời tình tự của rừng đang ru mãi một điệu ru buồn. Mùi lá khô và đất đai lãng đãng hanh hao đang quện vào khứu giác, như làm tăng thêm bầu không khí của cảnh giới xa lạ và thâm nghiêm. Rừng núi hoang vu nhưng màu nhiệm biết bao, như hồn thiêng đang che chở cho những tâm thân nhỏ nhoi. Mỗi khi dừng lại với những giờ phút nghỉ chân, khi đối diện với bóng cây rừng thâm u thanh vắng, Hoàng thấy hồn mình như đang phiêu phiêu tan loãng tận cõi nào.

Hoàng căng võng nằm dưới hai góc cây phủ đầy những lá, tiếng lá lao xao như đang ru đưa theo chiếc võng, khiến lòng dạt dào những khúc hát thần tiên đang ru chiều chìm sâu vào yên ắng. Hoàng chầm điều thuốc và nằm ngả người nhả khói, từng vệt khói uốn mình luồn lách vào từng nhánh cây rồi tan loãng. Hoàng cũng thả hồn bay theo mộng mị, như bước mộng du đang dẫn dắt vào một thế giới tuyệt vời. Hoàng chợt nhớ đến cánh thư từ hậu phương gửi ra mấy ngày hôm trước, nó như một ám ảnh không rời. Hoàng nhắm đọc đến thuộc lòng, nhất là bài thơ từng nét từng chữ như đang tiếp nối nhau nhảy múa trong tâm tưởng chàng không thôi. Nghe như thầm vọng những lời nhắc nhở, thúc dục cho đối tượng phải lưu tâm, phải hồi âm đừng để cho ai phải ngày đêm trông ngóng, mỏi mòn. Và chợt cảm hứng như ùa về đọng lại nơi chiếc võng đong đưa, Hoàng với tay vào ba lô lấy xấp giấy và cây viết ngòi dầy ghi lại những tình tự đang đua nhau rộ nở trong lòng, như gột trọn nỗi nhớ nhung gửi về cho người yêu đầu...

Hoàng bắt đầu viết:

Thư về em gái hậu phương

*Vùng Tây Nam (Huế) anh mơ về phố thị
Khi đọc thơ của em gái L. Trang
Phút nhớ thương anh chợt thấy bàng hoàng
Nhưng tay súng anh còn đầu mộng mị
Thân trai anh chừ dậm ngàn thiên lý
Nhớ thương thì xin hẹn lại ngày nào
Đất nước mình qua khỏi cảnh binh đao
Anh trở lại với tình em chung thủy
Chừ nơi đây anh vẫn thương nhưng chỉ
Giữ trong tim với ý nghĩ miên man
Và hồi âm cho em gái L. Trang
Vài dòng vội khi đoàn quân dừng nghỉ
Kêu em trách chỉ tang bồng hồ thị
Đâu nghĩ gì đến em nhỏ ngây thơ
Vì chiến chinh nên đành chịu hững hờ
Chừ đâu phải tình thơ anh phung phí
Mãi vẫn vợ mà anh quên một tí
Lời hỏi thăm em sức khỏe thế nào
Còn phần anh với ngày tháng tiêu hao
Anh vẫn thấy ngọt ngào trong ý nghĩ
Hành diện làm trai tang bồng hồ thị
Và có người em gái nghĩ đến anh
Cũng đủ sưởi lòng trong những bước
quân hành
Thâm cảm kích tấm chân tình ủy mị
Anh vẫn mơ ngày trở về phố thị
Sẽ tìm thăm và cảm tạ tình em
Nhưng ngày đêm tiếng súng vẫn vang rền
Mộng xâm lược của tập đoàn cộng phi
Nên anh bước quân hành chưa dưng nghỉ
Đội của anh vẫn phải miệt mài
Trách nhiệm người trai đang gánh trên vai
Anh không thể một mình rời đơn vị
Thông cảm cho anh người em yêu quý
Đường còn dài nhớ hãy đợi nghe cung
Ngày mai đây anh hái cánh hoa rừng
Làm quà cưới bằng lòng không em nhi?
Và tặng em bằng một tuần phép nghỉ
Đưa em đi cùng khắp những địa danh
Nơi các anh từng lưu bước quân hành
Để em sẽ thương thêm người chiến sĩ!*

Đọc đi đọc lại, Hoàng thấy cũng tâm tậm nghe được, có thể gói trọn đầy đủ tấm chân tình của một người lính trận miền xa, gửi về cho người em gái hậu phương. Người em gái mà thật tình cũng chỉ mến mộ qua một bản tình thư, hay nói đúng hơn là với một bài thơ ngắn ngủi, nhưng đã trang trải thật rộng thật bao la một tấm chân tình. Hoàng cảm thấy lòng mình như đang rộn lên một niềm vui, khi đọc đi đọc lại bài thơ mà lần đầu tiên trong đời mình sáng tác. Đây là những cảm xúc đến thật tình cờ, nhưng có thể dẫn dắt Hoàng đi xa hơn với văn chương chữ nghĩa sau này. Thật thế, trong những ngày làm quen với cuộc đời binh nghiệp, cảnh lạ miền xa đôi khi chợt đến một nỗi nhớ nhưng không tên, đã tạo cho Hoàng nhiều cảm hứng, đã làm nên những ý thơ lãng mạn và thiết tha, nhất là những giây phút tình cờ. Giây phút ấy đã xây dựng nên duyên thơ, đã cho Hoàng những cảm xúc rất mới mẻ thật tuyệt vời. Đôi khi chỉ một chuyện còn con không đầu cả, mà có thể tạo thành một nguồn thơ phong phú đến không ngờ.

Nên hôm nay Hoàng tập tễnh làm thơ, không phải để thi thố tài năng với đời, cũng không phải cố xây dựng một sự nghiệp văn chương như những người đã từng theo đuổi. Vì Hoàng chưa có ý nghĩ sẽ làm thơ bao giờ, trong khi thấy cuộc sống chưa bắt gặp một chút gì thú vị. Chưa trải qua tình tự của yêu đương, khi tuổi mới lớn đã phải làm thân chinh khách. Thân phận làm trai trong thời loạn, vừa mới đến tuổi trưởng thành, phải xếp lại tất cả để lên đường theo tiếng gọi non sông. Chưa có một giây phút đón hưởng niềm vui, hay hạnh phúc tuy có ngắn ngủi. Nhưng giây phút chia xa thì luôn đang chực chờ, nên mọi cảm mến của cuộc đời gần như úa héo, như xếp lại chuỗi thơ mộng vừa mới chớm. Sao hôm nay, thật tình cờ những nguồn cảm đến với dồn dập như một cơ duyên giúp cho Hoàng thực hiện những mơ ước của lòng đang ôm ấp. Nên với hy vọng sẽ đáp lại tấm lòng thành của một người đã gửi gắm cho tha nhân trọn niềm yêu mến, chân thành. Nghĩ vậy, nên Hoàng chép bài thơ mới sáng tác cho rõ ràng, ngay thẳng để đợi

cuối tuần có máy bay tiếp tế sẽ gửi về cho người con gái tên Trang, địa chỉ là ngôi trường danh tiếng tại cố đô Huế.

Thư đi đã mấy tuần, trong lòng Hoàng cũng trông ngóng thư hồi âm, nhưng lại nghĩ có thể thư trả lời đã đến nơi hậu cứ, mà một ngày gần đây Hoàng sẽ về, không những chỉ nhận những cánh thư hồi báo, mà còn được nghỉ ngơi vài tuần lễ để tha hồ đi dạo phố, ngắm thiên hạ và nhất là đến thăm người trong mộng.

Nhưng gần đến ngày Tết, thì đơn vị Hoàng lại nhận lệnh đi hoạt động vùng trách nhiệm càng nhiều, và thời gian thì chưa biết đến khi nào mới có lệnh mới. Và cùng thời điểm này, Hoàng lại nhận không biết bao nhiêu lá thư từ hậu phương gửi ra tiền tuyến thăm hỏi các anh chiến sĩ. Những buổi tập họp đơn vị, Hoàng lại phải phân phối số thư đến, cũng như phổ biến những tin tức mới. Tuy hầu hết những bức thư chỉ gói ghém lời thăm hỏi chung, nhưng thỉnh thoảng cũng bắt gặp một tấm lòng, như một lần nào đó khiến cho lòng người phải chùng xuống bởi suy tư về thân phận của Việt Nam hôm nay. Trước cảnh ấy, đôi khi Hoàng cũng có một vài suy nghĩ cho bản thân mình và cho bạn bè đồng đội. Thấy thương vô cùng cho thân trai trong thời loạn! Biết đến bao giờ mới xa rời cuộc sống mà ngày đêm bị rừng núi phủ vây, hoang vu trùm lấp. Đêm đêm lại nghe tiếng súng vọng đâu xa hay tiếng gió hú giữa rừng đêm buồn rười rượi.

Vùng Tây Nam Huế nơi đơn vị Hoàng đang hành quân vẫn yên tĩnh, tình hình nơi đây không có một dấu hiệu nào cho thấy sẽ xảy ra một bất ổn nào. Hoàng hy vọng trong dịp Tết này, đồng bào miền Trung, nhất là Cố đô Huế sẽ vui mừng đón xuân trong an vui và hạnh phúc. Hoàng cứ tưởng tượng là mấy ngày hôm nay, người dân Huế chuẩn bị sắm sửa, các chợ hoa đã đông nghẹt người đi mua sắm, chợ Đông ba tấp nập hơn mọi ngày, đường phố rất đông vui, học sinh đã nghỉ học. Không hình dung được trọn vẹn nhưng trong đó chắc hẳn có một người, đang hồn nhiên theo nếp sống của mọi người. Người con gái ấy đã một lần khiến cho Hoàng phải

tương tư, qua một bài thơ ngắn ngủi và chỉ gửi chung cho các anh chiến sĩ, nhưng Hoàng may mắn nhận được nên cảm thấy như là gửi riêng cho mình. Một sự cảm nhận thật lãng mạn và hơi vu vơ nhưng lại đẹp biết bao, như đang ngày đêm dẫn dắt Hoàng đi từ ước mơ này, đến những thao thức khác không thôi.

Trời vào xuân, rừng núi như đang hân hoan trong niềm xao xuyến của đất trời, và lòng người cũng như đang dung thông với thiên nhiên hòa nhịp. Như đang tấu lên một khúc nhạc yêu đời, với cảm giác băng khuâng không thể tả. Nhất là đối với những người lính xa nhà, những nỗi nhớ nhung làm cho lòng mình đôi khi có cảm giác lạ, ngất ngây.

Hoàng có nhiều cơ hội gần gũi với đơn vị trưởng, nên Hoàng cũng biết được nhiều tin tức mới mẻ có liên quan đến cuộc chiến, nơi mà đơn vị của mình đang hoạt động, nên cũng lấy làm yên tâm. Nếu tình hình không có gì thay đổi, thì có thể vài tuần lễ nữa đơn vị Hoàng sẽ được một đơn vị khác đến thay thế vùng trách nhiệm, và đơn vị mình sẽ về hậu cứ để dưỡng quân một thời gian, rồi tiếp tục theo luân phiên.

Nhưng chỉ vài ba ngày nữa là đến tết, mà chưa thấy có lệnh mới. Vùng hoạt động của đơn vị Hoàng trách nhiệm, vẫn yên tĩnh như những ngày qua, không một dấu hiệu nào cả. Nỗi chờ đợi nhiều khi khiến cho mọi người mệt mỏi và chán chường. Rừng núi vẫn hoang vu, gió vẫn lướt trên ngọn cây nghe xào xạc như một điệu nhạc buồn, thỉnh thoảng có tiếng chim hót líu lo, như đang tấu lên một bản nhạc muôn đời của rừng. Hoàng ngồi suy tư về những ngày đầu đời làm lính, tuy chưa gặp hiểm nguy, nhưng gian khổ thì đã thấy với những ngày leo đồi vượt suối, với chiếc ba lô nặng trĩu trên vai, đêm nghỉ ngày đi như đang đi vào con đường vô tận, không lối thoát. Trước mắt chưa thấy được màu nắng ấm của tương lai, mà ước mơ của những người trai trẻ thì vẫn cao vời vợi! Ước mơ ngày quê hương khi tàn cuộc chiến, trả lại súng đạn và hiểm nguy cho chiến trường, trả lại nhọc nhằn cho rừng núi, để trở về... và hình dung đến ngày ấy thật là một

nguồn an ủi vỗ về cho thân phận hiện tại, song ngày về thì vẫn còn xa diệu vợi!

*

Chợt bàng hoàng khi nghe tin cộng quân chiếm Thành Phố Huế với quân số cấp Sư đoàn! Ban đầu nghe tiếng súng, nhưng cứ ngỡ tiếng pháo giao thừa! Bộ tư lệnh của Sư đoàn I Bộ binh chỉ còn lại Đại đội Hắc báo và các đơn vị chuyên môn bảo vệ. Còn các Trung đoàn thì phải nằm rải rác các vùng trách nhiệm, cách xa thành phố trên vài ba chục cây số, nên cộng quân lợi dụng giờ giao thừa chiếm thành phố!

Hai mươi lăm ngày chiếm cứ, chúng lùng bắt công chức, cán bộ và quân nhân về nhà ăn tết kể cả sinh viên và học sinh dẫn đi về hướng Bãi dâu, Phú Bài, Phú Thứ, khe Đá mài... đào hầm chôn sống, vì lý do là dân chúng Thừa Thiên-Huế không theo Cộng sản!

Tình hình Huế rất trầm trọng, cộng quân tràn ngập khắp thành phố, công khai lập tòa án để kết tội dân chúng! Ngoại trừ Bộ tư lệnh Sư đoàn I và Quân y viện Nguyễn Tri Phương đóng ở Mang cá lớn được an toàn mà thôi! Các Trung đoàn cơ hữu của Sư đoàn I thì phải giữ vùng trách nhiệm, không thể tiếp ứng được. Nên chính quyền miền Nam phải đưa hai binh chủng thiện chiến là Nhảy dù và Thủy quân Lục chiến ra chiếm lại Thành Phố Huế. Nhưng cũng phải mất hai mươi lăm ngày mới đẩy lui được đối phương. Vì trong thành phố dân cư đông đúc cần phải bảo vệ dân chúng, là điều rất khó khăn khi tác chiến trong thành phố!

Trong thời gian gần một tháng ấy, không biết bao nhiêu chuyện tang tóc đã xảy ra cho người dân Thừa Thiên-Huế! Các đơn vị nằm ở phạm vi hoạt động, tuy phần nhiều ít đụng trận hay chỉ lẻ tẻ, nhưng những nỗi lo lắng của các binh sĩ có gia đình và thân nhân ở Huế, cũng đã làm cho đồng đội của mình bất an! Với Hoàng thì lại có một nỗi lo riêng, đối với chuyện tình với một người chưa quen biết, nhưng đã có duyên lành đón nhận một tình cảm thiết tha. Nỗi lo lắng ấy không phải là vô cớ, nên Hoàng vẫn luôn theo dõi tin tức có liên quan đến tình hình

chiến sự tại Huế. Từng giờ phút trôi qua như đang làm cho mọi người nghẹt thở, với nỗi lo lắng, đợi chờ...

Đến cuối tháng Ba năm 1968, sau khi Huế được trở lại ổn định, đơn vị của Hoàng mới được lệnh trở về hậu cứ để dưỡng quân. Nhân dịp này Hoàng xin nghỉ mấy ngày phép để đi dạo phố, và mong tìm gặp người con gái đã một lần làm xao xuyên lòng mình, với bao nỗi nhớ nhưng như một người tình đã thề non hẹn biển.

Nhưng khi đến phố, Hoàng thấy thất vọng với một Phố Huế đổ nát hoang tàn. Những người còn lại hốt hải đi tìm xác chồng xác con trong những hố hầm mới được khai quật! Hoàng xúc động đến choáng váng trước cảnh tượng đang nhìn thấy, như vừa trải qua một giấc mộng hãi hùng! Hoàng có cảm giác như hụt hẫng, chơi vơi! Tâm sự của Hoàng lúc đó, chẳng khác chi tâm sự của chàng Kim sau khi trở lại vườn Thúy:

- "*Hỡi ông, ông mắc tụng đình.*

Hỡi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha!"
(Kiều).

Băng qua đường Duy Tân để đến ngôi trường Đồng Khánh, với hy vọng tìm gặp và thăm hỏi một người, nhưng ngôi trường đã đổ nát, vắng vẻ quạnh hiu, không một bóng người lai vãng. Con đường thơ mộng nhất của xứ Huế bây giờ đã đến nỗi này, nhà cửa hai bên đường còn loang lổ vết đạn, hàng cây cũng ú rũ như chia nỗi buồn. Khung cảnh ấy như làm tăng thêm nỗi tan nát trong lòng. Hoàng bước đi như có cảm tưởng mình đang đi trong lòng địa chấn. Những thương hận buồn đau như đang chất chứa và dâng lên ngút đỉnh mây trời. Chợt Hoàng nghe từ quán Cà phê nơi góc đường vắng ra một điệu nhạc thật buồn...

- *Chiều đi lên Bãi dâu, hát trên những xác người, tôi đã thấy, tôi đã thấy những hố hầm đã chôn vùi thân xác anh em...! (nhạc TCS).*

DAN HÀ
(Germany)

CẢM ƠN CỤ LINH CÔNG (LINCOLN)

By JULIA KIRIAKOV CASWELL



LÊ VIỄN PHƯƠNG chuyển ngữ

I- CÁI DỪNG CUỖA ÔNG TÔI.

Khói và bụi than bay qua cửa sổ, ủa vào phòng, khi tiếng thảng nghiêng ken két trên đường rầy chiếc xe lửa chở chúng tôi ngừng lại tại một nhà ga phía Bắc ở vùng quê Bảo Gia Lợi (Bulgaria). Kia, Ông đang đứng chờ chúng tôi, hai cánh tay vạm vỡ đang giơ ra, cặp mắt sáng dưới làn mi rậm và một mớ tóc đầy. Ông hôn mẹ tôi và đứa em nhỏ của tôi, Ông xốc bổng tôi lên rồi cười nói:

“Dung (Julie) búi tóc đuôi ngựa của cháu mỗi ngày một dài thêm ra;” một tay Ông cầm lọn tóc giật giật đùa nghịch. Mặc dù lúc đó tôi đã 8 tuổi, nhưng tôi biết chắc lúc ấy tôi vẫn là đứa cháu cưng của Ông.

Chúng tôi tất cả leo lên xe ngựa kéo của Ông để làm một cuộc hành trình kế tiếp, xa vào khoảng 5 cây số, tới một căn nhà đá cổ. Đó là căn nhà mà Ông và gia đình đã sống qua nhiều đời. Những chuyến về thăm nhà vào mùa hè như thế này là thông lệ của chúng tôi vào thập niên năm 1950. Chuyến hành trình kéo dài 20 tiếng đồng hồ từ nhà chúng tôi ở SonPhuong (Sophia) tới tỉnh KépXá (Preslav).

Gia đình Ông tôi sở hữu một thửa đất rộng vào khoảng 30 mẫu tây và thường trồng rau, đậu, và cây ăn trái đã từ lâu tại KépXá cho mãi tới ngày Chính-phủ Liên Hiệp do Cộng Sản lãnh đạo BảoGiaLợi vào năm 1940. Nhà cầm quyền lúc đó đã trưng dụng thửa đất của Ông tôi để biến thành Nông Trường Nhà Nước, tuy nhiên vẫn cho Ông tôi ở lại để tiếp tục canh tác. Tôi biết đó là một chuyện chung công buồn bã đối với gia đình Ông tôi, mặc dù Ông và cả nhà vẫn

chẳng muốn cho chúng tôi biết vì vẫn coi: “các cháu còn nhỏ chẳng nên biết.” Càng lớn lên, tôi lại càng tò mò và khi hiểu chuyện, chúng tôi lại càng giận và cũng có lo sợ đôi chút.

Khi ở SonPhuong, chúng tôi ở trong một Cuxá với Ông Bà Ngoại, cuộc sống của chúng tôi lúc nào cũng bị vây bủa bởi những sợ sệt, tại trường hay cả ở ngoài đường, chúng tôi thường được nhắc nhở hằng ngày rằng: Có một nước gọi là HoaKỳ ở thật xa, lúc nào cũng sẵn sàng dội bom tàn sát chúng tôi! Tôi lúc nào cũng thắc mắc rằng tại sao cái nước gọi là HoaKỳ này, lúc nào cũng chỉ tìm cách giết hại chúng tôi như thế?! Ông Bà Ngoại thì chẳng bao giờ giúp, cắt nghĩa cho chúng tôi hiểu về điều đó, nhưng tôi biết chắc Ông Nội có thể giúp tôi hiểu được.

Trên chặng đường đi xe ngựa với Ông Nội về vườn của Ông. Ông vui vẻ và rất hãnh diện dẫn chúng tôi xem: táo, đào, mận, mơ... của Ông trồng ... rồi thỉnh thoảng Ông bỗng nhận ra dường như tôi đang tư lự điều gì, Ông chợt ngừng lại và hỏi:” Cháu có điều chi tư lự, Ông thấy cháu không được vui?

Tôi thưa với Ông rằng: Cháu nghe nước HoaKỳ sắp sửa dội bom xuống SonPhuong, chúng cháu và cả nhà sẽ bị giết sạch! Rồi tôi bật oà khóc. “ Dung, Ông nựng tôi, cháu đừng lo... để Ông cắt nghĩa cho cháu hiểu về những người đã chiếm BảoGiaLợi và về nước HoaKỳ.

“Vào khoảng đầu thế kỷ, Ông đã một mình đi qua HoaKỳ, để tính chuyện làm giàu. Trong 6 năm, Ông đã làm việc cho một xưởng làm thịt nguội ở thành phố DiMơ (Detroit), lúc bắt đầu làm, họ giao cho Ông việc lau sàn, nhưng Ông

chịu khó làm, họ tin cần giao cho Ông việc khác, tốt hơn và đồng thời cũng trả lương cao hơn. Rồi sau đó, Ông và một người Bà Con đã tự làm chủ một tiệm ăn nhỏ. Ông hồi đó đã cố gắng thuyết phục Bà Nội của cháu rời Bảo Gia Lợi đi theo Ông nhưng bà không chịu. Ông đành rời Hoa Kỳ về lại Bảo Gia Lợi, nhưng lúc nào cũng mang nặng trong lòng những kỷ niệm đẹp về Tây Phương, như một miền đất hứa.”

Ông tôi mô tả về Người Hoa Kỳ, họ là những người chịu khó làm việc, vui vẻ và lịch thiệp. Chuyện của họ thì lúc nào cũng phản ánh sự tụt lụp, vuitươi và đầy hy vọng; một điều mà cháu thấy hiếm có ở quê hương mình. Ông tôi cất nghĩa cho tôi về nhà cầm quyền Bảo Gia Lợi: Rằng là nhà cầm quyền Bảo Gia Lợi không muốn cho dân chúng của mình biết những điều tốt về một quốc gia có tấm lòng đầy bao dung độ lượng và yêu chuộng công lý như Hoa Kỳ. Tôi tò mò hỏi lại Ông: “ Nhưng làm sao trên đời này lại có một quốc gia như thế được? ”

Ông trả lời:

“ Cái bí mật của điều đó chính là cái mà người ta gọi nó là “TỰ DO”. Rồi Ông kể cho tôi nghe về cụ Bảo Gia Linh Công (Abraham Lincoln) một chiến sỹ trong một cuộc chiến vĩ đại: Giải Phóng người NÔ LỆ tại Hoa Kỳ để làm cho Hoa Kỳ trở thành một quốc gia đem TỰ DO cho tất cả mọi người.

Tôi lại tò mò hỏi lại Ông:

“Nhưng điều đó có gì đáng để cho chúng ta quan tâm, bởi vì chúng ta đâu có NÔ LỆ há Ông?”

Ông tôi thấp giọng và nghiêm trọng:

“ Có, chúng ta có chứ, Cháu. Cháu nên biết rằng: Cháu, Ông, Bà Má cháu, tất cả chúng ta đây đều là NÔ LỆ của một nhà cầm quyền không cho chúng ta được TỰ DO.”

II- MỘT ĐỜI DỐI TRÁ.

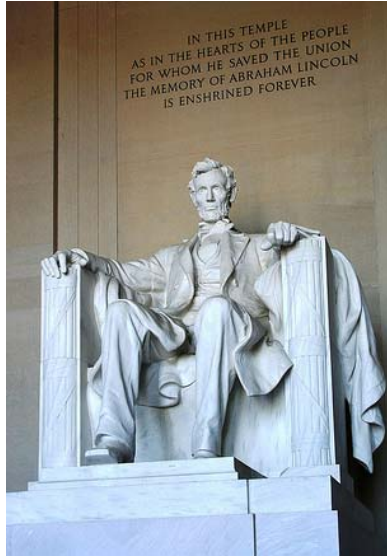
Hết hè, về lại SơnPhương, những sợ hãi, lo lắng vẫn tiếp tục khắp nơi: trong trường, ngoài đường, ở nhà! Chúng tôi sợ hãi cả bạn bè, hàng xóm láng giềng; biết đâu, một người nào đó vì một chút tư lợi, đã đem chúng tôi ra như một vật đổi chác trong một chuyện vụ khổng tưởng tương với nhà cầm quyền sở tại thì khôn!

Một buổi sáng, tôi bỗng giật mình kinh khiếp vì một tiếng xô cửa rất mạnh vào căn gác trên lầu nhà Ông Bà Ngoại bởi hai người công an võ trang, sấn vào nhà, chẳng hỏi han, dè dặt Bà Ngoại vào tường, trói Bà tôi lại, rồi kéo lê Bà tôi sênh sếch ra khỏi phòng, xuống cầu thang rồi nhốt Bà tôi trong một chiếc xe chở hàng của quân đội. Họ chở Bà tôi đi trước nỗi bàng hoàng kinh sợ của tôi!

Đến tối, họ mới thả Bà tôi về, nhưng Bà tôi đã bị lột hết từ tâm hồn đến vật chất. Bà tôi đã bị người láng giềng sát vách tố cáo với nhà cầm quyền sở tại rằng Bà tôi đã dạy đạo cho trẻ con lối xóm và khuyên các em tin tưởng vào sức mạnh của niềm tin nơi Thượng Đế. Bà tôi đã bị họ bắt buộc từ bỏ đạo trước mặt mọi người.

Lúc đầu, Bà tôi nhất định không làm theo; Nhưng sau rồi các người cố vấn học tập và giáo dục bảo Bà tôi rằng: nếu không thuận thì tôi và các cháu của Bà tôi sẽ không được đi học! Bà tôi đành phải làm theo họ là tuyên bố bỏ đạo. Nhưng trong thực tế, Bà tôi, mẹ tôi vẫn tiếp tục dạy tôi và em Phi (Peter) về Thượng Đế và Đạo vẫn là sức mạnh nòng cốt của suốt đời chúng tôi.

Cái hình ảnh rạn vỡ về một quốc gia như Hoa Kỳ do ông nội kể cho tôi nghe là những hình ảnh đối nghịch hoàn toàn với những bài học mà tôi nghe ở trong lớp hàng ngày tại SơnPhương. Trong lớp học của chúng tôi, lớp nào cũng có



treo hình Ông râu mép Dịch Tá Linh (Joseph Stalin) ở bên trên chính giữa bảng đen. Lớp học thay vì dạy về đạo đức, thành thực, chân thành; thì lại dạy cho lớp trẻ chúng tôi dối trá, lừa bịp! Đối với thầy cô, bạn bè ở trường. Chúng tôi dối trá với họ về trạng thái vui buồn trong lòng của mình. Tốt hơn hết là lúc nào cũng phải làm ra vẻ vui mừng sung sướng; đó là bí quyết để thành công. Cái hình ảnh còn hiện rõ trong đầu tôi khi nhìn những em học sinh hát những bản nhạc ngợi ca quốc gia, nét mặt thì tươi cười mà lòng thì trống trải niềm tin hiện trong đôi mắt lác lõng nhìn vào khoảng không! Đó là điều mà tôi đã nhận ra thật rõ sau này.

Tình trạng khủng hoảng Đạo-đức này đã tới cao độ khi gia đình tôi bị liệt vào loại có ti vết! Không còn cách nào khác hơn, Cha tôi đành phải gia nhập Đảng Cộng Sản! Tôi biết là cha tôi đã bị đặt vào cái thế chẳng đặng đừng. Tôi cũng đã ngấm ngấm nhận ra là cả nhà trong lòng đương nguyên rủa ông. Có đôi lúc, tôi nhận ra một chút hạnh phúc trong ánh mắt của người nhưng chỉ một thoáng rồi lại biến đi ngay và sau đó, nỗi buồn phiền, u uất lại hiện lên. Tôi yêu cha tôi và tôi hiểu chính người đương là một kẻ bị tù tội hơn bất cứ ai trong gia đình này!

III - NIỀM HY VỌNG DẤU KÍN.

Người thanh niên trẻ đứng trước lớp tôi hôm nay chỉ là một thầy giáo phụ, tôi để ý ông vì ông vừa nói với chúng tôi rằng ông đã có dịp tới thăm HoaKỳ. Vào giờ học trót trong ngày, ông cho biết: Ông có một món quà nhỏ tặng cho mỗi chúng tôi. Đó là tấm bưu thiếp từ HoaKỳ. Ngay khi ra khỏi lớp, trên đường về nhà, tôi phải dừng lại dọc đường, liếc vụng! Đó là tấm hình mà tôi đã được nghe ông nội kể. Hình cụ Bảo Gia Linh Công! Cụ ngồi trên một chiếc ghế màu trắng tuyết vời! Bức tượng, khỏi cần nói, cho người nhìn vào là thấy ngay một người ôi dễ thương biết chừng nào! Đàng sau tấm bưu thiếp có trích lại một câu của cụ được viết tay bằng tiếng Bảo Gia Lợi do thầy giáo tôi chép lại mà tôi vẫn còn nhớ rõ như in và vẫn còn gây xúc

động cho tôi mỗi khi tôi nghĩ tới: **“ Trữ Tự Do cho Người Nô Lệ, chính là bảo đảm sự Tự Do của chính mình.”**

Tôi hôm đó, quanh chiếc bàn ăn thô kệch của gia đình, Ba Má tôi đã phải trông trước nhìn sau khi chuyền tay nhau xem bức hình này. Tôi có cảm giác như có sự đe dọa đương chờ trực sẵn đâu đây! Tôi ngạc nhiên khi nghe Ba tôi nói: “Con cứ giữ lấy tấm hình của con.”

Ngày hôm sau tôi tới trường, thầy giáo phụ này đã không còn. Chúng tôi chẳng bao giờ được gặp lại ông nữa. Bà Hiệu trưởng cho chúng tôi biết: thầy bị bệnh và phải vào bệnh viện điều trị. Rồi Bà nói: “Tôi biết các em đã được thầy tặng mỗi em một tấm bưu thiếp, các em đưa cả ra đây. Thầy cần lại các tấm bưu thiếp ấy để giúp thầy khỏi bệnh.” Có một vài người trong chúng tôi đã đưa trả lại. Nhưng tôi thì không. Tôi muốn có tấm hình đó, nên tôi nói dối là đã để lạc mất, không kiếm ra!

Tôi không muốn mất hình cụ Linh Công và lời của cụ nói về Nô-lệ và Tự Do.

Tôi dấu hình cụ trong gối đầu giường của tôi. Cứ thỉnh thoảng tôi lại lấy tấm hình cụ ra ngấm ngấm, suy nghĩ về những lời của cụ nói. Những lời của cụ đã cho tôi niềm hy-vọng rằng một ngày nào đó tôi sẽ có Tự-do và tôi vẫn cất giữ nó ở trong ấy trong suốt tám năm sau đó.

IV- TỰ DO, MỘT PHÁO ĐÀI KIÊN CỐ NHẤT.

Cái tệ hại nhất của sự ép buộc, lập đi lập lại của thời tuổi trẻ của tôi là những buổi họp của thanh thiếu niên. Trong buổi họp, mỗi chúng tôi phải đứng và ngợi ca các anh hùng Cộng Sản sao cho thật lưu loát trong khi người trưởng tổ lúc nào cũng theo dõi mắt của chúng tôi để tìm xem chúng tôi có chân thành không trong lúc nói. Một lần tới lượt tôi, tôi thảm khản nguyện: Xin Thượng Đế giúp cho mắt con sáng, rạng rỡ hơn những người khác!

Càng lớn lên, tôi càng cảm thấy đời sống sao mà nhục nhã quá! Giường phải kê trong xó bếp! Tôi kinh tởm cái nhà tắm công cộng mà mỗi lần tắm, tôi và mẹ tôi phải trần truồng ngồi bên

những đàn bà phụ nữ khác! Tôi khinh bỉ cả chính tôi vì phải dối trá để mà sống! Tôi bắt đầu thắc mắc rằng tại sao đời sống như thế mà vẫn có người cứ lập gia đình rồi đem những đứa bé thơ vô tội ra sông trong một cái thế giới như vậy? Nhiều cặp vợ chồng, chỉ muốn có một hoặc hai con. Ôi thật là một cái xã hội bất hạnh!

Vài tuần lễ sau cái Sinh-nhật Mười Sáu, tuổi con gái của tôi, mùa xuân năm 1963. Ba tôi đã tặng cho tôi một món quà vô cùng ngạc nhiên! Đó là chúng tôi, cả gia đình sắp sửa được theo người ra khỏi nước để đi Algeria. Ba tôi đã được nhà cầm quyền Bảo Gia Lợi gửi đi như một chuyên viên kỹ thuật trong một chương trình huấn luyện về rừng. Chúng tôi vô cùng mừng rỡ.

Ba tôi nghiêm nghị dặn chúng tôi rằng khi thu xếp hành lý, không được mang theo bất cứ cái gì có thể gây nghi vấn. Tôi dấu tấm bưu thiếp có hình cụ Linh Công trong những hành lý của tôi, nhưng khi tới phi trường Sơn Phuong, các nhân viên đương cuộc đã trút hết hành lý của chúng tôi ra để lục soát! Tôi lo quá! vội lén nhét tấm hình cụ vào túi xách của Di tôi, người tiễn chúng tôi ra phi trường.

Tôi dặn Di: “Giữ dùm cháu, trả cho cháu khi cháu trở về.” Tôi chẳng bao giờ được thấy lại tấm bưu thiếp ấy!

Algeria bỗng trở thành một cái ngã tư đổi đường trong lịch sử gia đình chúng tôi. Gần ngày cuối của chuyến trở về, Ba tôi đã đặt mua vé máy bay cho mẹ tôi, em tôi và tôi trở về lại Bảo Gia Lợi. Còn Người nộp đơn xin phép được qua Pháp du lịch cho chuyến đi phép sau khi mãn nhiệm vụ rồi sẽ về lại Bảo Gia Lợi đoàn tụ với gia đình sau. Đây là một chuyến phiêu lưu can đảm của gia đình chúng tôi. Trong khi làm thủ tục giấy tờ, tôi đã tự tay sửa thêm vào các giấy tờ của Ba tôi gồm luôn cả gia đình vào trong tờ chiếu khán nhập nội!

Chả một nghi ngờ nào, toà lãnh sự Pháp, đóng dấu THUẬN vào tờ thông hành của chúng tôi và chỉ trong vòng 24 tiếng đồng hồ, cả gia đình chúng tôi đã ở trên tàu tới Minh Xứ (Marseille). Thoát khỏi hàng rào quan thuế

Pháp, chúng tôi người nào người nấy đồ mồ hôi lạnh! Đây thực là một chuyên thoát hiểm mà Ba tôi đã đặt kế hoạch và chuẩn bị đã từ rất lâu.

Tại Pháp, tôi bắt đầu nghiên cứu, tìm hiểu về cụ Bảo Gia Linh Công. Tôi khám phá ra rằng những lời mà ông thầy trẻ của chúng tôi viết chép lại trên tấm bưu thiếp có hình cụ Linh Công là trích từ trong bài diễn văn đọc tại Quốc-hội Hoa Kỳ vào tháng 12 năm 1962:

“Các bạn công dân, chúng ta không thể nào trốn chạy lịch sử được... Con đường nghệt nghèo mà chúng ta đương kinh qua, sẽ đưa chúng ta tới ánh sáng vinh quang và danh dự hoặc cũng có thể nhận chìm chúng ta trong tối tăm nhục nhã tới cả ngàn thế hệ con cháu chúng ta sau này...”

Bằng trả Tự-do cho người nô-lệ, chính là chúng ta bảo đảm sự Tự-do của chính mình, những kẻ Tự-do. Chúng ta sẽ được đời nhìn chúng ta như những anh hùng can đảm dám đứng lên bảo vệ Tự-do hoặc bị đời nhìn như những kẻ hèn hạ dễ tiện để đánh mất cái niềm tin, niềm hy-vọng cuối cùng trên mặt địa cầu này... Con đường chúng ta đương theo đã thật rõ ràng, đầy độ lượng và nhân ái, nếu chúng ta cứ tiếp tục con đường đó, thế giới sẽ ủng hộ và ca ngợi, và Thượng-đế cũng sẽ mãi mãi chúc lành cho chúng ta.”

Ở vào tuổi 20, tôi đã trôi chảy tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng mẹ đẻ Bảo Gia Lợi. Nhờ khả năng ngoại ngữ của tôi và những đồ đạt thành công về học vấn đã giúp cho tôi được học bổng để qua Hoa-Kỳ. Đây chính là cái vé một đời mà tôi đã mơ ước, đó cũng có nghĩa là tôi sẽ được tới HoaThịnh Đồn để tới viếng Đền Tưởng Nhớ cụ Linh Công.

Đó là một đêm hè oi ả, vào năm 1967 khi lần đầu tiên chính mắt tôi được chiêm ngưỡng cái hào quang rực rỡ trang nghiêm: Đền Tưởng Niệm cụ Linh Công. Tôi thâm lặng tiến thật gần tới cái Pháo Đài của TỰ DO. Biết bao năm, tôi đã ôm ấp nó ở trong tay, trong lòng, thế mà bây giờ tôi chỉ như hạt bụi dưới chân ông! Tôi tự cảm thấy tôi thật là nhỏ bé! Nhỏ bé quá từ tinh thần tới thể chất!

Tôi nhìn vào mắt người, ngay từ cái hốc mắt dù chỉ là hình tượng thôi mà tôi đã cảm nhận được cái Linh Hồn của Tự Do. Cái vẻ tráng lệ cao cả của con người này đã cho tôi một sức mạnh siêu hình mà một đời tôi chưa từng biết. Tôi có cái cảm tưởng là chính cụ, đã cầm tay tôi, dắt tôi, giúp tôi, dẫn đường chỉ lối cho tôi tìm ra con đường để đi ra khỏi cái vũng bùn lầy của dối trá để được đứng trên một tảng đá vô cùng vững chắc của SỰ THẬT.

Lúc này tôi cũng bỗng nhớ tới Ông Nội tôi, giờ đã khuất, và cả người Thầy Giáo trẻ đầy can đảm ở SơnPhương. Người Thầy mà dưới mắt quan sát, theo dõi của Dịch Tá Linh vẫn thân nhiên phát cho mỗi chúng tôi một tấm Giấy Thông Hành để đi tới TỰ DO. Tôi cũng còn vẫn vương lo lắng: không biết có chuyện gì đã xảy ra cho người Thầy Giáo trẻ của tôi. Tôi biết chắc một điều là, bây giờ tới lượt tôi, phải tiếp tục trao Ngon Đuốc TỰ DO đó cho các người khác.

Tôi ngồi xuống chân cụ và bỗng thổn thức bật khóc với cả tấm lòng Biết Ơn.

V- ÁNH SÁNG CỦA TỰ DO

Từ giây phút đó về sau, đời tôi đã tựa như một giòng sông cả, lúc nào cũng đầy và chảy không ngừng giòng nước Phúc Đức của TỰ DO mà tôi chẳng hề biết lúc còn thơ! Vào đại học, tôi đã gặp và lập gia đình với chồng tôi là anh Tâm Cảnh Vạc (Tom Caswell) công việc của anh gắn liền với Văn phòng công tác hải ngoại, nên theo chồng, tôi đã được đi cùng khắp thế giới! Tại mỗi nơi chồng tôi công tác, tôi lại có cơ hội được nói chuyện với với các bạn sinh

viên về đời sống người dân Bảo Gia Lợi dưới sự quản trị của Cộng Sản. Vào khoảng giữa năm 1980, chúng tôi dọn về Hoa Thịnh Đốn, ở đây chúng tôi được mời làm việc cho Đài Tiếng nói Hoa Kỳ (VOA) trong chương trình phát thanh về Bảo Gia Lợi. Vào tháng 11 năm 1989, bức tường Bálinh (Berlin) sụp đổ. Ngay sau trưa ngày hôm sau, tôi ngồi trong phòng phát thanh của đài. Tôi bỗng cảm thấy rằng: Thượng Đế và cụ Linh Công chắc đã thiêng liêng an bài cái giây phút trọng đại này trong tay tôi để được gửi tiếng nói của tôi về quê hương cho đồng bào BảoGiaLợi rằng

“Kính thưa toàn thể đồng bào, ngọn đuốc TỰ DO sắp được đặt trong tay tất cả quý vị.”

Sau đó, trên đường lái xe về nhà, từ xa, tôi lại ngược nhìn Đền Tưởng Niệm cụ Bảo Gia Linh Công. Tôi nghĩ về Ông Nội tôi, về chồng và các con tôi. Một trong những chứng nhân hùng hồn nhất cho niềm vui mừng và tin tưởng của tôi là

tôi đã sinh hạ Sáu Đứa Con mà mỗi con tôi đều là tượng trưng của TỰ DO. Những bó đuốc mà tôi mang, không có bó nào sáng hơn ánh mắt của các con tôi, bởi vì nó chứa đựng Ánh Sáng của TỰ DO. Và ánh sáng này nó đã được hun đúc từ linh hồn của những con người cuu mang nó.

Với tất cả những thứ ấy, kính thưa cụ Linh Công, tôi xin có lời TRI ÂN.

**By Julia Kiriakov Caswell
Lê Viễn Phương** chuyển ngữ.



MÙA CHINH CHIẾN CŨ

TIỂU THU

Dân quê sợ nhất là bị tây bố. Không kể súc vật bị lừa xuống tàu, đàn bà con gái bị hãm hiếp, đàn ông bị bắt bớ hoặc bị bắn chết, đôi khi tội tây còn đốt cháy rụi cả xóm. Bình thường máy tàu chiến của họ chạy âm âm, dân chúng nghe từ xa nên có thì giờ trốn tránh. Lần này tây đổi chiến thuật, gần tới làng Tân An họ tắt máy trước, theo con nước từ từ trôi, bất thành linh cặp bến đình, tràn lên bờ. May mà thằng Trung giữ bò cho ông nội Ái Linh thấy kịp, vội lừa hai con bò đấu vô bụi tre sau nhà ông Sư Nhiên, ba chum bốn cẳng chạy thục mạng về nhà, miệng la bài hãi tây bố... tây bố!

Ông nội, chú bảy và ba Linh đang bồi đất thêm vô mấy gốc xoài mới trồng ngoài vườn. Anh Thiên và chị Thủy đang phụ bà nội khiêng mấy hũ tương ngọt ra phơi nắng ngoài sân, đợi rằm sẽ đem cúng dưới chùa Đạo Năm. Má Linh và thím bảy đang lo bữa cơm trưa. Phần Linh và con Cẩm Hương con chú bảy đang nhảy dây ngoài sân vì trường đang nghỉ hè. Mấy ông ở ngoài vườn nghe tây bố lật đật chạy vô. Ba bắt cái thang, tất cả phái nam leo hết lên căn gác ngoài nhà bán ú. Căn nhà vuông vức độ bốn thước được cất trước mặt căn nhà lớn. Nóc nhọn mái cong, bốn phía trống trơn nhưng bốn cây cột được sơn đỏ rất đẹp. Thời còn thanh bình, sau bữa cơm tối ông nội thường ra đó ngồi khề khà chung trà thơm, ngắm cảnh trăng thanh gió mát. Chị Thủy vác cái thang ra dậu sau hè.

Má Linh hối thằng Trung chạy qua mấy nhà bà con cho họ hay. Bẫy căn nhà của đại gia đình họ Nguyễn cất hàng dọc sát bên bờ sông Con. Sông này đổ ra sông Cái cách đó chừng một cây số. Nhà nào cũng có chỗ bí mật cho các ông trốn. Hầm núp chỉ để tránh bom, pháo kích. Lúc bị tây bố mà chun hết xuống hầm núp, rủi có anh tây đen nào ngứa tay thấy một trái lựu đạn vô hầm là chết chùm cả đám.

Sau chiến dịch tiêu thổ kháng chiến, tất cả nhà nền đúc đều bị phá hủy chỉ còn trơ cái nền. Riêng nhà ông nội Ái Linh may mắn cái mặt tiền còn nguyên vẹn. Rồi dựa lên cái mặt tiền này ông cho cất thêm phía sau thành một căn nhà nhỏ hơn, tuy bằng gỗ nhưng cũng rất bề thế, chắc chắn.

Thằng Trung đi được một lúc thì mấy bà em dâu ông nội dẫn mấy cô, mấy thím, kèm thêm cả chục nhi đồng hớt hơ hớt hải chạy tới. Bà nội Linh lấy lọ nghe bồi lên mặt mấy thím, mấy cô độc thân vì người nào cũng trắng tươi như bông bưởi. Tội nhóc thấy mặt mũi mấy bà tèm lem thì bụm miệng cười khúc khích. Linh bị chị Thủy trợn mắt cú lên đầu một cái đau điếng.

Những lần tây bố trước, vừa nghe tiếng tàu u u từ xa là cả làng đã bồng bế con cái túa ra đồng, chạy một mạch qua làng Mỹ Ngãi lánh nạn. Giữa hai làng là một cánh đồng rộng chưa đầy ba cây số. Lính tây không bao giờ dám băng đồng qua ruộng bên đó vì sợ Việt Minh núp sau mấy hàng bắp, gạo, dứa nước bắn ra. Lần này họ tới đột ngột quá chạy không kịp đành rút vô nhà đóng cửa chịu trận. Bà nội Linh hối mọi người niệm Phật. Cầu Phật bà Quan Âm cứu khổ cứu nạn phù hộ....

Có tiếng xí xô xí xào ngoài sân. Ai nấy mặt cắt không còn hột máu. Tiếng động cửa rầm rầm càng làm cho mọi người run như thần lẩn dứt đuôi. Linh nắm chặt tay má miệng đánh bò cạp! Sau cùng cánh cửa bị bật tung. Vừa thấy những khuôn mặt đen như lọ nôi, chằng chịt sọc của mấy tên lính lê dương, những họng súng đen ngòm chĩa về phía trước như sẵn sàng nhả đạn, đám nhi đồng ré lên khóc um sùm. Tụi lính tây vừa lừa đám đàn bà con nít ra sân vừa cười nhả nhỡ: con gái, con gái tốt!... Vừa nhác thấy viên trung úy đứng dưới gốc cây vú sữa, thím Nghi mừng rỡ chạy tới xô một tràng tiếng tây. Thím là chị em bạn dâu với má của Linh. Thím vốn sanh đẻ trên Nam Vang, đi học trường bà Sơ nên nói tiếng Pháp rôm rốp. Linh thấy viên Trung úy có vẻ ngạc nhiên. Chắc anh ta không ngờ giữa chốn quê mùa lại có một bà thông thái tới như vậy! Hấn vừa nghe thím nói vừa gật đầu lia lịa. Lát sau anh ta búng tay tróc tróc ra lệnh cho đám thuộc hạ đi xét chỗ khác, không quên để lại mấy tấm mền len màu cứt ngựa làm vật lưu niệm! Tụi lính vừa đi vừa ngoái lại nhìn, chắc trong lòng đang tiếc hùi hụi vì dễ dãi gì gặp một lúc cả một com- pa- ni “con gái tốt” như vậy? Các bà mừng như vừa được tái sanh, xúm lại khen thím năm Nghi không tiếc lời.

Tối chiều tây mới rút hết. Tổng kết tình hình sau trận bố thì ngoài số lớn gà vịt, trâu bò bị bắt lừa xuống tàu, chỉ có vài người bị thương nặng nhẹ khác nhau. Chú ba Bảo dưới xóm Chùa theo đạo Cao Đài nên để tóc dài, bới thành cái bí bo sau ót, lại mặc bộ đồ vải sần đầm đen láng mượt. Tụi rạch mặt tưởng bỏ đê ra định hiếp. Khi sự thật phơi bày, nó giận quá đánh chú một trận, gãy mấy cái xương sườn nằm liệt cả tháng trời. Sau trận

đòn này chú mới chịu cắt phăng cái xi nhông. Thím ba khoái lắm vì nhiều khi tới chỗ lạ hay bị cầm nhầm hai người là hai chị em. Út Kiên, con trai ông Sư Nhiên mới mười tám cái xuân xanh lại trắng trẻo, đẹp như một thiếu nữ cũng bị một tên lê dương pédê nhận đầu vô lu gạo làm ầu. Cậu đau quá khóc la om sòm, kêu má ơi má cứu con. Bà mẹ đang núp trong buồng nóng ruột chạy ra bị thằng quỷ sứ thoi cho mấy cái mặt mũi sưng vù, gãy hai cái răng.

Nhưng chuyện ly kỳ khiến đầu trên xóm dưới bàn tán hoài không chán là chuyện vợ chồng chú Tư Đẩu ngoài lộ mới. Những căn nhà quay mặt ra con đường lộ, lưng quay ra đồng trống rất khó trốn, vì con lộ chỉ trông hai hàng me keo thưa thớt. Nhà chú tư Đẩu là một căn nhà lá nhỏ xíu. Loay hoay làm sao thím bị lọt vô tay một thằng lê dương lọ nôi. Sau khi tây rút rồi chú lôi vợ ra đánh một trận tới bởi hoa lá. Lối xóm nghe thím khóc chạy qua can. Không ai hiểu tại sao thím đã bị tây làm nhục còn bị chồng đánh đòn? Chú nghiến răng, mắt long lên sòng sọc, chỉ tay về phía bà vợ đang ngồi ôm mặt khóc thút thít trên chiếc giường cây ọp ẹp:

- Bà con coi hồng tức sao được. Hồi bị thằng tây gạch mặt hãm hiếp, nó không khóc la hay kêu cứu gì ráo trọi, mà rõ ràng tui còn nghe tiếng nó vừa thở vừa rên rĩ!

Anh Hòa ở cạnh nhà chú cắt cổ hỏi:

-Ủa, sao chú... nghe được?

Chú tư trả lời tỉnh queo:

-Thì tao trốn dưới đất giường chớ đâu! Ở mà lúc đó cái giường rung rinh như muốn sập. Nó mà sập thì chắc tao phải theo ông theo bà chớ hồng chơi. Thằng lọ nôi bự như con trâu cổ mà. Sau khi nó bỏ đi tao chun ra thấy con quỷ này còn nằm chình ình đó, mặt mày đỏ ké cặp mắt lim dim, hồng có vẻ gì đau đớn hết

trơn mới động thiên đình chớ! Mây nghĩ coi tao hồng động cho nó một trận sao được!

Ai nghe chú kể cũng không thể nín cười. Rồi hàng xóm mỗi người khuyên một câu từ từ chú cũng bớt giận. Người dân quê thiệt thà hết sức!

Bàn tán mãi cuối cùng ba má Linh quyết định tản cư luôn qua Mỹ Nghĩa. Ông bà nội lấy cớ già rồi, chết chóc là chuyện thường. Chú thím bầy phải ở lại săn sóc ông bà. Ba và anh Thiên chèo ghe lên Đốc Vàng xin cái kho lúa cũ của ông ngoại bỏ trống từ lâu, mượn người dỡ ra rồi đem về cất thành một cái nhà sàn vách ván, mái ngói đàng hoàng. Cô Hai Tú, em chú bác với ba Linh cũng theo vô cất nhà bên cạnh. Cô dựng có hai đứa con sanh đôi, con Cúc và con Mai lớn hơn Linh một tuổi. Theo ý kiến riêng của chị Thủy thì hai đứa này hiền chớ không xí xọn như con nhỏ Linh!

Đi tản cư mà bộ tam sên Linh -Mai-Cúc khoái lắm vì khỏi phải đi học. Chú sáu Lương nổi tiếng là hung thần. Học không thuộc bài hoặc làm toán sai là a lê hấp thước bằng ống khẻ thẳng cánh! Tụi cháu gặp ông đưa nào cũng lấm lét như rấn mừng năm.

Trong đồng tới mùa nước, nước từ sông Cái theo kinh rạch tràn vô lai láng, ngập hết mọi nơi, vì vậy phải cất nhà sàn hoặc trên gò đồng thiệt cao. Có xuống tam bản để di chuyển. Cánh đồng nước mênh mông. Nhưng kỳ diệu là nước ngập tới đâu đám lúa non kiên trì vươn cao tới đó.

Tôm cá nhiều vô số. Ngồi trên nhà thả cần câu xuống nước cũng câu được cá lòng tong, cá mại, cá chốt. Mấy thứ này kho tiêu ăn cũng bắt lắm. Nhưng ba và dựng hai của Ái Linh hay bơi xuống ra tuốt ngoài đồng trống câu tôm vào lúc chập tối. Lựa chỗ giáp ranh hai miếng ruộng, nơi này không có mọc

lúa, cắm một hàng cọc tre dài chừng một cây số. Giăng một sợi dây nhỏ có gắn lưới câu lên đó. Mỗi lưới cách nhau độ hai gang tay. Câu tôm bằng mỗi dĩa khô trắng nõn thơm phức, xắt từng miếng vuông vức bằng lòng tay móc vô lưới câu. Cây đèn cóc chỉ sáng vừa đủ cho thấy dạng con tôm. Sáng quá mấy chú nhìn thấy người trên xuống lập tức sẽ đánh bài tẩu mã! Sợi dây câu chỉ chìm khỏi mặt nước độ năm phân. Dựng hai, hoặc có khi anh Thiên, ngồi cầm lái. Ba ngồi trước mũi một tay cầm cây dầm đầu có gắn chiếc vợt lưới, tay kia dùng ngón trở nhẹ nhàng nâng sợi dây câu. Cứ thấy lưới câu nào có chú tôm đang ăn mỗi là lẹ làng cho vợt xuống hất anh ta vô khoang xuống. Xong một tua hai ông ngồi nghỉ độ nửa giờ, nhâm nhi ly đế cho ấm lòng, đợi những chú tôm nhẹ dạ khác tới nộp mạng.

Đi độ ba tua là có lũng khoang xuống. Những ngày sau đó là tôm bầy món. Tôm luộc, tôm kho tàu, tôm nướng, tôm làm gỏi với cọng bông súng v.v... và v.v... Thỉnh thoảng, má, chị Thủy và Linh bơi xuống về Tân An biếu tôm cá cho ông bà nội, rồi chở vô Mỹ Nghĩa mấy thứ trái cây như chuối, mít, ổi xoài, dứa...đầy đầy trong vườn nhà. Chỉ cách một cánh đồng mà bên Tân An đất bồi trồng cây thật tốt. Mỹ Nghĩa đất phèn chỉ thấy rất ô rô, bần, đước, ô môi, tre. May sao trước mặt nhà Linh có cây me già. Cây me chua gốc to ba người ôm mới giáp. Tàn cây xộc rộng tỏa bóng mát cả chục thước. Phía bên kia gốc me đầu mặt với nhà Linh là nhà chú hai Quân. Trong nhà ngoài chú thím, con An lên sáu (thua Linh một tuổi), thằng Quang lên bốn còn bà ngoại chú là bà ba Tính. Bà già lắm. Mái tóc bạc phơ, miệng rưng rưng nhai trầu móm mém. Mùa khô bà ngồi suốt ngày trên cái sạp cây dưới gốc me, vót từng cọng nan đan thúng

mùn, rổ rá bán cho dân làng kiếm thêm tiền vì chú hai Quân nghèo lắm.

Quay lưng lại nhà chú Quân nhưng quay mặt ra con rạch nhỏ là nhà bác tám Nhân. Căn nhà cũng lợp lá, nhưng gia cảnh bác khá hơn chú hai vì các con bác đã lớn giúp đỡ bác rất nhiều. Anh Dương hai mươi tuổi, chị Xinh mười bảy và thằng Chơn lên chín. Tuy hơn Ái Linh hai tuổi mà nó khờ lắm. Trong xóm không có con trai cùng lứa nên cu cậu đành theo chơi với đám con gái Mai-Cúc-An-Linh. Anh Thiên chọc nó:

-Mấy chơi làm chi với đám con gái cho mất "thể diện". Tụi nó chỉ có tài ăn hiếp mấy thoi hà...

Cu cậu nghe vậy cũng hơi mắc cỡ nên tránh tụi Linh. Rồi chỉ được vài bữa buồn quá phải lân la xin chơi lại. Tụi con gái lên mặt, nói xỏ xiên đã đời rồi hành hạ nó đủ điều như bắt leo hái me, ô môi, bần... cho tụi nó ăn. Có lần thấy một tổ ong to bằng cái thúng trong bụi tre gần bìa ruộng, lũ con gái xúi nó lấy cây chọc thử coi có mật ong không. Cu cậu nghe lời... đường mật, nên mật đâu không thấy mà một bầy ong cả mấy chục con bay tủa ra. Đám con gái khôn hồn đứng xa xa nhìn đã vội vàng đánh bài tẩu mã trước. Cu Chơn đứng gần quá chạy không kịp bị ong chích mấy phát, cái mặt sưng vù gần bằng cái...tổ ong, đau đớn chịu không thấu! Anh Thiên còn tặng nó một phát ân huệ:

-Tao đã nói rồi. Ai biểu mấy đại gái!

Lần đó nó giận tụi con gái cả tuần. Tuy đi tản cư, thiếu thốn đủ mọi thứ mà sao Linh vẫn cảm thấy hạnh phúc vô cùng. Vì nhà cất "trong đồng" nên ruộng lúa mấp mé sát cạnh nhà. Tụi nhỏ chơi cút bắt hay trốn trong đám lúa, núp dưới những bông lúa chín vàng nặng trĩu trên đầu. Cô dượng hai Tú cũng như ba

má Linh chỉ làm tà tà chờ không cực khổ như những người nông dân thực sự ở đây. Mùa nước họ phải kiếm cá để làm mắm làm khô. Mùa lúa phải phơi sương phơi nắng ngoài đồng từ sáng đến tối. Người nào cũng có vẻ đen đúa lam lũ. Quanh năm quần vải áo bô. Ngoài những đám hỏi đám cưới thì chẳng có một thú vui nào hết. Vì vậy đám cưới của anh Dương con bác tám Nhân được mọi người trông đợi như hạn mong mưa. Tụi con nít thì tính từ ngày. Thịt heo, thịt gà, thịt vịt sẽ thay thế cho món cá kinh niên!

Trong đồng nhà cửa thưa thớt nên tuy mang tiếng mời cả làng mà cũng chưa tới trăm người tới dự. Người mang đôi gà tơ, kẻ đem cặp vịt bầu tới mừng chớ có mấy ai có tiền mặt dư dả để mừng cô dâu chú rể. Rồi họ cũng tự động xắn tay áo lên phụ dựng rạp, mổ heo, làm gà. Má Linh được mời chỉ huy nấu nướng.

Nhà gái ở tuốt bên Cù Lao Ông Chưởng nên hai bác Tám và anh Dương phải đem sính lễ qua bên đó từ hôm trước để xin rước dâu. May mà bà mai là em bác tám nên mới có chỗ ở qua đêm. Sáng hôm sau nhà gái đưa dâu qua Mỹ Nghĩa bằng ghe cà dom. Chắc phải đi từ lúc gà gáy nên mặt trời vừa lên độ ba sào là đám rước dâu về tới. Ở nhà có ba thay mặt bác tám lo mọi việc. Thời chinh chiến nên mọi thủ tục đều được giản dị tối đa. Dòm bộ tịch lúng túng của anh Dương, lần đầu được diện cái quần tây và cái áo sơ mi bên cạnh cô dâu, cũng bối rối không kém trong cái áo bà ba bằng cẩm nhung màu cánh sen, quần lãnh Mỹ a láng mượt, tụi nhóc bụm miện cười. Cô dâu tên Lành, cùng tuổi chị Xinh nhưng bới tóc. Bác tám cho cô dâu đôi bông tiền điếu bằng cẩm thạch. Sợi dây chuyền vàng y, mặt cũng cẩm thạch hình trái tim. Linh thấy chị cũng đẹp nhưng nước da

không trắng trẻo như chị Thủy. Má nói con gái nhà quê nước da phải mặn mòi mới khỏe mạnh, làm công chuyện giỏi dẫn. Mấy đứa trắng da dài tóc chỉ tổ tốn tiền thuốc!

Sau lễ gia tiên mọi người vui vẻ nhập tiệc. Để tuôn ào ào. Rượu vào lời ra. Tiếng chúc tụng, tiếng cười nói ồn ào vui hết sức.

Xế xế, ông sui gái đứng lên xin phép rút lui cho kịp con nước rông. Ba Linh được bác tám đề cử phát biểu đôi lời tiễn biệt nhà gái. Mọi người im lặng lắng nghe. Cho tới lúc ông lấy giọng hết sức thăm thiết:...tui thông cảm với anh chị nhiều lắm(dù chưa làm sui lần nào). Trời ơi! Còn gì đau đớn cho bằng đứa con mình rút ruột để ra, nuôi cho khôn lớn rồi đem giao cho người khác. Đường xá xa xôi biết chừng nào mới gặp lại...! là ông bà xuôi gái ô lên khóc. Bà mai lật đật lôi tay họ xuống ghe, hối chèo cho lẹ.

Má Linh cần nhẫn. Ba cười chống chế:

-Thì tui đâu có ngờ ổng bả mau nước mắt như vậy.

Mọi người cười phụ họa vì ai lạ gì cái tánh thích cà rớn của chú năm! Dọn dẹp xong ai về nhà nấy, đợi đám cưới chị Xinh trong vòng năm tới. Chị đã hứa hôn với anh Luân, nhà tuốt trong Kinh Xáng xa lác xa lơ. Anh Luân tới từ mấy hôm trước để phụ đám cưới. Xinh tuy là gái nước phèn nhưng nước da không đen mốc vì được ở nhà phụ mẹ nuôi một bầy heo, không phải ra đồng để cấy hay gặt lúa. Chuồng heo nhà bác tám lúc nào cũng có cả chục con. Hai con heo nái để gây giống và một chú heo nọc cái mỏ dài sọc, cặp mắt tí hí coi rất...nham nhỡ! Ngoài phận sự phục vụ cho hai người đẹp tại gia, cu cậu còn được những nhà có heo nái tới rước đều đều để làm chuyện...con heo! Vì vậy cuộc sống của cậu

khá bận rộn. Tuy vất vả nhưng không kém phần sung sướng.

Sau hôm đám cưới, mới ngủ dậy là thằng Chơn chạy ù ra gốc me. Nó biết thế nào cũng gặp đám con gái ngoài đó. Cu cậu làm ra vẻ bí mật:

-Tụi bây biết tối hôm qua, lúc chị Xinh ra chuồng thăm mấy con heo, tao thấy cái gì hôn?

Con Cúc le lưỡi, rụt cổ:

-Chắc mấy thấy mấy con heo nái mọc nanh thành tinh?

Thằng Chơn xì một tiếng:

-Tầm bậy. Tao thấy anh Luân nắm tay chị Xinh. Ảnh còn đòi hun chỉ nữa.

Linh giựt nảy mình khi nhớ tới lời má căn dặn chị Thủy(tuy năm nay chỉ mới mười lăm):

-Con gái phải giữ mình cẩn thận. Đừng để con trai nắm tay nắm chơn, đụng vô mình là dễ bị mang bầu lắm đó! Con nhỏ la lên:

-Chết cha, coi chừng chị Xinh mà có bầu!

Thằng Chơn hết hồn vội bùm miệng Linh:

-Trời, mà nói nhỏ nhỏ, rủ má tao nghe được chị Xinh bị đòn nứt đít.

Nhưng con Mai lại hỏi, giọng đầy vẻ nghi ngờ:

-Mà làm sao mà thấy được. Bộ mà theo rình hai người đó hả?

Thằng Chơn bị nghi oan tức mình cãi:

-Xì, tao đang đứng gác chỗ bụi chuối kia. Tại họ không thấy tao chớ bộ.

Từ đó đám nhóc gặp chị Xinh đâu là ngó chăm chăm vô cái bụng, coi nó có từ từ u lên như bụng cô Hai Trà ở trong xóm Chùa hay không. Mấy tháng sau thấy cái bụng chị Xinh vẫn xẹp lép như thường tụi nhỏ mới hết lo. Ba năm sau lúc ở Saigon, chị Thủy lấy anh Phong và đang có bầu thằng Phương, Linh chợt nhớ tới chuyện này bèn kể cho má và chị Thủy nghe.

Con nhỏ không hiểu tại sao nghe xong hai người cười chảy cả nước mắt? Kỳ thiệt là kỳ!

Bác tám gái ăn trâu nên xéo cửa nhà bác có trồng vài cây cau. Có một cặp chim sáo tới làm ổ, đẻ trứng trên một trong mấy cây này. Ngày nào rình thấy vợ chồng nhà sáo bay đi kiếm mồi là thằng Chơn trèo lên thăm. Có lần “nể” tụi con gái cứ theo năn nỉ hoài, nó lấy một trứng tuốt xuống đưa cho bọn nó xem. Đứa nào cũng trầm trồ vì cái màu xanh đẹp ới là đẹp. Lúc bấy sáo con nở ra cu cậu mừng hết lớn. Nó khoe với Linh là sẽ nhờ anh Dương đan một cái lồng tre để nó nuôi một cặp. Rồi nó sẽ cho ăn ớt hiểm, lột lưỡi và dạy cho hai con sáo biết nói...Nghe hấp dẫn như vậy tụi con gái cũng đâm náo nức. Nhưng ở đời mấy ai học được chữ ngờ. Một hôm có ông bạn thân từ Phong Mỹ qua thăm, túng đồ nhậu bác tám trai túm tròn đám sáo con mới mọc lông cánh, cho vô chảo rô ti nước dừa. Thuở trước cụ Nghè Dương Khuê đến thăm bạn hiền Nguyễn Khuyến, chỉ được nghe bạn than rằng: Quý hóa quá, chẳng mấy khi bác quang lâm tậ xá, muốn làm cơm đãi lăm, nhưng chẳng may chợ thì xa mà bà xã mí lữ con lại đi vắng. Nhà có cái ao nhưng lại vừa rộng vừa sâu, lữ cá trốn biệt dưới đáy. Gà quéo cũng không xong vì vườn rộng mà hàng rào lại thưa nên tụi nó chạy mất tiêu hết trơn. Bầu, bí, mướp, cà gì cũng trần sì nụ với bông. Thôi thì bác có lòng đến thăm, chúng ta ngồi chơi xơi nước nói chuyện khào vậy! Khốn nỗi nhà bác tám tuy gà vịt, cá tôm không có sẵn nhưng cái ổ sáo sờ sờ trước mặt. Mấy chú sáo con mới ra ràng hấp dẫn quá chừng chừng. Bác nói vợ chồng nhà sáo sẽ đẻ nữa, lứa sau nó mặc sức mà nuôi. Bao nhiêu ước mộng bị sụp đổ tan tành nên thằng Chơn hậm hực lắm. Trong khi mấy ông nhậu nhẹt trên bộ ván

trước nhà, nó vừa đi qua đi lại vừa khóc nỉ non. Thỉnh thoảng lại đưa cánh tay áo quẹt ngang mũi tức tưởi:

-Bắt sáo của người ta ăn...hu hu...

Nhưng các ông còn lo dô dô ồm ồm, chẳng ai ngó ngang gì tới nỗi đau khổ của thằng Chơn. Sau buổi nhậu, má Linh cần nhần:

-Thiệt phục mấy ông luôn. Đành đoạn nhậu cho được mấy con sáo của thằng nhỏ. Tội nghiệp hết sức!

...Tuởng tản cư tuốt vô đồng sẽ được yên thân, ngờ đâu chạy ông mồ lại mắc ông mả. Số là từ nửa năm nay phe Việt minh càng ngày càng bành trướng mạnh mẽ. Họ tấn công đồn bót của phe Quốc gia đều đều nên tụi Pháp quyết định áp dụng chiến thuật càn quét, phản công quyết liệt. Những trận ruồng bố thường có kèm theo súng cối, xe tăng, máy bay. Một hôm ba đi thăm ruộng đưa gang vừa về tới, má và chị Thủy đang dọn cơm chiều. Cả nhà vừa mới ráp ngổ vô mâm thì có tiếng ù ù trên không trung. Mọi người lo lắng nhìn nhau. Anh Thiên chạy ra sân, núp dưới gốc me nhìn lên trời qua sát, rồi chạy trở vô nhà la rối rít:

-Máy bay bà già, máy bay bà già!

Ba vừa nói chết mồ, chắc nó bay thám thính, thì những tiếng nổ âm âm đưa tới. Cả nhà cô hai Tú và nhà Linh cùng nhảy ùm xuống cái ao sát cạnh nhà. Sở dĩ có cái ao là vì con rạch Mỹ Ngãi chạy phía sau nhà khá nhỏ. Mùa khô, lúc nước ròng con rạch hầu như cạn, nước đục ngầu. Vì vậy dưỡng Hai và ba Linh hùn tiền mượn người đào cái ao này. Đường kính chỉ độ năm thước, chứa nước để dùng vào mùa khô. Đất móc dưới ao đắp lên xung quanh miệng cao cả thước nên mọi người núp phía dưới cũng yên tâm. Gia đình chú hai Quân -trừ bà ngoại chú- cũng hối hả nhập bọn. Bà ngoại chú hai nói bà già rồi có

chết thì cũng chết trên bờ cho ấm áp. Chết dưới nước lạnh lẽo lắm! Liền tức thì một tiếng âm trời long đất lở. Không biết ở đâu nhưng Linh nghĩ là không xa. Theo phản xạ tự nhiên, mọi người hụp đầu xuống dưới mặt nước. Lúc chịu hết nổi trời đầu lên thì nghe có tiếng la khóc vắng lại đầu từ phía nhà bác tám. Nhưng tiếng đạn vẫn veo veo trên đầu nên không ai dám nhúc nhích. Ba Linh lắng tai nghe rồi nói:

-Cha, cái điệu này chắc chắn “tụi nó” từ ngoài vòm bắn vô đây. Quả thật hôm sau đám du kích nói tây dàn tàu ngoài vòm sông Cái, nã một chê tươi xươi vô đồng, sau khi cho máy bay bà già thám thính trước. Họ cho rằng hễ chỗ nào có nhà cửa đông đúc là có Việt minh ẩn náu. Mà lúc đó có một tiểu đoàn đang đóng trong xóm Chùa, cách xóm nhà Linh hơn một cây số thiệt. Không hiểu xui xẻo làm sao mà một trái mìn chê trên đường đi lại mất trốn rớt xuống xế cửa nhà bác tám, chỗ cây cau có ổ chim sáo. Độ nửa giờ sau khi tiếng súng im hẳn, tiếng khóc đằng nhà bác tám càng lồng lộng. Ai nấy cứ để quần áo ướt chạy lại coi có chuyện gì. Trên bộ ván trước nhà, bác tám gái miệng kêu trời không ngớt, tay ôm chặt thằng Chơn mình mẩy đầy máu, mắt nhắm nghiền, hơi thở yếu ớt. Chị Xinh, chị Lành đứng bên cạnh khóc ròng. Bác tám trai gặp má Linh thì mừng quýnh, miệng lắp bắp làm sao bây giờ hả thím năm? Má hối chị Xinh vô buồng lấy cái mền ra đắp kín cho thằng Chơn, rồi biểu anh Dương chạy lẹ vô xóm Chùa coi ban y tế có giúp được gì không. Bây giờ lấy xuống chở nó xuống tới bệnh viện Caolanh xa quá sợ không kịp. Bác trai kể khi nghe tiếng súng gia đình bác cũng chạy ra ao, nhưng mới ra khỏi nhà chút xíu thì có tiếng nổ cái ầm sau lưng. Thằng Chơn chạy sau cùng nên bị mảnh đạn ghim rúng. Nó la lên đau

quá má ơi trước khi ngã sấp xuống đất. Bác gái quay lại đỡ nó lên mới thấy máu me tùm lum, bác thất kinh la lớn thằng Chơn trúng đạn rồi. Mọi người xúm lại khiêng nó vô nhà bắt kể đạn bay veo veo trên đầu.

Linh thấy nó nhắm mắt, mồ hôi rịn ướt trán, môi tái xanh, nét mặt lộ vẻ đau đớn lắm. Bác gái thì cứ mếu máo Chơn ơi con đừng chết bỏ má khiến Linh cảm thấy như có một vật nhọn đâm vào trái tim nhỏ bé của mình, nên bước lại cầm nhẹ bàn tay lạnh ngắt của bạn. Thằng Chơn mở cặp mắt lơ lơ, miệng thều thào : Nước, nước. Bác gái sai chị Xinh lấy nước định cho nó uống, nhưng má Linh cản lại nói càng uống nước máu ra càng nhiều, chỉ thấm thắm trên môi nó thôi.

Lát sau anh Dương trở về với một người lạ mặt còn trẻ, tay xách cái túi bên ngoài có dấu chữ thập đỏ. Anh Dương giới thiệu anh Đức, y sĩ của tiểu đoàn đang đóng trong xóm Chùa. Sau trận hỏa kích vừa rồi cũng có vài người bị thương nhưng tương đối nhẹ, có thể giao cho y tá săn sóc. Anh Đức biểu bác gái đặt Chơn xuống bộ ván. Người nó oặt òa oặt oại coi tội nghiệp hết sức. Anh lật mền, cởi áo thằng Chơn ra khám. Khi thấy miếng đạn đi từ sau lưng vô mắc kẹt luôn trong đó anh chép miệng:

-Trường hợp này phải giải phẫu mới lấy mảnh đạn ra được. Khổ là bác sĩ Tiến có khả năng giải phẫu lại mắc đi vô Kinh Xáng mai mới về.

Vừa nói anh vừa soạn bông băng trong túi vải ra để rửa và băng bó vết thương. Sau đó chích một mũi thuốc cầm máu và một mũi thuốc khỏe. Má kéo anh Đức ra một góc hỏi nhỏ:

-Chú thấy sao. Liệu có cứu được không?

Anh ta thở dài:

-Tôi thấy ít hy vọng vì máu ra nhiều quá. Lúc này bắt mạch thấy nhảy rất yếu. Nếu là

TA HIỂU RẰNG TA KHÔNG CÔ ĐỘC

(tặng K. Hồng)

Em yêu dấu sao mà xa lạ
Duyên kiếp nào nay kết nợ ba sinh
Tìm em chốn cô liêu hay phương trời vô định?
Tìm em nơi bờ hoặc hay ở bến vô minh?...
Đi tìm mãi tìm hoài mà không thấy !
Anh tìm em chốn phồn hoa vừa mới dậy
Tìm em nơi giọt nắng cuối chiều phai
Sớm thu về, ta nghe đặng hương cay...

Ta tìm em đầu quán ngại đường dài
Dù cho nắng, cho mưa hay tuyết phủ...
Lần cuối hay lần đầu, biết sao là đủ ?
Bên bờ suối lúc trăng vừa mới nhú
Ta hôn nhau trong mê đắm tuyết vời...
Trong tiếng nuối nghe hồn lên chơi với
Đường ta đi quỵên chiếc bóng đơn côi
Ta bắt chợt thấy em đang ngồi khóc...

Ta chợt hiểu rằng ta không cô độc
Một góc trời... bông lộng lộng đây sao
Nhìn em đây, lòng ta ôi sao xuyên
Rằng từ nay, ta đã có nhau rồi...

VA, ngày 30- 8- 07

BÙI THANH TIÊN

một người đàn ông lực lưỡng thì may ra...Má Linh nghe xong thở dài sườn sượt. Má ông ngồi như bị trời trồng. Đám con nít thất kinh hồn vía cũng ngồi im thin thít. Ba Linh không chịu nổi bầu không khí ngột ngạt nên nói lớn:

-Còn nước còn tát. Cứ chờ đại nó xuống bệnh viện Cao Lãnh may ra còn kịp. Chờ ngồi đây chờ cái gì?

Bác tám trai như chợt tỉnh, chạy ra bờ rạch đẩy chiếc xuống cái rột xuống nước. Sau đó Chơn được đặt trên cái mền sạch. Bốn người nhẹ nhàng cầm bốn góc khiêng nó xuống xuống. Bác gái vừa xỏ tay vô cái áo bà ba vừa chạy theo, miệng la:

-Nhẹ nhẹ, nhẹ nhẹ, coi chừng động vết thương.

Xuồng nhỏ nên chỉ có anh Dương bơi mũi, bác trai cầm lái, bác gái ngồi khoang giữa với thằng Chơn. Anh Thiên cầm cây đèn bão biểu anh Dương treo trước mũi xuồng. Trong bóng đêm, không có đèn, phe Việt minh tưởng việt gian, phe quốc gia lầm việt minh còn đổ nợ thêm!

Bác tám đi rồi ai về nhà nấy. Mâm cơm còn y nguyên, lạnh tanh. Nhưng lòng dạ nào mà nuốt cho vô nên má biểu chị Thủy dẹp luôn rồi đi ngủ. Linh cố nhắm mắt mà không tài nào ngủ được. Con nhỏ thương thằng Chơn quá. Nó khờ, nó hiền khô, Linh muốn gì nó cũng chịu theo. Mới hôm kia chớ xa xôi gì. Thấy đám lục bình trôi giữa rạch nở bông tím đẹp quá, Linh xúi nó hái cho Linh. Thằng Chơn lấy một nhánh tre khô cố khều vào. Nhưng cái thứ lục bình sanh con đẻ cái tùm lum, chùm nọ dính chùm kia nặng chình chịch. Cu cậu cố với ra mắt đà té ùm xuống nước. Đã trót thì trét luôn, Chơn lội ra kéo đám lục bình vô bờ, hái cho Linh một bó to tướng. Thấy nét mặt rạng rỡ của Linh khi nhận bó

bông trên tay nó, thằng Chơn cười híp mắt đầy vẻ sung sướng. Bây giờ nó gặp tai nạn ngặt nghèo, Linh không giúp được gì thiệt khó chịu hết sức!

Lăn qua trở lại thiệt lâu, cô nhỏ mới thiếp đi được một lúc thì giật mình vì tiếng đập cửa. Giọng anh Dương đầy vẻ hốt hoảng:

-Chú năm thím năm ơi!

Anh Thiên ra mở cửa. Chưa kịp hỏi thì anh Dương đã mếu máo:

-Thằng Chơn chết rồi Thiên ơi. Em vô nói với chú thím năm giùm. Linh bật ngồi dậy như cái lò xo. Má vừa đi ra cửa vừa đưa tay bới tóc, miệng kêu trời như bọng. Chị Thủy và Linh chạy theo lúp xúp. Qua tới nhà bác tám đã thấy mọi người tề tựu đông đủ. Xác thằng Chơn được đặt trở lại trên bộ ván. Mặt nó bây giờ thật bình thản tuy xanh xao vì bị ra máu quá nhiều. Bác gái khóc hai mắt sưng húp, kể lại:

-Bơi tới chợ Hoà An, coi như gần được nửa đường, thằng Chơn đột nhiên mở mắt ra kêu má má. Rồi nấc lên, thở ra một hơi dài, nghẻo đầu qua một bên, nhắm mắt đi luôn. Bác kể xong lại nức lên khóc thảm thiết khiến phe đàn bà con nít cũng bật lên khóc ròn!

Hôm sau Chơn được an táng trên gò mả cạnh mộ ông bà nội của nó, dưới bóng một cây bằng lăng đang trở bông tím ngắt. Ngày nào tụi con gái cũng rủ nhau ra thăm mộ. Mấy cô hái đủ thứ hoa dại mọc dọc theo bờ rạch phủ đầy lên trên. Đôi khi nhờ được anh Thiên trèo lên hái mấy đóa bằng lăng tím để cắm trước mộ cho Chơn. Đứa nào cũng buồn thiu, không còn thiết chơi trò gì nữa!...

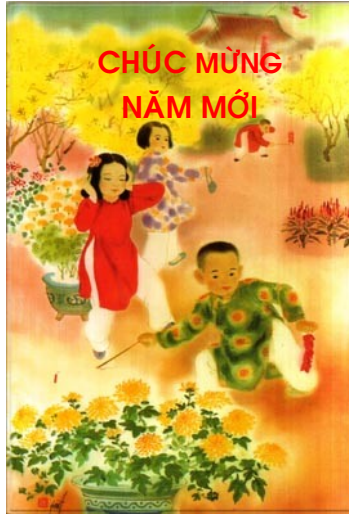
Sau cái chết tức tưởi của thằng Chơn, ba má Linh thấy Mỹ Nghĩa không còn an ninh như trước nên quyết định lên phố trên Sài Gòn. Dầu gì cũng có bác Tư trên đó. Thế nào họ cũng giúp ba má làm ăn. Cô dưỡng hai Tú cũng đành dọn về Sadéc tá túc nhà ông già dưỡng hai. Cô hai Tú hết sức lo lắng cho những ngày sắp tới, khi phải sống chung với đại gia đình bên chồng. Má Linh điều:

Dễ ợt. Cô cứ áp dụng hai câu: Ba má chồng...tui bằng một nách

Chị em chồng... tui xách một tay là yên chuyện. Nói giỡn chơi với cô, chớ mình cứ việc ăn ở cho phải đạo. Đừng hiếp đáp, lấn lướt ai là thái bình thanh trị. Mình có xéo xắt, ham gây chuyện thì mới có chuyện. Cô cứ theo sách lược một câu nhện là chín câu lành. Bảo đảm bình yên vô sự.

Hôm từ già Mỹ Nghĩa ra đi, Linh ra thăm mộ thằng Chơn lần cuối. Cô nhỏ nhờ anh Thiên hái một bó bông bằng lăng rồi rút ra từng cánh phủ đầy lên ngôi mộ. Linh nói thầm rằng sẽ không bao giờ quên những ngày sống vui vẻ ở đây và hứa chắc nếu có cơ hội về thăm ông bà nội, cô sẽ băng đồng qua thăm mộ Chơn. Rồi sẽ đặt lên mộ những bông lục bình tím như những bông ngày nào Chơn đã hái cho cô. Linh thì thầm...thì thầm và nước mắt từ hồi nào đã tuôn ra ướt đầm đôi mi!...

TIỂU THU
Canada



LOVE'S EVERYTHING

When I die,
I want to be Happy
With a smiling face
'Cause life is nothing
Even die!

When I live,
I want to be Happy
With my living life
'Cause life is nothing
If only live!

When I Love,
I want to be Happy
With my Loving life
'Cause life is nothing
Without LOVE!

YEN VI YVETTE SPRINGFIELD



A KISS

Franz Grillparzer (1791-1872)

German

A hand is to be kissed with reverence,
The forehead – solemnly, with
friendship,
The cheeks – with tender admiration,
And the lips be kissed with ardor,
While the eyes one kisses with languor,
The neck – with passionate desire,
And with a maddening delirium
All the rest is to be kissed.

MỘT NỤ HÔN

Franz Grillparzer (1791-1872)

Đức

Hôn tay với lòng tôn kính,
Hôn trán - để tỏ tình bạn nghiêm trang,
Hôn má - với lòng ngưỡng mộ thân thương,
Và môi thì phải hôn với tình nồng nhiệt,
Khi hôn mắt thì khoan thai chậm chạp,
Cổ - thì hôn với khát vọng say sưa,
Còn những chỗ khác kia
Thì phải hôn với mê cuồng điên loạn.

KIM VŨ

Chuyên ngữ

Ở BIỂN VỀ NGHE BẢN ĐỒNG CA

Ta như biển. Nên cứ hoài sóng vỗ
người như non. Đứng đó biếc xanh hoài
rồi một buổi sóng trào dâng, thác đổ
biển và non râm rộ chuyển lên ngai

Ôi. Sao biển âm âm nghe muốn khóc
người có gì để ngực xôn xao không
chẳng lẽ cứ im lìm tuôn xuống giốc
những bàn chân trượt té dưới gai chông

Ta nhắm mắt lịm dần bên sóng vỗ
trôi lênh bênh trên chín ngọn triều đầy
thân xác lẫn linh hồn đều ngập gió,
sóng lao xao. Sóng của mặt trời ngày

Lông lộng gió cho tim người bão táp
thênh thang trời cho mắt đẹp nhìn mây
người vẫn đứng giữa biển trời chất ngất
trên hai chân đồng trụ. Đứng như cây

Đã rạp hết những hoa hèn cỏ dại
xin mời lên. Người hãy cứ lên ngai
người như Núi. Và ta như Biển ấy
giữa muôn vàn tinh tú nhấp nhả say

Cơn đồng thiếp qua rồi. Ta trở lại
trên con đường cỏ dại dẫm bùn nhơ
bầy ếch ương sao tấu vội bản đồng ca
làm khiếp hãi đàn cò bên suối ngọc

VI KHUÊ

BACK FROM THE BEACH HEARING A CHORUS

I am an ocean. Can't help but hear
the flapping waves
You are a mountain. Standing blue
forever there
Yet one day shall rise the tide and down pour
the waterfalls
Mightily we'll ascend onto our thrones

Oy. The ocean poundings make one weep
Do you feel anything upsetting in your chest?
We can't just let things slide without a protest
Our feet slip, landing on spikes and thorns

Eyes closed, I weaken with each flapping wave
Float above the nine-headed tidal phases
Body and soul, a wind has carried
the tumultuous waves. Waves of
a sun-shined day

Thrusting winds build storms in your heart
Clearing skies let your pretty eyes view clouds
You stand there between sea's and
sky's vastness
on two bronze pillars. Stand as a tree.

All laid flat - wild flowers and grasses
Please ascend. Please step up to the throne
You are mountain. And I am your sea
Among the millions of blinking drunken stars

The dream-séance's over. I am back
on this small muddy dirt path
An ensemble of bullfrogs sings
an impromptu chorus
Frightening the herons by the jade stream
congregate

CHỮ NHỊ ANH

translates

VOTRE GHETTO

Meême si des fois vous êtes chez vous
Vous vous demandez pourquoi le ciel est lourd
Quand vous vous rencontrez dans l'aube du jour
Comme tous ces rêaves changeant votre retour.

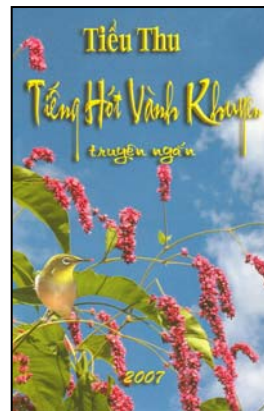
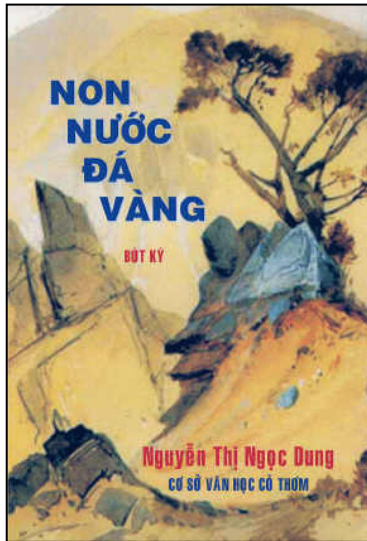
Voilà que vous imaginez le pays
Dans lequel vous vivez sans peine ni souci
Quand bien sur vous n'aurez plus le droit de dire
Qu'on vous est indifférent, vous blâme ou
vous interdit.

On change de paysages, de vie ou de moeurs
On panse son visage, de cire ou de pleurs
On pense à nous deux quand on est heureux
Mais on oublie son erreur de fuir leurs moeurs.
On discute, on pense ou on mange
Malgré tous ces rites, les vents et les cendres

On espère un monde aø soi, on rit puis on pleure
Faisant la ronde à soi, on y vit, on y meurt.

Voilà que vous êtes sortis de votre coin morose
Faites-vous à n'importe quel prix les liens qui
courent et volent
Je vous parle de ces grands pays ou de ces
hommes
Je vous charge de panser votre vie ou de
l'eùteindre.
Même si vous regretteriez de ne pas l'avoir fait
Vous vous demanderiez comment la mer face
aux terres
A conquis tant de continents, les a glorifiés ou
engloutis
Dans ces pays que vous verriez, frères ou
ennemis.

DIỄM-HOÀ



Liên lạc:
Thu Nguyễn
7860 D'Aubigny
Anjou. QC
Canada H1K 1S4

ĐT. 514 354 2868

Email <tiethunguyen@hotmail.com>

HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỎ THƠM

Tại Đại Hội Trưng Vương Hoa Thịnh Đốn 10/20/2007.

Hình ảnh: SONNY SENSER



Triển lãm các tác phẩm của Trưng Vương Nguyễn Thị Ngọc Dung và Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.

Từ trái.
Hàng ngồi:
Thái Phượng,
Nguyễn T. N. Dung,
Trương Anh Thụy.
Hàng đứng:
Phan Anh Dũng,
Tâm Hảo,
Thái Ninh
Phạm Minh Xuân,
Quỳnh Anh.





Trúc Mai, Ngọc Dung, Ngọc Thanh, Phượng Nga, Lan Hương trong Liên Khúc Thu của Trưng Vương Hoa Thịnh Đốn. Hình **SONNY SENSER**.

Kiều Thu,
 Mai Hương,
 Ngọc Dung,
 Trúc Mai,
 Ngọc Tú, Minh
 Trân, Phượng
 Nga, Hồng
 Thủy, T.J.
 Lan Hương,
 Lani,
 Mẫu Đơn
 trong một màn
 vũ áo tứ thân
 của Trưng
 Vương Hoa
 Thịnh Đốn.
Hình CHIP
SCHOFIELD.





Nguyễn Thị Ngọc Dung gặp gỡ Nhà Báo Vũ Văn Hoa và phu nhân chủ báo Việt Nam Mới từ Houston, Texas tới thăm Virginia trong tháng 10 vừa qua.

Từ phải: Nhà Báo Vũ Văn Hoa, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nhà Thơ Hoàng Song Liêm và Phu Nhân.



Từ phải Nhà Báo Vũ Văn Hoa, Phạm Bá Vinh, Nhà Thơ Hoàng Song Liêm và phu nhân, Nguyễn Thị Ngọc Dung, chị Vũ Văn Hoa.

**HỌP MẶT
Tại Tư Gia
Nhà Văn
Trương An Thụy
10/27/2007**



Từ trái, đứng: Vũ Nam, Bạch Mai, Uyên Thao, Phan Khâm;
Ngồi: Trương, Thị Thịnh, Dương Nguyệt Ánh, Hà Bình Trung.



Từ trái: Các tác giả Trần Bích San, Trương Vũ, Nguyễn Ngọc Bích,
Nguyễn T. Ngọc Dung, Hải Phương, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Xuân Hoàng.



Từ trái: Vũ Nam, Nguyễn T. N. Dung, Trương A. Thụy, Dương Nguyệt Ánh,
Chị Trần Tử Thanh, Đặng Đình Khiết.

**RA MẮT SÁCH *Náo Nức Hội Trăng Rằm* của HỒ TRƯỜNG AN và
Non Nước Đá Vàng của NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.**

Hình ảnh: Buddy Photo & Phạm Văn Tuấn.



Bàn bán sách (Ảnh Phạm Văn Tuấn)



Phan Anh Dũng,
Tâm Hảo,
Bùi Thanh Tiên,
BKG Nguyễn V.
Thành và phu
nhân, một vị quan
khách, Chị Hoàng
Trùng Dương.
Hình: NAG
Phạm Văn Tuấn

Ca Sĩ Hoàng Tiếp,
Nhạc Sĩ Hoàng Cung Fa,
Nhà Văn Hoàng Dung,
Nhạc Sĩ Đàm Xuân Linh,
Nhà Thơ Bùi Thanh Tiên.
Ảnh: Phạm Văn Tuấn





Họa Sĩ Vũ Hối, NAG Nguyễn Quốc Khải, Bà Dianna Duyên, NV Trương Anh Thụy.
Ảnh: Buddy Photo

Từ phải:
Nhà Văn Lê Thương,
Nhà Thơ Tạ Quang Trung,
DS Nguyễn Thụy, Nhà Làm
Phim Đỗ Hùng,
BKG Trần Bích San
và thân hữu.
BUDDY PHOTO



Nhà Thơ Ngô Tăng Giao và phu nhân, Nữ sĩ Vi Khuê, Nhà Thơ Quỳnh Anh, thân hữu,
Nhà Văn TS Phạm Văn Hải và Phu nhân, Nhà Thơ Lâm Thúy. Ảnh: PHẠM VĂN TUẤN.



Cựu Nữ Sinh
Trương Vương.
(Buddy Photo)

Cựu Nữ Sinh
Trương Vương.
Buddy Photo.



Từ phải:
Phan Anh Dũng,
Phan Khâm,
Vũ Nam,
Nguyễn Thị Ngọc Dung.
(Ảnh: Phạm Văn Tuấn).

Từ trái:
Thanh Hà,
Nguyễn Văn Y,
Đặng Văn Hiền,
Hà Thanh.



Từ trái:
Lan Phương,
Trương Chính,
Vũ An Thanh,
Ngọc Thanh,
Thu Thủy.

Kim Phụng,
Hoàng Dung,
Ngọc Trinh,
Trần Quỳnh Anh.



BKG Nguyễn Văn
Thành và phu nhân,
thân hữu, NT Hoàng
Trùng Dương và Phu
Nhân, NT Đăng
Nguyễn, NT Bùi
Thanh Tiên,
NV Đỗ Ngọc Phú.
(Buddy Photo.)



RA MẮT SÁCH *Náo Nức Hội Trăng Rằm* của HỒ TRƯỜNG AN và
Non Nước Đá Vàng của NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

Hình ảnh: Buddy Photo & Phạm Văn Tuấn.



Diễn Giả Ngô Tăng Giao đứng giữa các tác giả
Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trần Bích San,
Vi Khuê, Trương Anh Thụy.



Phan Anh Dũng,
Nguyễn Thị Ngọc Dung



Phan Anh Dũng, Tâm Hào,
Thái Phương, Hoàng Tiếp,
Hoàng Cung Fa, Đèo Văn Sách.



Các Nhà Văn: Lê Thương, Lê Luyến,
Nguyễn Phú Long, Vũ Nam và thân hữu



Nhà Thơ Hoàng Song Liêm và Phu Nhân,
Nhà Văn Uyên Thao, Tiến sĩ Nguyễn Huy Long,
Nhà Văn Phạm Văn Tuấn và thân hữu.
(Buddy Photo)



Nhà Báo Hoài Thanh và phu nhân,
Nhà Thơ Hải Phương và Phu Nhân,
và thân hữu.



Nhà Thơ Vĩnh Liêm, Chủ Nhiệm Báo Sóng Thần và phu nhân, Nhạc Sĩ Nguyễn Túc,
Nhà Thơ Tạ Quang Trung, Nhiếp Ảnh Gia Ngô Đình Châu. (Buddy Photo)



Văn Thi Họa Sĩ Phan Khâm, Hải Phương, Nguyễn T. Ngọc Dung,
Hải Phương Phu Nhân, Bạch Mai, Trương Thị Thịnh, Vũ Hối. Ảnh Phạm Văn Tuấn.



Các tác giả và nghệ sĩ chụp hình lưu niệm. Từ trái - Hàng ngồi: Tâm Hảo, Bạch Mai, Trương Anh Thụy, Vi Khuê, Hoàng Dung, Thái Phương, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Văn Thành phu nhân. Hàng đứng: Hoàng Cung Fa, Hoàng Tiếp, Vũ An Thanh, Đàm Xuân Linh, Vũ Nam, Trần Bích San, Hải Phương, Hà Bình Trung, Vũ Hối, Ngô Tăng Giao, Đăng Nguyễn, Bùi Thanh Tiên, Nguyễn Văn Thành, Phan Khâm, Đèo Văn Sách, Hoàng Trùng Dương, Phan Anh Dũng. Ảnh Buddy Photo.



Đón tiếp Hồ Trường An tại Virginia. Từ trái: Hàng ngồi: Chử Nhất Anh, Vi Khuê,
Ngô Tăng Giao Phu Nhân, Giáo Sư Đào Thị Hợi, Nguyễn Thị Ngọc Dung.
Hàng đứng: Bạch Mai, Thúy Diễm, Ngô Tăng Giao, Trương Anh Thụy, Hồ Trường An, Phan
Khâm, Nguyễn Huy Long, Nguyễn Ngọc Bích, Phó Hồng Hà.



Từ phải: Các Văn Thi Sĩ Phạm Văn Tuấn, Hà Bình Trung, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hồ Trường An, Cự Huỳnh Thành Hưng, Ông Nguyễn Văn Đặng, Ca sĩ Kiều Nga và thân hữu.
Hình: NAG Phạm Văn Tuấn.

HỌP MẶT VĂN NGHỆ CUỐI THU

tại tư gia Anh Dũng và Tâm Hảo, Richmond, Virginia, 12/08/2007.



Từ trái - Hàng ngồi: Tâm Hảo, Thái Ninh, Hoàng Dung, Ngọc Trinh, Trâm Anh, Ngọc Thanh, Giáng Tiêu, Kim Phụng, Phạm Thị Nhân, Trương Anh Thụy, Ngọc Dung, Thu Thủy, Thái Phượng..
Hàng đứng: Phạm Minh Xuân, Hoàng Tiếp, Hoàng Cung Fa, Đàm Xuân Linh, Nguyễn Phú Long, Đèo Văn Sách, Nguyễn Ngọc Châu, Ngô Minh Trí, Nguyễn Huy Long, Dương Ngọc Hoán, Vũ An Thanh, Đặng Văn Hiên, Phan Anh Dũng.

**TRONG ĐÊM NHẠC THÍNH PHÒNG
SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG**
do Hội Hồn Việt tổ chức chiều 11 tháng 11
năm 2007 tại San Jose, California.



Nguyễn Thị Ngọc Dung, Mạnh Hùng, Hạ Vân.



Ngọc Thủy và Ngọc Dung.



Thiên Kim, Minh Tâm, Song Hà, Mạnh Hùng,
Hạ Vân.



Ngọc Dung và Bích Phương.

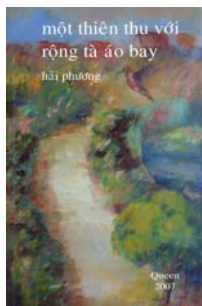
CỎ THƠM GIỚI THIỆU



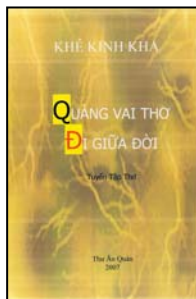
Tuyển tập thơ của Thi Đan Hương Thời Gian.

Chủ trương:
Hong Phúc,
Mạc Phương Đình,
Thủy Lâm Synh,
Chính Nguyễn.
Liên lạc:

<thidanhuongthoigian@yahoo.com>



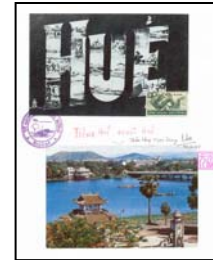
Thi phẩm *Cám Ơn Tháng Giêng Biêng Biếc Ngực Em Cười* và *Một Thiên Thu Với Rộng Tà Áo Bay* của Thi Sĩ Hải Phương. Liên lạc: Phạm Thị Quận, 2569 Flint Ave., San Jose, CA 95148. ĐT. 408 238 3437. <haihuong68@hotmail.com>



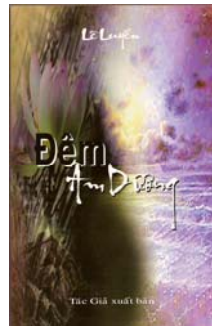
Tuyển tập thơ *Quàng Vai Thơ Đi Giữa Đời* của Nhà Thơ Khê Kinh Kha. Liên lạc: Thư ấn Quán, P.O. Box 58, South Bound Brook, NJ 08880 – USA.

<tranhoaitu@verizon.net>

Bộ sách biên khảo về
**HUẾ, Tiếng Huế và
Người Huế**, của Tủ Sách
Tiếng Sông Hương do
Biên Khảo Gia Nguyễn
Cúc soạn.
Liên lạc:
Ô. Nguyễn Cúc:



10602 Stone Canyon #111
Dallas, TX 75230. DT 214 265 8529.



Đêm Am Dương, tập
truyện, dày 359 trang.
Giá \$18.00.

Liên lạc : Lê Luyến
3801 Ratersridge Dr.
Midlothian, VA 23113
(678) 557 151

tiensha2006@yahoo.com



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An	Ô. Đặng Hiền	Ô. Lê Thanh
B. Phạm Tường An	B. Đặng Thị Hiền	Ô. B. Nguyễn Văn Thành
B. Văn Thị Kiều Anh	Ô. Lý Thy Hiếu	B. Nguyễn Thị Phương Thảo
Ô. Nguyễn Văn Bá (France)	B. Nguyễn Hoa	Ô. B. Trịnh Đức Thông
Ô. Trần Hữu Bảo	Ô.B. Trần Bội Hoàn	B.Thu Phạm
Ô. Trần Quốc Bảo	B. Tô Diễm Hồng	B. Nguyễn Tiểu Thu, Canada
Ô. Việt Bằng (CA)	B. Vũ Thị Huệ	B. Thu Phạm
B. Phạm Thị Ánh Bích	Ô.B. Huỳnh Ba Hưng	B. Lương Thu Thủy
B. Hà Ngọc Bích (France)	Ô. Trương Hùng	Ô. B. Lê Ngọc Thụy
Ô.B. Hoàng Dân Bình	Ô.B. Bình Huyền (France)	Ô. Lê Văn Thương
Ô.B. La Trung Chánh	B. Thùy Hương N.T.T.	Ô. Bùi Thanh Tiên
Ô.B. Nguyễn Hùng Châu	Ô. Lê Ngọc Kha	Ô.. Nguyễn Văn Toại
Ô. Trần Châu	Ô. B. Phan Khâm	Ô. Nguyễn Bá Toàn
B. Nguyễn T. Lê Chi (Canada)	Ô. Nguyễn Quốc Khoa	Ô. Lê Văn Trạch
Ô.B. Ngô Chương	B. Vi Khuê	B. Tiffany Trang Đỗ
Ô.B. Don Van Dang	B. Phạm Tố Lan	B. Ngô Khắc Trâm
B. Bùi Thị Đào	Ô. Nguyễn Lâm	Ô. Tạ Quang Trung
B. Diana Đặng	B. Ngô Thị Liên	Ô. B. Võ Trương
B. Nguyễn Thị Dung	Ô. B. Nguyễn Huy Long	Ô. Nguyễn Đăng Tuấn
B. Nguyễn Kim Dung	Ô. B. Nguyễn Phú Long	B. Tuyết Thảo Sơn Nguyễn
Ô. B. Phan Anh Dũng	B. Lê Thanh Mai	Ô. Vũ Đình Từ
B.S. Trần Văn Dũng	B. Nguyễn Trúc Mai	B. Nguyễn Tường Vân (CA)
B. Phùng Ngọc Duy	Ô.B. Nguyễn Quang Minh	Ô. Nguyễn Tường Vân (MD)
B. Dzung Senser	Ô. Vũ Nam, Germany	B. Phạm Đăng Vân
Ô. Hoàng Trùng Dương	B. Nguyễn T. Xuân Nga	B. Khánh Vân Michalek
B. Hồng Dương	Ô. Đào Nguyên	Ô. Nguyễn Xuân Vân
Ô. Nguyễn Xuân Vân	Ô. Đăng Nguyên	Ô. Yên Vi
Ô. B. B.S. Võ Đạm	B. Nguyễn Tú Nhật	B. Hoàng Hồng Yến
B. Bùi Thị Đào	Ô. Nguyễn Ngọc Oánh	B. Phan Ngọc Yến
Ô. Nguyễn Hải Đăng	Ô. Vũ Mạnh Phát	Eastern Loudoun Library
B. Nguyễn T. Minh Đức	Ô. Trần Phi	Hà Nguyễn & Associates
B. Cao Yến Giang	Ô. B. Đỗ Ngọc Phú	Ivan M. Waldman & Associates
B. Giang N. Trịnh	B. Hoàng Hữu Phước	B.S. Nguyễn Quốc Quân
B. Lê Thúy Hà	B. Nghiêm Thái Phương	B.S. Nguyễn T. Kim Dung
B. Nguyễn T. Song Hà	Ô. Lê Quang Phùng	Sovereign Realty, INC.
Ô.B. Nguyễn Đăng Hải	Ô. Trần Bích San	Lạc Việt Gallery
B. Đỗ Tràn Mỹ Hạnh	Ô. Hồ Công Tâm	Westgate Realty Group, Inc.
B. Vương Ánh Hằng	B. Nguyễn T. Minh Tâm	Buddy Photo
B. Trần Kim Hân	B. Nguyễn Minh Tân	Harvest Moon Restaurant
Ô.B. Lê Hậu	B. Nguyễn T. Ngọc Tân	
B. Dương Thị Hiền	Ô.B. Nguyễn Diệu Tần	

CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM

11 623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA

Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196

Email: dsenser@yahoo.com

ĐÃ XUẤT BẢN

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM (Từ năm 1996).

VÙNG CAO NƯỚC ẤN (1999) - Thơ LƯU NGUYỄN ĐẠT.

ĐIỂM TRANG LÀM ĐÁNG CUỘC ĐỜI (1999) -

Thơ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

ÁO MÀU XANH (1999) - Thơ CAO MỸ NHÂN.

TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM (2000) - Thơ BÙI THANH TIÊN.

NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc NGÔ THY VÂN.

TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học - HỒ TRƯỜNG AN.

VĂN LUẬN (2000) - LƯU NGUYỄN ĐẠT.

VĂN KHẢO (2000) - TRẦN BÍCH SAN.

MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) - Tập truyện NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

HỒN NƯỚC (2002) - Thơ LƯU NGUYỄN ĐẠT.

BÊN DÒNG THẠCH HẸN (2002) - Thơ PHAN KHÂM.

SÔI NỔI (2002) - Tập truyện NGUYỄN LÂN.

HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa - HỒ TRƯỜNG AN, CAO MỸ NHÂN,

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, PHAN KHÂM, VÂN NƯƠNG,

TRẦN QUỐC BẢO, VI KHUÊ, HUỆ THU, NGÔ TẦNG GIAO.

VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ HỒ TRƯỜNG AN

ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ (2004) - Thơ ĐẶNG NGUYỄN.

HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005) - Thơ VIỆT BẰNG.

GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG (2006) - Bút đàm - HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,

Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam,

Trần Bích San, Tiểu Thu.

DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ PHAN KHÂM.

NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM (2007) - Bút khảo - HỒ TRƯỜNG AN, về các tác giả

Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Trương Anh Thụy,

Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.